

BÁC HỒ
TRONG LÒNG DÂN KHÁNH HÒA
(TÁI BẢN CÓ CHỈNH SỬA, BỔ SUNG)

TỈNH ỦY KHÁNH HÒA

BÁC HỒ
TRONG LÒNG DÂN KHÁNH HÒA
(TÁI BẢN CÓ CHỈNH SỬA, BỔ SUNG)

THÁNG 5 - 2020

LỜI GIỚI THIỆU

Năm 1990, nhân kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa (khóa XII) đã chỉ đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xuất bản cuốn sách “Bác Hồ trong lòng dân Khánh Hòa”. Cuốn sách tập hợp các tư liệu, bài viết ghi lại công lao to lớn và vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với dân tộc ta, Nhân dân ta, non sông đất nước ta... cũng như tình cảm kính yêu vô hạn của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân Khánh Hòa đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Sự ra đời của cuốn sách chính là lời khẳng định, quyết tâm của Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa phát huy truyền thống đoàn kết, kiên định một lòng, một dạ đi theo con đường cách mạng, lý tưởng cộng sản dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ đã vạch ra cho dân tộc ta. Ba mươi năm qua, cuốn sách đã phát huy tốt vai trò là tư liệu lịch sử, đồng thời là tài liệu tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về lý tưởng, truyền thống cách mạng; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Cuốn sách đã được đông đảo bạn đọc trong và ngoài tỉnh nhiệt tình ủng hộ.

Đáp ứng mong mỏi thiết tha của nhiều đồng chí lão thành cách mạng, nguyên lãnh đạo tỉnh, cán bộ, đảng viên và Nhân dân tỉnh nhà về việc tái bản cuốn sách này, nhân kỷ niệm 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tham mưu tái bản (có chỉnh sửa, bổ sung) cuốn sách “Bác Hồ trong lòng dân Khánh Hòa”.

Ngoài các bài viết cũ, trong lần tái bản này, cuốn sách được bổ sung thêm các tư liệu, hình ảnh mới sưu tầm. Đó là các thư, điện của chính quyền, đồng bào, chiến sĩ trong sự kiện “101 ngày đêm Nha Trang - Khánh Hòa kháng chiến” gửi Trung ương, Bác Hồ; bày tỏ niềm tin sắt son đối với đường lối kháng chiến của Đảng, của Bác Hồ; hình ảnh diện mạo quê hương Khánh Hòa sau hơn 50 năm thực hiện Di chúc của Người... Ngoài ra, lần tái bản này còn bổ sung thêm các bài viết của một số đồng chí lão thành cách mạng, nhân chứng sống qua các thời kỳ lịch sử...

Cuốn sách sẽ là tài liệu quý, góp phần tuyên truyền, giáo dục truyền thống, lý tưởng cách mạng, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; củng cố lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường cách mạng mà Bác Hồ đã vạch ra cho Nhân dân ta; động viên cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nhất là thế hệ trẻ Khánh Hòa nỗ lực phấn đấu, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, góp phần thực hiện thắng lợi

sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; xây dựng tỉnh Khánh Hòa ngày càng giàu đẹp. Bên cạnh đó, cuốn sách còn là tư liệu để các nhà nghiên cứu trong và ngoài tỉnh có điều kiện tìm hiểu thêm về lịch sử cách mạng tỉnh Khánh Hòa, về tư tưởng Hồ Chí Minh...

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề nghị các cấp ủy đảng, các địa phương, cơ quan, đơn vị, đặc biệt là đoàn thanh niên các cấp tích cực giới thiệu, sử dụng nội dung cuốn sách trong các hoạt động của mình bằng hình thức phù hợp; làm cho các câu chuyện kể về Bác viết trong tập sách khắc sâu vào tâm trí, tình cảm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân Khánh Hòa.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy xin chân thành cảm ơn các ý kiến đóng góp, tham gia viết bài của các đồng chí tham gia hoạt động cách mạng qua các thời kỳ lịch sử, các đồng chí được gặp Bác.

Cuốn sách chắc chắn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế nhất định, Ban Thường vụ Tỉnh ủy rất mong nhận được ý kiến đóng góp của đồng chí, đồng bào, bạn đọc nhằm tiếp tục bổ sung, nâng cao chất lượng cuốn sách trong những lần tái bản sau.

Xin trân trọng giới thiệu tới đồng bào, đồng chí cùng bạn đọc cuốn sách “Bác Hồ trong lòng dân Khánh Hòa” tái bản lần thứ nhất (có chỉnh sửa, bổ sung).

**BAN THƯỜNG VỤ
TỈNH ỦY KHÁNH HÒA**

LỜI TỰA

Hồ Chí Minh là lãnh tụ thiên tài, Người thầy vĩ đại của Đảng ta, dân tộc ta, một chiến sĩ xuất sắc, nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc; là nhà văn hóa lớn của thế giới.

Sự nghiệp cách mạng của Bác thật là vĩ đại. Đồng chí Nguyễn Văn Linh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta đã viết:

“Người đã đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tiếp nhận nó như một thể giới quan cách mạng và khoa học. Người vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, đề ra đường lối cách mạng đúng đắn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc và tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người đã tạo ra một bước ngoặt trong lịch sử cách mạng Việt Nam, đưa Nhân dân ta vào kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội”⁽¹⁾.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh cũng nhấn mạnh rằng: “Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ có lòng thương yêu vô hạn đối với Nhân dân. Điểm nổi bật của Người là sự tôn trọng Nhân dân và niềm tin tuyệt đối vào sức

mạnh vô hạn của Nhân dân. Đối với người cách mạng không phải là sự ban ơn cho nhân dân, mà trước hết là sự nghiệp của Nhân dân và do Nhân dân”⁽²⁾.

Với tình cảm cách mạng sâu sắc ấy, trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Bác Hồ đã dành trọn tình thương, niềm tin và luôn quan tâm đến sự nghiệp giải phóng miền Nam, ân cần chăm sóc đồng bào, chiến sĩ miền Nam - những người có vinh dự “đi trước về sau”. Chúng ta xúc động biết bao khi nhớ đến những lời phát ra từ trái tim Bác: “Hình ảnh miền Nam yêu quý luôn luôn ở trong trái tim tôi”; “Một ngày Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ là tôi ăn không ngon, ngủ không yên!”.

Và cán bộ chiến sĩ, đồng bào miền Nam luôn luôn thương nhớ Bác, hướng về Bác, mong được gặp Bác dù chỉ một lần:

*“Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà
Miền Nam mong Bác nỗi mong cha!”*

(Tố Hữu)

Quê hương Khánh Hòa chúng ta cũng trải qua 2 cuộc kháng chiến lâu dài và luôn có mặt trên trận tuyến chống xâm lược, giải phóng đất nước. Ngay từ những ngày đầu đánh Pháp (23-10-1945), Bác Hồ đã có thư khen ngợi cán bộ, chiến sĩ và đồng bào mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa đánh giặc giỏi. Nhiều cán bộ, chiến sĩ con em Khánh Hòa chúng ta hân hạnh được

gặp Bác Hồ, được Bác ân cần dạy bảo. Đó là niềm vinh dự lớn lao.

Hình ảnh Bác Hồ kính yêu suốt bao nhiêu năm đã sống và mãi mãi sống trong lòng mỗi người dân Khánh Hòa. Bác vừa gần gũi, giản dị thân thương, vừa vĩ đại bao la. Bác Hồ là ánh sáng soi đường, là sức mạnh, là niềm tin để làm nên thắng lợi.

Những bài viết được tập hợp trong tập sách nhỏ này, dù là của đồng chí cán bộ lão thành cách mạng, của đồng chí vệ quốc đoàn năm xưa, của đồng chí giải phóng quân, của đồng bào là cơ sở trong vùng địch hậu hay của những chiến sĩ cách mạng đã từng bị giam hãm trong ngục tù của thực dân, đế quốc... nhưng tất cả những mẫu chuyện, ký ức trong tập sách này cũng là những tình cảm chân thật xúc động lòng người kính dâng lên Bác Hồ, lên Đảng kính yêu!

Thay mặt Đảng bộ và Nhân dân Khánh Hòa tôi xin chân thành cảm ơn sự quan tâm của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, đồng chí Lê Văn Hiến, đồng chí Thiếu tướng Nguyễn Thế Lâm, các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí cán bộ chiến sĩ, đồng bào đã xuất phát từ tình cảm kính yêu Bác, yêu quý quê hương đã có bài viết sâu sắc và cảm động trong tập sách. Tuy nhiên, đây cũng mới là bước đầu, vẫn còn nhiều bài chưa in, nhiều mẫu chuyện, hình ảnh đang còn tiềm tàng trong đồng chí, đồng bào... Mong rằng rồi đây với sự tiếp tục

đóng góp của nhiều người, việc sưu tầm tài liệu phong phú và đầy đủ hơn, chúng ta sẽ có điều kiện ra tiếp những tập sách khác.

Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, nhớ Bác Hồ, làm theo Di chúc của Bác, toàn thể cán bộ, chiến sĩ và đồng bào Khánh Hòa phát huy truyền thống yêu nước, truyền thống đoàn kết quý báu của dân tộc ta, đoàn kết đồng chí, đồng bào trong tỉnh, đoàn kết các tỉnh bạn, nắm vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đi theo con đường mà Bác Hồ và Đảng ta đã vạch ra, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ 6 của Đảng, từng bước ổn định và phát triển kinh tế, xã hội về mọi mặt, giành nhiều thắng lợi trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng và bảo vệ cuộc sống mới, xã hội mới trên quê hương mình.

BÙI HỒNG THÁI

Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa khóa XII

Lời tựa cho lần xuất bản đầu tiên năm 1990.

(1),(2) Nguyễn Văn Linh: Lời chào mừng Hội thảo quốc tế “Chủ tịch Hồ Chí Minh anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hóa lớn. (Báo Nhân dân số ra ngày 30-3-1990).

KHÁNH HÒA NGUYỄN LÀM THEO DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Cách đây hơn nửa thế kỷ, ngày 2 tháng 9 năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mãi mãi ra đi, để lại niềm tiếc thương vô hạn đối với đồng bào, chiến sĩ cả nước và bạn bè quốc tế. Trước lúc ra đi, Người đã để lại bản Di chúc lịch sử, đau đáu nỗi lòng với tương lai đất nước, kết tinh trong đó là tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người. Tư tưởng Hồ Chí Minh trong Di chúc mang tầm chiến lược, là những chỉ dẫn quan trọng của Đảng trong hoạch định đường lối, chương trình hành động cho Đảng ta vượt qua khó khăn, thách thức, tiến tới con đường phát triển bền vững, nhất là trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

Học tập và làm theo Di chúc thiêng liêng của Người và 6 lời thề của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh trong lễ truy điệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 10/9/1969⁽¹⁾, qua các thời kỳ cách mạng, Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa đã đoàn kết sáng tạo, nỗ lực phấn đấu quyết tâm thực hiện di nguyện của Người. Sau cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước kết thúc thắng lợi, Đảng bộ và Nhân dân

Khánh Hòa đã tập trung sức lực hàn gắn vết thương chiến tranh, cải tạo và xây dựng quê hương, xây dựng cuộc sống mới. Cấp ủy và chính quyền tỉnh đã huy động hàng ngàn cán bộ, đảng viên, cán bộ trẻ vượt qua khó khăn, chung tay cùng với Nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc ở vùng chiến khu phát triển kinh tế, ổn định đời sống, giúp đỡ đồng bào từ “cái ăn” “cái mặc”, không để đồng bào “rách, lạt” đến cải thiện kinh tế, nâng cao đời sống văn hóa.

Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng bộ và Nhân dân nêu cao tinh thần đoàn kết, khắc phục khó khăn, phấn đấu giành được những thành tựu to lớn, Khánh Hòa có những chuyển biến toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Nhiều chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm được triển khai có hiệu quả, điển hình là việc triển khai thực hiện 4 chương trình phát triển kinh tế - xã hội gắn với phát triển 3 vùng kinh tế trọng điểm đã mang lại kết quả cao, làm thay đổi bộ mặt từ thành thị đến nông thôn. Có thể thấy, hệ thống các đô thị trên địa bàn tỉnh, từng bước được đầu tư đồng bộ theo hướng ngày càng văn minh, hiện đại. Đến nay, Khánh Hòa có thành phố Nha Trang là đô thị loại I, thành phố Cam Ranh là đô thị loại III, 3 đô thị loại IV, 4 đô thị loại V và 8 khu vực xã được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.

Bên cạnh đó, nhiều công trình, dự án đã hoàn thành

và đưa vào sử dụng, góp phần tạo động lực liên kết phát triển toàn vùng, như: Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, Quốc lộ 26, 27B, 27C, hầm đường bộ đèo Că; đường Nha Trang - Đà Lạt, đường Phong Châu; đường cất hạ cánh số 2 thuộc Nhà ga hành khách quốc tế Sân bay Cam Ranh; Cảng quốc tế Cam Ranh... Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo đúng định hướng (tăng tỷ trọng dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, giảm tỷ trọng nông - lâm - thủy sản). Tỉnh đã tập trung huy động các nguồn lực, khai thác và phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế biển; đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn⁽²⁾ gắn với bảo vệ môi trường, phát triển các ngành, nghề phụ trợ và liên kết vùng; dịch vụ vận tải phát triển mạnh, nhất là vận tải hàng không và vận tải biển.

Đến cuối tháng 3-2019, toàn tỉnh có hơn 14 nghìn doanh nghiệp đang hoạt động với nhiều loại hình doanh nghiệp, đa dạng về sở hữu, hoạt động đan xen tạo động lực khai thác tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong đó, năm 2019, Tổng Công ty Khánh Việt và Công ty Yến sào Khánh Hòa là 2 doanh nghiệp lọt vào top 100 doanh nghiệp phát triển bền vững của Việt Nam. Khánh Hòa có nhiều doanh nghiệp tạo được uy tín cao trên thị trường thế giới, nhiều lần được bình chọn là doanh nghiệp xuất khẩu uy tín nhất Việt Nam⁽³⁾.

Đầu tư phát triển xã hội toàn tỉnh từ 2015 đến hết

năm 2019 đạt 184.138 tỷ đồng. Trong giai đoạn 2016 - 2019, tốc độ tăng trưởng GRDP là 7,5%/năm, trong đó GRDP bình quân đầu người năm 2019 đạt 69,9 triệu đồng; tốc độ tăng trưởng các ngành dịch vụ là 8,7%/năm. Đến năm 2019, Khánh Hòa vượt mốc thu ngân sách 20.000 tỷ đồng, nằm trong nhóm 16 tỉnh, thành tự cân đối ngân sách và có điều tiết về ngân sách Trung ương, đặc biệt hơn 20 năm qua Khánh Hòa giữ vững nhóm các tỉnh tự cân đối ngân sách.

Công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng được nâng lên, an ninh xã hội và phúc lợi cơ bản được đảm bảo. Đến cuối năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo của cả tỉnh còn 3,06%; đồng bào dân tộc thiểu số cơ bản đã được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ hạ tầng thiết yếu; đến tháng 4/2020, toàn tỉnh có 49/93 xã đạt chuẩn nông thôn mới, không còn xã dưới 5 tiêu chí. Chất lượng giáo dục - đào tạo từng bước được nâng cao; hệ thống trường lớp phát triển đa dạng, đảm bảo nhu cầu các vùng dân cư trong tỉnh. Hệ thống các trường cao đẳng, đại học, viện nghiên cứu của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và các cơ sở dạy nghề đã tham gia tích cực vào công tác đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng được nhu cầu công việc, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60%. Cơ sở vật chất, nhân lực của hệ thống y tế cơ sở được củng cố. Đến nay, toàn tỉnh có 35,1 giường bệnh và 10 bác sĩ trên 10.000 dân, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 9,0%, tỷ lệ bao phủ

bảo hiểm y tế trên 90%; 95% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

Công tác xây dựng Đảng được Tỉnh ủy đặc biệt chú trọng, từng bước đổi mới cả hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động, sát với tình hình thực tế của tỉnh. Nếu ngày mới giải phóng, Đảng bộ tỉnh chỉ có 689 đảng viên, nhiều xã phường trắng đảng viên, đến nay, có 43.352 đảng viên đang sinh hoạt tại 599 tổ chức cơ sở đảng (trong đó có 275 đảng bộ cơ sở, 324 chi bộ cơ sở), 100% thôn, bản, tổ dân phố có chi bộ đảng. Tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được sắp xếp, kiện toàn theo yêu cầu nhiệm vụ mới.

Công tác chăm lo cho thế hệ trẻ luôn được cấp ủy quan tâm. Thường xuyên bồi dưỡng, giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên; tạo môi trường thuận lợi để thế hệ trẻ trải nghiệm, tự rèn luyện; bố trí cán bộ trẻ có năng lực đảm nhận các nhiệm vụ quan trọng, phù hợp; tăng cường điều động cán bộ trẻ về cơ sở để có điều kiện bám sát thực tế và trưởng thành từ thực tế. Từ năm 2012 - 2019, Đoàn đã giới thiệu 17.446 đoàn viên ưu tú cho Đảng bồi dưỡng; kết nạp 7.663 đoàn viên vào Đảng; giới thiệu cán bộ có chất lượng, trưởng thành qua thực tiễn cơ sở để tạo nguồn cán bộ trẻ cho Đảng, chính quyền. Đặc biệt, tỷ lệ cán bộ đoàn tham gia cấp ủy đảng nhiệm kỳ 2015 - 2020 và Hội đồng nhân dân các cấp

nhiệm kỳ 2016 - 2021 có tỷ lệ cao, tăng hơn 10% so với nhiệm kỳ trước.

Sau hơn 50 năm thực hiện Di chúc thiêng liêng của Người, soi xét vào từng lời căn dặn của Bác, tỉnh Khánh Hòa càng tự hào đã làm được nhiều việc, chúng ta trân trọng những thành quả đã đạt được. Từ đó, càng quyết tâm khắc phục những thiếu sót, hạn chế, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực đang diễn ra trong xã hội và trong nội bộ Đảng nhằm góp phần xây dựng tỉnh Khánh Hòa ngày càng giàu mạnh, văn minh, thân thiện...

Để tiếp tục thực hiện tốt Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh và việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thời gian tới, các cấp ủy đảng, lãnh đạo các đơn vị, địa phương trong tỉnh tiếp tục quán triệt đầy đủ, sâu sắc những nội dung cốt lõi việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện các nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; xác định những khâu đột phá trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh.

Trước mắt, năm 2020, các cấp ủy tập trung chuẩn bị và tổ chức tốt Đại hội các cấp, tiến tới Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và Đại hội XIII của Đảng. Thông qua công tác chuẩn bị đại hội và tổ chức đại hội để tập

hợp, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, củng cố, tăng cường sự đoàn kết, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng. Cấp ủy các cấp phải xác định đại hội là dịp để chỉnh đốn đội ngũ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao bản lĩnh, trí tuệ, tinh thần dân chủ, sáng tạo. Từng cấp ủy đảng, từng cán bộ, đảng viên phải nghiêm túc soi xét mình, nỗ lực phấn đấu theo lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Di chúc: “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”.

NGUYỄN KHẮC ĐỊNH

Ủy viên Trung ương Đảng,

Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa

* Bài viết năm 2020.

(1) Lễ truy điệu Bác Hồ được Tỉnh ủy tổ chức vào ngày 10/9/1969 tại khu vực đốc Chín Khúc của xã Sơn Thành, huyện Vĩnh Sơn (nay là xã Thành Sơn, huyện Khánh Sơn).

(2) Doanh thu du lịch tăng bình quân 22,1%/năm, tổng du khách đến Khánh Hòa tăng bình quân 13,2%/năm, trong đó khách quốc tế tăng bình quân 32,6% năm. Riêng năm 2019, khách du lịch đến Khánh Hòa 7.000 lượt, trong đó khách quốc tế 3.650 lượt.

(3) Tổng Công ty Khánh Việt; Công ty TNHH Nhà máy Tàu biển Hyundai Vinashin; Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F17; Công ty TNHH Komega - X; Công ty TNHH Liên doanh Nguyên liệu Giấy Cát Phú và Công ty TNHH Một thành viên Rapexco - Đại Nam, Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang...

TƯỢNG ĐÀI CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TẠI TP. CAM RANH - CÔNG TRÌNH CỦA “Ý ĐẢNG, LÒNG DÂN” KHÁNH HÒA

Năm 2006, nhân kỷ niệm 60 năm Ngày Bác Hồ đến vịnh Cam Ranh (18/10/1946 – 18/10/2006), nhằm thể hiện tấm lòng kính yêu vô hạn của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân Khánh Hòa đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại; ghi nhớ sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh đến Vịnh Cam Ranh năm 1946; Đồng thời, giáo dục truyền thống đấu tranh cách mạng đối với thế hệ trẻ; Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa đã chỉ đạo UBND tỉnh tiến hành các thủ tục xây dựng Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Cam Ranh.

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Văn hóa – thông tin (nay là Sở Văn hóa và Thể thao) phát động Cuộc thi sáng tác Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Cam Ranh. Từ 15 tác phẩm dự thi, tác phẩm của nhóm tác giả Nguyễn Xuân Tiên (Chủ nhiệm Khoa sau Đại học, Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh) và nhà điêu khắc Trần Việt Hưng đã được chọn để thực hiện.

Sau thời gian xây dựng (lễ động thổ ngày 16/10/2007; lễ khánh thành ngày 19/12/2008), Tượng đài Chủ tịch

Hồ Chí Minh đặt tại Công viên 18/10 thành phố Cam Ranh đã được hoàn thành.

Tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh được dựng bằng đá hoa cương màu trắng xám cao 7,9m. Trong đó, chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh cao 3,9m, đế tượng cao 4m mô phỏng boong tàu, phía dưới là cách điệu những ngọn sóng dâng trào. Phía sau tượng đài là mảng phù điêu rộng 100m², mô tả cảnh đấu tranh, lao động sản xuất và cuộc sống của Nhân dân Cam Ranh.

Kể từ khi được khánh thành đến nay, Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Cam Ranh đã trở thành điểm sinh hoạt chính trị, văn hóa quan trọng của Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Khánh Hòa nói chung và thành phố Cam Ranh nói riêng. Tại đây thường xuyên tổ chức các hoạt động kỷ niệm về Người, là nơi để cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân báo công dân lên Người; quyết tâm xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu mạnh như Bác Hồ hằng mong.

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY KHÁNH HÒA

* Bài viết năm 2020.

HỒI ĐỒNG BÀO TRONG NAM

Quân Pháp dưới bóng quân đội Anh đang tàn sát đồng bào ta trong xứ. Ở Mỹ Tho, Tân An, Biên Hòa, Nha Trang, quân Pháp đã xâm phạm nền độc lập của chúng ta. Tâm trí tôi luôn luôn bên cạnh mấy triệu đồng bào quyết chiến đấu đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ cho nền độc lập Việt Nam, để tỏ rõ cho toàn cầu biết rằng dân tộc Việt Nam đầy đủ tinh thần hy sinh chiến đấu.

Mặc dù quân Pháp có vũ khí tối tân, tôi biết chắc không bao giờ chúng cướp được ta đâu. Từ Nam chí Bắc đồng bào ta luôn luôn sẵn sàng, mấy triệu người như một, quyết tâm đánh tan quân cướp nước. Không quân đội nào, không khí giới nào có thể đánh ngã được tinh thần hy sinh của toàn thể dân tộc.

Vì công lý, cuộc kháng chiến tự vệ của dân tộc ta phải toàn thắng. Quân Pháp đi đến đâu sẽ gặp vườn không nhà trống, không người, không lương thực, chúng ta quyết không được cộng tác với chúng, không chịu sống chung với lũ thực dân Pháp.

Đồng bào trong Nam, trong một tháng nay đã tỏ rõ tinh thần vững chắc, hùng dũng. Ngày nay, trước tình trạng khó khăn, toàn thể Nhân dân Việt Nam hoi hợp theo dõi cuộc chiến đấu Nam bộ. Nhưng thời cuộc càng khó khăn chừng nào, tôi chắc rằng tinh thần đồng bào càng cương quyết hơn chừng ấy. Trước nạn ngoại xâm, toàn thể Nhân dân đã đoàn kết chặt chẽ thành một khối kiên cố, thành một lực lượng thống nhất, không quân đội xâm lăng nào đánh tan được.

HỒ CHÍ MINH

In trên báo Cứu quốc, số 77 ngày 29 tháng 10 năm 1945. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4 1945- 1946, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội 2011 trang 89, xuất bản lần thứ 3.

Năm thứ Nhất
Số 70/SL **VIỆT-NAM DÂN-CHỦ CỘNG-HÒA**
ĐỘC-LẬP - TỰ-DO - HẠNH-PHÚC
CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Sau khi Hội-Đồng Chính-phủ đã thỏa thuận ;

SẮC LỆNH :

ĐIỀU THỨ NHẤT. – Cử Bộ-Trưởng Bộ Lao-Động LÊ-VĂN-HIỂN làm đặc-phái-viên của Chính-Phủ ở Nam Trung-bộ và Nam-bộ.

ĐIỀU THỨ HAI. – Đặc-phái-viên có nhiệm-vụ:

1/ Kiểm-tra công việc của Ủy-ban Nhân-dân địa-phương và các cơ-quan hành-chánh;

2/ Chỉnh-đốn các cơ quan hành-chính địa-phương cho được thống nhất;

3/ Giải-quyết với Ủy-ban Nhân-dân địa-phương các vấn đề thường, trừ những việc có tính cách quan trọng phải báo-cáo về Chính-phủ.

4/ Liên-lạc giữa Chính-Phủ Trung-ương và các Ủy-ban Nhân-dân địa-phương;

5/ Thâu nạp các đơn từ khiếu nại hoặc nguyện vọng của dân chúng,

6/ Đi thăm các bộ-đội và các mặt trận, kiểm tra tình hình quân-sự,

ĐIỀU THỨ BA. – Đặc-phái-viên lãnh nhiệm-vụ trong một thời-hạn không hạn định.

ĐIỀU THỨ TƯ. – Bộ Trưởng các Bộ-Nội-vụ, Tài-chính, Quốc-phòng và Lao-động chịu nhiệm vụ thi hành sắc lệnh này.

Hà Nội, ngày 1 tháng 12 năm 1945

Ký tên: **HỒ CHÍ MINH**

Đánh máy từ bản gốc lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Phòng Thủ tướng, hồ sơ 01, tờ 119.

GỬI CÁC CHIẾN SĨ MIỀN NAM

Chính phủ Dân chủ Cộng hòa rất khen ngợi chiến sĩ ở các Mặt trận miền Nam, đặc biệt là các chiến sĩ ở Nha Trang và ở Trà Vinh, đã làm gương anh dũng cho toàn quốc. Tổ quốc biết ơn các bạn, toàn thể đồng bào noi gương các bạn.

HỒ CHÍ MINH

In trên báo Cứu quốc, số 124, ngày 22 tháng 12 năm 1945. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4 1945- 1946, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội 2011 trang 141, xuất bản lần thứ 3.

GỬI CÁC CHIẾN SĨ NAM BỘ VÀ NAM PHẦN TRUNG BỘ

Từ ba tháng nay, các anh chị em đã đem xương máu ra để giữ lấy từng tấc đất của Tổ quốc.

Tôi, và tất cả đồng bào ở Bắc Bộ, và phía Bắc Trung Bộ, đã bao nhiêu lần tức giận khi nghe bọn thực dân Pháp đập lên lãnh thổ của ông cha ta, giết hại nòi giống ta.

Đã bao nhiêu lần phấn khởi khi nghe những chiến công oanh liệt do những vị vô danh và hữu danh anh hùng của dân tộc tạo nên, đã bao nhiêu lần hồi hộp cảm động trước những gương hy sinh vô cùng dũng cảm của những người con yêu của Tổ quốc.

Do đó, tôi càng tin chắc rằng: với một nước đã có những người con hy sinh như thế, anh hùng như thế, đã có một khối toàn dân đoàn kết như thế, nước ta nhất định không bị mất lại một lần nữa.

Để bảo vệ Tổ quốc, chúng ta còn phải chiến đấu nhiều. Chỉ có chiến đấu mới vượt được những trở

lực, khó khăn, chỉ có chiến đấu mới đưa lại vẻ vang cho Tổ quốc. Các bạn ở tiền tuyến không bao giờ cô độc, vì đã có cả một khối toàn dân đoàn kết làm hậu thuẫn cho mình. Thắng lợi cuối cùng nhất định về ta.

Tháng 12 năm 1945

HỒ CHÍ MINH

Sách Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1958, t.1, tr. 62. In lại trong Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4 - 1945- 1946, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội 2011, trang 134 (xuất bản lần thứ 3).

Số 65-SL

**CHỦ-TỊCH CHÍNH-PHỦ
VIỆT-NAM DÂN-CHỦ CỘNG-HÒA**

Chiều theo lời đề-nghị của Bộ-trưởng bộ Nội-vụ và
bộ Tài-chính;

Sau khi được hội-đồng Chính-phủ ưng-thuận,

RA SẮC LỆNH:

Điều thứ nhất. – Từ Khánh-hòa vào Nam tạm thời
những luật-lệ về thuế trực-thu không thi hành đến khi
có lệnh mới.

Điều thứ hai. – Bộ trưởng bộ Nội-vụ, Bộ-trưởng bộ
Tài-chính có ủy-nhiệm thi hành sắc-lệnh này.

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 1946

HỒ-CHÍ-MINH

Phó thự:

Bộ trưởng bộ Tài-chính

LÊ-VĂN-HIỂN

TRÍCH

LỜI TUYÊN BỐ CỦA HỒ CHỦ TỊCH VỚI QUỐC DÂN SAU KHI ĐI PHÁP VỀ

....

3) Hồi đồng bào Nam bộ và miền Nam Trung bộ, Trung, Nam, Bắc, đều là đất nước Việt Nam.

Chúng ta đều chung một tổ tiên dòng họ, đều là ruột thịt anh em. Nước có Trung, Nam, Bắc cũng như một nhà có ba anh em. Cũng như nước Pháp có vùng Normandie, Provence, Beauce.

Không ai có thể chia rẽ con một nhà, không ai có thể chia rẽ nước Pháp, thì cũng không ai có thể chia rẽ nước Việt Nam ta.

Trong một năm trường, đồng bào kháng chiến, người thì tan nát nhà cửa, người thì hy sinh tính mạng, người thì bị tù, bị đày. Nhưng lòng yêu nước của đồng bào vẫn trơ như đá, vững như đồng.

Đối với gan vàng dạ sắt của đồng bào, toàn thể quốc dân không bao giờ quên. Tổ quốc không bao giờ quên,

Chính phủ không bao giờ quên.

Tôi kính cẩn cúi đầu chào trước linh hồn các liệt sĩ và xin lỗi những đồng bào đương khổ sở hy sinh.

Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên.

...

Lời chào thân ái

Ngày 23 tháng 10 năm 1946

HỒ CHÍ MINH

MẬT ĐIỆN

Số:509/D Ngày 14 tháng 11 năm 1950

BAN KIỂM TRA L2 ĐIỆN UBKCHC LK. 5

Điện gửi các cán bộ chính quyền và đoàn thể miền Nam Trung bộ.

Trong các việc, các chú đều cố gắng. Đó là một điều đáng khen. Nhưng còn nhiều khuyết điểm nặng, thí dụ:

1. Vụ Sơn Hà: Máy móc, ép buộc đồng bào nhiều việc quá trình độ dân, dân không hiểu, không thích. Đã thấy sai lầm mà không kịp thời sửa chữa, kịp thời báo cáo.

2. Việc động viên: Động viên vét đến tài sản gốc sinh kế của dân như ruộng đất, trâu bò, vốn liếng.

Dùng thói quan liêu chỉ ra mệnh lệnh, ép buộc dân chúng đóng góp.

Những khuyết điểm đó, các cán bộ phải dùng phê bình và tự phê bình, từ trên xuống, từ dưới lên, kiên quyết sửa chữa cho kỳ sạch.

Chào thân ái và quyết thắng

HỒ CHÍ MINH

Theo bản gốc lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh - Hà Nội.

NỮ Y TÁ PHẠM THỊ TÁM

**Ban biên tập: Đây là bài viết của Bác Hồ
với bút danh C.B, đăng trên báo Nhân dân
số 72 ra ngày 2-9-1952**

Nhiệm vụ của những cán bộ quân y và dân y là ngăn ngừa và cứu chữa bệnh tật cho bộ đội và Nhân dân. Cho nên những cán bộ đó phải thông thạo kỹ thuật chuyên môn, đồng thời phải có tinh thần phụ trách, phải thương yêu những người có tật bệnh và những bạn đồng sự như anh em ruột thịt của mình.

Đồng chí y tá Đào Văn Hoạch và đồng chí nữ y tá Phạm Thị Tám đã làm đúng như thế.

Đồng chí Tám là người tỉnh Khánh Hòa (Nam Trung bộ), 23 tuổi. Năm 16 tuổi, vào đội nữ du kích cảm tử chống Nhật. Năm 1945, vừa đánh giặc vừa tiếp tế cho bộ đội, vừa quyên góp thóc gạo để giúp đồng bào bị đói ở Bắc bộ. Đồng chí Tám đã tham gia nhiều trận ở Khánh Hòa, Ban Mê Thuột, Quảng Ngãi, rồi đến Hòa Bình, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Bắc Ninh. Một lần bị địch bắt, đồng chí Tám đã từ trên xe hơi địch nhảy xuống, chết ngất đi, may có anh em cứu được.

Về công việc y tá, đồng chí Tám rất tận tụy, lại có sáng kiến tìm ra thể phẩm (như nước lọc) để tiết kiệm

cho công quỹ. Ngoài việc cho thuốc, đồng chí Tám luôn luôn khâu và giặt rũ cho anh em thương binh, giành dụm tiền riêng của mình mua đường nấu chè cho anh em. Gặp lúc thiếu thốn thì mình ăn cháo để giành gạo là hồ cho anh em. Tìm sách báo đọc cho anh em nghe.

Có khi một mình phải kiêm bao việc: Y tá, tiếp tế, cần vụ, đồng chí Tám vẫn vui vẻ, cố gắng. Hơn nữa, đồng chí Tám còn sắp xếp thời giờ để tăng gia sản xuất: Trồng rau, nuôi lợn, nuôi dê để cải thiện sinh hoạt cho nhân viên và anh em thương binh. Theo bộ đội, đến đâu đồng chí Tám cũng giúp việc bình dân học vụ và dân vận. Cho nên được đồng bào yêu mến. Đối với anh em đồng đội, đồng chí Tám có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ, nhường cơm, sẻ áo. Cho nên đã cảm hóa được nhiều người.

Phần thì công việc nhiều, phần thì phải nuôi con mọn, song đồng chí Tám luôn luôn cố gắng học tập. Mỗi tối, trước khi đi ngủ đồng chí Tám tự kiểm thảo: “Hôm nay, Tám đã làm tròn nhiệm vụ của một đảng viên chưa?”. Mỗi khi gặp khó khăn, đồng chí Tám tự bảo: “Đã là đảng viên, thì phải vượt mọi khó khăn, để làm tròn nhiệm vụ”.

Đồng chí Tám xứng đáng là một chiến sĩ thi đua toàn quốc, xứng đáng là đảng viên Đảng Lao động Việt Nam.

C.B

MẶT TRẬN NHA TRANG KHÁNH HÒA NĂM ẤY

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại (19-5-1890 - 1990), Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa có đề nghị tôi kể lại chuyện Bác Hồ và Chính phủ cử tôi vào công tác tại mặt trận phía Nam, đầu năm 1946 và những kỷ niệm của tôi với mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa trong những ngày đầu chống thực dân Pháp xâm lược.

Sự việc cách đây đã 45 năm, nhưng trong ký ức tôi, những ấn tượng chuyến đi công tác đặc biệt vào các tỉnh miền Trung và Nam Trung bộ năm ấy, tưởng như mới ngày nào gần đây.

Cách đây vài ngày, tôi có gặp lại Thiếu tướng Nguyễn Thế Lâm và Trung tướng Lư Giang. Anh Lư Giang lại đi tìm gặp anh Nguyễn Minh Vỹ, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Khánh Hòa những ngày đầu kháng chiến chống Pháp. Chúng tôi ôn lại chuyện cũ, nhắc lại những kỷ niệm xa xưa đã lùi trong dĩ vãng. Và riêng với tôi, cũng là cách để xác định lại những sự kiện mang tính lịch sử. Đã là lịch sử thì phải tôn trọng lịch sử, tính khách quan của nó.

Tôi không quên được buổi Bác Hồ giao nhiệm vụ trước lúc lên đường. Bác nói: “Chú vào trong đó, nhiệm vụ trọng yếu là nghiên cứu xem xét chiến trường, giúp các đồng chí Bộ chỉ huy mặt trận Nam Trung bộ, Tây Nguyên và Nam bộ giữ vững tinh thần kháng chiến, phát động chiến tranh du kích, kìm chân quân Pháp, động viên đồng bào chiến sĩ hăng hái tham gia đánh giặc, cứu nước”. Bác Hồ dặn tôi phải nhớ chuyển lời thăm hỏi của Người tới đồng bào và chiến sĩ, đến các cụ phụ lão, đến các cháu thanh thiếu niên nhi đồng miền Nam, Bác không quên dặn dò phải luôn cảnh giác giữ bí mật”.

Ngày 18 tháng giêng 1946, tôi rời Hà Nội, trong một buổi chiều cuối đông ấm áp. Chỉ vài ngày sau, tôi đã có mặt ở Huế, rồi vượt đèo Hải Vân đi Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Quy Nhơn, Sông Cầu (Phú Yên). Dọc theo con đường vô Nam, ở đâu cũng sôi sục không khí chuẩn bị kháng chiến. Cờ đỏ, biểu ngữ, khẩu hiệu... “ủng hộ Nam bộ kháng chiến”, “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”... Thanh niên hăng hái gia nhập vệ quốc đoàn, làm “Anh bộ đội Cụ Hồ”. Các đồng chí lãnh đạo ở Quảng Nam cho tôi hay: Cứ 100 người tòng quân, có tới 37 đồng chí xung phong vào các đơn vị Nam tiến, ở Quảng Ngãi thì trên 100 dự vệ quốc quân có đến 85 xung phong ra mặt trận chi viện cho chiến trường Nam bộ, Tây Nguyên, Nam Trung bộ. Trong đó, mặt trận Nha Trang là một điểm nóng.

Một tháng sau cuộc gây hấn ở Nam bộ, quân Pháp

đã bội ước nổ súng tấn công Nha Trang, tấn công vào chính quyền cách mạng non trẻ của ta. Rạng sáng ngày 23-10, cán bộ chiến sĩ và đồng bào Nha Trang đã đứng lên cầm súng bảo vệ nền Độc lập - Tự do của Tổ quốc.

Tôi đã gặp biết bao người lính trẻ trên những chuyến tàu hỏa đi ra mặt trận. Những lá cờ đỏ sao vàng bay phấp phới cùng với tiếng hát hào hùng ngân vang bài “Tiến quân ca”. Họ là những người cảm tử quân của trung đoàn Bắc Bắc, Quảng Ngãi, Thuận Hóa và nhiều đơn vị Nam tiến khác đến chi viện cho chiến trường phía Nam, trong đó có mặt trận Nha Trang.

Vào cuối tháng giêng, chúng tôi đã vượt qua Đèo Cả vào Tu Bông và dừng lại tại thị trấn Ninh Hòa, cùng đi có đồng chí Phạm Kiệt. Mặt trận đã rất gần. Không khí chiến đấu của các đơn vị bộ đội, tự vệ Nha Trang rất nóng bỏng. Quân Pháp ngoài lực lượng bộ binh vây ép quân ta, hàng ngày, chúng cho máy bay ném bom, cho bắn pháo từ ngoài các hạm tàu vào các phòng tuyến, làng mạc của bộ đội ta chiếm giữ ở bờ bắc sông Cái. Để có thể hiểu rõ hơn tình hình, tôi quyết định vượt đèo Rù Rì và dừng lại ở Xóm Bóng. Phía bên kia dòng sông Cái đã là phòng tuyến của địch. Cuộc chiến đấu của bộ đội, tự vệ Nha Trang chống trả lại quân Pháp đang diễn ra gay go, quyết liệt. Suốt đêm ngày, vọng về tiếng súng bắn nhau không ngớt.

Tôi đã đến thành cổ Diên Khánh. Xưa kia, đây là nơi làm việc của quan lại Nam Triều, cách Nha Trang 10

cây số, nhưng đường chim bay còn gần hơn. Ở đây, tôi đã gặp các đồng chí Nguyễn Minh Vỹ - Chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh Khánh Hòa, đồng chí Trần Chí Hiền - Phó Chủ tịch, ủy viên quân sự, Phạm Cự Hải - Phó Chủ tịch. Tôi cũng đã gặp đồng chí Trần Công Khanh - Chỉ huy trưởng mặt trận Nha Trang. Nghe báo cáo tình hình, tôi càng hiểu hơn cuộc chiến đấu cực kỳ khốc liệt của bộ đội, tự vệ và đồng bào Nha Trang suốt 3 tháng qua ở đây để giành từng thước đất, từng góc phố với địch, cũng như nhiều tấm gương hy sinh anh dũng kiên cường của những người con ưu tú của dân tộc.

Tôi trân trọng chuyển lời thăm hỏi và khen ngợi của Bác Hồ đến đồng bào và chiến sĩ mặt trận Nha Trang. Các đồng chí rất phấn khởi, ai cũng muốn biết sức khỏe của Bác, của các anh. Sau khi nghe các đồng chí ở Khánh Hòa báo cáo, tôi nhận định tình hình mặt trận như sau: “Với biết bao những khó khăn của ngày đầu kháng chiến, quân và dân Nha Trang - Khánh Hòa đã trụ bám vững chãi một thời gian dài trên tuyến lửa, tiêu diệt và tiêu hao giữ chân quân Pháp, thật sự làm thất bại một bước âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của địch, như vậy là tốt!”. Tôi nói tiếp: “Cho đến lúc này giao thông của ta từ Bắc vào Nam vẫn thông suốt, để Trung ương vẫn tiếp tục vận chuyển vũ khí, bộ đội vào Nam tạo điều kiện cho hậu phương chuẩn bị kháng chiến. Ở mặt trận này đang có mặt nhiều đơn vị vệ quốc quân, dân quân tự vệ, có những đơn vị ở địa phương, có

những đơn vị Nam tiến từ phía Bắc vào, thế mà giữa các đơn vị giữ được mối đoàn kết hợp đồng tác chiến, đoàn kết quân dân, như vậy là rất tốt. Các lực lượng võ trang đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chặn địch, bảo vệ cho đồng bào thực hiện thắng lợi cuộc Tổng tuyển cử ngày 6 tháng 1 thành công”.

Tôi trao đổi với các đồng chí chỉ huy mặt trận Nha Trang về âm mưu sắp tới của thực dân Pháp. Tôi nói: “Từ thực tiễn mặt trận Nha Trang, có thể rút ra những bài học bổ ích. Rõ ràng khi địch tiến công ào ạt, lực lượng chúng còn hạn chế, việc lập phòng tuyến vừa đánh, vừa chặn địch với quyết tâm cao là tốt. Song, chỉ đạo sắp tới, thực dân Pháp sẽ tăng viện, mở cuộc tấn công mới. Ta cần thấy trước và điều chỉnh ngay sự bố trí và cách tác chiến, không thể giữ mãi các phòng tuyến hiện nay mà phải chủ động rút ra một bộ phận chủ lực, chỉ để một bộ phận nhỏ bám sát địch, sẽ tổ chức những đơn vị cơ động đánh địch bằng các hình thức tập kích, phục kích tiêu hao sinh lực địch, cho biệt động hoặc du kích thâm nhập đánh phá, toàn dân đánh giặc, mọi vùng, mọi làng đều thành làng xã chiến đấu. Đồng thời, tỉnh nên chủ động xây dựng căn cứ kháng chiến ở vùng Đồng Trăn”.

Nghe đến đây, đồng chí Nguyễn Minh Vũ nói ngay:

- Anh Văn chỉ thị như vậy là rất đúng. Anh em chúng tôi cũng đã nghĩ đến chuyện đó, nhưng còn băn khoăn chưa dám thực hiện ý định này.

Tôi ở lại Diên Khánh ít ngày. Cuối tháng giêng, những vườn cây ở đây xanh sắc lá. Những vườn dừa trĩu quả, còn những cây xoài đang độ đơm bông. Trên những mảnh đất vuông trước cửa nhà dân những luống cải, những cây hoa vạn thọ đơm dày hoa vàng rực. Một vài cây mai nở bông sớm. Chẳng mấy ngày nữa đã tới Tết Nguyên đán. Tôi sống giữa một vùng quê đất nước mới giành được độc lập tự do, đã phải lo toan đánh giặc. Ở đây, những ngôi nhà dân vừa cổ kính, vừa dân dã. Tôi đã gặp những gương mặt trẻ trung của những người chiến sĩ cầm tử quân, ôm bom, mìn, chai xăng, cầm súng Mút - cơ - tông, mã tấu đánh giặc ở Mã Vòng, ga xe lửa...

Ở đây, những bà má Khánh Hòa vẫn sáng sáng xuống chợ Thành trên chuyến xe ngựa. Trong xóm các em nhỏ vẫn chơi đùa, ngồi vây quanh các anh bộ đội học hát. Như thể không mấy ai chú ý đến tiếng pháo và tiếng súng còn nổ râm ran ở dưới Nha Trang.

Tôi hỏi tình hình vùng Đất Sét - Đồng Trăn, nơi mà Ủy ban kháng chiến tỉnh Khánh Hòa chọn làm căn cứ địa để kháng chiến lâu dài. Một vùng núi non ở hướng tây bắc, cách Thành Diên Khánh hơn chục cây số... Chính những ngày này, qua chuyện trò tiếp xúc với cán bộ, chiến sĩ, đồng bào, tôi càng thấy khí phách, bản lĩnh và lòng dũng cảm của những người dân Việt Nam yêu nước. Bất kể là người dân bình thường, là người lính vệ quốc đoàn, ông già bà cả, thanh niên gái trai và cả các cháu thiếu nhi, đã là người dân của nước Việt Nam độc

lập, tự do thì đều sẵn sàng hy sinh cho nghĩa lớn, “Thà chết tự do hơn sống nô lệ”.

Đang chuẩn bị cho chuyến đi Nam bộ, thì tôi nhận được điện của Bác Hồ gọi ra gấp.

Tôi gặp anh Lư Giang đang đưa thêm 3 đại đội Nam tiến chi viện cho mặt trận Nha Trang, ngay tại Lương Sơn. Tôi nhắc anh Lư Giang những điều cần chú ý rồi tiếp tục quay xe ra Ninh Hòa, gặp đồng chí Phạm Kiệt và đồng chí Trương Quang Giao.

Thị trấn Ninh Hòa là ngã ba con đường 21 lên Đắc Lắc. Quân Pháp cũng đang tấn công từ phía tây mặt trận Ma-đơ-rắc rất khẩn trương. Tôi bàn kế hoạch tác chiến với anh Phạm Kiệt, anh Giao, nói chuyện với Nam Long đang ở trước mặt trận Nha Trang rồi rời Ninh Hòa. Khi tôi tới Vạn Giã, thì pháo địch từ tàu chiến bắn sập cầu Suối Dầu. Chúng tôi đã đi bộ một quãng ra đến Tu Bông.

Về tới Hà Nội, tôi đã báo cáo với Bác và các anh trong Thường vụ, báo cáo với Chính phủ toàn bộ tình hình đang diễn ra tại mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa. Bác Hồ và các anh chăm chú nghe. Người nói: “Chuyển hướng tác chiến tại mặt trận Nha Trang như vậy là đúng, phù hợp với tình hình đang diễn ra tại chiến trường; đã đến lúc bộ đội, tự vệ ta tại Nha Trang nhanh chóng chuyển sang chiến trang du kích, chiến tranh nhân dân”.

Chuyện cũ đã lâu, bây giờ nhớ lại, ấn tượng sâu sắc nhất với tôi về Nha Trang - Khánh Hòa không chỉ

là một vùng quê hương giàu đẹp, với những làng mạc trù phú, những bãi biển cát trắng phau, với những con đường chạy men theo dọc biển, những làng chài phủ xanh bóng dừa, với vùng biển nước trong xanh, những cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp như Đèo Cả, Đại Lãnh, mà là một mặt trận đầy dũng khí và tinh thần sáng tạo, với cuộc chiến đấu của quân dân ta ngày ấy. Tinh đoàn kết keo sơn giữa các đơn vị chủ lực từ nhiều tỉnh đến đây, giữa chủ lực với tự vệ thành, giữa quân và dân... Một hình ảnh tuyệt đẹp của bản anh hùng ca của cả dân tộc ta trong những ngày đầu chống Pháp.

Bác Hồ đã dạy: “Giành chính quyền đã khó, nhưng giữ chính quyền càng khó hơn nhiều”.

Bác lại nói: “Chống thực dân đế quốc rất khó khăn, nhưng chống sự nghèo nàn và lạc hậu còn khó khăn hơn”.

Đến nay, chúng ta càng thấm thía lời dạy của Bác Hồ.

Nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, nhớ Bác, hướng về Bác, làm theo Di chúc của Người, tôi mong toàn thể đồng bào và chiến sĩ, cán bộ, đảng viên, toàn thể Nhân dân Khánh Hòa phát huy truyền thống đoàn kết quý báu của dân tộc ta, đoàn kết đồng chí trong tỉnh, đoàn kết các tỉnh bạn. Bởi chúng ta đã từng nặng tình nặng nghĩa với nhau, chia ngọt xẻ bùi cùng nhau qua bao nhiêu năm tháng cực khổ, trong chiến tranh giữ nước vĩ đại, cũng như trong xây dựng hòa bình.

“ĐOÀN KẾT - ĐỔI MỚI - SÁNG TẠO”! Tất cả vì Nhân dân, tất cả do Nhân dân. Tôi tin Đảng bộ và nhân dân Khánh Hòa luôn luôn nắm vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, từng bước ổn định và phát triển tình hình kinh tế, xã hội về mọi mặt, giành nhiều thắng lợi trong xây dựng và bảo vệ cuộc sống mới, xã hội mới trên quê hương mình.

Đây cũng chính là ước mong của Bác Hồ kính yêu trong suốt bình sinh của mình.

Nhân dịp này, tôi xin gửi đến đồng bào, cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, đoàn viên, đến các gia đình thương binh, liệt sĩ, các cơ sở cách mạng, đến anh chị em thanh niên gái trai, đến các cháu thiếu niên và nhi đồng của tỉnh Khánh Hòa lời thăm hỏi ân cần và những tình cảm thân thiết nhất.

Hà Nội, ngày 7 tháng 4 năm 1990

Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Quân ủy TW
Nguyên Tổng Tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam

Nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
(Đỗ Kim Công⁽¹⁾ ghi)

(1) Nhà văn Đỗ Kim Công nguyên là Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, nguyên Vụ trưởng Vụ Văn hóa văn nghệ - Ban Tuyên giáo Trung ương, nguyên cán bộ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa.

BÁC HỒ HỎI THĂM TÌNH HÌNH MẶT TRẬN NHA TRANG

Tôi đã được vinh dự gặp Bác lần đầu tiên năm 1946 khi tôi từ mặt trận Nha Trang ra Bộ Tổng tham mưu ở Hà Nội để báo cáo tình hình chiến đấu của bộ đội ta đồng thời xin chi viện vũ khí. Cùng đi với tôi có anh Trương Xuân Đàn (nay là đại tá chủ nhiệm khoa, Viện Quân y 108). Một buổi chiều, các anh ở Bộ Tổng tham mưu báo sáng mai lên Bắc bộ phủ báo cáo tình hình mặt trận Nha Trang với Ông Cụ. Hoi sừng sốt và bất ngờ vì trong những ngày này nước sôi lửa bỏng này, Chủ tịch Hồ Chí Minh bận trăm công nghìn việc, vậy mà người vẫn giành thời gian gặp gỡ chúng tôi. Trong những ngày chiến đấu ở mặt trận Nha Trang, anh Nam Long và anh Đức Sơn, chỉ huy các anh cho đội Nam tiến đã kể lại cho chúng tôi nghe bao nhiêu mẫu chuyện về “Ông Ké” ở chiến khu Cao-Bắc-Lạng. Nay được gặp Bác, tôi càng thấy Bác thật giản dị và luôn luôn quan tâm đến mọi người, với lực lượng vũ trang nhân dân, lúc này Bác đang đặc biệt theo dõi tình hình các mặt trận.

Bác hỏi chúng tôi về tình hình và đời sống của Nhân dân, của bộ đội Nha Trang. Tiếp đó, Bác hỏi vì

sao không tổ chức phá đường ngăn chặn và làm chậm bước tiến bằng xe cơ giới của giặc Pháp.

Nghe Bác nhắc đến chuyện phá đường tôi mới rõ là Bác đã nghe báo cáo tin giặc Pháp đánh rộng ra chiếm các tỉnh phía Nam Trung bộ và Tây Nguyên, bộ đội mặt trận Nha Trang đã phải rút ra Phú yên sau hơn 100 ngày đêm vây hãm, tiêu hao địch.

Trước khi chúng tôi ra về, Bác đã phân tích và căn dặn:

- Sang xâm lược lần này, giặc Pháp có nhiều cái mạnh ban đầu nhưng chúng là quân cướp nước nên có cái yếu về gốc rễ. Chính quyền ta, bộ đội ta mới thành lập nên còn nhiều cái non yếu. Nếu ta vừa đánh giặc, vừa khắc phục non yếu để bồi bổ cho mình ngày một mạnh, vừa làm cho toàn dân một lòng quyết tâm chống giặc, làm cho nó đánh ở khắp mọi nơi, bị đánh bằng mọi thứ, mọi cách thì thắng lợi chắc chắn về ta.

Chính đây là bài học vỡ lòng về chiến tranh nhân dân mà tôi đã thu hoạch được trong lần gặp Bác đầu tiên.

Thiếu tướng NGUYỄN THẾ LÂM

(Nguyên Tư lệnh Liên khu 5,
Nguyên Tư lệnh Binh chủng tăng thiết giáp)

BÁC PHÁI ĐI NAM

Bốn mươi lăm năm trước đây, lịch sử nước nhà trải qua nhiều sóng gió. Chính quyền từ Trung ương đến địa phương chưa được củng cố, lực lượng vũ trang còn non trẻ, cả hai đội quân bại trận (quân Pháp bị Nhật giam giữ sau đó đảo chính ngày 09-3 và quân Nhật vừa đầu hàng quân Đồng minh) vẫn còn nguyên vẹn tại Việt Nam với toàn bộ vũ khí trang bị và phương tiện chiến tranh vốn có. Trong khi đó quân Anh và Trung Hoa (Tướng Giới Thạch) thay mặt Đồng minh tràn vào hai miền đất nước, cả hai ngấm ngầm thỏa hiệp với quân Pháp để thực hiện ý đồ phá bỏ chính quyền cách mạng mà Nhân dân ta vừa giành được với mục đích riêng của mình.

Núp bóng quân Anh, giặc Pháp đã gây hấn ở Sài Gòn. Ngày 23-9, quân dân Nam bộ đã nổ súng kháng chiến chống xâm lược.

Ở Nha Trang, sau ngày phái bộ Anh đến đóng tại Sở Thuộc (Viện Pasteur), những tù binh Pháp được trang bị, quân Nhật theo lệnh quân Anh tiến hành cảnh giới thành phố và gây ra nhiều vụ khiêu khích trắng trợn bất chấp chủ quyền độc lập của Nhân dân ta, bao vây

khiêu khích trụ sở chính quyền cách mạng tỉnh Khánh Hòa (đang đóng ở tại Tòa sứ cũ). Chiến hạm Ritsolier (Richelieu) lảng vảng ngoài khơi cho ca nô, tàu chiến xâm nhập bờ biển, đổ bộ các đơn vị nhỏ thăm dò, chuẩn bị mở rộng chiến tranh ra các tỉnh Nam Trung bộ mà Nha Trang là đầu cầu chiến lược...

Trước tình hình đó, để đảm bảo các tuyến đường giao thông suốt Bắc Nam, trực tiếp chi viện cho Nam bộ, quân và dân Nha Trang - Khánh Hòa đã chủ động đồng loạt nổ súng lúc 3 giờ sáng ngày 23-10, tiến quân bao vây giam chân giặc trong thành phố, mở đầu cho cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Trung bộ, mặt trận Nha Trang hình thành.

Nhớ về những ngày chiến đấu trên mặt trận Nha Trang nhiều khó khăn ác liệt mà hết sức lạc quan đó, không ai không nhắc đến tấm lòng của Bác Hồ đối với miền Nam, với đồng bào và chiến sĩ mặt trận Nha Trang.

Dù bận trăm ngàn công việc của đất nước vừa giành được độc lập, dù phải ứng phó với bao diễn biến phức tạp của tình hình do thù trong giặc ngoài gây ra, Bác Hồ vẫn luôn đề tâm theo dõi từng giờ từng ngày cuộc chiến đang diễn ra ở miền Nam.

Sau lời kêu gọi đồng bào toàn quốc ủng hộ Nam bộ kháng chiến. Bác Hồ đã cử đồng chí Lê Văn Hiến lúc đó là Bộ trưởng Bộ Lao động được Hồ Chủ tịch cử làm

đặc phái viên của Chính phủ Cách mạng Lâm thời đi công cán các tỉnh miền Nam...

Đầu năm nay, tôi có dịp đến thăm đồng chí Lê Văn Hiến. Được biết tôi từ Nha Trang ra, lại có người đang làm nhiệm vụ chép sử, đồng chí rất vui. Dù cách đây không lâu đồng chí có về thăm nhưng rất quan tâm đến tình hình Nha Trang - Khánh Hòa, hỏi thăm nhiều điều.

Khi tôi trình bày ý định mời đồng chí ghi lại về những ngày đồng chí làm việc tại Khánh Hòa và nhất là tình cảm của Bác Hồ đối với miền Nam, đồng chí rất xúc động. Yên lặng hồi lâu đồng chí chậm rãi:

- Về chuyến công tác đặc biệt đó, tôi đã ghi lại, sẽ gửi để anh tham khảo sử dụng. Tôi cũng sẽ gửi anh một số tài liệu về chuyến đi này, về những ngày tôi sống và làm việc ở Nha Trang - Khánh Hòa mà tôi giữ 45 năm qua...

Hôm đó, tôi đang làm việc ở Bộ thì có điện thoại từ Văn phòng Phủ Chủ tịch gọi đến...

- Chào anh, tôi là Nguyễn Văn Lưu. Hồ Chủ tịch mời anh đến gặp Cụ ngay, có việc cần.

- Anh có thể cho tôi biết Cụ cần gì để tôi kịp chuẩn bị.

- Không phải việc thường ngày đâu. Hình như có việc đặc biệt nên Cụ mới mời anh gấp.

- Thế thì tôi sang ngay, bây giờ là 8 giờ, đến đúng 8

giờ 30 tôi sẽ đến gặp Cụ. Chào anh.

Gác ông nghe, tôi thấy việc hơi đột ngột. Hội đồng Chính phủ một tuần thường kỳ họp hai lần, thường gặp Cụ, không thấy Cụ nói gì, sao hôm nay lại được cụ gọi gặp. Chắc có gì đặc biệt...

Đúng 8 giờ 30 phút tôi đến Phủ Chủ tịch thì gặp Cụ đang chờ. Cùng dự có anh Nguyễn Văn Lưu, Chánh Văn phòng Phủ Chủ tịch.

- Chú Hiến, công việc ở Bộ tốt cả chứ?

- Thưa Cụ, công việc cũng tương đối bình thường, bộ máy của Bộ gồm toàn nhân viên của cơ quan lao động Pháp giữ lại nên có nhiều phức tạp. Chúng ta cố gắng ổn định dần dần. Hiện nay tạm ổn, mọi người yên tâm công tác.

- Như thế được rồi. Hôm nay gặp chú để giao một nhiệm vụ mới. Như chú đã biết, thực dân Pháp đã tấn công ta từ 23-9. Chúng lần chiếm các tỉnh Nam bộ bây giờ bắt đầu đánh ra các tỉnh Nam Trung bộ. Cán bộ và chiến sĩ đang chiến đấu bảo vệ từng tấc đất nhưng tình hình gặp quá nhiều khó khăn. Tôi sẽ có một bức thư gửi đồng bào và chiến sĩ Nam bộ và Nam Trung bộ. Chú Giáp cũng có bức thư gửi các chiến sĩ ở khắp các chiến trường trong đó. Chú sẽ là đặc phái viên của Chính phủ đi các tỉnh và chiến trường Nam bộ và Nam Trung bộ đọc các bức thư để ủy lạo⁽¹⁾ chiến sĩ và đồng bào quyết

tâm chống giặc và bảo vệ đất nước...

Ngoài ra, chú còn có nhiệm vụ kiểm tra, chỉnh đốn các cơ quan hành chính địa phương cho được thống nhất. Kiểm tra tình hình quân sự... thăm và ủy lạo các chiến sĩ điều trị ở các bệnh viện.

Đó là những nhiệm vụ chung và chủ yếu. Tôi còn một số việc dặn riêng chú, cố gắng làm cho tốt...

Giao nhiệm vụ xong Cụ hỏi:

- Chú có ý kiến gì không?

- Xin lĩnh ý Cụ. Tôi sẽ làm việc với Bộ Nội vụ, Quốc phòng, Lao động, chuẩn bị các văn bản cần thiết và sẽ lên đường ngay.

Cụ bắt tay tạm biệt.

Thật đột ngột trước các nhiệm vụ mà Hồ Chủ tịch đã giao vừa quan trọng vừa nặng nề, bản thân tôi như chưa hề nghĩ đến nhưng rõ ràng là những nhiệm vụ rất cần thiết và cấp bách. Suốt thời gian làm việc cho đến khi tạm biệt, từ giọng nói ấm áp, ánh mắt dịu hiền... Cụ đã biểu lộ tình cảm nồng ấm sâu xa đối với đồng bào và chiến sĩ đang gặp quá nhiều khó khăn. Trong những nhiệm vụ chung và chủ yếu Cụ đã căn dặn cụ thể việc đọc thư để ủy lạo chiến sĩ và đồng bào, thăm hỏi và ủy lạo các chiến sĩ đang điều trị tại bệnh viện... làm tôi rất xúc động trước tấm lòng của Cụ đối với chiến sĩ và đồng bào miền Nam đang đối mặt với quân thù, tôi tự

hứa với mình dù khó khăn phức tạp tới đâu cũng phải quyết tâm làm tròn.

Sau khi nhận các văn bản cần thiết gồm: Sắc lệnh Hồ Chủ tịch ký ngày 02-12-1945, bức thư tự tay Cụ Hồ đánh máy “Gửi các chiến sĩ cùng đồng bào Nam bộ, Nam Trung bộ” ký ngày 4-12-1945, thư của đồng chí Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Bộ Nội vụ kiêm Thứ trưởng Bộ Quốc phòng “Gửi bộ đội miền Nam”... Cụ Hồ còn cấp cho tôi một “giấy thông hành” viết bằng chữ Hán để đảm bảo đi lại dễ dàng khi qua những nơi có quân Tàu - Tưởng đồn trú.

Tôi lên đường ngày 05-12. Từ Thanh Hóa trở vào đều dừng lại làm việc với các tỉnh...và đến Sông Cầu - Phú Yên vào ngày 23-12. Sau khi làm việc với các đồng chí trong Ủy ban nhân dân, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể Cứu quốc, thăm bệnh viện Sông Cầu tôi gặp rất nhiều chiến sĩ bị thương từ các mặt trận Nam bộ, Phan Thiết, Nha Trang và Buôn Ma Thuột gửi về điều trị. Trong bức điện tôi gửi về Trung ương, có đoạn: “Chiến sĩ Nguyễn Mạnh, quê ở Nha Trang bị thương, nằm bệnh viện 3 lần, vẫn nóng lòng chờ đợi ngày lành mạnh để trở ra mặt trận”. Đây là chiến sĩ mặt trận Nha Trang đầu tiên mà tôi gặp, đã làm tôi rất cảm kích, tin yêu. Đến Ninh Hòa ngày 27-12, gặp các đồng chí Trương Quang Giao, Phạm Kiệt và làm việc với các đồng chí ở đây để

chuẩn bị đi Nha Trang.

Mặt trận đã gần kề, để xe và lái xe ở lại Ninh Hòa, chúng tôi đi bộ đến Diên Khánh lúc 13 giờ ngày 23-12. Sau khi gặp gỡ các đồng chí trong Ủy ban nhân dân, Mặt trận Việt Minh và các đồng chí Tổng chỉ huy quân sự ở đây để thống nhất chương trình làm việc. Ngay tối hôm đó tôi dự khai mạc câu lạc bộ binh sĩ. Biết tôi từ Hà nội mới vào, anh em hỏi rất nhiều về Cụ Hồ. Tôi nói chuyện với anh em về tình hình ngoài Bắc, những mẩu chuyện về Hồ Chủ tịch, những lời căn dặn và tình cảm của Cụ khi giao nhiệm vụ cho tôi đi Nam... Mọi người chăm chú nghe như uống từng lời, tất cả đều hoan nghênh và vô cùng phấn khởi.

Sáng ngày 30-12, tôi dự hội nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, chứng kiến việc thành lập Ủy ban hành chính lâm thời theo Sắc lệnh số 63 của Chính phủ⁽²⁾. Trước khi vào hội nghị, mọi người đồng thanh bầu chủ tịch danh dự Cụ Hồ Chí Minh, sau đó mới bầu chủ tọa và thư ký hội nghị. Dầu chưa một lần gặp Cụ Hồ, dù Cụ Hồ ở xa vạn dặm nhưng với lòng kính yêu, tin tưởng chân thành, ai cũng thấy như Cụ Hồ đang cùng họp mặt, chứng kiến theo dõi công việc cụ thể của mình. Chiều hôm đó, tôi cùng anh Nguyễn Văn Chi (lúc này là Ủy viên Ủy ban nhân dân Trung bộ) đến thăm bộ đội ta đang bao vây quân Pháp trên phòng tuyến Cây Da -

Quán Giếng cách Nha Trang 5 cây số.

Trong các ngày 31-12-1945 đến ngày 4 tháng giêng năm 1946, tôi cùng các đồng chí lãnh đạo Khánh Hòa - Nha Trang lần lượt đến thăm trạm quân y tiền phương, các bệnh viện hậu phương, thăm mộ các chiến sĩ. Các cơ xưởng, lớp huấn luyện chính trị, căn cứ địa và xưởng quân giới ở Đất Sét, thăm các đơn vị bộ đội và nói chuyện với Nhân dân Khánh Hòa... Tôi còn dự họp với cán bộ chỉ huy quân sự Nha Trang, Khánh Hòa và giải quyết nhiều công việc quan trọng khác.

Tình hình diễn biến rất khẩn trương, nhiệm vụ trước mắt còn dài tôi phải tranh thủ thì giờ làm việc liên tục ba buổi trong ngày... Đến đâu tôi cũng nói về tình hình phức tạp khó khăn của đất nước, kể lại những mẩu chuyện về Cụ Hồ mà tôi có dịp chứng kiến, kể những việc rất cụ thể như ăn mặc giản dị, cử chỉ lịch duyệt⁽³⁾ đàng hoàng, lời nói đầm ấm sâu sắc chân thành, nhất là đôi mắt sáng như sao của Cụ Hồ có sức lôi cuốn lạ lùng... Tới đâu, tôi cũng đọc thư ủy lạo của Hồ Chủ tịch và của Bộ trưởng Võ Nguyên Giáp.

Bức thư ngắn gọn, lời thư giản dị, gần gũi mà sâu sắc. Đây là nguồn cổ vũ động viên rất lớn đối với chiến sĩ và đồng bào, tôi cũng không quên nhắc nhở Nhân dân và bộ đội tham gia đông đủ cuộc tổng tuyển cử đầu tiên của đất nước đồng thời cảnh giác đề phòng quân Pháp

khủng bố uy hiếp phá hoại cuộc bầu cử.

Với đất nước ta, ngày 6 tháng giêng năm 1946 là một ngày lịch sử, ngày Nhân dân cả nước tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội đầu tiên của mình. Với tôi, lại là một ngày kỷ niệm lớn trong đời. Suốt đêm thao thức... có những cái ngẫu nhiên trùng hợp một cách lý thú: Trước năm 1930, tôi hoạt động bí mật ở Nha Trang, tại Sở Dây thép (Bưu điện). Ở đây, tôi xây dựng được 3 cơ sở. Tôi bị lộ, bị giặc Pháp bắt, bị xiềng. Tôi nhớ mãi ngày ấy, anh Lê Cừ đã bịn rịn tiễn tôi⁽⁴⁾ đi đày ở ngục Kon Tum dù biết rằng có thể bị liên lụy. Mười lăm năm sau, nước nhà vừa độc lập, được Cụ Hồ cử đi công cán vào Nam, tôi lại là cử tri làng Phước Thạnh⁽⁵⁾ đi bỏ phiếu bầu đại biểu quốc hội tại Khánh Hòa. Cuộc tổng tuyển cử được tổ chức sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công vừa 3 tháng trong tình hình hết sức phức tạp là một thử thách lớn đồng thời thể hiện lòng tin tưởng vững chắc vào đồng bào cả nước của Cụ Hồ, của Đảng. Đây là cuộc bầu phiếu cho Cụ Hồ Chí Minh. Thắng lợi của cuộc tổng tuyển cử thể hiện niềm tin sắt đá của đồng bào đối với Cụ Hồ.

Tôi đã đánh điện về Trung ương báo cáo tình hình ở đây. Đoạn cuối tôi viết: “Mặt trận Nha Trang vẫn hoạt động. Máy bay Pháp thường xuyên bay để uy hiếp dân chúng. Trong cuộc tổng tuyển cử ngày mai, tôi sẽ bỏ

phiếu tại đây, trước mặt trận quân thù để dân chúng bớt phân lo ngại”.

Mờ sáng, các địa điểm bầu cử đã sẵn sàng, nơi nào cũng được đào hầm hào để phòng giặc Pháp khủng bố, đồng bào lần lượt đi bỏ phiếu rất bình tâm và vui vẻ, bộ đội bỏ phiếu ngay trên phòng tuyến bao vây.

Đến trưa tàu bay địch đến quần đảo rầm rầm hàng giờ đồng hồ, thả hàng chục bom lửa và bom xăng. Một quả bom cách tôi vài chục thước nhưng tôi và đồng bào nấp trong hầm tại nơi bỏ phiếu nên an toàn. Một cụ già và ba em bé bị chết, 12 người bị thương đều ở trong nhà gần đó. Trong số này có một gia đình gồm 1 người cha và 3 đứa con dưới 5 tuổi. Tôi và anh em trong ban bầu cử đến thăm số đồng bào bị nạn, tổ chức chôn cất, chạy chữa. Tất cả các hòm phiếu, đồng bào vẫn tiếp tục đi bầu. Tôi càng thấy rõ hơn lòng dân Khánh Hòa đối với Cụ Hồ, tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng do Cụ Hồ lãnh đạo. Dù giặc Pháp cố tình uy hiếp, tung tin phá hoại, cuộc tổng tuyển cử diễn ra trong không khí đầy tin tưởng và đã thắng lợi. Tối đó, tôi điện báo cáo với Chính phủ về tinh thần đồng bào chiến sĩ Nha Trang - Khánh Hòa trong ngày tổng tuyển cử.

Ngày 7 tháng giêng, giặc Pháp lại tấn công vào phòng tuyến ta, bị bộ đội anh dũng đánh lui. Tôi chuẩn bị lên đường đi Buôn Ma Thuột tiếp tục nhiệm vụ...

Từ sau ngày tổng tuyển cử, tôi đã đi suốt các tỉnh cực Nam Trung bộ, Nam Tây Nguyên và vào miền đông Nam bộ. Đến ngày 26 tháng giêng, đang công tác tại Bà Rịa thì được điện của đồng chí Võ Nguyên Giáp: “Không phải đi miền Tây Nam bộ nữa mà lên đường ra Bắc ngay”. Lúc này đồng chí Võ Nguyên Giáp và Trần Văn Giàu đang ở Ninh Hòa. Một điều bất ngờ nữa là tại đây tôi đã gặp các anh Hoàng Quốc Việt, Cao Hồng Lãnh và Huỳnh Văn Tấn. Chúng tôi tổ chức thành một đoàn và lên đường ra Bắc ngay ngày hôm sau.

Trên đường trở ra Hà Nội, một lần nữa tôi lại được tiếp xúc với chiến sĩ đồng bào Khánh Hòa. Ai ai cũng tận tình giúp đỡ chúng tôi trong nhiều cảnh hết sức gian nguy. Có người do đã giúp đỡ chúng tôi mà bị giặc Pháp khủng bố, có đồng chí đã bị giặc giết bêu đầu hết sức thảm khốc như đồng chí Quý, Ủy viên Ủy ban nhân dân Khánh Hòa ở Xuân Phú.

Dầu 45 năm đã qua, những người mà tôi có dịp tiếp xúc, cư mang đùm bọc chúng tôi trong những ngày Tết Nguyên đán Bính Tuất năm 1946 ấy, có người biết tên, có người chưa kịp hỏi han, người Kinh, người dân tộc, trí thức, làm ruộng... ai ai cũng tỏ lòng tin tưởng vào Cụ Hồ và hết lòng với kháng chiến... Suốt dọc đường từ Ba Râu ra miền núi Cam Ranh, Suối Cát, Hòa Tân. Láng Nhót... đọng lại trong lòng tôi biết bao kỷ niệm không quên.

Nhớ về chuyến công cán năm ấy, tôi càng thấy tấm lòng yêu thương ruột thịt và niềm tin vững chắc của Bác Hồ đối với miền Nam nói chung và mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa nói riêng, đồng thời tôi càng thấm thía uy tín lớn lao của Bác Hồ, tấm lòng kính yêu tin tưởng Bác Hồ của từng đồng bào, chiến sĩ Nha Trang - Khánh Hòa hết sức sâu đậm.

LÊ VĂN HIỂN kể

Nguyên Bộ trưởng Bộ Tài chính,
Nguyên Bộ trưởng Bộ Lao động

Nguyễn Thế Sang⁽⁶⁾

Soạn theo lời kể và các tài liệu gốc
của đồng chí Lê Văn Hiến.

(1) Động viên, khích lệ.

(2) Sắc lệnh quy định thống nhất các cơ quan hành chính từ Trung ương đến địa phương.

(3) Từng trải, hiểu biết sâu sắc.

(4) Cụ Lê Cữ sống tại số nhà 51 Hoàng Văn Thụ Nha Trang - cùng làm công chức bưu điện với cụ Lê Văn Hiến năm 1929.

(5) Tức thôn Phước Thạnh, xã Diên Toàn, huyện Diên Khánh hiện nay.

(6) Nguyên Giám đốc Bảo tàng Khánh Hòa.

VỊNH CAM RANH

- MỘT CỘT MỐC LỊCH SỬ TRÊN CON ĐƯỜNG THƯƠNG THUYẾT HÒA BÌNH CỦA HỒ CHỦ TỊCH

Vịnh Cam Ranh tỉnh Khánh Hòa là một hải cảng dân sự và quân sự lớn có tầm cỡ thế giới. Ngày 18 tháng 10 năm 1946, nơi đây đã diễn ra cuộc hội kiến giữa Hồ Chủ tịch và cao ủy Pháp Đắc - Giăng - li - ơ (d' Argenlieu), trở thành một cột mốc lịch sử trên con đường thương thuyết hòa bình nhằm để gìn giữ nền độc lập thống nhất Tổ quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc bấy giờ.

Ngày 6 - 3-1946, Chính phủ ta ký với đại diện Chính phủ Pháp bản Hiệp định sơ bộ, đặt cơ sở cho việc đàm phán đi đến một hiệp ước chính thức.

Ngày 31-5-1946, theo lời mời của Chính phủ Pháp với tư cách là thượng khách của nước Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh lên đường sang thăm Pháp. Phái đoàn của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa do đồng chí Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn dự cuộc đàm phán chính thức tại Pari cùng đi với Người.

Trong thời gian ở thăm nước Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm cho nhân dân Pháp và nhân dân thế giới hiểu rõ mục đích cuộc chiến đấu chính nghĩa vì độc lập tự do của Nhân dân ta, hiểu rõ chính sách hợp tác trên cơ sở bình đẳng của nước ta với nước Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gặp gỡ và nói chuyện với hầu hết các chính đảng và các đoàn thể chính trị lớn của nước Pháp.

Cuộc đàm phán Phong - ten - nơ - blô (Fontainebleau) không đi đến kết quả chứng tỏ Chính phủ Pháp đã giữ lập trường ngoan cố, bắt nước ta phải trở lại làm thuộc địa của Pháp. Với lòng thật thà mong muốn hòa bình và để có thêm thời gian xây dựng lực lượng, chuẩn bị đầy đủ hơn nữa cho cuộc kháng chiến, để làm cho nhân dân Pháp và nhân dân thế giới hiểu rõ thiện chí hòa bình của ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Chính phủ Pháp Bản Tạm ước ngày 14-9-1946.

Bản Tạm ước này chỉ quy định một số điều quan hệ tạm thời về kinh tế và văn hóa giữa hai nước, đình chỉ chiến sự ở miền Nam và quy định thời gian tiếp tục cuộc đàm phán Việt - Pháp vào tháng 1-1947. Tuy chưa được như mong muốn, nhưng Bản Tạm ước đã cắm thêm một cái mốc trên con đường ngoại giao với Pháp nhằm san bằng những trở lực mà bọn phản động Pháp luôn luôn chồng chất trên con đường ấy. Ngày 15-9-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố với các nhà báo Pháp: “Chúng tôi hy vọng về phần người Pháp

cũng thành thực thi hành ký kết như chúng tôi”.

Ngày 17 tháng 9, Chủ tịch Hồ Chí Minh lên đường về nước trên chiếc tiêu đỉnh của hải quân Pháp, chiếc Duy - Mông Duyệt - vin (Dumont D'urille).

Cao ủy Pháp Đắc - Giăng - li - ơ tỏ ý mong muốn được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đường về nước. Chủ tịch đã đồng ý và cuộc gặp được bố trí chu đáo. Đắc - Giăng - li - ơ đã có lần gặp Hồ Chí Minh tại Vịnh Hạ Long (ngày 24-3-1946). Ông ta là một nhân vật hiếu chiến điển hình của thực dân pháp ở Đông Dương. Giữa lúc Chủ tịch Hồ Chí Minh đang bay sang Pháp, Đắc - Giăng - li - ơ đã cho ra đời cái gọi là Chính phủ Nam kỳ tự trị ngày 1-6-1946. Ngay sau đó, thành lập cái gọi là Xứ Tây kỳ nhằm tách Tây Nguyên (Plieku, Kontum, Darlăc, Lâm Viên) ra khỏi quốc gia Việt Nam. Đắc - Giăng - li - ơ âm mưu làm một việc đã rồi, nếu trong tương lai Pháp phải công nhận Việt Nam là một nước “Độc lập” thì chỉ có Bắc bộ và các tỉnh miền Trung mà thôi.

Đắc - Giăng - li - ơ đón tiếp Chủ tịch Hồ Chí Minh trên chiếc thiết giáp hạm Xup - phren (Suffren) neo ngoài khơi vịnh Cam Ranh. Về sự kiện lịch này, các báo Pháp, Việt đương thời đưa tin bằng đầu đề lớn như báo Lơ - mông - đơ (Le Monde) của Pháp đăng bài ngày 21 - 10 - 1946 nhan đề “Cuộc gặp gỡ Cam Ranh” (Sur L'entre vue de Cam Ranh).

Cuộc gặp gỡ diễn ra vào ngày 18-10-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tỏ ra được thư giãn và nghỉ ngơi trong chuyến đi và những lời chúc mừng đây đó đều phản ánh mong muốn chung là phải làm tất cả để phát triển những mối quan hệ tốt đẹp và tình thân hữu nghị giữa hai dân tộc Pháp - Việt. Tuy nhiên, Người kiên quyết bác bỏ những đòi hỏi phi lý do phía Pháp nêu ra. Báo cáo của Đắc - Giăng - li - ơ gửi chính phủ Pháp viết:

“Trước bữa ăn điểm tâm, tôi đã có được cuộc gặp gỡ đặc biệt đầu tiên với Chủ tịch. Sau bữa ăn sáng lại diễn ra cuộc gặp đặc biệt thứ hai giữa Chủ tịch và tôi và tiếp đó là một cuộc họp nhỏ có các ông Pignon⁽¹⁾ và Longeaux tham gia. Trong các cuộc họp ấy, tôi đã có dịp trình bày với Chủ tịch quan điểm chúng ta về việc thực hiện bản Tạm ước, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến các ủy ban quân sự nhằm giải quyết việc ngừng các cuộc xung đột. Nếu như Chủ tịch tỏ ra đồng tình những biện pháp sẽ được áp dụng trong đó có vấn đề gửi trước ra Hà Nội một ủy ban quân sự do tướng Ny - o đứng đầu, thì trái lại Chủ tịch cương quyết bác bỏ nguyên tắc cho hồi hương về miền Bắc các quân đội đã đưa vào Nam bộ và Trung bộ”⁽²⁾.

Sau cuộc gặp vào buổi chiều, người Pháp mời một số ký giả Pháp và Việt Nam đến dự cuộc họp báo. Lúc một chiếc tiểu đỉnh chở ký giả từ Cam Ranh cập vào

chiến hạm Suffren thì Cụ Hồ đang ngồi trên boong tàu gần cầu thang, đưa tay vẫy chào.

Trong cuộc họp báo, Cụ Hồ và Cao ủy Pháp ngồi bên nhau. Nét mặt Đắc - Giăng - li - ơ nghiêm nghị, mặt cau lại, mắt đắm chiêu nhìn Cụ Hồ. Trong lúc ấy thì Cụ Hồ cười đùa với các ký giả. Cụ hỏi han về xứ sở, về nghề nghiệp của họ. Cụ có trí nhớ phi thường, Cụ đã ở Pháp lâu năm, thạo những thổ âm, hiểu rành những tập quán từng địa phương, những đặc điểm của từng vùng nước Pháp. Do đó, cuộc họp báo trở nên một cuộc phiếm luận rất vui vẻ.

Sau một lúc nói chuyện phiếm vui với các ký giả, Chủ tịch Hồ Chí Minh chính thức vào vấn đề. Người nói:

“Đô đốc và tôi đều có ý kiến chung rằng, các báo Sài Gòn và Hà Nội chỗ này, chỗ khác, đã tỏ ra quá căng thẳng. Người ta có thể nói lên sự thật và dĩ nhiên không thể nào luôn luôn tặng hoa cho nhau, nhưng có thể tránh được việc chửi rủa nhau. Bởi vậy cho nên chúng tôi cho rằng phải cố gắng đến mức tối đa theo hướng đó. Phải làm tất cả để chấm dứt cuộc chiến và làm nguôi các đầu óc. Tôi tin rằng bằng việc thực hiện một cách trung thực bản “tạm ước” chúng ta cải thiện được rất nhiều quan hệ của chúng ta trong khi chờ đợi cuộc họp vào tháng giêng tới mà nơi họp chưa được xác định. Sẽ có rất nhiều khó khăn, nhưng chúng ta sẽ

cùng khắc phục vượt qua được.

Vào một buổi chiều ngày 19 tháng 10, chiếc Dumont Durville chìm biển trong sương mù ngoài khơi biển Đông. Mãi đến 21-10, tàu cập bến Hải Phòng.

Ngay sau khi về nước, trong lời tuyên bố với quốc dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định một lần nữa lập trường kiên quyết đấu tranh giành độc lập và thống nhất hoàn toàn của Việt Nam.

“Tôi qua Pháp... mục đích để giải quyết vấn đề Việt Nam độc lập, cùng Trung, Nam, Bắc thống nhất. Vì hoàn cảnh hiện thời của nước Pháp mà hai vấn đề chưa giải quyết được... nhưng không trước thì sau, tôi dám quyết rằng “Việt Nam nhất định độc lập, Trung, Nam, Bắc nhất định thống nhất”.

Những sự kiện lịch sử dồn dập trong những tháng cuối năm 1945 và năm 1946 đều chứng minh Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tỏ rõ thiện chí hòa bình, đã làm hết cách, đã nhân nhượng những gì có thể nhân nhượng cốt giữ cho được nền độc lập và thống nhất Tổ quốc thân yêu. Sự kiện vịnh Cam Ranh cũng là một chứng minh lịch sử. Đến khi không thể nhân nhượng được nữa thì Chính phủ buộc phải phát động cuộc kháng chiến toàn quốc vào tháng 12-1946. Báo Sự thật, cơ quan của Trung ương Đảng số 64 ra ngày 29-11-1946 đã phản ánh đúng tâm trạng của Nhân dân lúc bấy giờ: “Tạm ước ngày

14 tháng 9 là một bước nhân nhượng cuối cùng. Nhân nhượng nữa là chạm đến chủ quyền đất nước, là hại đến quyền lợi cao trọng của dân tộc”.

LÊ THÁI HÒA

(Nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
Nguyên Trưởng Ban nghiên cứu lịch sử Đảng
tỉnh Phú Khánh)

(1) Lescon Pignon sau này làm Cao ủy Pháp ở Đông Dương từ tháng 9-1948 đến tháng 12 -1950.

(2) Amiral thierry D' Argen lieu Chnaigue D' Jndo chine 1945 - 1947.

CUỘC HỘI KIẾN HỒ CHÍ MINH - ĐẮC-GIĂNG-LI-Ơ (D'ARGENLIEU) Ở VỊNH CAM RANH

Sau thế chiến thứ hai, tình hình thế giới có nhiều thay đổi. Các nước bị đế quốc đô hộ lần lượt đứng lên giành độc lập. Đi đầu là Nhân dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu đã giành được chính quyền trên cả nước trong vòng một tuần lễ từ tay phát xít Nhật. Nhưng sau đó, thực dân Pháp núp bóng quân Anh trở lại xâm lược nước ta. Chúng âm mưu duy trì chế độ cai trị thuộc địa như cũ. Ngày 23 tháng 9 năm 1945, chúng nổ súng tấn công đánh chiếm Sài Gòn và sau đó đánh rộng ra các tỉnh Nam bộ và Nam Trung bộ.

Trong bối cảnh tình hình vô cùng phức tạp khó khăn của những ngày đầu, Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch đã hết sức khéo léo, kiên trì tận dụng khả năng hòa hoãn với thực dân Pháp để tranh thủ thời gian củng cố và xây dựng chính quyền, xây dựng lực lượng, chuẩn bị kháng chiến.

Ngày 6-3-1946, đại diện cho chính phủ ta, Hồ Chủ tịch đã cùng với ông Xanh-Tơ-ri (Sainteny) đại diện chính phủ Pháp tại Việt Nam ký bản Hiệp định sơ bộ.

Tiếp đến, ngày 24 tháng 3 năm 1946, trong cuộc gặp gỡ giữa Hồ Chủ tịch và Đắc - Giăng - li - ơ, Cao ủy Pháp ở Đông Dương tại vịnh Hạ Long đã đi đến thỏa thuận; quốc hội Việt Nam cử một phái đoàn sang Pháp; đồng thời nước Pháp cử một phái đoàn sang Việt Nam cùng với đại biểu của chính phủ ta chuẩn bị điều kiện cần thiết cho việc ký kết hiệp ước chính thức ở Pari.

Ngày 16 tháng 4 năm 1946, phái đoàn Chính phủ ta, do đồng chí Phạm Văn Đồng, Phó Trưởng Ban Thường trực Quốc hội dẫn đầu, lên đường sang Pháp dự hội nghị Phong - ten - nơ - blô (Fontainebleau).

Đồng thời ngày 31 tháng 5 năm 1946, theo lời mời của chính phủ Pháp, Hồ Chủ tịch với tư cách là thượng khách của nước Pháp lên đường sang thăm Pháp.

Do lập trường hai bên khác nhau nên hội nghị Phong - ten - nơ - blô kéo dài nhiều ngày, họp nhiều phiên vẫn không đem lại kết quả. Phái đoàn Việt Nam đáp tàu Pastuer về nước.

Trước tình hình hội nghị Fontainebleau bế tắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh gặp ông Biddôn (Bidault) - Thủ tướng Chính phủ Pháp và ông Mutê, Bộ trưởng Bộ Pháp quốc hải ngoại để bàn bạc trao đổi. Qua những lần hội đàm tay đôi, cuối cùng để cứu vãn tình hình, thay mặt Chính phủ Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh và ông Mutê thay mặt chánh phủ Pháp ký Bản Tạm ước ngày 14 tháng 9 năm 1946.

9 giờ sáng ngày 16 tháng 9 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh lên đường về nước. Chính phủ Pháp dành riêng cho Chủ tịch Hồ Chí Minh một chuyến xe lửa đặc biệt theo nghi lễ nguyên thủ quốc gia. Ông Phorăngxitxơ Bộ trưởng Bộ nội vụ và Max - André đại diện chánh phủ Pháp ra tận ga tiễn. Cùng tiễn đưa có các đồng chí đại diện Đảng Cộng sản Pháp, bạn bè và các đoàn thể Việt kiều. Hàng mấy ngàn người ở khắp các miền nước Pháp cũng ra ga xe lửa Paris lưu luyến tiễn đưa Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khi đoàn xe lửa chuyển bánh, Bác Hồ vẫy tay chào tạm biệt. Nhiều anh chị em Việt kiều vừa vẫy cờ vừa xúc động không cầm được nước mắt.

Dọc đường xe lửa từ Pari đến Tulông, khi qua các ga lớn, các đoàn Việt kiều ở các tỉnh phía nam Pháp đều cầm cờ ra tận toa tàu để lưu luyến tiễn đưa Bác Hồ.

Trên cảng Tulông, thông báo hạm Duy - mông duyếc - vin rực rỡ màu cờ và quốc kỳ Việt Nam tung bay trên đỉnh cột, chờ đón Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cùng đi với Bác Hồ về nước có bác sĩ Trần Hữu Tước, kỹ sư Phạm Quang Lễ (sau được Bác đặt tên Trần Đại Nghĩa) và kỹ sư Võ Quý Huân... tình nguyện xin về nước để góp phần tham gia kháng chiến. Hơn 25 ngày tàu lướt sóng trên các đại dương, hôm nay tàu gần đến Xingapo, viên thuyền trưởng trình lên Bác Hồ bức điện của Cao ủy Pháp ở Đông Dương là Đắc - Giăng - li - ơ với nội dung: “Cao ủy D’Argenlieu đề nghị mời Chủ tịch Hồ

Chí Minh ghé vịnh Cam Ranh để hội kiến, bàn bạc việc thi hành Tạm ước 14 tháng 9 năm 1946”. Bác Hồ cho điện trả lời “đồng ý” nhận lời sẽ ghé vịnh Cam Ranh để hội kiến.

Sáng ngày 18 tháng 10 năm 1946, Cao ủy Đắc - Giăng - li - ơ và các viên chức tùy tùng, cùng đoàn nhà báo và thông tấn xã đứng chờ sẵn ở chiến hạm Suyphoren. 12 giờ 15 phút ngày 18 tháng 10 năm 1946, dưới bầu trời vịnh Cam Ranh cuối thu, tàu Dumont D’Urville đang lướt sóng vào vịnh Cam Ranh.

Cao ủy D’Argenlieu cử Pinhông cố vấn chính trị Cao ủy phủ và Đại tướng Morliere đi ca nô sang tàu Dumont D’Urville để đón tiếp Chủ tịch Hồ Chí Minh sang chiếm hạm Suffren. Cùng đi với Hồ Chủ tịch có bác sĩ Trần Hữu Tước. Khi ca - nô cập cầu thang chiếm hạm Suffren, trên cầu thang có Đô đốc Ôbogiô chỉ huy hải quân Pháp ở Viễn Đông và Trung tá Kescvin chỉ huy chiếm hạm Suffren chờ sẵn đón và đưa Bác Hồ lên chiến hạm. Khi Bác Hồ lên boong tàu, một đơn vị hải quân đứng bồng súng chào và hô to ba lần “Hurrah, Hurrah, Hurrah” vang dội trên mặt biển Cam Ranh.

Cao ủy D’Argenlieu đứng chờ Chủ tịch Hồ Chí Minh ở cửa phòng họp chiếm hạm Suffren. Chủ tịch Hồ Chí Minh với thái độ thân mật và vui vẻ bắt tay và ôm Cao ủy. Tiếp đó, Cao ủy mời Chủ tịch vào phòng họp được trang hoàng rực rỡ.

Qua vài lời thăm hỏi sức khỏe Chủ tịch trong những ngày đi trên biển, Cao ủy D'Argenlieu giới thiệu với Chủ tịch Hồ Chí Minh những vị có mặt trong buổi họp gồm các cố vấn và chỉ huy các binh chủng hải, lục, không quân Pháp ở Viễn Đông.

Mở đầu câu chuyện vừa đùa vừa thật, Cao ủy D'Argenlieu nói: “Monsieur le president, vous voyez bien encadré par l'armée et la marine” (Thưa Chủ tịch, xem kìa Ngài đang bị đóng khung chặt giữa hải và lục quân).

Chủ tịch Hồ Chí Minh mỉm cười vui vẻ đáp lại “Mais vous savez, Monsieur l'Amiral, c'est le tableau qui fait la valeur du cadre” (Như Ngài Đô đốc biết đó, chính bức tranh làm cho cái khung có giá trị). Những người có mặt trong cuộc họp đều cười và đi vào trọng tâm cuộc họp. Hai bên trao đổi với nhau về việc thi hành những điều khoản trong Tạm ước 14 tháng 9 năm 1946. Giờ tạm nghỉ, Cao ủy mời Chủ tịch dự buổi tiệc chiêu đãi trênchiếm hạm. Sau buổi tiệc, hai bên tiếp tục họp bàn thêm các chi tiết và cụ thể hóa những điều khoản trong Bản Tạm ước để thi hành vào ngày 30 tháng 10 năm 1946.

Đến 16 giờ, cuộc hội đàm chấm dứt, Chủ tịch Hồ Chí Minh phát biểu cảm ơn Cao ủy D'Argenlieu đã có nhã ý tổ chức cuộc hội kiến hôm nay, và Chủ tịch Hồ Chí Minh nói tiếp: “Tôi nói lên những lời xuất phát

từ đáy lòng và trái tim tôi với những thiện chí sẵn có, chúng ta sẽ thi hành đầy đủ Bản Tạm ước. Trong khi chờ đợi thi hành chắc sẽ còn gặp nhiều khó khăn trở ngại, nhưng với sự hiểu biết lẫn nhau, nhất định chúng ta sẽ vượt qua”. Nói xong, Chủ tịch Hồ Chí Minh tươi cười bắt tay và ôm hôn Cao ủy D’Argenlieu.

Cao ủy D’Argenlieu phát biểu đáp từ: “Đây là lần thứ hai chúng tôi gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Lần đầu cách đây mấy tháng, tôi gặp Chủ tịch ở vịnh Hạ Long để thảo luận về việc thi hành Hiệp định sơ bộ 6 tháng 3 năm 1946”.

Rời khỏi phòng họp, Chủ tịch và Cao ủy tiếp đoàn báo chí và thông tấn. Chủ tịch Hồ Chí Minh thân mật nói với đoàn báo chí và thông tấn: “Trong sự hiểu biết lẫn nhau, vừa rồi chúng tôi đã bàn việc thi hành Tạm ước 14 tháng 9 năm 1946. Tôi tin bản tạm ước sẽ được thi hành tiến bộ hơn nhiều về sự cải thiện và giao hữu của chúng ta”, Chủ tịch nói thêm: “Vừa qua, Chính phủ Pháp, nhân dân Pháp đã tiếp đón tôi rất long trọng và dành cho tôi những tình cảm nồng hậu và các đoàn trẻ em Pháp nữa, những trẻ em thông minh, lanh lợi dễ thương biết đường nào. Sự bàn bạc hôm nay để thi hành Bản tạm ước làm tôi lạc quan. Tôi mong các nhà báo và thông tấn đưa tin nên góp phần củng cố hòa bình, tránh đưa những tin hiểu lầm nhau gây ra chiến tranh đổ máu giữa hai nước, hai dân tộc. Người Việt Nam và người

Pháp đều có vũ khí, nhưng vũ khí đó dùng để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ hòa bình chứ không để giết hại lẫn nhau”.

16 giờ 5 phút, rời chiến hạm Suffren, Chủ tịch Hồ Chí Minh sang tàu Dumont D’Urville. Khi tàu Dumont D’Urville nhỏ neo rời vịnh Cam Ranh, Bác Hồ còn đứng rất lâu trên boong tàu, mắt đắm đắm nhìn vào dải đất miền Nam của Tổ quốc nơi mà trong những ngày đầu cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược, Bác đã giành những tình cảm sâu đậm: “miền Nam trong trái tim tôi”. Khi tàu đi ngang qua biển Nha Trang, Bác Hồ đã kể cho bác sĩ Trần Hữu Tước nghe về tinh thần chiến đấu anh dũng của quân và dân Khánh Hòa bao vây quân địch hơn 3 tháng trời ở mặt trận Nha Trang, tiêu hao lực lượng, làm cho địch hoảng sợ. Đây là một mặt trận bao vây cầm chân giặc trong thị xã khá lâu. Bác còn kể lại việc làm vô nhân đạo của tên Công sứ Pháp ở Nha Trang cho bọn i - ốt lên mũi tù chính trị làm dấu để tù chính trị khỏi trốn mà Bác đã viết bài tố cáo cho in vào cuốn sách “Bản án chế độ thực dân Pháp”.

Hai ngày sau, lúc 16 giờ 45 ngày 20 tháng 10 năm 1946, tàu Dumont D’Urville đưa Chủ tịch Hồ Chí Minh về đến cảng Hải Phòng.

Ra đón Chủ tịch Hồ Chí Minh có cụ Huỳnh Thúc Kháng, Quyền Chủ tịch nước, đồng chí Võ Nguyên Giáp và nhiều cán bộ Trung ương, cán bộ Hải Phòng và các tỉnh lân cận. Về phía Pháp ra đón Hồ Chủ tịch có

Đại tá Lami và một số viên chức Pháp. Hàng vạn nhân dân Hải Phòng và các tỉnh vùng duyên hải lân cận mang cờ hoa và biểu ngữ đến đứng chật bên cảng và dọc hai bên đường để chào đón Hồ Chủ tịch.

Từ trên tàu, Bác Hồ bước xuống trước hai hàng quân danh dự trang nghiêm bồng súng đứng chào. Trông thấy Hồ Chủ tịch khỏe mạnh, Nhân dân đã vỗ tay và biểu ngữ nhảy lên reo mừng và hô vang “Cha già đã về, Cha già đã về”. Tiếng reo mừng làm xôn xao lay động rừng cờ, biểu ngữ mang những dòng chữ “Toàn dân đoàn kết một lòng xung quanh Chủ tịch Hồ Chí Minh”. Bác Hồ vỗ tay chào tất cả và thân mật bắt tay những vị khách. Bác Hồ thân mật nói với đồng bào, với khách trong và ngoài nước cùng báo chí:

“Trong thời gian mấy tháng ở Pháp tôi và phái đoàn đã làm những gì?

Một là chúng tôi đã đem Quốc kỳ Việt Nam sang đến nước Pháp. Lá Quốc kỳ Việt Nam được nhân dân và Chính phủ Pháp trọng vị.

Hai là chúng tôi đã làm cho nhân dân và Chính phủ Pháp am hiểu những vấn đề Việt Nam hơn...”.

Đúng 10 giờ 30 sáng hôm sau, Chủ tịch Hồ Chí Minh rời Hải Phòng, trên chuyến xe lửa về thủ đô Hà Nội. Suốt dọc đường xe lửa đi qua, đồng bào đứng bên đường phát cờ, vỗ hoa, trương biểu ngữ đón chào Hồ Chủ tịch, reo mừng hô vang “Cha già đã về, Cha già

khỏe mạnh!”. Từ trên toa tàu Hồ Chủ tịch vẫy tay chào đồng bào.

Lúc 16 giờ 30, ngày 21 tháng 10 năm 1946, đoàn xe lửa từ từ lăn bánh vào ga Hà Nội. Hàng ngàn đồng bào thủ đô tay cầm cờ hoa ra đón Hồ Chủ tịch đứng chật sân ga và dọc đường khi Hồ Chủ tịch đi qua.

Bước xuống xe, sau nghi lễ đón tiếp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến trước máy truyền hình nói với đồng bào, với các vị khách đi đón, và báo chí. “Vì hoàn cảnh hiện thời của nước Pháp mà hai vấn đề độc lập và thống nhất chưa giải quyết được còn phải chờ, nhưng không trước thì sau tôi quả quyết nước Việt Nam nhất định độc lập, Trung Nam Bắc nhất định thống nhất. Trong lúc tôi đi vắng, đồng bào đã đoàn kết một lòng ủng hộ Chính phủ hoàn thành mọi nhiệm vụ, tôi rất vui lòng”.

Với sĩ quan và binh sĩ Pháp ra đón, Hồ Chủ tịch nói: “Trong thời gian ở Pháp, tôi có tiếp xúc với nhân dân Pháp, bà còn thường hỏi tôi nhiều về sức khỏe các bạn. Gia đình, bà con thân thuộc mong các bạn mau trở về nước sum họp với gia đình trong căn nhà êm ấm của các bạn”.

29 năm sau, ngày 30 tháng 4 năm 1975, lời tiên đoán và quả quyết từ ngày 21 tháng 10 năm 1946 trước đồng bào thủ đô Hà Nội và đồng bào cả nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thành sự thực: Nước

Việt Nam hoàn toàn độc lập, Trung Nam Bắc thống nhất một nhà.

Bác sĩ KIỀU XUÂN CU'

Nguyên trưởng khoa Bệnh viện tỉnh Khánh Hòa

Tài liệu tham khảo:

1. Jean Lacouture, Hồ Chí Minh Page 129 esdition du Seuil 1967.
2. Thierry D'Argenlieu Chroniqué 1945-1947 Page 467.
3. Bản án chế độ thực dân Pháp, trang 91, Nhà xuất bản Sự thật Hà Nội 1975.
4. Giáo sư Trần Hữu Tước. Kể chuyện lúc vào thăm lại Cam Ranh năm 1982.
5. Viện sĩ Trần Đại Nghĩa. Vì những lẽ đời cao cả thiêng liêng, Nhân dân Chủ nhật số 30 ngày 3-9-1989, trang 4.
6. Báo Dân Thanh, Báo Kiến Thiết hàng ngày, tháng 9 và tháng 10 năm 1946. Thư viện Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

VINH CAM RANH, BÁC!

Giữa những ngày huy hoàng nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của nước ta ở thế kỷ XX này, có những phút nào gây cảm xúc nhiều hơn là khi được tin Sài Gòn hoàn toàn giải phóng, khắp miền Nam hoàn toàn sạch bóng quân thù!

Trong những giờ phút thiêng liêng ấy, không một ai không nghĩ đến Bác Hồ kính yêu: nếu mỗi tâm tư tập tộ lại được để có phép nhiệm màu nào, chắc hình ảnh Bác sẽ xuất hiện lên bầu trời bao la ngời sáng trên Tổ quốc ta!

Nhớ nguồn ta uống nước, ta có phút này, là vì ta có Bác.

Tâm trí ai ai cũng hướng về Bác và từ tâm khảm mỗi người thốt lên chân thành câu: “Giá Bác còn sống đến ngày nay...!”

Những người kế thừa xứng đáng của Bác và cả dân tộc ta đã trọn lời thề thiêng liêng trước Bác, đã hoàn thành tốt đẹp nhất hoài bão Bác hằng ấp ủ trọn đời!

Những ngày vừa qua, dân và quân miền Nam nổi dậy và tiến công, làm mỗi chúng ta như đang sống những ngày thần thoại!

Chúng tôi không cắt rốn ở miền Nam, nhưng trên toàn đất nước, đâu chẳng là quê hương!

Khi Cam Ranh giải phóng hoàn toàn, chúng tôi sung sướng đặc biệt. Vì năm 1946, Bác đã dùng chân trong cái vịnh nay ngàn vạn lần lịch sử này!

Đế quốc thực dân Pháp bắt buộc phải ký Hiệp định 6-3-1946, nhưng chúng còn nhiều ảo vọng mong chiếm lại nước ta: chính quyền ta còn trúng nước, chúng muốn một lần nữa cướp lại đất nước xương máu của chúng ta.

Chúng mời Bác sang đàm phán, trong lúc đó, chúng nặn ra “Nam Kỳ tự trị” kéo dài Hội nghị Phòng-ten-blô, cò kè không kết quả. Phái đoàn Chính phủ trở ra về, Bác ký Tạm ước 14-9-1946, và ngày 16-9, Bác rời Pa-ri.

Tàu chiến Duy-mông Duyết-vin đưa Bác về đường biển, từ quân cảng Tu-lông.

Tàu lệnh dênh gần một tháng rưỡi mới về đến Hải Phòng. Qua Ấn Độ dương đến đảo Tích-lan (nay là Sờ-ri Lan-ca) chúng không dám vào cửa bể Cô-lông-bô. Sợ ảnh hưởng của Bác ở Đông Nam Á, chúng đã ở một quân cảng hẻo lánh: Tờ-ranh cô-ma-lê.

Hơn một tuần, Bác và một số anh em được theo Bác về (anh Trần Đại Nghĩa, anh Võ Quý Huân và tôi) buộc phải tạm nghỉ ở kinh thành Can-đi, thủ phủ lúc đó.

Cao ủy đại đô đốc Đác-giăng-li-ơ đánh vô tuyến xin hội đàm với Bác. Bác đồng ý sẽ gặp ở Cam Ranh. Đến cửa biển Xin-ga-po, chúng không dám đỗ, chúng

cổ ý đi chậm, để mãi tới 4 giờ sáng 14-10 mới qua, Bác bảo tôi:

- Chú thức với Bác!

Và trên boong tàu, Bác chỉ cho tôi những đám đèn le lói đêm khuya: những khu lao động vô cùng ảm đạm, khô sở.

Bác trầm ngâm, chắc trào lên bao nhiêu ký ức. Sau khi bước chân xuống phòng nghỉ, Bác nói khẽ, giọng trầm, chậm, trĩu nặng nhớ xưa:

- Năm 30, Bác có qua đây!

Sung sướng bao nhiêu, nay vịnh Cam Ranh lại thật về ta.

Vì Thu 46, giữa trời nước tươi đẹp hùng vĩ của vịnh còn chứng mắt làm sao: một tuần dương hạm Pháp ngạo nghễ đậu, hai thủy phi cơ vo ve bay lượn bảo vệ.

Chúng tôi tự đáy lòng, như không nhịn được: “Bao giờ sạch bóng xâm lăng!”.

Chúng bố trí như thế nào, vừa đúng lễ nghi đón tiếp một quốc trưởng, vừa ngụ ý hòng uy hiếp tinh thần, nhưng qua sao được con mắt từng trải của Bác!

Trong khi chúng tôi đang bàn bạc xem những ai sẽ làm đội tùy tùng theo Bác sang hội đàm, thì Bác nói ngắn gọn:

- Chỉ chú Tước đi với Bác!

Tôi càng ngạc nhiên nhìn Bác, như chờ hỏi. Bác gạt

đầu nhắc:

- Phải, một mình chú!

Thành ra mau lẹ, Bác đã biến cuộc hội đàm thành một cuộc thăm hỏi đơn giản, một ông già chống gậy trúc đi thăm qua quít người quen, như ở trong xóm làng, với một người thầy thuốc cũng mang gậy đi theo!

Cáo già cao ủy được giảng bài học rất cay đã xoa xuýt mấy ngón tay ngũ đoản, môi dẻ quẹo, lưỡi uốn éo, thở ra:

- Dạ, thưa Chủ tịch, mới biết rằng đến tuổi tôi, vẫn còn học được bài học hay: tốt nhất là vẫn đi với... người thầy thuốc!

...Tôi đã kể: Họ mời Bác ngồi vị chủ, giữa tổng tư lệnh hải quân Thái-bình-dương và tổng chỉ huy lục quân Đông-dương. Và mở đầu bữa ăn, tên cao ủy nửa cười nửa thật:

- Ô kìa, thưa Chủ tịch, Ngài được “đóng khung” giữa thủy binh và lục quân đó!

- Nhưng cao ủy quá rõ! Chính là bức họa mới làm cho cái “khung” nổi bật lên đó! – Như phát tên bật ra. Bác tùm tùm cười, đổi lại.

Chúng đều ngưỡng mộ, và tiu nghỉu, trước câu đối đáp nảy lửa, đầy ý nghĩa của Bác.

Còn nhiều đối thoại, rất hay, làm tôi có lúc quên cả thưởng thức món ăn sông, bể, đượm mùi quê hương này.

...Sau đó Bác ra về.

Thật quên sao được quang cảnh vịnh Cam Ranh chiều ấy!

Khó mà tả được hết ánh mắt lúc đó của Bác, ánh mắt gần như muốn thu gọn cả núi non, sông biển, trời mây của vịnh.

Trời đã xế tà.

Núi đỏ, trời xanh: trong biển xanh ánh đỏ cảng mênh mông, hùng vĩ, nổi lên hình tượng Bác, như ngôi sao vàng trên hai màu cờ đỏ xanh, giải phóng!

Thật trên nhiều đất nước, ít có cảnh muôn vàn ghi nhớ, oai hùng như vịnh Cam Ranh ta!

Bác đã dừng bước vạm dậm ở giữa Cam Ranh này, gần 30 năm trước đây, còn bóng tàu địch.

Bác lặng nhìn trời biển, suy nghĩ.

Tôi đứng ngay sau lưng Bác!

Gió lồng, nắng thu chiều, sóng ầm ầm dồn từ biển cả vào.

Đột nhiên, trong khoảnh khắc, hình bóng Bác bỗng như vút lên, che khắp toàn cảnh biển trời núi non bao la trên mặt vịnh.

Phút chốc dường làm tôi chợt thấy như chính hiện lên linh hồn của Tổ quốc, ngùn ngụt bốc trên mây ngàn, sóng cả.

Trong ầm ầm vang vọng của đá, nước, tường đầu

như nghe rõ, vang lên tiếng gọi thiết tha oai hùng của đất nước, người người, lớp lớp, lòng vang dội lên tiếng đáp lại, tha thiết nhất tề, của biết bao nhiêu thế hệ, trước kia ngày nay và cả của mãi mãi mai sau: Một bản anh hùng ca bất diệt, tuyệt diệu của thời đại: đổi thay!

Tôi xúc động quá!

Định thần lại, nhắm mắt, rồi lại mở ra! Thì lại chỉ vẫn thấy, giữa vịnh Cam Ranh muôn thuở, trong mây nước bạt ngàn bao la, hùng vĩ, đứng đó lẫn là: Bác!

Bác mảnh dẻ, nhưng thật chắc, rắn như kết tinh của bao nhiêu năm tranh đấu, từ khi rời đất nước ra đi để cứu nước, cứu dân, thể hiện cả một khối kiên trung hun đúc của cả một dân tộc anh hùng, không bao giờ quỳ gối!

Gian khổ, nắng sương, gió bão đã điểm trên tóc Bác những đám hoa râu đang tung bay êm dịu mà hiên ngang trong gió chiều phần phật, như dấy lên tất cả khí phách hào hùng của con người bất khuất, lúc gian nguy, ra đứng mũi chịu sào...

... Lúc đó, Bác dường như đã vươn thành pho tượng trước mũi thuyền, đang thẳng lướt trên giông tố...

Bác, chợt quay lại, nhìn tôi tận đáy mắt hồi lâu! Rồi Bác mỉm cười tin tưởng: Bác đã nhìn thấy rõ con đường tôi nhất định đi... con đường theo Đảng, theo Bác đến cùng!...

Nay Cam Ranh hoàn toàn giải phóng!

Thành phố Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh hoàn toàn giải phóng!

Khắp miền Nam, hoàn toàn giải phóng!

Hình ảnh Bác lại hiện lên trong tâm trí tôi, rạng rỡ như chiều hôm đó, gần 30 năm về trước.

Năm đó, Bác đã về với đất nước.

Nay đất nước, có Bác, có Đảng, đã trở về với toàn dân.

Từ nay, đất nước Việt Nam, là của con người Việt Nam mãi mãi.

Một kỷ nguyên hoàn toàn mới, đã bắt đầu trong toàn quốc.

Sau bao nhiêu năm gian khổ, nay vô vàn vinh quang!

Có những xúc cảm không lời nào tả hết: nước non nay lại thanh bình!

Và ngày hôm đó, Bác đã nhìn thấy đất nước một ngày sau sẽ hoàn toàn độc lập, tự do: Vì ở sau lưng Bác là cả một dân tộc ngoan cường quật khởi, nhất tề đứng lên, theo tiếng gọi của Bác, của chính nghĩa, của non sông.

Giờ đây, trong những giờ phút hết sức vẻ vang này, hình bóng Bác lại như hiện lên, xán lạn, tỏa khắp nước non, từ nay mãi mãi của ta!

Nhớ lại hôm ấy, thật ra tên cao ủy thực dân cũ đã không thấy Bác là hiện thân của dân tộc Việt Nam bất khuất và bọn thực dân mới cũng không thấy rằng, có

Đảng, có Bác, dân tộc Việt Nam ta sẽ thắng mọi thế lực xâm lược hùng cường. Sau 30 năm kháng chiến, trời đất Việt lại trở về tất cả trong tay người Việt. Và câu trả lời 30 năm về trước, nay có một ý nghĩa thật sâu xa lịch sử: “Chính con người, tâm hồn con người mãi mới là nổi bật khung cảnh, tầm vóc của cả giang sơn gấm vóc của chúng ta”.

Giáo sư, bác sĩ, Anh hùng Lao động

TRẦN HỮU TUỐC

(Nhân chúng có mặt trên tàu Duy-mông Duyết-vin
chở Phái đoàn Chính phủ ta đến vịnh Cam Ranh)

Tư liệu sưu tầm năm 2020.

Đăng trên báo Hà Nội Mới, số 2260, ngày 18 tháng 05 năm 1975.

XUNG QUANH SỰ KIẾN BÁC HỒ ĐẾN VINH CAM RANH

...Sự kiện Bác Hồ gặp đô đốc Đắc-giăng-li-ơ ở vịnh Cam Ranh ngày 18/10/1946 vừa là một ngẫu nhiên vừa là một tất yếu của lịch sử: Ngẫu nhiên vì do phía Pháp chọn địa điểm và thời gian; tất yếu là vì nhất thiết phải có cuộc gặp mặt đó. Phía Pháp, Đắc-giăng-li-ơ đã nhận chỉ thị của chính phủ từ Pa-ri; phía ta, Bác cũng muốn gặp Cao ủy Pháp để thảo luận về việc thực hiện Tạm ước 14/9 một cách cụ thể, đồng thời tranh thủ thời gian hòa hoãn, sẵn sàng ứng phó với mọi tình hình.

Nhưng sự ngẫu nhiên đó mà chúng tôi ở Khánh Hòa gọi là một sự ngẫu nhiên tuyệt vời của lịch sử. Nó đã tạo điều kiện cho Bác có mặt ở vùng biển Cam Ranh của miền Nam Tổ quốc, mà Bác chưa một lần trở lại từ sau ngày 5/6/1911, ngày Bác ra đi tìm đường cứu nước từ bến cảng Nhà Rồng.

Sự ngẫu nhiên càng quý hơn khi Khánh Hòa – Nha Trang đã được Bác nhắc đến hai lần trong lời kêu gọi từ ngay những ngày đầu kháng chiến ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

Lần thứ nhất, trong lời kêu gọi đồng bào đang trên báo Cứu Quốc ngày 29/10/1945 (6 ngày sau khi Nha Trang-Khánh Hòa nổ súng – 23/10/1945), Bác viết: “Quân Pháp nấp đuôi bọn quân đội Anh đã tàn sát đồng bào ta trong xứ; ở Mỹ Tho, ở Tân An, ở Biên Hòa, Nha Trang quân Pháp đã xâm phạm đến nền độc lập của chúng ta. Tâm trí tôi luôn luôn bên cạnh mấy triệu đồng bào quyết chiến đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ cho nền độc lập Việt Nam, để tỏ rõ cho toàn cầu biết rằng dân tộc Việt Nam đầy đủ tinh thần hy sinh chiến đấu...”

Lần thứ hai, trong thư gửi các chiến sĩ miền Nam, in báo Cứu Quốc ngày 22/12/1945, Bác viết: “Chính phủ Dân chủ Cộng hòa Việt Nam khen ngợi chiến sĩ ở các mặt trận miền Nam, đặc biệt là các chiến sĩ ở Nha Trang và Trà Vinh đã làm gương anh dũng cho toàn quốc. Tổ quốc biết ơn các bạn, toàn thể đồng bào noi gương các bạn”.

Hai lần trong vòng hai tháng (10 và 12/1945) được Bác nhắc đến, động viên và khen ngợi, quả thật đó là một vinh dự mà không phải địa phương nào cũng có được.

Điểm thứ hai mà chúng ta cần lưu ý đường lối giành độc lập dân tộc của Bác Hồ. Để giành lấy độc lập, tự do chúng ta đã bắt buộc phải cầm súng chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, nhưng Bác luôn luôn tranh thủ mọi điều kiện, mọi cơ hội để đạt được mục đích ấy bằng hòa bình.

Có lẽ ít có nước nào phải chiến đấu ác liệt, lâu dài với những kẻ thù hùng mạnh như chúng ta, nhưng cũng có có lẽ ít có nước nào vận dụng tài tình phương châm “đánh và đàm” để đạt mục đích, giành thắng lợi từng phần đi đến thắng lợi hoàn toàn như chúng ta. Chỉ riêng cuộc kháng chiến chống Pháp 1945 – 1954, chúng ta đã ký đến 3 hiệp định (Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946, Tạm ước 19/4/1946 và Hiệp định Giơ-ne-vơ 21/7/1954). Trong đó, hai hiệp định Sơ bộ và Tạm ước được Bác trực tiếp ký ở Hà Nội và Pa-ri; không phải trong những điều kiện bình thường mà là với những khó khăn chồng chất. Xin được trích lời kêu gọi của Bác ngày 11/3/1946 sau khi ký Hiệp định Sơ bộ:

“Đồng bào hãy tin tôi và Chính phủ mà tạm hoãn cuộc chiến đấu, mà bình tĩnh chờ đợi kết quả cuộc đàm phán chính thức ở Ba-Lê.

Nay vì sự dùng dằng bên phía Pháp mà đồng bào phần uất.

Tôi kêu gọi đồng bào hãy bình tĩnh, sẵn sàng chờ lệnh Chính phủ”.

Thậm chí, có lúc Bác phải lên tiếng trả lời những kẻ công kích Người ký Hiệp định Sơ bộ: “Hồ Chí Minh không bao giờ bán nước!”.

Theo chúng tôi, điều đó xuất phát từ sự lãnh đạo thiên tài của Bác và của Đảng, một sự nhận định cực kỳ sáng suốt vì tương quan lực lượng ta – địch trong

từng thời điểm, từ niềm tin của Bác với dân tộc và đất nước, từ tinh thần nhân đạo cao cả, yêu thương Nhân dân, quý từng giọt máu của đồng bào và chiến sĩ. Cho nên cuộc gặp Cao ủy Pháp Đắc-giăng-li-ơ ở vịnh Cam Ranh – như một bản tham luận trong hội thảo đã nhận định – chính là nỗ lực tốt bậc của Bác nhằm giải quyết quan hệ Việt – Pháp bằng con đường hòa bình.

Dù sau này, nhà cầm quyền Pháp đã phản bội những điều họ cam kết và Nhân dân ta theo lời kêu gọi của Bác đã cầm vũ khí chiến đấu để giành độc lập, tự do cho đất nước, thái độ thiện chí, cố gắng ngăn chặn chiến tranh của ta đã được toàn thế giới công nhận. Chính nghĩa hoàn toàn thuộc về ta với những cố gắng không mệt mỏi của Bác với tư cách là lãnh tụ tối cao của dân tộc ta.

Với những phẩm chất ưu việt của một người hoạt động cách mạng, một người lãnh đạo Nhà nước, Bác đã được Đại hội đồng UNESCO của Liên Hiệp Quốc Khóa 24, họp từ ngày 20/10 đến 30/11/1987 công nhận là danh nhân văn hóa thế giới nhân kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người (1990). Xin nói thêm là yêu cầu rất cao của danh hiệu Danh nhân văn hóa thế giới là phải tiêu biểu cho nền văn hóa tương lai của nhân loại trước mắt trong thế kỷ 21.

Bốn tiêu chuẩn của danh hiệu Danh nhân văn hóa thế giới mà Đại hội đồng đã xem xét và khẳng định về Bác là: *Một là*, người chủ trương diệt giặc đói, xóa nạn

mù chữ cho Nhân dân; *Hai là*, Người chủ trương giải quyết các cuộc xung đột từ đối đầu sang đối thoại; *Ba là*, chủ trương trồng cây, bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái; *Bốn là*, đạo đức, nhân phẩm, nhân cách cá nhân của người lãnh đạo. Riêng về tiêu chuẩn thứ hai, Đại hội đồng đã nhất trí tuyên dương: “Hồ Chí Minh đã dùng phương pháp đối thoại thay cho đối đầu để giải quyết vấn đề độc lập dân tộc một cách xuất sắc”. Như dư luận quốc tế đã nhận xét: “Đến thập kỷ 90 của thế kỷ 20, Liên Hiệp Quốc mới có chủ trương kêu gọi cộng đồng quốc tế lấy đối thoại thay cho các cuộc đối đầu, cho các cuộc xung đột, điều mà Hồ Chí Minh đã thực hiện cách đây hơn nửa thế kỷ”.

Thú thật là người trong cuộc, chúng ta vẫn chưa thấy hết sự nghiệp vĩ đại của Bác Hồ và mỗi ngày chúng ta càng phát hiện thêm những điều kỳ diệu mới về Bác.

Nhà thơ GIANG NAM

Nguyên Phó Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa,
nguyên Phó Trưởng Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Khánh Hòa,
nguyên Chủ tịch Hội Văn nghệ Phú Khánh

Trích Kỷ yếu Hội thảo khoa học “60 năm ngày Bác Hồ đến Vịnh Cam Ranh”.

ĐIỆN VĂN CỦA ỦY BAN HÀNH CHÍNH KHÁNH HÒA

Nha Trang ngày 31/12 (VNTT)

Ủy ban hành chính Khánh Hòa mới cải tổ theo Sắc lệnh 68 xin kính gửi lời chào mừng Hồ Chủ tịch, tuyên bố ủng hộ triệt để Chính phủ đặt dưới sự lãnh đạo sáng suốt của cụ, hợp tác chặt chẽ cùng quân đội trong tinh thần thực hiện triệt để khẩu hiệu quân dân nhất trí, giết giặc cứu nước, thề chiến đấu đến cùng cho nền độc lập hoàn toàn của Tổ quốc.

Tư liệu sưu tầm năm 2020.

Đăng trên báo Cứu quốc, số 134, ngày 05 tháng 01 năm 1946.

DIỆN VĂN CỦA VỆ QUỐC ĐOÀN TẠI MẶT TRẬN NHA TRANG GỬI VỀ HỒ CHỦ TỊCH

Vệ quốc đoàn ở mặt trận Nha Trang đã gửi bức điện văn sau đây lên Hồ Chủ tịch:

“Toàn thể Vệ quốc đoàn rất vui mừng được tin Chính phủ Trung ương cho hay cụ đã trúng cử với 99% phiếu, chúng tôi rất hoan nghênh tinh thần thống nhất của toàn thể dân tộc, và xin thể đem xương phụng sự tổ quốc dưới quyền lãnh đạo sáng suốt của cụ, chiến đấu vượt qua tất cả các nỗi khó khăn để củng cố nền độc lập cho nước nhà. “Việt Nam Độc lập muôn năm”, “Chính phủ dân chủ cộng hòa muôn năm”, “Hồ Chủ tịch muôn năm”, “Hy sinh vì tổ quốc”.

Thay mặt Vệ quốc đoàn mặt trận Nha Trang, chi trưởng chi 3: Trần Công Khanh.

Tư liệu sưu tầm năm 2020.

Đăng trên báo Cứu Quốc, số 145, ngày 18 tháng 01 năm 1946.

CÔNG NHÂN PHU XE NHA TRANG NHỜ CHUYỂN LÊN CHÍNH PHỦ

Nghịệp đoàn công nhân phu xe Nha Trang thành lập ngày 28-4-1946 đã quyết nghị tuân theo mệnh lệnh Chính phủ có một thái độ đứng đắn đối với Pháp, bỏ tất cả những hành vi nô lệ và nhờ chuyển Hồ chủ-tịch lòng thành kính của họ. Mặc dầu trong phạm vi kiểm soát của quân đội Pháp bị khủng bố, hàng ngày anh em tuyên bố vẫn giữ tinh thần để xứng đáng là dân của nước Việt Nam.

Công nhân phu xe Nha Trang

Tư liệu sưu tầm năm 2020.

Đăng trên báo Cứu Quốc, số 233, ngày 7 tháng 5 năm 1946.

NGUYỄN VĂN CHI

ĐẶC VỤ VIÊN CHÍNH PHỦ

GỬI CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ

Dân chúng và bộ đội Phủ Diên-khánh và huyện Vĩnh-xương tỉnh Khánh-hòa hội họp tại Đại điền ngày 24-4, tại Xuân-phong ngày 26-4, tại Phú-cốc ngày 26-4, độ 8.000 người. Đề nghị tôi đọc thư Hồ Chủ-tịch gửi các chiến sĩ và Đồng bào miền Nam Trung - Bộ, cùng nói chuyện về bản hiệp định sơ bộ. Quân dân hoan hô nhiệt liệt Hồ Chủ-tịch nhờ tôi đọc lời thề trung thành với Tổ quốc và sẵn sàng tuân theo mệnh lệnh Chính-phủ. Đồng bào nhờ tôi điện lời hoan nghênh và ủng hộ các Trưởng Đoàn Việt-Nam đi Pháp và Đà-lạt. Hội họp tổ chức rất trật tự, tinh thần dân chúng rất cao.

Tư liệu sưu tầm năm 2020.

Đăng trên Báo Cứu Quốc, số 233, ngày 7 tháng 5 năm 1946.

LỜI THỀ

CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÁNH HÒA TRONG BUỔI TANG LỄ BÁC HỒ NGÀY 10-9-1969

(Trích)

... Đồng bào và Đảng bộ chúng con từ lâu đã mang nặng những nguyện vọng hoài bão thiết tha không kể gian lao nguy hiểm quyết vượt qua những khó khăn thử thách, nhất là đồng bào căn cứ miền núi chịu bao gian khổ rách lạt, thiết thốn mọi bề cũng quyết hy sinh tất cả, vượt mọi khó khăn hoàn thành nhiệm vụ, tin tưởng tuyệt đối một ngày không xa miền Nam được giải phóng, Tổ quốc được thống nhất, đồng bào và Đảng bộ chúng con sẽ tung bừng tụ họp tại thành phố Nha Trang quây quần đón Bác. Hoài bão, ước mơ đó chúng con đang quyết tâm nỗ lực thực hiện. Nhưng nhiệm vụ chưa tròn, hoài bão thiết tha chưa đạt được thì nghe tin như sét đánh, Bác - Vị cha già của dân tộc, Vị lãnh tụ anh minh sáng suốt vĩ đại nhất của Đảng, của giai cấp công nhân đã từ trần. Ôi! Vô cùng đau đớn tiếc thương, Bác kính yêu vô hạn đã vĩnh biệt chúng con!

Ôi! Đau đớn! Ôi! Tiếc thương! Chúng con ngậm ngùi kính cẩn cúi đầu vĩnh biệt trước anh linh bất diệt của Bác.

... Bác mất đi nhưng tinh thần và sự nghiệp vĩ đại của Bác đời đời sống mãi trong trái tim khối óc của chúng con. Là người đảng viên trung thành vô hạn của Đảng, là người con của Bác, trong phút thiêng liêng vĩnh biệt này, trước vong linh bất diệt của Bác chúng con xin thề:

1. Nguyên hiền dân tất cả đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, cho lý tưởng Cộng sản chủ nghĩa. Đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng, đoàn kết chặt chẽ Nhân dân. Tuyệt đối trung thành tin tưởng sắt đá ở sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, của Ban Chấp hành Đảng bộ Khu 5, nguyện hy sinh đến hơi thở cuối cùng quyết xông lên nỗ lực hơn nữa, không sợ ác liệt hy sinh, để làm tròn nhiệm vụ đánh cho quân Mỹ phải rút hết sạch, đánh cho ngụy quân, ngụy quyền phải sụp đổ hết, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất Tổ quốc.

2. Nguyên học tập tu dưỡng rèn luyện tư tưởng đạo đức tác phong “cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư”, chân thành khiêm tốn giản dị, quyết tâm phấn đấu quét sạch chủ nghĩa cá nhân để xứng đáng là người đảng viên tốt của Đảng được Bác rèn luyện giáo dục từ lâu.

3. Quyết tâm nỗ lực tiêu diệt, tiêu hao thật nhiều sinh lực địch, phá hủy thật nhiều phương tiện chiến tranh và đường giao thông chiến lược, liên tục tấn công, đợt sau cao hơn đợt trước, càng đánh càng mạnh như lời Bác đã dạy chúng con.

4. Ra sức diệt ác, phá kềm, xây dựng thực lực cách mạng bền trong vững mạnh, phát động quần chúng nổi dậy đấu tranh đưa phong trào “3 mũi giáp công” sôi nổi, sâu rộng, cao hơn nữa, quyết đập tan ngụy quyền, giành dân làm chủ.

5. Đẩy mạnh phong trào thành phố tiến lên sôi nổi, rộng khắp. Phối hợp hoạt động chặt chẽ nhịp nhàng giữa thành thị và nông thôn.

6. Xây dựng căn cứ miền núi vững mạnh mọi mặt. Tích cực tăng gia sản xuất, cố gắng giải quyết nạn rách, lạt cho đồng bào. Động viên sức người sức của phục vụ cho tiền tuyến, giải phóng nông thôn đồng bằng, bảo vệ căn cứ miền núi vững mạnh.

Trước mắt chúng con quyết hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch (hè - thu) ở cả ba vùng: Nông thôn, thành phố, miền núi. Trên cơ sở đó, chuẩn bị giành thắng lợi to lớn hơn trong chiến dịch sắp đến cùng toàn miền giành thắng lợi quyết định...”.

Trước vong linh bất diệt của Bác, toàn thể chúng con nguyện: Đời đời nhớ ơn Bác, làm theo lời Bác dạy,

quyết biến đau thương thành hành động cách mạng, để làm tròn nghĩa vụ giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất Tổ quốc, thực hiện lý tưởng Cộng sản chủ nghĩa mà Bác đã rèn luyện, dạy bảo chúng con.

Toàn thể chúng con xin kính cẩn cúi đầu vĩnh biệt trước anh linh bất diệt của Bác kính yêu.

Ngày 10 tháng 9 năm 1969

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
TỈNH KHÁNH HÒA**

HỒI ỨC VỀ LỄ TRUY ĐIỆU HỒ CHỦ TỊCH

Năm 1969, giữa lúc chiến trường Khánh Hòa đang diễn ra ác liệt, cam go, đầy khó khăn, gian khổ, Tỉnh ủy Khánh Hòa nhận được tin Bác Hồ, lãnh tụ kính yêu của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam từ trần vào ngày 3/9/1969. Tin Bác mất làm cho đảng viên, cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân Khánh Hòa bàng hoàng, đau xót và thương tiếc. Từ tỉnh đến huyện và hầu khắp các thôn xã, ngay cả trong vùng địch kiểm soát, trong các nhà lao đều lập bàn thờ truy điệu Bác. Ngày 10/9/1969, Tỉnh ủy Khánh Hòa tổ chức lễ truy điệu Hồ Chủ tịch một cách trang trọng nhất.

Hồi ấy, tôi là phóng viên Thông tấn xã Việt Nam thường trú tại tỉnh Khánh Hòa và được giao nhiệm vụ ghi hình buổi lễ truy điệu của tỉnh. Tôi còn nhớ, hôm đó, tiết trời Khánh Hòa mưa tầm tã, nước sông suối dâng cao, chảy xiết, địa hình bị chia cắt, đi lại rất khó khăn nên nhiều đoàn đại biểu phải vượt sông suối, đi một, hai ngày mới tới nơi dự lễ.

Để kịp thời gian ghi hình, tôi phải đi trước một ngày. Trưa ngày 9/9/1969, tôi rời cơ quan Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy (thôn Đa Râm, xã Khánh Thượng, huyện Khánh Vĩnh ngày nay), vượt qua sông Cái, sông Trang nước chảy xiết, tới Gộp Gia Ngóe và nghỉ lại đó một đêm. Sáng hôm sau, leo dốc khoảng 40 phút, tôi tới địa điểm tổ chức lễ thuộc khu vực dốc Chín Khúc⁽¹⁾. Nơi đây nằm trên trục đường giao liên nối liền các huyện Khánh Sơn, Vĩnh Sơn, Vĩnh Khánh. Lúc này, địa điểm để làm lễ truy điệu đã được Ban Tổ chức chuẩn bị chu đáo, một lán trại bằng tranh được dựng lên trên diện tích đất rộng chừng 500m², phía sau là gộp đá có thể chứa được 400 - 500 người trú ẩn phòng khi có pháo của địch từ Diên Khánh bắn lên. Trong lán, một tấm phong rộng được căng lên, treo cờ Đảng, cờ Tổ quốc và ảnh Hồ Chủ tịch. Một lư hương đặt trên chiếc bàn làm bằng cây Chà Rang và được phủ bằng một tấm vải.

Đến 08 giờ, các đoàn đại biểu và đồng bào dân tộc ở các thôn gần đó đã đến đông đủ. Buổi lễ hôm ấy không có loa đài, micro, băng nhạc quốc ca. Đồng chí đại diện Ban Tổ chức mời các đại biểu vào hội trường và đề nghị mọi người chỉnh đốn trang phục cho lễ chào cờ. Sau đó, Ban Tổ chức giới thiệu các đồng chí lãnh đạo, đoàn đại biểu của các huyện, thị và các đơn vị quân đội và đồng bào dân tộc về dự lễ.

Tại buổi lễ, Đồng chí Sáu Ngô⁽²⁾ - Phó Bí thư Tỉnh ủy đọc điều văn. Giọng của đồng chí nghẹn lại, nước mắt tuôn rơi khi đọc nội dung: “Hồ Chủ tịch kính yêu của chúng ta không còn nữa. Tổn thất này vô cùng lớn lao, đau thương này thật là vô hạn”. Tới đây, cả hội trường òa lên khóc, có người gào lên: Bác ơi! Bác ơi! Các chị phụ nữ khóc nhiều hơn. Đồng bào dân tộc có người chưa được nhìn thấy ảnh Bác nên vừa khóc vừa chỉ tay lên ảnh Bác. Để buổi lễ tiếp tục diễn ra, Ban Tổ chức khuyên mọi người tự kìm chế. Không khí của lán trại trở nên tĩnh mịch, trầm lắng lại, đồng chí Sáu Ngô tiếp tục đọc: “Ôn lại công ơn to lớn của Hồ Chủ tịch, hơn 60 năm qua từ buổi thiếu niên cho đến phút cuối cùng, Hồ Chủ tịch đã dành trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng, cho Nhân dân ta. Người đã trải qua một cuộc đời oanh liệt, đầy gian khổ hy sinh vô cùng cao thượng và phong phú, vô cùng trong sáng và đẹp đẽ”. Đến nội dung: “Hồ Chủ tịch luôn luôn theo dõi sát từng bước đi của cách mạng miền Nam, ngày đêm tưởng nhớ đến đồng bào, chiến sỹ miền Nam với tấm lòng yêu thương không bờ bến. Bác luôn trông đợi, ngày giải phóng miền Nam. Khi đó Bác vào thăm đồng bào, chiến sỹ và các cháu nhi đồng miền Nam, trong đó có đồng bào, chiến sỹ Khánh Hòa. Nhưng nguyện vọng của Bác giờ đây không thực hiện được”, cả hội trường lại òa lên khóc. Một số chị gào to: “Bác ơi! Sao Bác không

đội ngày thống nhất vào miền Nam để chúng cháu được gặp Bác”.

Ngay từ đầu, tôi tự an ủi phải thật bình tĩnh để hoàn thành tốt nhiệm vụ nhưng không biết sao nước mắt cứ thế tràn ra, lòng quặn thắt và xót xa. Bên cạnh, một đồng chí bộ đội gục đầu xuống vai tôi, nước mắt ràn rụa.

Khi đồng chí Sáu Ngô đọc 6 lời thề của quân và dân Khánh Hòa, không gian của hội trường im lặng, không ai bảo ai đứng sát bên nhau, tay cầm tay lắng nghe. Giọng của đồng chí ngày càng mạnh mẽ hơn và to hơn: “Bác mất đi nhưng tinh thần, sự nghiệp vĩ đại của Người đời đời sống mãi trong trái tim, khối óc của chúng con, là những người con của Bác, trong giờ phút thiêng liêng vĩnh biệt này, trước vong linh bất diệt của Bác, chúng con xin thề: Nguyên hiến dâng tất cả đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc giải phóng giai cấp, cho lý tưởng Cộng sản chủ nghĩa. Đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng, đoàn kết chặt chẽ với Nhân dân. Tuyệt đối trung thành ở sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng. Quyết tâm nỗ lực tiêu diệt nhiều sinh lực địch, ra sức diệt ác phá kềm, xây dựng thực lực cách mạng, phát động quần chúng nổi dậy đấu tranh, xây dựng căn cứ miền núi vững chắc, tăng gia sản xuất động viên sức người sức của phục vụ tiền tuyến. Chúng con xin kính

cần cúi đầu vĩnh biệt trước anh linh bất diệt của Bác kính yêu”. Khi đó, cả hội trường giờ tay hô vang: “Xin thề! Xin thề! Xin thề!”

Buổi truy điệu kết thúc nhưng nhiều người còn nán lại và lặng lẽ bước tới gần ảnh Bác chấp tay, cúi đầu vĩnh biệt Bác. Tôi vội vã rời khỏi lán trại sớm nhất. Vừa đi vừa chạy về cơ quan viết tin để kịp truyền tin ra Hà Nội ngay trong buổi chiều hôm ấy.

PHAN VĂN KÍNH

(Nguyên Giám đốc

Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa)

Bài viết năm 2020.

(1) Khu vực này trong kháng chiến chống Mỹ thuộc xã Sơn Thành, huyện Vĩnh Sơn (nay thuộc xã Thành Sơn, huyện Khánh Sơn).

(2) Đồng chí Sáu Ngô tức là đồng chí Tô Văn Ôn.

NỖI ĐAU NÀY KHÔNG CỦA RIÊNG AI

Ngày 2-9-1969 lễ kỷ niệm Quốc khánh được tổ chức trọng thể ở chiến khu cách mạng Hòn Dũ. Nhưng khác với mọi năm, không khí có thể trầm lắng hơn vì biết tin Bác đang ốm nặng. Tất cả cán bộ, chiến sĩ, nhân viên các cơ quan huyện Diên Khánh vừa tiến hành lễ kỷ niệm, vừa lo lắng cho tình trạng sức khỏe của Bác, lắng nghe, chờ đợi những thông báo mới nhất. Đến sáng ngày 4-9-1969 khi trên Đài Tiếng nói Việt Nam phát đi thông cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa: Bác Hồ đã từ trần! Mọi người đều chết lặng trong giây lát như vừa nhận được tin sét đánh, một mát mát vô cùng to lớn mà không bao giờ tìm lại được. Mọi người không ai bảo ai quây quần bên chiếc radiô để nghe hết tin buồn đột ngột này. Nhiều đồng chí đã không cầm nổi nước mắt, không gian trở nên tĩnh mịch tràn đầy nỗi đau thương trống trải, chỉ nghe đây đó vang lên tiếng sụt sùi, thương nhớ, tiếng gió rì rào hòa âm với tiếng chim kêu thánh thót gọi đàn giữa rừng sâu, núi thẳm. Lòng nhớ Bác không nguôi, mỗi người một suy nghĩ, liên tưởng đến công ơn trời biển của Bác và tình cảm sâu nặng của Bác đối với cuộc kháng chiến cứu nước

của đồng bào miền Nam. Bác Hồ đã mất! Rồi đây cuộc kháng chiến có giành được thắng lợi không? Vì Bác không những là vị lãnh tụ tối cao, đưa đường chỉ lối cho cả dân tộc mà Bác chính là niềm tin, nguồn sức mạnh vô địch cổ vũ đồng bào chiến sĩ miền Nam đánh Mỹ. Hình ảnh của Bác luôn có trong tim của đồng bào miền Nam, động viên họ vượt qua bao hiểm nguy gian khổ sẵn sàng đối mặt với quân thù. Từ đây Bác không còn nữa. Khi cuộc kháng chiến thành công, đồng bào và chiến sĩ miền Nam không còn được đón Bác vào thăm. Nguyên vọng thiết tha của đồng bào được một lần gặp Bác thế là không thực hiện được.

Trong những ngày đau thương mất mát đó, ngày 7-9-1969, Huyện ủy Diên Khánh tổ chức trọng thể lễ truy điệu Bác tại chiến khu Hòn Dữ. Toàn bộ các chiến sĩ, các đội vũ trang công tác và hàng trăm cán bộ cơ sở ở vùng địch không quản ngại hy sinh, vượt qua sự kiểm soát gắt gao của quân thù để về dự.

Trong không khí trang nghiêm, tràn đầy xúc động và niềm thương tiếc Bác vô hạn, khói hương trầm bay nghi ngút, mọi người hướng về chân dung của Người - Vị cha già kính yêu của dân tộc, bồi hồi tưởng niệm Bác. Biến đau thương thành sức mạnh, từng đội vũ trang công tác, các ngành lần lượt đứng trước anh linh của Bác, hứa quyết tâm chiến đấu đến giọt máu cuối cùng, thực hiện ước mơ hoài bão của Người.

Một vấn đề đặt ra, có nên tổ chức lễ truy điệu Bác trong vùng địch chiếm đóng hay không? Nhiều đồng chí cán bộ hợp pháp nói thẳng rằng:

- Bác Hồ là vị lãnh tụ chung của dân tộc, Bác mất, nỗi đau này không của riêng ai! Hãy để cho Nhân dân được quyền tưởng nhớ Bác vì không có trở lực nào ngăn cản được lòng dân.

Một phương án để tang Bác được bàn bạc triển khai trong toàn huyện. Lợi dụng phong tục của địa phương, bàn thờ Bác được lập ra tại mỗi ra đình, trước mắt địch. Bọn lính ngục đi lùng soát thấy cảnh tượng lạ, vì sao cả làng đều có người bệnh. Sau khi hỏi đồng bào mới biết dân đang để tang cụ Hồ Chí Minh. Một số giả bộ làm ngơ, một số tỏ lòng thương tiếc Bác thật sự và thấp hương trên bàn thờ Bác.

Trong huyện có một số chùa, điển hình là chùa Đại Phước xã Diên Điền và chùa Hoa Tiên xã Diên An tổ chức lễ cầu siêu, tưởng niệm Bác theo nghi thức nhà Phật.

Trong không khí trang nghiêm, tĩnh lặng, khói trầm bay nghi ngút - Vị sự trụ trì nói rõ:

“Hồ Chí Minh là một đấng chi tôn, đã cứu dân độ thế, cứu dân tộc khỏi ách lầm than, nay Người đã viên tịch, bà con đạo hữu chúng ta hãy tỏ lòng thương tiếc và cầu nguyện làm lễ cầu siêu cho Người”.

Buổi lễ kéo dài hơn một ngày trên 500 người đến

chùa dự lễ. Mọi người ai cũng kính trọng khóc thương Bác. Chưa có buổi lễ nào được tổ chức trọng thể, trang nghiêm kéo dài nhiều ngày với hình thức phong phú, thu hút trái tim của nhiều người như lễ tang Bác trên quê hương Diên Khánh.

Đáp lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, cán bộ, chiến sĩ, Nhân dân Diên Khánh biến đau thương thành hành động cụ thể, hoàn thành nhiệm vụ. Phong trào năm 1970 tiến bộ rõ nét, lực lượng vũ trang đánh thắng nhiều trận trong các chiến dịch HT của tỉnh, cơ sở được củng cố và mở rộng, góp phần cùng cả nước thực hiện Di chúc của Bác.

*(Ghi theo lời kể của các đồng chí cán bộ,
cách mạng ở huyện Diên Khánh)*

NGUYỄN VĂN GHI

Nguyên cán bộ Ban Tuyên giáo Huyện ủy Diên Khánh
Nay là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

NGHE TIN BÁC MẮT

Lúc bảy giờ tôi và anh Năm Ân đang bám hầm bí mật ở thôn Vĩnh Châu thuộc vùng 3 – Nha Trang. Sau khi chuẩn bị kế hoạch cho cơ sở hoạt động trong nội thành xong, tối 1/9/1969, khi anh em chúng tôi đi lên căn cứ ở chân núi Chín Khúc, đối diện với núi Hòn Chùa, để kịp cùng anh chị em đội công tác làm lễ kỷ niệm ngày Quốc Khánh 2/9 năm ấy.... Tôi suy nghĩ thế nào cũng được nghe đài Hà Nội truyền thanh ngày lễ lớn tại thủ đô Hà Nội và nhất định sẽ nghe lời Bác nói chuyện với đồng bào cả nước, hoặc may ra lại được nghe lại lời Bác đọc bản Tuyên ngôn độc lập 2/9/1945 tại vườn hoa Ba Đình lịch sử (sau này mới biết năm 1969 Bác đã ốm nặng). Nhưng sáng 2/9 phải lo thu dọn đồ đạc gọn gàng vì địch đã hành quân canh sát tại xã Vĩnh Trung, có nghi vấn địch lòng nui để đối phó với hoạt động của ta trong những ngày lễ mà chúng thường làm. Qua một ngày khá căng thẳng, tối đến, mới nghe đài đưa tin tường thuật lễ Quốc Khánh tại thủ đô, nhưng không nghe Bác nói chuyện. Chúng tôi đoán thầm là có lẽ Bác bận việc hay đi thăm nước bạn nào đấy chăng? Thế là tâm tư chưa mãn nguyện lắm. Ngày 3/9, chúng

tôi lo sinh hoạt nội bộ vì tôi ấy đi ra làng để nắm tình hình. Sáng 4/9, anh chị em đang còn ngủ mê, nhưng tôi và anh Năm Ân thường dậy sớm và theo thường lệ mở đài Tiếng nói Việt Nam nghe chương trình tin thời sự buổi sáng. Tôi đang nằm trên võng cột ở cây rừng như thường lệ để nghe đài, bỗng nghe phát ngôn viên phát tin rất chậm chạp thông báo của Ban Chấp hành Trung ương tin Bác mất, tiếp đó đọc tiểu sử Bác.... Nghe tin ấy tôi buồn rười rượi cả người, có thể nói xưa nay tôi chưa bao giờ xúc động đến như thế, qua mấy mươi năm chiến đấu ở vùng tạm chiếm thời đánh Pháp, cũng như thời đánh Mỹ, cũng từng gặp nhiều chuyện buồn tủi khi có chuyện đồng chí, đồng bào mình hy sinh, phong trào có lúc gặp tổn thất lớn, đó là những lúc lương tâm bứt rứt, buồn bã nhất. Nhưng Bác mất, lại có tâm trạng buồn khó tả, thấm thấu cho Đảng là một mất mát to lớn, quá sức tưởng tượng, quá sức chịu đựng. Nước mắt chảy ràn rụa, tôi đứng dậy xếp võng, mở tấm ni-lông che mưa, nhưng chiếc ra-đi-ô nhỏ vẫn đeo bên hông và ống nghe vẫn không rời tai.

Anh Năm Ân cũng nghe đài, nhìn tôi, thấy tôi đứng dậy, anh bước đến chỗ tôi. Hai anh nhìn nhau nước mắt lưng tròng, chắc lưỡi và lắc đầu. Nhìn lại 6, 7 anh em đang ngon giấc vì phải qua một đêm ròng đi về làng, chúng tôi ra hiệu để cho anh em ngủ đến 5 giờ 30 sáng sẽ báo thức dậy để đề phòng địch lùng núi. Đúng giờ chúng tôi đánh thức anh chị em dậy và

báo tin tổn thất ấy cho nội bộ biết. Mấy anh em xúm xít nhau trên một tảng đá lạnh bên cạnh lùm cây rừng vừa cháy vừa khô héo.

Tôi thay mặt lãnh đạo báo tin buồn cho anh em. Khó khăn lắm mới nói được một câu vắn tắt: - “Bác mất rồi! Do Bác mắc bệnh này đã lâu”. Các đồng chí nhìn sững tôi, tai đã nghe rồi nhưng vẫn chưa tin, lại hỏi lại với dạng nghiêm khắc: “Anh nói sao?”. - “Bác mất rồi” – anh Năm Ân tiếp lời cho tôi. Cả một tập thể nhỏ đã òa ra tiếng khóc nức nở, khóc không ra lời. Chúng tôi bấm nhìn nhau nhanh chóng mỗi đồng chí về chỗ nắm để cuốn võng, ni-lông lại và súng đạn đều bên hông sẵn sàng chiến đấu. Chúng tôi nhận định địch sẽ lợi dụng tổn thất này để đánh ta như chúng thường làm.

Đến 7 giờ, 8 giờ sáng, trời mùa thu thỉnh thoảng có mưa lác đác. Chúng tôi phân công nhau từng nhóm 2 đến 3 đồng chí đi ngược dốc lên chân núi Chín Khúc để tìm hoa rừng, chọn hoa nào đẹp nhất về làm vòng hoa để làm lễ truy điệu Bác. Anh Ân và tôi lo bẻ cây rừng làm một vòng sẵn để anh em đem hoa về là hình thành xong một vòng hoa vừa đẹp, vừa long trọng.

Phân tôi, đương phải viết một bài “điều văn” (lúc bấy giờ chúng tôi gọi là điều âm) để đọc tại buổi lễ. Đến 9 giờ sáng, quan sát không thấy địch lùm rừng, các đồng chí chúng tôi xúm xít nhau lại tại một khu rừng tương đối bằng phẳng. Hình Bác được đặt lên khung

bằng cây rừng, treo trên tấm ni-lông sạch sẽ. Tôi đọc diếu vắn và anh em xúm xít nhau trước vòng hoa và hình Bác để cúi đầu mặc niệm. Tuy nói là cúi đầu mặc niệm, nhưng thực ra đồng chí nào cũng nhìn chằm chằm vào hình Bác, gạt nước mắt để được nhìn Bác rõ hơn. Tưởng như đang nhìn vào Bác lần cuối cùng. Nhìn vào hình Bác như thực sự sống ở Bác. Đó là cảm tưởng đặc biệt mà đồng chí nào cũng giống nhau. Suốt ngày mà 4 anh em chỉ nhìn nhau buồn tủi, đau xót.

ĐẶNG NHIÊN

Nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa,
Nguyên Chủ tịch Ủy ban MTTQVN tỉnh Khánh Hòa,
Nguyên Bí thư Thị ủy Nha Trang

VẢI TRẮNG - VẢI ĐEN

Đầu tháng 9 năm 1969, tôi về công tác tại Huyện ủy Vĩnh Sơn, lúc đó đang đóng ở xã Sơn Hòa (nay là xã Khánh Thành huyện Khánh Vĩnh). Khi nghe tin Bác mất, tự nhiên tôi bần thần, chân tay bủn rủn. Tôi cảm thấy như người con mất cha, bị bơ vơ. Đồng bào dân tộc ở trong vùng nghe tin Bác Hồ mất cũng ngơ ngác như chim lạc bầy. Nhiều người hỏi chúng tôi: “Bác Hồ mất thật rồi sao? Vì sao Bác Hồ mất? Bác Hồ mất thì ai lãnh đạo dân mình?”.

Làm sao trả lời được cho đồng bào những câu hỏi ấy?

Sáng ngày 5/9/1969, cơ quan Huyện ủy Vĩnh Sơn tổ chức lễ truy điệu Bác. Đề phòng máy bay địch bắn phá, bỏ bom nên cơ quan chỉ mời đại biểu các thôn trong xã và đại biểu các gia đình của thôn Gia Răng, nơi huyện ủy đang đóng. Tuy bài trí đơn sơ nhưng bàn thờ Bác cũng đầy đủ ảnh Bác, lư hương với hương trầm nghi ngút, Quốc kỳ và Đảng kỳ trang nghiêm. Bộ phận kinh tài cũng khẩn trương làm kịp cho mỗi người một băng tang bằng vải đeo ở cánh tay trái và một mảnh vải đen gắn ở trên ve áo trước ngực. Chúng tôi xếp hàng trước bàn thờ lặng lẽ cúi đầu. Không khí thật trang nghiêm.

Bỗng đồng bào dân tộc ở các thôn Gia Răng, Gia Rú, Giồng Cao của xã Sơn Hòa kéo đến rất đông xin dự lễ truy điệu Bác. Nhiều người thấy chúng tôi mang băng tang liền đề nghị cho đồng bào cũng được mang. Đồng chí trưởng ban kinh tài cho người vào kho lấy vải cấp tốc cắt ra làm khăn tang cho đồng bào. Nhưng lúc đó không còn vải đen nữa nên chúng tôi lấy vải trắng làm khăn tang, nhưng đồng bào có người không chịu.

Chị Là Phín là hội trưởng phụ nữ xã Sơn Hòa cứ đòi tôi phải đổi băng tang đen cho chị. Chị nói: “Chị Ba Hiếu ơi! Mình thương Bác Hồ lắm! Phụ nữ dân tộc thương Bác Hồ lắm! Sao không có vải đen như cán bộ?”

Anh La Chiên, cán bộ thanh niên thôn Gia Răng cũng nói: “Thanh niên dân tộc thương Bác Hồ lắm. Phải cho thanh niên mang băng tang đen để nhớ Bác”.

Lúc bấy giờ đồng chí Ama Quang, Bí thư Huyện ủy Vĩnh Sơn vừa khóc vừa nghẹn ngào giải thích cho đồng bào là vải đen vải trắng cũng đều thương Bác, nhớ Bác. Cuối cùng đồng chí Biển, Thường vụ Huyện ủy phụ trách tổ chức phải tìm thêm vải đen làm băng tang cho đồng bào và tất cả cán bộ chúng tôi đổi khăn tang cho đồng bào còn mình chít khăn trắng để tang Bác Hồ.

HỒ THỊ HIẾU kể

(Nguyên Hội trưởng Hội Phụ nữ Khánh Hòa)

Lê Hoàng Hoa ghi

(nguyên cán bộ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa)

CHIẾN SĨ CĂN CỨ ĐỒNG BÒ TRONG NHỮNG NGÀY BÁC MẤT

Tại gộp Suối Lùng căn cứ Đồng Bò, cán bộ chiến sĩ ngay từ sáng ngày 3/9/1969 lặng người đi khi nghe qua làn sóng Đài Tiếng nói Việt Nam báo tin Bác Hồ bị đau nặng. Hằng ngày vào giờ thời sự, mọi người vây quanh, bám chặt lấy radio, lòng thẳng thót qua từng lần nghe thông báo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quốc hội, Hội đồng Chính phủ về tình hình sức khỏe của Bác ngày càng diễn biến xấu hơn. Giọng phát thanh viên chậm chậm rãi đều như những tiếng khóc, buồn đến đứt ruột.

Những người lính cách mạng đã trải qua hàng trăm trận chiến đấu, qua bao nhiêu gian nguy, có khi hiểm nghèo, nhưng chưa lúc nào và không có gì có thể làm họ nao lòng, xúc động dữ dội đến thế. Anh em ngồi lặng im như đá trên gộp, linh cảm một điều gì đó thật kinh khủng có thể xảy ra. Ai cũng lo sợ, nhưng không một ai dám nói. Và sự thật tàn nhẫn, khủng khiếp ấy đã đến: Bác ra đi, vĩnh biệt cả dân tộc... bàng hoàng và đau xót đến quặn lòng. Sự mất mát, hẫng hụt quá đồi to lớn này không có gì so sánh được, không có lời lẽ nào diễn

đạt được. Trên những gò má sạm đen vì nắng mưa của người chiến sĩ, nhìn những dòng nước mặt lặn lẽ giàn giụa, vừa thương Bác lại vừa thương nhau. Giữa mùa nắng nóng như nung đá ở cuối tháng 8 đầu tháng 9, trời bỗng sục sùi lúc mưa, lúc tạnh. Nhìn ra cửa gộp, mưa giăng giăng trắng trời. Về đêm, lại âm thầm trong tiếng mưa rơi, không một ai ngủ được.

Từ nhiều thập kỷ, sau Cách mạng tháng 8/1945 “Cụ Hồ” - “Giá Hồ” – “Bác Hồ” – “Cha già dân tộc”... đối với quân dân Khánh Hòa đã là biểu tượng của trí tuệ, tài năng, tình cảm, tâm hồn của dân tộc, ở nơi sâu thẳm của từng lòng người, Bác thật là thiêng liêng, tôn kính, nhưng lại rất đỗi yêu quý, gần gũi xiết bao. Từ anh tự vệ, du kích của thời chống Pháp, đến anh biệt động thành, bộ đội địa phương thời chống Mỹ, ai ai cũng mong có ngày được gặp Bác. Tuy chưa một lần gặp Bác nhưng ai cũng đều được Bác truyền cho tình thương, niềm tin và nghị lực.

Trước đó chưa đầy một năm, tháng 10 – 11 năm 1968, sau cuộc tập kích lớn của các lực lượng vũ trang cách mạng Khánh Hòa vào các sào huyệt, hang ổ của địch tại thành phố Nha Trang, các thị trấn và vị trí quân sự, địch hoàn hồn, cũng cố lại và đã xua quân càn quét khốc liệt vào căn cứ Đồng Bò này, hòng tiêu diệt “tiệt nọc” Việt cộng. Cả một trung đoàn 29, sư đoàn 9 Bạch Mã, một tiểu đoàn của sư đoàn Mãnh Hồ của quân Nam

Triều Tiên đã đổ quân bằng trực thăng tràn chải từ đỉnh đến chân núi nhiều lần, dùng khối lượng lớn bom đạn, thuốc nổ, lựu đạn, hơi độc... đánh toi tã các gộp đá, tường chùng như không còn một sinh vật nào có thể tồn tại. Như một sự phi thường thần thoại, với lý tưởng chiến đấu vì Độc lập, Tự do của Bác, các chiến sĩ căn cứ Đồng Bò của Bác Hồ trong cảnh bị bao vây dài ngày: thiếu nước uống, ăn lá rừng, cháo loãng, vậy mà vẫn kiên cường ép người trong các vách gộp đá, dùng lựu đạn và một số vũ khí bộ binh ít ỏi khác, tiêu diệt hết tốp địch này đến tốp địch khác, sau đó rút ra khỏi vòng vây một cách tài tình, bảo vệ được lực lượng trước sự bất lực, căm tức và kinh ngạc của kẻ thù. Sức mạnh tinh thần của Bác Hồ truyền cho các chiến sĩ đã biến thành sức mạnh vật chất vô địch. Vào đầu năm 1969, anh em vẫn còn được nghe thơ Bác chúc Tết. Cán bộ, chiến sĩ ai cũng nức lòng bởi lời mừng xuân cũng là lời hiệu triệu chiến đấu hào hùng của Bác:

*Năm qua thắng lợi vẻ vang
Năm này tiền tuyến chắc càng thắng to
Vì Độc lập, vì Tự do
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào
Tiến lên!
Chiến sĩ đồng bào!
Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn.*

Vậy mà Bác ra đi quá đột ngột, không ai không xót xa, đau đớn. Cách mạng đang thắng lớn, tuy còn nhiều khó khăn, các chiến sĩ ta vẫn rất tin tưởng vào thắng lợi mai sau. Nhưng trước đau thương này, như một diễn biến tâm lý thường tình, ai cũng băn khoăn cho vận nước vừa bị vắng người chèo lái thiên tài.

Lễ tưởng niệm Bác Hồ vào một buổi tối được tổ chức trong gộp đá lớn do Thị ủy Nha Trang chủ trì. Số người có mặt tại căn cứ gồm cán bộ, nhân viên, chiến sĩ của Thị ủy, Thị đội và đơn vị trực thuộc, các đội công tác xây dựng phong trào, các cơ sở cách mạng từ thành phố lên.... Trên năm mươi người hội tụ lại. Bàn thờ có ảnh Bác, có nến, có nhang... khói hương nghi ngút. Đây là đám tang của một gia đình đông con cháu. Anh Đặng Nhiên – Phó Bí thư Thị ủy nghẹn ngào đọc lời diếu Bác. Trong thương cảm vô hạn, các chiến sĩ lực lượng vũ trang không ai bảo ai đã đứng sát vào nhau, nắm chặt tay nhau hơn. Đau thương mà không bi lụy, mọi người dần lòng phải sống và chiến đấu sao cho xứng đáng với lòng thương yêu, tin cậy của Bác, để ở nơi vĩnh hằng, Bác được vui lòng.

Lễ truy điệu Bác ở Đồng Bò có ý nghĩa như một lễ xuất quân, thực hiện mệnh lệnh giải phóng quê hương, đất nước của Bác Hồ. Từ nơi này - căn cứ cách mạng Đồng Bò nổi tiếng của Khánh Hòa, lực lượng vũ trang cách mạng tỉnh đã tung ra nhiều trận xuất kích, đội sấm

sét vào đầu quân thù, thu nhiều thắng lợi lớn.

Cũng dịp này, kẻ thù lợi dụng việc Bác mất, mong đánh một đòn tinh thần nặng nề hòng làm chiến sĩ ta lơ lửng tay súng. Máy bay L19 của địch lè vè chỗ loa xuống các dãy núi đá, vòng lượn, rải nhải giọng chiêu hồi. Việc làm đại đột của địch xúc phạm lớn, thổi bùng lên lòng căm giận của những cầm súng cách mạng. Địch lại tiếp tục nhận lấy sự trừng phạt nặng nề hơn.

Những ngày đau xót vĩnh biệt Bác Hồ, mãi mãi trở thành một kỷ niệm lớn trong đời, in đậm trong tình cảm của các chiến sĩ đã từng chiến đấu trên mảnh đất lịch sử Đồng Bò.

NGUYỄN VIẾT DUỆ

Nguyên cán bộ Ban Tuyên huấn
Tỉnh đội Khánh Hòa

ĐỂ TANG BÁC HỒ Ở CHUÔNG CỌP CÔN ĐẢO

Chuông cọp 2 Côn Đảo vào những ngày mùa đông, gió bắc thổi hun hút, lạnh thấu xương, người tù chính trị bị giam ở đây chân bị còng suốt cả ngày đêm, chỉ được mặc một bộ quần áo rách tả tơi. Không chiếu, không chăn và nằm trên nền xi mang lạnh ngắt.

5 giờ ngày 29/11/1969 các cửa của 60 ô chuông cọp mở toang. Cả đoàn trật tự và giám thị vào tháo còng, đẩy chúng tôi ra sân.

Lại đàn áp nữa ư? Chúng tôi thâm nghĩ và chuẩn bị tinh thần. Cũng như mọi lần, những người tù chính trị chống chào cơ nguy, chống làm khổ sai sẵn sàng chịu đựng và đứng vững ở trận địa đấu tranh ác liệt này. Nhưng địch lặng lẽ và dồn chúng tôi lên lao 4 ở kế chuông cọp. Tuy chưa biết mặt nhau nhưng trên 100 anh em chúng tôi đã hòa nhau, cùng nhau phán đoán và bàn kế hoạch đấu tranh. Nổi căng thẳng càng căng thẳng hơn lúc 9 giờ đã nghe ló nhố tiếng người và qua lỗ cửa thấy hàng hàng chớp nón lá lướt qua. Đúng là “các bà” ở đất liền ra. Địch phải hối hả dọn trống chuông cọp để “đón” các chị ấy. Đầy phụ nữ ra Côn Đảo đã là tàn bạo mà còn nhốt phụ nữ vào chuông cọp đó là việc làm

không còn chút tình người.

Thật không ngờ, tin được nghe đầu tiên dội vào người như sét đánh. Các chị đã báo tin: Bác Hồ muôn vàn kính yêu đã tạ thế ngày 3/9/1969. Định xúc chị em ra Côn Đảo để trả thù vì các chị đã tổ chức trọng thể lễ truy điệu và để tang Bác Hồ tại lao Chí Hòa. Theo gương các chị, cả lao Chí Hòa tù nhân các loại đều làm lễ truy điệu và để tang cho Bác.

Bàng hoàng, nhiều anh em chúng tôi đã khóc. Hình Bác lại hiện ra trong tôi, như đã hiện ra trong những ngày bị khảo tra ác liệt. Tìm đâu ra một mảnh vải đem cài vào áo để tang cho Bác. Anh em chúng tôi đứng im, mặc niệm. Với những người tù bị tách biệt lâu ngày, việc cấp bách bây giờ là tổ chức ngay đội ngũ củng cố tin thần, biến đau thương thành sức mạnh. Chúng tôi kể cho nhau nghe về Bác. Tôi vẫn còn nhớ buổi chiều tháng 7 năm 1959 tại Hà Nội, chúng tôi được gọi đến Văn phòng Trung ương Đảng. Nguyên vọng của những anh em chuẩn bị về Nam công tác, sau khi đã học xong Nghị quyết Trung ương Đảng họp lần thứ 15 về đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà là xin được gặp Bác Hồ.

Tại căn phòng được trải thảm với hai hàng ghế xa lông sang trọng, trên bàn bày kẹo và thuốc lá, chúng tôi hồi hộp, chờ đợi.

Từ cửa sau, Bác bước ra, Người hồng hào nét ung dung trong bộ quần áo nâu, dép cao su quen thuộc.

Chúng tôi chưa kịp chào thì Bác xua tay và bảo.

- Các chú dẹp ghế, đến ngồi gần Bác, đem cả kẹo và thuốc lá lại đây luôn.

Tất cả sà về phía Bác, nhiều đồng chí lâu nay chưa gặp Bác đã ngồi sát chân Bác để nhìn cho kỹ.

Bác hỏi:

- Các chú học tập nghị quyết, đã thông chưa?

Tất cả đáp:

- Thừa Bác, chúng cháu học và hiểu được.

Bác lại nói:

- Hiểu thế nào, chú nào nói cho Bác nghe.

Tất cả im lặng, như nín thở. Tôi hồi hộp vì Bác có thể chỉ đến mình để trả lời câu hỏi của Bác. Đúng vậy, Bác cười và chỉ một đồng chí đang ngồi gần: - Chú này, nói cho Bác nghe.

Thoát được cơn hồi hộp, chúng tôi bấm nhau che miệng cười, vừa cười, vừa nhai kẹo. Còn đồng chí trả lời cho Bác thì ấp a, ấp úng. Bình thường trong tổ anh là người có lý luận, ý kiến mạch lạc trôi chảy. Bác lắng nghe, nhìn vào chúng tôi triu mến thân thương. Một không khí cha con đầm ấm tỏa rộng mà cũng là tấm lòng của lãnh tụ cao nhất của Đảng, của dân tộc đối với những cán bộ đảng viên sắp đi làm nhiệm vụ. Nghe xong, Bác tóm tắt nội dung tình hình thế giới và trong nước, nhiệm vụ của cách mạng miền Nam, sau đó Bác dặn:

- Các chú đi làm cách mạng thì phải có quyết tâm và tin tâm. Phải hết lòng hết sức phục vụ Nhân dân, phải làm cho dân tin, dân phục, dân yêu. Cán bộ phải gương mẫu. Những lúc khó khăn càng phải gương mẫu.

Rồi Bác kể:

“Lúc ở Việt Bắc vũ khí của ta rất thiếu, mà khi đi công tác chú nào cũng đòi súng. Biết lấy súng ở đâu? Một bữa nọ Bác đóng vai một ông già người Tày, tay ôm con gà đi ngang qua đồn địch. Sau đó Bác lại trở về. Không ai xét hỏi gì cả. Lấy chuyện đó, Bác giải thích, không có súng thì dùng mưu trí, Bác vẫn đi công tác được. Từ đó về sau, lúc đi công tác không chú nào đòi súng nữa”.

*

* *

Tôi không có được cách nói truyền cảm và kể lại câu chuyện về Bác cho các bạn tù ở chuồng cọp II, cùng nghe. Nhưng mọi người đều im bất lặng nghe.

Bên ngoài gió hiu hiu thổi vọng lại tiếng của các chị kêu đòi nước, đòi mở cửa chuồng cọp và cả những tiếng ca hát tập thể. Bọn trật tự và giám thị đi lại chắc lưỡi chửi thề, ngán sợ các bà. Chúng mang còng sắt đến khóa chân chúng tôi...

Tháng 11 năm 1989

LƯU VĂN TRỌNG

(Nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa)

LỄ TANG BÁC TRONG TÙ

Sau cuộc bạo động ở nhà tù Thủ Đức chống địch thẩm sát ba chị em tù nhân vào giữa tháng 8 năm 1969, địch chuyển chúng tôi về giam tại khám Chí Hòa. Vì bị động không chuẩn bị trước nên chúng tạm giam chúng tôi tại hành lang ở tầng hai rất tối tăm ngột ngạt. Việc sắp xếp chỗ ở chưa ổn định thì một buổi sáng tới phiên tôi trực, ra cửa gặp bọn cai tù để đòi nước uống cho chị em. Vừa ra cửa, tôi gặp ngay một trung sĩ ngục, cũng đang ở tù, vừa đi đi, lại lại vừa đánh đàn trước cửa. Thấy tôi, anh ta nhìn trước, nhìn sau rồi lại gần hỏi nhỏ:

- Mấy bà có nghe gì không?
- Không, không nghe gì – Tôi trả lời.
- Hồ Chí Minh chết rồi. Đài Hà Nội mới thông báo hôm qua⁽¹⁾.
- Thiệt sao? – Tôi hỏi lại.
- Thiệt chớ! Bộ dám nói láo với mấy bà sao?

Qua thái độ và cách nói của người trung sĩ có vẻ chân thật, có ý báo tin cho mình biết, tôi vội vào báo cho chị em.

Nghe tin nhiều người sửng sốt, bàng hoàng nhưng cũng có chị em nữa tin nữa ngờ, sợ bọn địch tác động chiến tranh tâm lý chăng? Nhiều người suy luận có thể Bác Hồ qua đời thật vì tuổi Bác quá cao, sức yếu, công

việc đất nước nặng nề, miền Nam chưa được giải phóng làm Bác ăn không ngon, ngủ không yên.... Không khí trong phòng trở nên lạnh lẽ. Mọi người hồi hộp lo lắng, chờ đợi. Nhưng rồi tin bên lao nam báo sang chính thức Bác Hồ đã qua đời.

Thế là hết! Vị lãnh tụ kính yêu của chúng ta đã qua đời. Người đã vì dân, vì nước và luôn luôn quan tâm đến quyền lợi của phụ nữ, nhi đồng. Người đã không còn nữa, nỗi đau đớn không sao kể xiết. Chị em òa khóc nức nở. Một lúc sau, nén đau thương, chị em bàn nhau làm thế nào để tổ chức lễ tang Bác thật trang nghiêm, biểu thị lòng tôn kính của chị em đối với Bác, cho dù đang ở trong nanh vuốt của kẻ thù và cũng là một hình thức đấu tranh với địch về mặt dân chủ và chính trị.

Làm thế nào để có địa điểm để tang Bác thật thuận lợi? Chúng tôi lại gặp bọn quản đốc Chí Hòa đòi dòi xuống tầng trệt cho rộng hơn. Địch phải chấp nhận.

Sau khi dời xuống tầng trệt, chúng tôi liền lo tổ chức lễ tang Bác. Tất cả thùng đựng đồ chị em được huy động để xếp thành một cái bàn tương đối cao, bên trên phủ chiếc khăn bàn rộng có thêu hoa đẹp. Các chị em khéo tay lấy giấy màu kết thành bình hoa và làm hoa giấy đủ màu rất đẹp. Tôi bí mật nhờ một giám thị có cảm tình với cách mạng mua nhang để đốt trên bàn thờ. Và trong suốt thời gian lập bàn thờ có nhang đốt cháy liên tục. Đáng tiếc là không có ảnh Bác nhưng mỗi chúng tôi với lòng thương tiếc Bác vô vàn nên vẫn như thấy Bác hiển hiện trên bàn thờ. Tất cả chị em chúng tôi

đều có khăn tang trắng chít trên đầu (còn bên lao nam các đồng chí đeo băng tang đen trên áo trước ngực).

Chiều ngày 5 tháng 9, chúng tôi làm lễ truy điệu Bác trong phòng giam. Chúng tôi xếp hàng lặng lẽ, đứng mặc niệm hồi lâu bên bàn thờ Bác. Chị Tám Dẽ, một đồng chí cao tuổi và cũng là người ở tù lâu nhất đọc diếu văn. Diếu văn không dài nhưng chị đọc không được suôn sẻ, nghẹn ngào và phải đứng lại nhiều lần vì tiếng khóc nức nở của chị em.

*“Đọc diếu văn trong nghẹn ngào nức nở
Nước mắt tuôn trào đứt quãng từng câu
Ba trăm chị em òa lên tiếng khóc
Và bên lao nam trăm mặc cúi đầu”⁽²⁾*

Trong gần một tuần lễ để tang Bác. Bọn cai ngục ở khám Chí Hòa không dám đàn áp, Chúng không dám động đến tình cảm của chị em đối với Bác Hồ. Một số giám thị cũng biểu hiện tình cảm thương tiếc Bác. Nhưng rồi bọn ngục quyền cấp trên sợ chúng tôi nhân dịp này sẽ tiến hành những cuộc đấu tranh mới trong tù, chúng có biện pháp đối phó. Tôi và một số chị em bị chúng đày đi Côn Đảo vào cuối tháng 9 năm 1969.

NGUYỄN THỊ NHIỄU kể
(Nguyên Hội trưởng Hội Phụ nữ Khánh Hòa)

Lê Hoàng Hoa ghi
(nguyên cán bộ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa)

(1) Tức ngày 3 tháng 9 năm 1969.

(2) Trích đoạn trong bài thơ “Khóc Bác” do chị Nhiễu sáng tác trong những ngày để tang Bác.

KHÓC BÁC

Ban biên tập: Chị Nguyễn Thị Nhiều, nguyên là Hội trưởng Hội Phụ nữ tỉnh Khánh Hòa. Chị đã từng bị Mỹ ngụy bắt tù đầy ở các nhà lao Thủ Đức, Chí Hòa, Côn Đảo.... Ngày Bác Hồ mất, chị đang bị địch giam cầm ở nhà lao Chí Hòa. Để nói lên tình cảm của mình và của những người trong nhà tù Mỹ - ngụy đối với Bác Hồ, chị đã sáng tác bài thơ “Khóc Bác”. Bài thơ được phổ biến rộng rãi trong nhà tù Chí Hòa.

Bác đã đi rồi Bác Hồ ơi!

Nghe tin như sét đánh lưng trời,

Đất dưới chân tưởng chừng sụp đổ

Bác không còn nữa Bác Hồ ơi!

Những tưởng một ngày kia gặp Bác

Tại Thủ đô hay ở miền Nam,

Để thỏa lòng ước mơ tha thiết

Của lòng con, cháy đỏ thời gian

Đồng bào miền Nam trong trái tim của Bác

Thương nhớ miền Nam, Bác chưa được vào thăm

Thương tiếc muôn vàn Bác Hồ ơi

Giờ đây trong lao tù oi bức
Râm rập linh canh và bầy cai ngục
Mỗi dải khăn tang quấn trên đầu
Chúng con khóc Bác! Bác Hồ ơi!
Bàn thờ đơn sơ không ảnh Bác
Lòng chúng con tràn ngập kính dâng
Bỗng thấy Bác hiện ra trước mắt
Dáng hiền hòa lồng lộng, mệnh mông
Đọc điệu văn trong nghen ngào, nước nở
Nước mắt tuôn trào đứt quãng từng câu
Ba trăm chị em òa lên tiếng khóc
Và bên lao nam đang trầm mặc cúi đầu
Chúng con khóc mấy ngày, lòng quặn thắt
Mắt sưng và trời đất tối tăm
Bạn tù hỏi nhau vì sao Bác mất?
Bàn linh vị đơn sơ, nghi ngút khói hương trầm.
Chúng con khóc Bác đất trời như cũng khóc
Se se⁽¹⁾ biểng bay và mây cũng ngừng trôi
Cả không gian như phủ màu tang tóc
Bác đi xa rồi chẳng hồi Bác Hồ ơi?
Chúng con biết ngày mai giặc bỏ
Giặc trả thù tra khảo dã man
Nhưng ở đây cả ngàn người khăn tang trắng xóa

*Chúng lặng im như hóa đá, lặng câm.
Di chúc Bác chúng con đã đọc
Học thuộc lòng từng chữ, từng câu
Lời Bác dặn, chúng con xin nhớ
Lời nước non ghi tạc ơn sâu.*

NGUYỄN THỊ NHIỄU kể
(Nguyên Hội trưởng Hội Phụ nữ Khánh Hòa)
Lê Hoàng Hoa ghi
(nguyên cán bộ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa)

(1) Chim sẻ.

TẤM LÒNG NGƯỜI DÂN KHÁNH HÒA VỚI BÁC HỒ

Ngày nay mỗi lần vào thăm Nhà Bảo tàng cách mạng tỉnh Khánh Hòa, đến phòng trưng bày kỷ vật thời chống Mỹ, cứu nước ta sẽ thấy ngay chiếc mặt dây chuyền bằng vàng có lồng ảnh Bác Hồ, đặt trên nền lụa đỏ để trong hộp kính. Kỷ vật đó mang một sự tích đầy ý nghĩa, biểu hiện tấm lòng người dân Khánh Hòa đối với Bác Hồ.

Vào một sáng cuối tháng chạp năm 1982, như thường lệ, tôi đang làm việc trong phòng bỗng nghe có tiếng gõ cửa. Tôi ra mở cửa, một người phụ nữ bước vào, đó là chị Ba Thỏ, quê xã Diên An. Trông chị đáng người mảnh khảnh vẻ hiền lành, tuổi chị độ ngoài bảy mươi. Gặp chị, tôi vụt nhớ lại những hình ảnh của chị trong ngày đầu kháng chiến đã hết lòng ủng hộ cách mạng làm cho tôi và nhiều anh chị em mỗi khi nhắc đến đều mến phục.

Tôi mời chị vào phòng cho ấm. Chị đến nhờ tôi khám chỗ viêm loét ở bờ lưỡi, làm chị đau nhức không ăn nhai được. Chị nói: “Có người bảo có thể là ung thư lưỡi”. Tôi lấy dụng cụ khám và chẩn đoán đó là ổ

viêm loét gọi là áp-tờ. Tôi khuyên chị đừng lo sợ mà ảnh hưởng đến sức khỏe, chị cần chấm thuốc và uống thuốc độ 7 – 8 ngày là lành. Nghe tôi nói sẽ lành, chị rất mừng.

Thấy chị an tâm và vui vẻ, tôi nói với chị: “Hôm nay, gặp chị Ba làm tôi hồi tưởng lại những ngày đầu kháng chiến”.

Ngày đó quân Pháp gây chiến ở Nha Trang, các bác sĩ Lê Khắc Quyến, bác sĩ Lê Văn Tân, bác sĩ Nguyễn Quý Phẫu về xã với chúng tôi tìm địa điểm để sơ tán bệnh viện Khánh Hòa. Chúng tôi thấy nhà chị rộng thoáng gần đường, xe cấp cứu tải thương đi lại thuận tiện, nên đề nghị chị cho mượn nhà để làm trạm cấp cứu quân y tiền phương. Chúng tôi vừa đề nghị là chị đồng ý ngay và cho dọn đồ đạc, tập trung lại để trống nhà cho quân y triển khai sử dụng. Chị và gia đình dọn sang ở nhờ nhà bà con bên cạnh.

Sau độ một tháng, đề phòng lộ địa điểm, toàn bộ quân y viện chuyển lên xã Trường Lạc cách mặt trận độ 13 cây số. Quân y viện dọn đi, chúng tôi mượn lại nhà chị làm trụ sở để tiếp đón các đoàn quân Nam tiến mà Trung ương gửi từ miền Bắc vào chi viện cho mặt trận Nha Trang và mặt trận Sài Gòn.

Nghe tôi kể và nhắc lại bao chuyện cũ trước đây, chị xúc động lấy khăn lau nước mắt. Chị nói: “Nghe cậu kể làm tôi nhớ hoàn cảnh của quân y mình lúc đó thiếu

thốn quá. Băng vải thiếu, phải lấy lụa bẹ chuối băng vết thương nên dễ bị nhiễm trùng lan rộng, thương binh phải bị cưa cắt. Kháng chiến mình lúc đầu là gian khổ, bộ đội mình chịu đựng hy sinh quá chừng”.

Tôi hỏi chị: “Sau khi mở mặt trận Cây Da – Quán Giếng⁽¹⁾, chị Ba tản cư về đâu?”, “Lúc Tết, Tây lên Diên Khánh, tôi và gia đình tản cư về trại ruộng ở xã Mỹ Đồng huyện Vạn Ninh. Đi đâu rồi cũng gặp cách mạng, cũng gặp anh em mình”. Nghe chị nói sao mà thân thương, sao mà triu mến quá sức. Nó biểu hiện lên tình cảm quân dân cả nước, gắn bó keo sơn như da thịt vậy!

Chị kể tiếp “Ra Vạn Ninh tôi tích cực tham gia ủng hộ góp vào quỹ nuôi quân cho bộ đội ăn no đánh giặc. Tháng 7/1954, huyện tổng kết kháng chiến chống Pháp có mời tôi lên báo cáo. Trong 9 năm tôi đã ủng hộ 3600 gia lúa”. Tôi nhẩm tính như vậy là 360 tấn lúa chứ ít đâu.

Một tuần sau chị Ba đến khám lại. Chỗ loét đã lành, chị rất mừng. Thấy chị lành bệnh phần khởi, tôi gợi chuyện đề nghị chị kể lại chuyện chiếc giầy chuyền vàng có lòng ảnh Bác Hồ mà chị đeo trong thời gian kháng chiến chống Mỹ, hiện trưng bày ở Bảo tàng tỉnh.

Chị nói: “Năm 1954 tôi về lại xã Diên An. Rút kinh nghiệm trước đây, lúc này tôi thận trọng giữ bí mật hơn. Tôi thường gởi tiền, gạo, thuốc qua tay cháu Thuận để đem nó chuyển lên căn cứ. Sau cháu thoát ly lên Khu và

làm quản lý bệnh xá Đồng Bò rồi hy sinh lúc bọn lính Nam Hàn bao vây. Tôi lại nhờ chị Điểm, một đảng viên ở gần nhà tiếp tục chuyển đồ tiếp tế cho anh em mình ở chiến khu. Năm 1968, trên gởi về tặng cho tấm ảnh chụp Bác Hồ trên lễ đài. Tôi đặt cho hiệu vàng trên chợ Thành làm cho mặt giấy chuyển bằng vàng tây 18 kara. Tôi dặn thợ làm mặt giấy chuyển có lắp kính đồng hồ đeo tay tròn. Khi lấy về tôi đặt ảnh Bác Hồ vào cái khung lại và luôn luôn đeo trên cổ”. Tôi chăm chú nghe chị kể vừa suy nghĩ vừa hỏi thêm: “Chị Ba, lúc đó chị nghĩ như thế nào mà chị làm mặt giấy chuyển lồng ảnh Bác Hồ để mang trong người như vậy?”.

Chị liền trả lời: “Số là lúc đó tôi sắm chiếc đài bán dẫn để nghe nhạc và tin tức. Thường ban đêm tôi mở nghe đài Hà Nội qua chiếc tai nghe cắm vào máy để tránh địch theo dõi. Năm nào cũng vậy, hễ đến giao thừa là tôi nghe Bác Hồ chúc Tết, nghe giọng nói của Bác để theo dõi sức khỏe của Bác. Tết năm 1968, nghe Bác chúc Tết có những câu:

“Đánh cho Mỹ cút đánh cho ngụy nhào

Tiến lên! Chiến sĩ đồng bào

Bắc – Nam sum họp xuân nào vui hơn”

Tôi đoán bụng chắc năm nay mình sẽ đánh lớn. Đúng vậy, Tết Mậu Thân toàn miền Nam nổi dậy tiến công. Tháng 9 năm 1969 nghe đài mình báo là Bác Hồ qua đời ai cũng buồn. Tôi và chị Điểm buồn quá sức,

hai chúng tôi khóc tiếc thương Bác. Hôm đài Hà Nội loan tin tổ chức lễ tang và đọc Di chúc Bác Hồ, hai chị em chúng tôi mở đài theo dõi và khóc nức nở. Thế là Bác không còn nữa để đi thăm đồng bào miền Nam ngày thống nhất đất nước. Càng nghĩ đến Bác, tôi càng khóc và nảy sinh ra ý nghĩ làm giấy chuyển, lồng ảnh Bác trong mặt giấy chuyển vừa là để tang Bác vừa là khi nào nhớ Bác là đưa mặt giấy chuyển lên để nhìn Bác cho đỡ nhớ và coi như Bác Hồ còn sống mãi....

Chị kể tiếp: “Giữa năm 1975, có mấy cô cán bộ ở nhà Bảo tàng tỉnh lên nhà, tôi đưa giấy giới thiệu của tỉnh đề nghị tôi tặng chiếc mặt giấy chuyển có lồng ảnh Bác để trưng bày ở Nhà Bảo tàng tỉnh. Tôi sẵn sàng tặng Nhà Bảo tàng chiếc mặt giấy chuyển có ảnh Bác mà tôi đang đeo.

Tôi hỏi thêm chị: “Trong lòng địch, mật thám đầy đường, chị đeo ảnh Bác Hồ như vậy mà không sợ địch nó phát hiện và bắt bỏ tra tấn, giết chết sao?”.

Chị trả lời gọn: “Nếu sợ thì tôi đã không đeo. Tôi có cách của tôi chứ. Mấy đứa cháu trong nhà hỏi, tôi nói là đeo ảnh ông nội tụi nhỏ. Vì hình cha tôi cũng có chòm râu giống như ảnh Bác. Mỗi khi đi ra ngoài thì tôi mặc chiếc áo dài để che ảnh”....

Chị Ba có ý kiến muốn xem lại kỷ vật chị đã tặng. Tôi lấy xe đưa chị sang Nhà Bảo tàng. Chị hướng dẫn và thuyết minh đưa chúng tôi lên phòng trưng bày hiện vật.

Chị thuyết minh kể lại cho chị Ba và tôi nghe chuyện: “Hôm trước có đoàn phụ nữ Liên Xô ghé thăm Nhà Bảo tàng có một chị ngoài 60 tuổi, quê ở Stalingrad, khi được nghe thuyết minh về lịch sử chiếc mặt giầy chuyền có ảnh Bác Hồ là của một phụ nữ ở xã Diên An, cách Nha Trang 9km, lúc ấy vùng này đang ở trong vùng chính quyền Mỹ Thiệu quản lý. Chị người Liên Xô đứng lặng hồi lâu trước hiện vật và khóc vì quá xúc động. Chị ấy nói: “Hồi chiến tranh thế giới lần thứ hai Stalingrad bị quân phát xít Hít-le (Hiller) chiếm đóng cũng có một bà cụ làm một việc giống y như thế này là đeo sợi dây chuyền có lồng ảnh Lê – nin. Bọn phát xít phát hiện, bắt bà cụ và đem ra xử tử ngay. Nói đến đó chị càng xúc động, và ngậm ngùi: “Việt Nam cách xa Stalingrad gần 2 vạn cây số nhưng lại có hai người phụ nữ có cùng một suy nghĩ, một cử chỉ và hành động giống nhau đến như vậy! Nhưng dù sao chị phụ nữ Việt Nam này có diễm phúc được tận mắt nhìn ngày thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc do Đảng Cộng sản Việt Nam và Bác Hồ lãnh đạo”.

Bác sĩ KIỀU XUÂN CU'

Nguyên trưởng khoa Bệnh viện tỉnh Khánh Hòa

(1) Cây Đa – Quán Giếng là phòng tuyến sau cùng lúc bấy giờ ta bố trí để bao vây địch trong thị xã Nha Trang.

NGƯỜI MẸ TIÊN DU VỚI BÁC HỒ

Tôi còn nhớ rõ hồi đó là năm 1946, Tết năm ấy là cái Tết kháng chiến đầu tiên của Nhân dân Ninh Hòa. Lúc ấy Ninh Hòa là hậu phương của mặt trận Nha Trang và cả Tây Nguyên trong những ngày đầu kháng Pháp. Những ngày cuối năm giáp tết, mặt trận Buôn Ma Thuột bị vỡ, quân Pháp được tăng viện quân số, xe cơ giới, máy bay, pháo lớn đã ồ ạt tiến xuống Ninh Hòa theo quốc lộ 21. Nghe nói lực lượng ta ở đèo Phụng Hoàng phải rút lui. Ở Ninh Hòa, chính quyền cách mạng và lực lượng vũ trang ta còn non trẻ không đương cự nổi với bọn Pháp, phải rút lui. Khoảng 3 giờ chiều thì giặc Pháp chiếm được thị trấn Ninh Hòa. Hôm đó, đúng ngày 27 tết. Được sự hướng dẫn của chính quyền cách mạng các xã đồng bào ta nhanh chóng tản cư vào rừng núi phía đông và phía tây huyện – phía Đá Bàn và khu Hòn Hèo. Các cơ quan dân, chính, Đảng của ta đều đóng trong các hang đá và một số chùa kín đáo ở Hòn Hèo.

Hồi đó tôi mới có 32 tuổi, còn tràn đầy sức lực, nhiệt tình, hăng say hoạt động lắm. Mà không chỉ riêng tôi, trong làng từ cụ già đến các cháu nhi đồng, ai ai cũng hăng hái hội họp, học tập chính sách, ca hát nhảy

múa, luyện tập tự vệ bảo vệ xóm làng, học bình dân xóa nạn mù chữ....

Một hôm, tôi được một đồng chí đến báo lên chùa Lỗ Nhân ở Hòn Hèo để gặp cán bộ Việt Minh. Tôi hỏi họ chẳng biết việc gì, nghĩ đây chắc là việc hệ trọng lắm. Tôi lập tức thu xếp công việc và bí mật đi ngay.

Chùa Lỗ Nhân nay thuộc xã Ninh Thọ, là một nơi an toàn, kín đáo, nằm sâu trong Hòn Hèo. Xung quanh chùa cây cối rậm rạp, đường đi vào chùa nhỏ hẹp, đá sỏi gập ghềnh. Trước cửa chùa có một cây nhãn nên gọi là chùa Lỗ Nhân. Về sau tôi được biết, đây là nơi làm việc, sinh hoạt, ăn ở của Huyện ủy và ủy ban Mặt trận Việt Minh huyện Ninh Hòa. Nhìn cán bộ ta sống và làm việc trong điều kiện gian khổ, thiếu thốn vô cùng khổ tâm. Tuy vậy, mọi người đều hoạt động khẩn trương, tin tưởng, mặc dù biết rằng ở nhiều nơi trong huyện giặc Pháp đang tấn công vào bộ đội, cán bộ, tự vệ, tàn sát đồng bào ta. Được gặp lại các đồng chí tôi rất mừng. Các đồng chí hỏi tôi về tình hình ở xã rồi đi ngay vào mục đích của cuộc gặp gỡ. Các đồng chí nói với tôi:

- Chị Ba à, từ ngày khởi nghĩa giành chính quyền đến nay, chị là một quần chúng tích cực của cách mạng. Ủy ban và mặt trận ghi nhận thành tích của chị. Giặc Pháp bội ước, xé bỏ Hiệp định sơ bộ 6-3, chà đạp lên tấm lòng thiện chí của Chính phủ ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, Chúng tấn công vào bộ đội và Nhân

dân ta. Đêm 19 rạng sáng ngày 20/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi toàn dân đứng lên chống Pháp xâm lược, bảo vệ nền độc lập mới giành được. Đồng bào Nam bộ, Bắc bộ đã đứng lên chống Pháp. Nhân dân Nha Trang đứng lên đánh Pháp từ cuối tháng 10 năm 1946. Lực lượng vũ trang của huyện ta cũng đứng lên chống Pháp lần chiếm khi chúng từ Buôn Ma Thuột kéo xuống. Nhưng lực lượng của ta còn non trẻ lắm.

Cuộc kháng Pháp của nhân dân ta mới bắt đầu, còn gặp gian khổ, hy sinh nhiều lắm, nhưng nhất định sẽ được thắng lợi cuối cùng. Tổ chức mời chị tới đây để giao cho chị một nhiệm vụ là giữ cho bằng được một lá quốc kỳ và một tấm ảnh Bác Hồ. Đoàn thể mong chị giữ gìn cho thật cẩn thận cho đến ngày nước nhà giành được độc lập. Lúc ấy chị hãy giao lại lá quốc kỳ và tấm ảnh Bác Hồ cho cách mạng. Đó chính là lòng yêu nước và lòng trung thành của chị đối với Tổ quốc, đối với vị cha già dân tộc. Liệu chị có làm được không?

Nghe các đồng chí nói tôi rất xúc động, sung sướng xen lẫn hồi hộp. Tôi nghĩ không hiểu vì sao cách mạng lại tin tôi, giao cho một việc hệ trọng như vậy. Trong làng, trong xã còn biết bao nhiêu người khác có công với cách mạng, bao người là nòng cốt của Mặt trận Việt Minh. Tôi nghẹn ngào không biết nói gì với bao ý nghĩ lộn xộn trong đầu, chỉ trả lời ngắn gọn:

- Cách mạng đã tin và giao cho tôi thì tôi xin nhận

và giữ gìn cẩn thận lá cờ và tấm ảnh Bác Hồ, dù có phải hy sinh cả tính mạng.

Tôi cất lá cờ Tổ quốc và tấm ảnh Bác vào một nơi kín đáo trong người rồi từ biệt các đồng chí ra về. Tôi đi nhanh mong sao chóng đến nhà. Trên đường đi tôi không dám gặp và nói chuyện với ai. Vừa đi vừa nghĩ không biết giấu lá cờ và tấm ảnh nơi nào cho kín đáo, bí mật, an toàn và khỏi hư hỏng. Về tới nhà định thần lại, tranh thủ lúc vắng người tôi đem lá cờ và tấm ảnh Bác Hồ ra coi cho thật kỹ. Lá cờ tư vuông 40 x 60 phân, may tay ngôi sao vàng năm cánh nổi bật trên nền đỏ, trông giản dị mà thiêng liêng làm sao. Còn ảnh Bác Hồ thì chụp kiểu chân dung, in trên giấy cứng, rất rõ nét, ảnh chụp Bác nhìn chính diện, mặt Bác rất gầy nhưng hai mắt Bác sáng ngời đầy cương nghị. Tấm ảnh kiểu 3x4 chỉ nhỏ bằng ngón tay. Đó là lần đầu tiên tôi được nhìn kỹ ảnh vị cha già dân tộc mà bấy lâu mong ước. Dân mình mới hưởng độc lập được mấy tháng, quân Pháp ào đến chiếm lại nước. Cờ Tổ quốc, ảnh Bác lúc đó hiếm lắm, nhất là ở thôn quê. Đồng bào mình nghe nói cụ Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập ở vườn hoa Ba Đình, Hà Nội, nhưng đã mấy ai thấy được hình ảnh Bác. Ai cũng mong ước có được một tấm ảnh Bác nhưng làm sao có được. Biết vậy nhưng tôi không dám cho bà con hàng xóm xem lá cờ và ảnh Bác, ngại lắm.

Tôi tìm được cái hộp kem đánh răng tròn, bằng

thiếc loại kem được dùng phổ biến trong kháng chiến chống Pháp, tương tự như hộp phấn dùng làm đẹp cho phụ nữ bấy giờ. Tôi bỏ hết kem ra lau rửa sạch sẽ rồi để tấm ảnh Bác vào đấy đóng kín lại, lại lấy ni lông bọc kỹ hộp kem có để ảnh Bác. Còn lá cờ tôi cũng gói kỹ trong một miếng ni lông dày. Hồi ấy tìm được một miếng ni lông thật là khó, phải vào tận Nha Trang mới tìm thấy. Vào một đêm tối trời, khi mọi người trong nhà đã ngủ cả, tôi nhẹ nhàng cạy lớp vữa dưới chân tường trong nhà rồi đặt hai bọc ni lông có gói lá cờ và ảnh Bác vào trong khe tường rồi dùng vữa trát lại như cũ. Sáng dậy, tôi lại quét vôi chỗ ấy sao cho hoàn toàn giống những chỗ khác. Làm những việc ấy trong lòng vừa hồi hộp xúc động, vừa vui sướng tự hào nghĩ tới ngày đất nước độc lập, tự do, cả làng nhìn thấy lá cờ Tổ quốc và tấm ảnh Bác Hồ thật sung sướng biết bao nhiêu.

*

* *

Trong suốt chặng đường của cuộc trường chinh chống Pháp, chống Mỹ đầy gian khổ hy sinh, tôi đã không từ gian khổ bất cứ nhiệm vụ gì, dù hy sinh tính mạng, để ủng hộ cách mạng. Nhà tôi hồi còn ở Ninh Giang cũng như khi qua Tiên Du, Ninh Phú, bao giờ cũng là nơi che dấu cán bộ, bộ đội về hoạt động bí mật tại địa phương. Tôi đưa tin, làm liên lạc, nắm tình hình địch để báo cho cơ sở của ta, làm công tác binh vận, ủng

hộ tiền của, thuốc men...

Ngày 3 tháng 9 năm 1969, Bác Hồ qua đời, đó là cái tang lớn nhất của dân tộc. Nỗi thương đau đè nặng lên tâm hồn. Hàng tháng trời lòng tôi buồn rười rượi, chẳng thiết ăn uống làm lụng gì. Tôi đã cùng nhiều bà con cơ sở bí mật rủ nhau mua nhang đèn, hoa, trái cây lập bàn thờ cúng viếng Bác. Tôi muốn khoét lỗ tường lấy ảnh Bác ra để lên bàn thờ cúng vong linh Bác. Nhưng sống giữa nanh vuốt của quân thù đành chôn chặt ước vọng cháy bỏng ấy trong lòng. Dường như hiểu được ý muốn của Bác Hồ là không muốn cái chết của mình làm suy giảm ý chí chiến đấu của Nhân dân ta chống kẻ thù. Tôi tự động viên mình hãy vững vàng, chớ mềm yếu bởi nỗi đau đớn lớn lao ấy. Gặp cán bộ mặt trận tôi được các đồng chí ấy động viên phải biến đau thương thành hành động, lại lao vào hoạt động bất chấp mọi hiểm nguy đe dọa từng giờ.

Năm 1973, Hiệp định Pari được ký kết, lệnh ngừng bắn được ban bố có hiệu lực. Nhưng quân thù nào có chịu bó tay. Chúng thực hiện kế hoạch “vết dầu loang” giành dân chiếm đất với ta, tôi đã cầm ba lá cờ của Chính phủ Cộng hòa miền Nam Việt Nam lên núi Hòn Hèo để chống lại âm mưu của chúng. Tôi cũng xung phong căng tấm băng-rôn dài, màu đỏ với câu khẩu hiệu nổi tiếng mà Bác Hồ đã nêu trong hội nghị đặc biệt 1967 “Không có gì quý hơn độc lập tự do” lên đỉnh Hòn

Hềo để chứng tỏ uy thế của cách mạng.

Địch rình rập nhiều lần định bắt tôi nhưng chúng không có chứng cứ. Chúng âm mưu giết tôi và cả gia đình tôi một cách “ám muội”. Vào một đêm tối trời, chúng lén lút gài hai trái mìn claymo trước cửa nhà, nếu có ai ra vào sẽ lập tức vướng nổ. Nhưng may thay con chó chạy qua đã làm nổ hai trái mìn. Tôi ngã xuống nền nhà ngất đi.

*

* *

Mùa xuân năm 1975, quê hương sạch bóng quân thù. Bầu trời lại trong sáng. Tôi như trẻ lại, tự hào vui sướng trở lại ngôi nhà xưa cũ ở Ninh Giang để lấy lá cờ và tấm ảnh Bác Hồ, những kỷ vật còn quý hơn cả vật gia bảo của một dòng họ. Tôi hồi hộp lắm. Ba mươi năm trôi qua, gần một ba thế kỷ rồi còn gì. Liệu nó có còn nguyên vẹn như xưa không. Tay run run, tim đập như trống dồn, tôi cạy lớp vữa ở chân tường lấy hai gói ni lông ra, cẩn thận gỡ bọc ni lông gói lá quốc kỳ. Ôi lá cờ đã bị mối xông hỏng nhiều chỗ nhưng màu cờ vẫn đỏ tươi với ngôi sao vàng năm cánh. Tôi lại gỡ bọc ni lông thứ hai mở nắp cái hộp bằng thiếc. May thay tấm ảnh Bác vẫn còn nguyên vẹn, chỉ bị ố vàng vài chỗ xung quanh. Vẫn vàng trán cao ấy, vẫn đôi mắt sáng ấy của Bác nhìn thẳng vào tôi. Tôi cầm lá cờ và tấm ảnh Bác áp sát vào ngực mình, nơi trái tim đang đập mạnh, lòng

bồi hồi xúc động. Hình ảnh và lời dặn dò của các đồng chí cách ba mươi năm như vang lên bên tai tôi:

- Đoàn thể tin ở chị, chị hãy giữ lấy lá cờ Tổ quốc và tấm ảnh Bác Hồ cho đến ngày nước nhà hoàn toàn độc lập. Đó chính là lòng trung thành của chị đối với Đảng, với Bác Hồ.

Vậy là tôi đã thực hiện đúng lời dặn dò thiêng liêng ấy.

*(Ghi theo lời kể của bà **NGUYỄN THỊ TRÙ**,
thôn Tiên Du, xã Ninh Phú, huyện Ninh Hòa)*

Nguyễn Thế Đoàn ghi

Nguyên cán bộ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa

CÂU CHUYỆN GIỮ ẢNH BÁC VÀ CỜ ĐỎ SAO VÀNG

Cụ Ngô Thị Chưa quê ở Diên Sơn (Nhân dân thường gọi là cụ Bên), năm nay 83 tuổi đầu tóc bạc phơ, mắt hơi mờ, nhưng đầu óc vẫn còn minh mẫn.

Cụ có 3 người con trai là liệt sĩ: Huỳnh Ngụ, Huỳnh Khẩn, Huỳnh An và ba cô gái là: Huỳnh Thị Sự, Huỳnh Thị Sanh, Huỳnh Thị Mười trong kháng chiến chống Mỹ đều bị đi tù. Chồng là cụ Huỳnh Huynh cũng bị tù về nhà ốm chết. Đặc biệt, cụ giữ một tấm ảnh Bác Hồ và một lá cờ đỏ sao vàng ngót 30 năm, trải qua hai cuộc kháng chiến.

Lời cụ Ngô Thị Chưa kể: “Tôi giữ tấm ảnh Bác Hồ và lá cờ cách mạng từ hồi đánh giặc Pháp, rồi đánh giặc Mỹ cho đến ngày hết giặc chẳng biết mấy chục năm. Giữ tấm ảnh Bác và cờ cách mạng khó lắm, có nhiều lần tôi suýt chết. Tôi nhớ một lần gói ảnh Bác và lá cờ cách mạng trong miếng ni lông đem đút dưới đồng gạch sau nhà. Bọn nó đến thăm nhà và vườn của tôi. Chúng thấy hầm bí mật, đem mìn thả xuống làm hầm nổ tung, đồng gạch cũng bị tung lên mà may quá, tấm ảnh Bác và lá cờ không bay lên. Có lần tôi đem ảnh Bác và lá cờ cách mạng đút trong khe cột, lấy đất và tro trộn lại trét kín bên ngoài. Chúng nó đến tra hỏi tôi cất giấu tài liệu “Việt

cộng” ở đâu? Tôi cứ trả lời ba tiếng “Tôi không biết”. Nó xăm vách, xăm nhà, đục cột để tìm, nhưng may quá cây cột tôi giấu ảnh Bác và lá cờ cách mạng nó không đụng đến. Khi chúng kéo nhau đi. Tôi thở phào nhẹ nhõm. Tôi nghĩ có lẽ Bác linh quá, đã phù hộ cho tôi tai qua nạn khỏi vì vậy tôi lại càng tin tưởng Bác nhiều hơn nữa”.

- Giữ ảnh Bác Hồ và cờ cách mạng có khi kề bên cái chết mà sao cụ không sợ cứ giữ? Tôi hỏi. Cụ Chưa trả lời: Ai có sống lâu hiểu hết thời vua quan, thời Pháp Nhật, rồi thời giặc Mỹ mới thấy quý trọng ảnh Bác Hồ và cờ cách mạng. Đến bây giờ, có câu tôi nói trước quên sau mà lời dạy của Bác tôi vẫn thuộc lòng: “Thà chết chứ không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”. “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Những câu ấy rất sâu sắc với cả dân tộc nhưng đối với tôi là người phụ nữ lại càng sâu sắc. Vì vậy, tôi tin cách mạng do Bác Hồ lãnh đạo nhất định sẽ thành công. Một niên, gia đình tôi đã chết vì cách mạng, một niên bị tù đầy, bản thân tôi, tôi không nhớ bị mấy lần tù vì nhiều lần quá..., để đỡ buồn, đỡ nhớ chồng, thương con tôi chỉ biết có gằn gữi Bác Hồ. Cụ nói đến đây nghẹn ngào xúc động, ngừng lại lấy khăn lau nước mắt rồi nói tiếp: “Sau ngày giải phóng tôi mừng quá đem ảnh Bác và lá cờ cách mạng treo lên bàn thờ để tưởng nhớ công ơn Bác và chồng con đã hy sinh vì nước, vì dân”.

LÊ XUÂN CẢNH ghi

Nguyên Phó Ban nghiên cứu lịch sử Đảng
tỉnh Phú Khánh

BA TỜ GIẤY BẠC CÓ HÌNH BÁC HỒ

“Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, tôi làm xã đội trưởng dân quân tự vệ, rồi đại đội trưởng xung phong. Tôi nhớ cuộc cách mạng do Bác lãnh đạo thành công ai nấy đều thấy như mình đi trong đêm tối mới nhìn thấy ánh sáng. Tôi phấn khởi quá đặt tên cho ba đứa con trai tôi tên là: Lê Hồng Thái, Lê Hồng Phong, Lê Hồng Sương để tưởng nhớ các nhà cách mạng. Hai đứa đã hy sinh cho cách mạng là Lê Hồng Phong và Lê Hồng Sương, được công nhận là liệt sĩ. Bây giờ nói đến ba tờ giấy bạc có ảnh Bác Hồ mà tôi đã giữ ngót ba mươi năm là vì hồi đó (1946) ảnh Bác Hồ hiếm lắm. Tôi nghe nói Chủ tịch Hồ Chí Minh là Cụ Nguyễn Ái Quốc, lãnh tụ cách mạng vĩ đại, nên tôi rất muốn xem ảnh Bác mà chẳng tìm đâu ra. Khi thay chính phủ đổi bạc Việt Nam lấy bạc Đông Dương, tôi đổi được 340 đồng, thấy trong tờ bạc có ảnh Bác Hồ tôi mừng quá. Từ ấy, mặc dù sống trong vùng địch kìm kẹp, tôi đã tìm đủ mọi cách để cất giữ hình Bác. Tôi bỏ trong bóp, gói ni lông đem để trên ngọn cau, hoặc bỏ trong hộp thiếc trên nóc nhà. Bây giờ mắt tôi đã mù không còn thấy gì nữa, nhưng tôi vẫn hình dung được hình ảnh của Bác có vàng trán cao, đôi mắt sáng, bộ râu thưa và nụ cười rất đôn hậu.

Theo cụ Lê Thuồng, Diên Sơn, Diên Khánh, Khánh Hòa

LÊ XUÂN CẢNH ghi

(Nguyên Phó Ban nghiên cứu lịch sử Đảng
tỉnh Phú Khánh)

HÃY CHO CON SỨC MẠNH

Từ năm 1970 đến 1975, tôi là đội trưởng đội công tác xã Ninh Diêm⁽¹⁾. Nhiệm vụ của đội công tác là diệt ác phá kềm hỗ trợ cho đồng bào nổi dậy đấu tranh chống Mỹ - ngụy. Là xã nằm ở chân núi Hòn Hèo, chúng tôi còn có nhiệm vụ bảo vệ chiến khu Hòn Hèo, đưa đón các đoàn cán bộ xuống đồng bằng công tác.

Thủy Đàm là một thôn của xã Ninh Diêm gần chân núi Hòn Hèo nhất. Chúng tôi chú ý xây dựng nhiều cơ sở đây, để tiến đánh địch ở các thôn khác như Bá Hà, Ngân Hà, Mỹ Lương⁽²⁾, Phú Thọ, Bình Tây⁽³⁾ và cũng để rút về Hòn Hèo nhanh chóng. Về phía địch, chúng cũng thường xuyên càn quét Thủy Đàm để ngăn chặn ta từ Hòn Hèo tiến xuống

Với chủ trương xây dựng lực lượng mật, bám dân hoạt động, chúng tôi thường tổ chức kết nạp đội viên ngay tại xã. Trong buổi kết nạp, tuy đơn sơ, nhưng cũng có Quốc kỳ và ảnh Bác Hồ. Không tiện mang về căn cứ nên mỗi lần làm lễ kết nạp đảng viên mới hoặc đội viên đội tự vệ xong chúng tôi thường gửi Quốc kỳ và ảnh Bác Hồ tại nhà bà Lê Thị Ngò một cơ sở tin cậy của chúng tôi ở thôn Thủy Đàm.

Nhà bà Lê Thị Ngò tuy không rộng lớn nhưng kín đáo và bà chỉ sống một mình. Nhiều lần chúng tôi đã tổ

chức lễ kết nạp đảng viên, đội viên hoặc chi bộ ở đây. Bà Ngò canh gác rất chu đáo. Bà đã đào một hầm bí mật ngoài vườn để khi nào chúng tôi cần ở lại thì ẩn nấp.

Một lần chúng tôi vừa tổ chức kết nạp đảng viên mới vừa xong thì một cơ sở bên Bá Hà báo sang là trung đội tên Lê H đang kéo lên Thủy Đàm. Chúng tôi rút lui nhanh chóng, Bà Ngò vội dấu cờ, ảnh Bác và bố trí lại nhà cửa để xóa đi vết tích.

Vừa lúc đó tên H cùng bọn tay chân kéo vào. Chúng quát:

- Bọn thằng C vừa họp ở đây phải không?

Bà bình tĩnh trả lời.

- Ông nói chi lạ! Nhà như thế này có chỗ đâu mà hội họp?

Chúng lục soát khắp trong nhà và ngoài vườn. Không thấy gì chúng vội kéo ra phục kích các nơi trong thôn Thủy Đàm. Mờ sáng địch rút và bắt bà cùng một số người nữa trong thôn đưa về Bình Tây. Chúng tra khảo bà trong ba ngày, bắt bà khai báo những hầm bí mật, những cơ sở của chi bộ và đội công tác. Niềm tin với Bác Hồ với cách mạng, như tiếp thêm sức mạnh cho bà không hề run sợ trước những đòn tra tấn của quân thù. Trước sau như một, bà một mực trả lời chúng: Tôi già yếu rồi làm sao mà biết được đội công tác ở đâu? Làm gì? Không có bằng cứ, mười ngày sau chúng thả bà về.

Sau ngày giải phóng, tôi đã tặng bà Ngò một tấm ảnh Bác Hồ rất lớn và đẹp. Bà đã đặt hình Bác trên một vị trí trang trọng nhất trên bàn thờ của gia đình với tình cảm trân trọng đặc biệt người cha già của dân tộc.

*(Theo lời kể của đồng chí **NGUYỄN BÁ CƯỜNG***

Nguyên Bí thư Huyện ủy huyện Ninh Hòa)

Lâm Quang Trục ghi

(Nguyên giảng viên Trường CĐSP Nha Trang)

(1) Nay là phường Ninh Thủy và phường Ninh Diêm, thị xã Ninh Hòa.

(2) Nay thuộc phường Ninh Thủy.

(3) Nay thuộc phường Ninh Diêm.

GẠO CỦA BÁC HỒ

Trời đã sang thu, Thôn Cà Thiêu, nơi thượng nguồn sông Giang, thác đổ âm âm, bọt nước tung trắng xóa. Hai vợ chồng người Rắc-lay đang buông cần câu cá. Ngồi bên cạnh họ là một bé gái chừng 6 tuổi. Bóng họ soi xuống nước lung linh, hòa với bóng trời, mây.... Một cơn gió thoảng qua, những cánh hoa sỏ rụng rơi theo dòng nước. Vài con cá lượn lên đớp mồi.

Nhìn cảnh ấy, không ai nghĩ rằng nơi đây và cả vùng đồng bào dân tộc ở Khánh Sơn, Khánh Vĩnh vừa xảy ra nạn đói. Trận bão lụt năm 1952 và hạn hán kéo dài đầu năm 1953 đã tàn phá hết hoa màu. Ở những nơi còn chút ít bắp, mì đã bị giặc Pháp càn quét, đốt phá. Đồng bào phải đi đào khoai mì, củ năn, hái lá rau rịa, trái gắm..., ăn cho đỡ đói.

Sau khi chào hỏi, tôi hỏi thăm người chồng Ama⁽¹⁾ Lược về đời sống. Anh nói:

- Mình không đói nữa, da mặt trắng, tay, chân mập rồi. Nhờ có gạo Bác Hồ cứu đói. Miệng nói, tay anh chỉ lên rẫy bắp trải dài theo bờ sông, lên tận sườn núi. Xen với bắp là những hàng mì xanh tốt.

Tôi hỏi vui: - Sao ha⁽²⁾ lại nói gạo của Bác Hồ. Bác

Hồ đi công tác vô đây sao, mà cho đồng bào? Hỏi vui đấy thôi, tôi đã biết chủ trương cứu đói này là thực hiện điện khẩn cấp của Hồ Chủ tịch gửi cho Liên Khu ủy 5. Thi hành chỉ thị này ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu 5 đã cấp cho tỉnh Khánh Hòa 40 triệu đồng bạc tín phiếu để đổi ra bạc Đông Dương mua lương thực cứu đói và giúp đồng bào có rạ, bắp giống, lúa giống để sản xuất.

Vội về xúc động, Ama Lực kể:

- Bộ đội không biết sao? Cả làng đói quá, sáng phát rẫy, trưa phải đi đào củ để ăn. Cái tay không nghe nổi cái đầu của mình, nó run, nó không cầm nổi cái rạ. Thiệt là Giàng⁽³⁾ không thương. Đang rầu rĩ thì gặp may. Cán bộ huyện và bộ đội mang gạo về cứu đói cho dân làng. Nó còn cho rạ, bắp giống để làm rẫy cho kịp mùa. Huyện nói đây là gạo của Bác Hồ cứu đói cho đồng bào. Đồng bào có ăn, cố gắng đoàn kết, giúp nhau sản xuất và đánh giặc Tây để nó không phá làng, phá rẫy, để không bị đói nữa. Năm nay được mùa, dân no nhờ ơn Bác Hồ, Bác Hồ ở xa mà biết dân đói, lo cho dân như cha lo cho con.

Nhồi thuốc lá vào ống điều rồi châm lửa, rít một hơi dài, nhả khói, anh lại kể tiếp, về cầm thù trào lên khóe mắt.

- Bộ đội biết không, lúc bị đói lũ tui bứt mây, phơi cau khô. Cả 20 người gửi xuống Thành⁽⁴⁾ bán cho bà

Mịch, không bán cho thằng Ma Đại tay sai Pháp ở đồn Cẩm Sơn. Nó bóc lột lắm. Bà Mịch cũng ăn lời nhiều, nhưng trả được 100 đồng thì Ma Đại chỉ trả 20 đồng. Lúc trở về thằng Tây xếp đồn và Ma Đại bắt cả 20 người vào đồn Cẩm Sơn, đánh đập, tra điện. Nó hãm hiếp 2 phụ nữ. Gạo muối mua được nó lấy hết. Bọn Pháp ác lắm. – Anh lắc đầu, giọng cảm động: May mà có gạo Bác Hồ. Dân làng có ăn, cứng cái tay, cái đầu gối, làm ra bắp lúa. Có ăn no và nuôi bộ đội, du kích đánh Tây. Bác Hồ thương dân lắm. Ơn Bác Hồ to như hòn núi cao. Đồng bào nhớ ơn Bác Hồ miết miết⁽⁵⁾ như nước sông Giang chảy không bao giờ hết.

Việc đã diễn ra cách đây 37 năm. Suốt cả những năm dài chống Pháp rồi chống Mỹ, đồng bào các dân tộc miền Tây tỉnh Khánh Hòa đã biến lòng nhớ ơn Bác Hồ, nghe lời Bác Hồ thành những hành động anh dũng phi thường. Đồng bào đã góp cả máu xương, sức lực và thành quả lao động cho sự nghiệp kháng chiến cứu nước.

LƯU VĂN TRỌNG

(Nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa)

(1) Ama: Cha, ở đây có nghĩa là anh nói cho lịch sự.

(2) Ha: Anh, chị, tiếng xưng hô.

(3) Giàng: Trời.

(4) Thành: Thành Diên Khánh.

(5) Miết miết: Mỗi mỗi.

CỤ HỒ BẢO VẬY

Từ giữa năm 1955, phe cánh của Ngô Đình Diệm thắng thế nắm được trọn quyền thống trị ở Khánh Hòa. Chúng ra sức tổ chức các đoàn hành chánh lưu động đi về thôn xã xây dựng và củng cố nguy quyền, thực hiện các chiến dịch “tổ cộng”, “diệt cộng”.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Khánh Hòa chủ trương đẩy mạnh đấu tranh chính trị, lợi dụng mọi khả năng công khai hợp pháp để đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, chống địch khủng bố “tổ cộng”, đồng thời chăm lo xây dựng căn cứ miền núi vững chắc của tỉnh.

Lúc bấy giờ ở miền núi Vĩnh Khánh (nay là Khánh Sơn, Khánh Vĩnh) bọn GOUM⁽¹⁾ ra sức hoạt động chống cách mạng. Ở Hòn Dù có ổ GOUM người Rắc-lây do tên tổng Mađai và cháu là Matui cầm đầu. Năm 1954, khi ta đánh đồn Cẩm Sơn (Diên Thọ, Diên Khánh), Mađai và Matui chạy thoát lẫn trốn ở phía Hòn Dù, Hòn Lay, kéo theo rất nhiều đồng bào dân tộc. Mađai và Matui ra sức bắn giết dân làng, cướp đi những của quý như mã la, nôi đồng, chum, ché... đồng bào ở đây rất căm thù nhưng rất sợ chúng, không dám chống lại.

Theo chủ trương của Tỉnh ủy Khánh Hòa, Ban cán sự Đảng Vĩnh Khánh thực hiện chính sách nhân đạo kêu gọi chúng đầu hàng và đưa Nhân dân về với buôn làng

cũ. Nhưng chúng vẫn nghi ngờ và e sợ nên không chịu ra hàng và ngăn cản không cho đồng bào về với cách mạng.

Đề những người trong hàng ngũ tổ chức GOUM không ngờ vực, một hôm anh Bảy Xà A, là cán bộ người dân tộc, có uy tín, một mình không có vũ khí đi vào núi Hòn Lay gặp đồng bào, những người đã từng ở trong hàng ngũ giặc. Anh đã dùng lời lẽ phải trái thiệt hơn đấu tranh thuyết phục cảm hóa đồng bào rồi đưa họ về buôn làng, trong đó có Mađai và Matui cùng những tay sai khác.

Tuy trở về buôn làng cũ nhưng đồng bào vẫn chưa yên tâm làm ăn vì Mađai, Matui còn đó. Nhiều già làng đến gặp các đồng chí Ban cán sự Đảng đòi trừng trị Mađai, Ma-tui để trả nợ máu cũ. Nhưng ta chủ trương phát động căm thù giặc, đoàn kết dân tộc, tranh thủ những người đã theo giặc nhưng đã bước đầu về với cách mạng nên đã tổ chức một phiên tòa xét xử, có đông đảo đại biểu Nhân dân dự với mục đích giáo dục là chính. Các đồng chí chủ trì phiên tòa đã khéo léo giải thích cho đồng bào về chính sách khoan hồng, chủ trương đoàn kết của ta để chống quân thù xâm lược và bọn tay sai phản động. Mađai, Matui đã biết hối cải thì nên tha thứ cho họ.

- Ai bảo vậy? – Một già làng hỏi.

- Cụ Hồ bảo vậy – Một đồng chí chủ trì phiên tòa trả lời.

- Cụ Hồ bảo vậy à? Thế thì dân làng tin, dân làng tha

thứ tội chết cho Mađai, Matui.

Mađai, Matui biết Chính phủ khoan hồng, Cụ Hồ bảo dân làng tha tội chết, đã tỏ ra ăn năn hối cải. Về sau Mađai bị bệnh chết còn Matui đã trở thành một cán bộ tốt.

Việc khoan hồng đối với Mađai, Matui có ảnh hưởng lớn đến đồng bào dân tộc, nhất là những người đứng đầu các GOUM ở các nơi. Ở Pa-kang, người đứng đầu GOUM ở đây là Sóc đã ra hàng. Phía Du Oai, Gia Huynh, Tổng Ma Thia, Bà Trá, các đầu lớn GOUM cũng lần lượt ra hàng. Ở Kranoa, Tổng Male, là Cun ra nhận tội lỗi. Kết quả là toàn bộ GOUM đều tan rã. Họ đã nhận rõ sai lầm của mình, ai nấy đều hứa sẽ không nghe theo lời người Pháp, người Mỹ, không nghe lời bọn làm phản, hứa sẽ trung thành với cách mạng, với Cụ Hồ.

Từ đó, phong trào cách mạng được mở rộng lên tất cả các vùng rừng núi Khánh Hòa mà trước đây ta chưa đến được hoặc đến rồi nhưng bị các lực lượng GOUM chống trả, ta phải rút lui, như các vùng du Oai, Chà Liên, Gia Huynh, Gia Lục, Gia Rích, Bồ Lang, Cần Đa, Đá Ri, Eatar, Dung Ninh, Ba Kang, Chư Tôn...

LÊ TỤNG kể

(nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa)

Lâm Quang Trực ghi

(Nguyên giảng viên Trường CĐSP Nha Trang)

(1) Goum: Một tổ chức phản động do thực dân Pháp tổ chức ở miền núi Liên khu V trong những năm 1950.

TẤT CẢ THEO HỒ CHÍ MINH

Cuối tháng giêng, năm 1957, chúng tôi gồm trên 300 đồng chí, trong đó gần 80 là cán bộ cách mạng tỉnh Khánh Hòa bị địch đày đi Côn Đảo. Tàu rời cảng Nha Trang sáng ngày 30 tháng 1. Sau mấy ngày lênh đênh trên biển, tàu cập bến Côn Đảo. Chúng tôi tất cả chúng tôi vào lao 1. Lao 1 có 11 phòng, anh em Khánh Hòa lúc đầu phần lớn ở phòng 6. Cho đến nay, tôi vẫn còn nhớ mãi hình ảnh của các anh trong những năm cùng sống, đấu tranh gian khổ ở nhà tù Côn Đảo, trong đó có những người mãi mãi nằm lại ở nghĩa địa Hàng Dương.

Ngay ngày hôm sau, lên Côn Đảo, địch đã phân loại chúng tôi: Ly khai và không ly khai. Ly khai là theo Ngô Đình Diệm, không ly khai là theo Hồ Chí Minh. Địch phát cho mỗi người một tờ giấy 6x9 cm rồi đưa bút mực để đánh dấu. Ly khai thì đánh dấu chữ thập (+) còn không ly khai thì đánh dấu vòng tròn (o). Chẳng ai bảo ai, anh em Khánh Hòa ở phòng 6 đều đánh dấu vòng tròn, kiên quyết không ly khai Đảng, kiên quyết đi theo Bác Hồ.

Tên cai ngục thu giấy lại, đếm từng tờ, rồi hăm

hầm nói:

- Giới thiệu: Tất cả các người đều theo Hồ Chí Minh.
Được rồi sẽ biết tay nhau.

Một số người ly khai ở phòng khác cũng chuyển sang lao 2 (lao ly khai), còn tất cả anh em Khánh Hòa lại tiếp tục bị chúng nhốt ở lao 1 (lao không ly khai). Rồi tiếp đó là những ngày ở chuồng cọp vô vàn gian khổ, ác liệt.

Trong những ngày ở lao 1, ở chuồng cọp, tôi luôn nhẩm đọc câu thơ của một người bạn tù sáng tác để giữ vững khí tiết cách mạng, để xứng đáng là một đảng viên Cộng sản, xứng đáng với Bác Hồ kính yêu:

*“Hàng Dương nê địa anh hùng cốt
Chuồng cọp nan đề tráng sĩ đầu.
Can thiết thiên chi thành bá luyện
Giai cấp thù hận hòa thêm du”.*

TỔNG DỤ kể

(bị tù ở Côn Đảo từ năm 1957 đến 1963.

*Hiện nghỉ hưu tại xã Ninh Thủy,
huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa)*

Lâm Quang Trực ghi

(Nguyên giảng viên Trường CĐSP Nha Trang)

VỮNG BƯỚC THEO CÁC ANH

Ngày 1/5/1946, thực dân Pháp mở đợt tấn công trên quy mô lớn đánh phá vùng tứ thôn Đại Điền đang là vùng làm chủ của ta, hòng tiêu diệt các cơ quan đầu não của tỉnh và huyện. Trước sức mạnh quân sự của địch, quân dân ta vừa đánh vừa rút lui để bảo toàn lực lượng, bảo vệ chính quyền cách mạng. Những ngày sau đó, thực dân Pháp đã chiếm được vùng tứ thôn Đại Điền. Chúng lập lại bọn tề xã làm chỉ điểm đánh phá phong trào cách mạng, nhất là những gia đình có người tham gia kháng chiến. Quê hương đang trong những ngày quần quai đau thương, vì khói lửa của chiến tranh thì các đồng chí Nguyễn Rập, Nguyễn Thành Trúc, Nguyễn Trọng Lung, Nguyễn Mễ đã bị địch bắt. Bọn chúng đưa các anh sang giam tại nhà lao thành Diên Khánh. Biết các anh là những người tham gia Việt Minh trước tháng 8 năm 1945, hiện đang giữ vị trí chủ chốt ở địa phương. Chúng dờ dờ mua chuộc, dụ dỗ, rồi đánh đập tra tấn dã man nhưng các anh không một lời khai báo vẫn giữ vững khí tiết kiên trung của người chiến sĩ cách mạng.

Các anh đã bị bắt, tạo nên một không khí căm phẫn, sự sôi lòng thù giặc, Nhân dân viết đơn kiến nghị đòi

chính quyền phải trả tự do cho các anh. Trong khi đó bọn tề nguỵ ở địa phương cũng ráo riết đề nghị: Hãy giết các anh, vì đó là những “Việt Minh đầu sỏ” nên cần phải diệt ngay. Trước tình hình diễn biến phức tạp đó, thực dân Pháp ở Diên Khánh nghĩ rằng: Dân ở đây thật khó trị, muốn uy hiếp tinh thần họ cần phải đem những người này xử bắn và phải đem xử tại tứ thôn Đại Điền mới có tác dụng lớn. Trong nhà giam các anh bàn chương trình hành động để làm thế nào phát huy ưu thế cách mạng, đập thẳng vào mưu đồ nham hiểm của địch. Trước những giờ phút thiêng liêng đó, các anh đã nghĩ về Nhân dân, về sự nghiệp cách mạng, tâm hồn các anh luôn hướng về Hà Nội, về lãnh tụ Hồ Chí Minh kính yêu tạo trong các anh nguồn sức mạnh tinh thần vô song, đem lại cho các anh sự bình thản ung dung chuẩn bị vào trận chiến đấu.

Sáng ngày 27/5/1946 (âm lịch), thực dân Pháp đưa các anh đi xử bắn trên một chiếc xe mui trần. Các anh bị chằng cột dây xích 4 người thành một. Trên đoạn đường dài hơn 4 km, các anh hiên ngang ngẩng cao đầu nhìn quê hương yêu dấu, hướng về Nhân dân thân yêu, đứng dọc đường, miệng hát vang những bài ca cách mạng như “diệt Phát – xít”, “Tiến quân ca”, kêu gọi đồng bào hãy tiếp tục đấu tranh và hô vang khẩu hiệu “Việt Minh muôn năm”, “Hồ Chí Minh muôn năm”. Đồng thời các anh không ngớt lời nguyện rửa quân cướp nước bằng cả hai thứ tiếng Việt – Pháp.

Chúng đưa các anh đến một cánh đồng sau làng Đại Điền nam. Vừa tới pháp trường, chúng cột các anh vào 4 cây cọc. Chúng lấy băng đen bịt mắt, các anh không chịu, chửi thẳng vào mặt chúng.

- Chúng tao không sợ chết, chúng mày cứ bắn đi, hãy để chúng tao nhìn lần cuối cùng quê hương, nhìn đồng bào thân yêu của chúng tao. Chúng mày có thể giết chết chúng tao nhưng không thể giết cả dân làng đang hướng về cách mạng. Mắt các anh hướng về Nhân dân xung quanh, nhắc nhở bà con hãy giữ vững ý chí đấu tranh, Việt Minh nhất định thắng lợi.

Bọn địch vô cùng căm tức, chúng liền xử bắn các anh.

Tiếng súng khát máu đã vang lên, cướp đi những trái tim yêu nước đầy bầu nhiệt huyết, cướp mất những người con ưu tú của quê hương Diên Khánh.

Trước khi ngã xuống, các anh đồng thanh hô vang:

- Đả đảo thực dân Pháp cướp nước!
- Việt Minh nhất định thắng lợi!
- Hồ Chí Minh muôn năm! Hồ Chí Minh muôn năm!

Máu các anh đã đổ xuống mảnh đất thân yêu, đem lại màu xanh cho cây lúa mà mỗi chiều tiếng gió vẫn rì rào kể chuyện ca ngợi các anh.

Xử bắn những người chiến sĩ cách mạng, bọn thực

dân Pháp tưởng rằng chúng sẽ uy hiếp được tinh thần đấu tranh của Nhân dân Đại Điền. Nhưng ngược lại, chính tấm gương hy sinh kiên cường đó, cùng với khí phách anh hùng của các anh tiếp thêm nguồn sức mạnh, giúp họ sẵn sàng đối mặt với quân thù vững bước giành thắng lợi cuối cùng. Tứ thôn Đại Điền trở thành ngọn cờ đầu phong trào cách mạng huyện Diên Khánh.

*(Ghi theo lời kể của các đồng chí cán bộ,
cách mạng ở huyện Diên Khánh)*

NGUYỄN VĂN GHI

Nguyên cán bộ Ban Tuyên giáo Huyện ủy Diên Khánh
Nay là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

EM BÉ DỮNG CẢM

Nếu có dịp về thăm xã Diên Điền huyện Diên Khánh, bạn sẽ nghe bà con cô bác kể nhiều về tấm gương của một em bé dũng cảm với tình cảm đầy khâm phục.

Em tên là Ngô Lạc, đội viên du kích xã. Năm 1965 em vừa tròn 14 tuổi. Tháng 11/1964, quê hương Đại Điền được giải phóng. Em như được tắm mình trong bầu không khí trong lành. Được cách mạng chấp thêm đôi cánh và nguồn sinh lực mới, em lao vào hoạt động xã hội của đội thiếu niên giải phóng, với lòng sục sôi nhiệt huyết cách mạng. Trong mọi mặt em đều đi đầu. Bằng trí thông minh và lòng dũng cảm em đã lập công xuất sắc.

Vào một đêm cuối tháng 3 năm 1965, cũng như nhiều đêm khác, em cùng tổ du kích từ Đại Điền ra chợ Tân Đức đang là vùng địch để làm nhiệm vụ tuyên truyền, xây dựng cơ sở. Khi bóng đêm bao phủ khắp các ngõ đường thôn xóm, đội du kích bí mật vượt qua tỉnh lộ tám (ranh giới giữa ta và địch) sang vùng địch. Bỗng một chiến sĩ chạm vào cành cây khô gây nên tiếng động giữa không gian tĩnh mịch. Bọn địch phát hiện và nổ súng. Tổ du kích vừa bắn trả vừa rút lui để bảo

toàn lực lượng. Nhưng do bị đánh bất ngờ, một chiến sĩ đã hy sinh. Em Ngô Lạc bị thương nặng. Địch xiết vòng vây, em Lạc bị bắt, chúng vô cùng hớn hờ, nghĩ chắc chuyện này được thưởng công to. Chúng băng vết thương cho em, nhưng em đã giật băng ra.

Giờ trò mua chuộc, dụ dỗ không được, chúng đánh đập hết sức dã man nhưng em không một lời khai báo còn chửi thẳng vào mặt chúng:

- “Tao đi làm để giải phóng dân tộc, đem lại ruộng đất cho gia đình mày, vì sao lại đánh tao?”⁽¹⁾

Địch càng lòng lộn tra tấn tàn nhẫn hơn, nhưng em vẫn giữ vững khí phách hiên ngang của người chiến sĩ cách mạng, tuổi trẻ một lòng trung thành với Nhân dân với Bác Hồ kính yêu.

Khi biết sức mình đã yếu không thể vượt qua, em đã nghĩ về Bác giữ trọn niềm tin vào cách mạng. Trước lúc trút hơi thở cuối cùng, em đã hô vang: “Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh – muôn năm!”.

*(Ghi theo lời kể của các đồng chí cán bộ,
cách mạng ở huyện Diên Khánh)*

NGUYỄN VĂN GHI*

(1) Sau khi giải phóng 1964 chính quyền cách mạng đã chia ruộng đất cho Nhân dân.

* Nguyên cán bộ Ban Tuyên giáo Huyện ủy Diên Khánh. Nay là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

BÀI THƠ BÁC RA TRẬN

Trong thời kỳ chiến tranh cục bộ, Vạn Ninh là một trọng điểm đóng quân của quân viễn chinh Mỹ và chư hầu Nam Triều tiên. Từ đây chúng có thể nhanh chóng điều quân đi càn quét các căn cứ cách mạng: Hóc Chim, Xuân Sơn, Đá Bàn, Hòn Hèo và bảo vệ Vũng Rô đề phòng tàu tiếp viện đường biển của ta từ miền Bắc vào. Lực lượng địch ở đây có một đại đội pháo binh Mỹ và một đại đội lính Nam Triều Tiên đóng ở núi Một Tân Dân, một đại đội Nam Triều Tiên đóng ở Tu Bông. Quân nguy có ba đại đội địa phương quân và hàng chục trung đội nghĩa quân. Vì vậy, thị trấn Vạn Giã là một trong những trọng điểm tiến công và nổi dậy của ta trong Tết Mậu Thân năm 1968.

3 giờ sáng ngày 31/1/1968, chúng tôi gồm 70 đồng chí trong lực lượng vũ trang huyện và đội công tác xuất phát từ Hòn Dứa tiến về thị trấn Vạn Giã. Biết rằng cuộc chiến đấu sẽ rất gian khổ, nhiều hy sinh nhưng cán bộ và chiến sĩ đã hăng hái ra đi với quyết tâm cao: “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” và thực hiện lời kêu gọi của Bác Hồ trong bài thơ chúc Tết “Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta”.

Mở sáng mừng 1 Tết Mậu Thân, chúng tôi đã đến thị trấn Vạn Giã. Ba mươi chiến sĩ lực lượng vũ trang lo triển khai đội hình chiến đấu, còn cán bộ làm công tác chính trị, binh vận thì huy động quần chúng xuống đường biểu tình. Trên 450 quần chúng đội ngũ chỉnh tề, tay cầm cờ Mặt trận, cờ hòa bình, cờ Phật giáo tiến về hướng quận lỵ chi khu. Đoàn biểu tình cứ mỗi lúc một đông. Tiếng trống, thanh la vang dậy liên hồi làm quang cảnh thật tưng bừng, náo động. Lực lượng ta xen lẫn trong đoàn biểu tình nên địch không phát hiện được lực lượng ta nhiều hay ít.

Trong khoảng 6 tiếng đồng hồ, ta hoàn toàn làm chủ thị trấn. Quần chúng chiếm một số cơ quan Ngụy quyền như phòng thông tin, trung tâm chiêu hồi quân.... Đến 12 giờ trưa, địch bắt đầu phản công lại. Lực lượng Nam Triều Tiên đóng tại Núi Một nã cối 81 vào thị trấn, máy bay L19 quần lượn, thả bom cây xuống đoàn biểu tình. Đồng thời, quân Nam Triều Tiên có xe bọc thép M.113 từ căn cứ Hà Thanh ra yểm trợ. Chúng tôi chặn đánh địch quyết liệt. B40 của ta bắn cháy một chiếc M.113 đi đầu, chiếc thứ hai hư hỏng nặng. Gần 100 quân Nam Triều Tiên bỏ mạng.

Biết không giữ được thị trấn, đến tối ta được lệnh rút lui. Khi vượt qua hàng rào kẽm gai của địch ở tiểu khu, đồng chí Trần Mười vướng dây thép gai của địch. Trong khi lúng túng gỡ dây thép gai thì địch phát hiện

được. Chúng tập trung hỏa lực bắn vào Mười. Anh đã hy sinh anh dũng.

Khi đưa được anh ra tuyến ngoài, chúng tôi thấy một viên đạn đã xuyên ngực anh, máu ra đỏ cả vạt áo. Trong túi áo ngực của anh có một cuốn sổ tay nhỏ. Lật cuốn sổ tay, mấy trang đầu đã nhuộm đỏ máu, chúng tôi thấy có bài thơ chúc Tết của Bác Hồ được anh Mười viết rất nắn nót, trân trọng:

*“Xuân này hơn hẳn mấy Xuân qua.
Thắng trận tin vui khắp nước nhà
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ
Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta”.*

(Theo lời kể của đồng chí **NGUYỄN HỒNG CHÂU**,
nguyên Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa)

Lâm Quang Trục ghi

(Nguyên giảng viên Trường CDSP Nha Trang)

NIỀM TIN

Sau cuộc tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 địch càn quét liên miên gây cho ta nhiều khó khăn. Nhiều hầm bí mật ở Vĩnh Thạnh (thành phố Nha Trang) bị địch phát hiện. Một số đội viên đội công tác Vĩnh Thành – Vĩnh Ngọc hy sinh anh dũng. Các cơ sở cách mạng như bà Thiêng, bà Nghê... bị địch bắt tra tấn dã man hòng khai hết bí mật trong xã và triệt tiêu đội công tác từng gây nhiều khó khăn cho chúng. Một số tên đầu thú phản bội chỉ ra các cơ sở, hầm bí mật ở Vĩnh Thạnh. Bọn địch cũng giả làm bộ đội, cán bộ trà trộn trong Nhân dân để phát hiện cơ sở cách mạng, hầm bí mật của ta, gây nghi ngờ trong Nhân dân. Lúc này thật khó lòng phân biệt địch ta, chỉ sợ hờ một chút là bị tù đầy thậm chí hy sinh tính mạng.

Để hỗ trợ cho quân chúng tiếp tục nổi dậy đấu tranh, đầu tháng 12/1969, một trung đội chủ lực của ta tập kích vào trung đội địa phương quân của địch đóng ở Vĩnh Thạnh. Khi trung đội ta rút, anh Lê Văn Du, một chiến sĩ trẻ từ miền Bắc vào, bị lạc đơn vị. Lúc đó khoảng 4 giờ sáng. Trời sắp sáng rồi nếu không tìm được nơi ẩn nấp thì thật nguy hiểm. Nhưng ẩn náu nơi nào cho bảo đảm nếu không dựa vào Nhân dân. Du nhớ đến một cơ sở cách mạng đã có lần anh theo đội công

tác của chị Hạnh đi nhận gạo tiếp tế của Nhân dân cho căn cứ. Cũng may nhờ có trí nhớ tốt nên trong đêm tối anh vẫn tìm được đến nhà cơ sở.

Nhà ông Võ Kéo ở cuối làng Phú Vinh. Khi nghe tiếng súng nổ ông đã tỉnh giấc và theo dõi tình hình. Bỗng có tiếng gõ cửa nhẹ.

- Ai đó? – Ông hỏi.

- Dạ cháu là bộ đội giải phóng bị lạc đường nhờ gia đình giúp đỡ. – Ông cảnh giác trả lời:

- Nhà tôi không có chỗ trốn. Ông đi đi.

Lúc đó, sau khi bị ta đánh bắt gọn bọn địch hoàn hồn liền củng cố lực lượng, địch phản công lại. Chúng huy động bọn nghĩa quân lùng sục khắp làng Phú Vinh, chặn các ngã đường

Anh Du vẫn khấn khoản:

- Dạ cháu là bộ đội giải phóng đây. Nhờ Bác giúp đỡ.

Tuy còn nghi ngờ nhưng ông không đành lòng. Nếu là giải phóng thật để địch bắt được thì mình thật có lỗi. Còn nếu là địch giả làm giải phóng đánh lừa mình thì có đi “tù tái”⁽¹⁾ lần năm cũng không sao. Nghĩ vậy ông liền mở chốt cửa. Du vội lách cửa vào nhà.

- Thưa bác cháu lạc đơn vị bị kẹt lại đây. Nhờ bác...

- Sao anh biết nhà tôi mà vào?

- Dạ, năm trước có lần cháu đã theo chị Hạnh vào nhận gạo tiếp tế cho căn cứ ở nhà bác.

Ông Kéo đã tin nhưng thử thách thêm:

- Dịch vây kín hết rồi anh không thoát được đâu.
Anh hãy ra đầu thú đi để khỏi nguy hiểm.

- Dạ, không bao giờ!

- Anh đưa súng đây tôi giữ

- Không! Không bao giờ! Bác Hồ đã bảo tôi vào đây giải phóng miền Nam, nên dù có hy sinh tôi cũng quyết không đầu hàng giặc.

Nghe nhắc đến Bác Hồ, ông Kéo đã tin. Ông nghĩ chỉ có Bộ đội Cụ Hồ mới nói được như vậy. Ông đưa anh bộ đội xuống căn hầm bí mật đã được đào sẵn ngay dưới bàn thờ. Cả ngày hôm ấy và các ngày sau dịch đi lùng sục từng nhà xăm tìm hầm nhưng không tìm được người chiến sĩ giải phóng.

Lần lượt anh được các gia đình cơ sở ở Phú Vinh thay nhau nuôi giấu, che chở. Đơn vị đã tưởng anh hy sinh nhưng ba tháng sau, đội công tác Vĩnh Thạnh – Vĩnh Ngọc đã tìm cách đưa anh về căn cứ cùng đồng đội tiếp tục chiến đấu.

*(Theo Lịch sử đấu tranh cách mạng
của Nhân dân Vĩnh Thạnh – Nha Trang)*

HOÀNG NGỌC LẠI

Nguyên Trưởng ban Tuyên giáo Thành ủy
Nha Trang

(1) Nhân dân nói lái “tú tài” – “tái tù”. Ông Kéo đã 4 lần bị địch bắt đi tù.

CHỊ CẤP DƯỠNG MƠ GẶP BÁC HỒ

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, vì tính chất đặc điểm mỗi địa bàn khác nhau nên tỉnh Khánh Hòa được chia làm hai vùng: Nam Khánh và Bắc Khánh. Cả vùng Bắc Khánh (gồm hai huyện Vạn Ninh và Ninh Hòa) có chung một bệnh xá, còn gọi là bệnh xá Bắc Khánh, thường đóng tương đối cố định ở các sườn núi hiểm trở như Hòn Cục, Hòn Chảo.... Quy mô của bệnh xá khoảng từ 150 đến 200 giường bệnh, đón thương bệnh binh ở trạm xá Vạn Ninh, Hòn Hèo và đội phẫu tiền phương của các đơn vị tác chiến.

Ngoài các bộ phận chuyên môn, bệnh xá còn có một tổ cấp dưỡng 3 đến 5 người do chị Năm Q chịu trách nhiệm chung. Chị được mọi người trong bệnh xá yêu quý như người chị cả của mình. Chị là con thứ năm trong gia đình và tên thật của chị là Quýt, nên anh chị em thường gọi chị là chị Năm Q. Quê chị ở Quảng Ngãi, nhưng thoát ly gia đình vào Khánh Hòa tham gia cách mạng từ sau Hiệp định Giơ-ne-vơ và phục vụ tại bệnh xá Bắc Khánh từ năm 1965, lúc đó chị đã ngoài 45 tuổi. Chồng và con trai chị tập kết ra Bắc, thỉnh thoảng chị mới nhận được tin tức của người thân.

Trong công tác cách mạng, chị là một đảng viên cộng sản kiên cường, mẫu mực. Tuy tuổi đã lớn, sức yếu nhưng chị Năm vẫn trèo đèo, lội suối, lặn lội ngày đêm cùng bệnh xá phục vụ thương binh. Lúc địch đánh phá ác liệt nơi đứng chân, cũng như lúc bình yên ở chiến khu, chị luôn lạc quan cách mạng. Chị thường tâm sự với anh chị em cơ quan và thương bệnh binh: “Ước mong lớn nhất của cuộc đời chị là cố gắng phục vụ cách mạng thật tốt để đất nước mau chóng thống nhất, được ra thăm Hà nội và gặp Bác Hồ”. Lúc nào chị cũng nhắc đến Bác Hồ. Những đêm khuya lạnh lẽo, chị đốt lửa sưởi ấm thương bệnh binh, xoa bóp, chăm sóc vết thương làm dịu đi cái đau đớn cho anh em. Chị động viên: “Các em cố gắng ăn ngủ cho mau lành, đánh thắng giặc Mỹ để được gặp Bác Hồ”. Nhiều buổi trưa, chị tranh thủ vào rừng sâu hái rau, kiếm măng rừng cải thiện bữa ăn. Gặp được bữa anh em y tá đánh cá suối bắt được con Chình, con Ba ba, chị tìm mọi cách chế biến thật ngon để nuôi dưỡng anh em thương bệnh binh nặng. Vào bữa ăn, chị luôn miệng hỏi han động viên và ép anh em cố gắng ăn cho hết khẩu phần. Nhìn anh em ăn ngon miệng, chị rất vui. Khi các đợt hoạt động ở đồng bằng tạm dừng, các tổ công tác, các đơn vị đặc công rút về chiến khu nghỉ dưỡng, học tập, đem tặng chị lon muối, hộp sữa.... Nhưng chị không dùng, chị chia sẻ cho thương binh, động viên anh em an tâm điều trị để có ngày gặp Bác Hồ, như ước mong của chị.

Gặp khi đói kém, nhất là khi địch đánh phá ác liệt cơ sở ở đồng bằng, cần quét lần chiếm dài ngày ở chiến khu, bệnh xá thiếu lương thực trầm trọng, chị sẵn sàng nhường phần ăn của mình. Tuy đó chỉ là những hạt bắp rang, củ mì nướng và rau rừng ít ỏi cho thương bệnh binh. Chị nói: “Thà tôi đói, nhưng không nỡ để thương bệnh binh đói”.

Chị thường hỏi tôi: “Khi ở miền Bắc, cậu có hay gặp Bác Hồ không?” và lúc nào chị cũng nở nụ cười rất tươi kết thúc cuộc nói chuyện: “Chồng tôi, con tôi giờ này chắc gặp được Bác rồi”.

Có một lần, chị bị cơn sốt ác liệt, mê man suốt ngày đêm. Khi hết cơn sốt chị cố gắng ngồi dậy trên chiếc võng ni lông treo trong gộp, hai tay uể oải vuốt lại mái tóc và quần gọn lại thành búi to phía sau, vừa chậm rãi kể với tôi: “Vừa rồi trong cơn mê sáng cậu có thấy tôi nói, cười gì không?”. Tôi đáp: “Không nghe thấy gì, chỉ thấy chị cựa quậy nhiều một lúc rồi nằm im”. Chị nói: “Có lẽ lúc đó..., cậu biết không? Tôi đang thấy mình cùng ba cháu đi trên phố Hà Nội và gặp Bác Hồ. Tôi đâu đã thấy được Bác Hồ bao giờ nhưng được chồng giới thiệu đây là Bác Hồ kính yêu của chúng ta. Tôi mừng quá ôm chầm lấy Bác và bùng tỉnh dậy! Đến giờ tôi cảm thấy đang còn hồi hộp đấy”. Chị ngồi thừ người về ngậm ngùi luyến tiếc. Tôi vui vẻ: “À ra thế”! Hay quá! Thế là chị được gặp Bác Hồ rồi!”. Chị nắm lấy tay

tôi nói nhỏ: “Bác sĩ cố gắng chữa bệnh cho tôi chóng khỏi bệnh để nấu cơm ngon, canh ngọt cho thương bệnh binh. Tôi sẽ cố gắng công tác thật tốt để góp phần đánh thắng giặc Mỹ, để đất nước mau được thống nhất, được gặp Bác Hồ, đến lúc ấy tôi chết đi cũng mãn nguyện”.

Rồi một ngày tháng 9 năm 1969, qua đài tiếng nói Việt Nam, chúng tôi nghe tin Bác Hồ đã đi xa. Cả bệnh xá trầm xuống không khí như nghẹn lại, mọi người nước mắt rung rung ngậm ngùi thương tiếc không nguôi. Chị Năm Q òa khóc, tay chân run rẩy, đến gặp từng thương binh, báo tin buồn: “Bác mất rồi! Bác mất rồi!”

Chúng tôi lập bàn thờ làm lễ truy điệu Bác. Đêm ấy chị Năm Q cứ quanh quẩn bên bàn thờ Bác, hai tay ve vuốt ảnh Bác, nước mắt nghẹn ngào.

Sáng hôm sau, gặp tôi chị kể: “Đêm qua chị lại nằm mơ thấy được gặp Bác Hồ. Bác đi ngựa vào thăm miền Nam, thăm hỏi chị. Năm tay Bác, chị quá cảm động òa lên khóc.

ĐÀO DUY SANG

Nguyên Phó Trưởng Ban Tuyên giáo
Tỉnh ủy Khánh Hòa

CHÁU CỦA BÁC HỒ

Một đêm tháng 10 năm 1967, giữa vùng núi rừng sâu lặng của H.185⁽¹⁾ bỗng có tiếng khóc “oa! oa!” của cháu bé mới chào đời. Đó là đứa con đầu lòng của anh Nguyễn Hữu Nghiệp, Bí thư Huyện ủy và chị Ba cán bộ phụ nữ H.175⁽²⁾.

Đây là cuộc sinh đẻ không bình thường giữa một cơ sở y tế cấp tỉnh hết sức thiếu thốn ở chiến khu Khánh Hòa. Chị Ba tuổi đã gần 40, là cán bộ cơ sở bị địch bắt bớ giam cầm, đánh đập, dí điện vào bộ phận sinh dục làm tổn thương nhiều ở cổ tử cung và âm đạo kèm theo bị bệnh rối loạn thần kinh tim, thể trạng suy nhược nặng. Nguyên vọng của hai anh chị là cháu bé được chào đời an toàn, nếu như không phải mổ mẹ đẻ lấy thai. Bệnh viện tỉnh (V.66) đêm nay tập trung vào ca đẻ khó này. Tôi là bệnh viện trưởng, bác sĩ phẫu thuật, chính tay mình bằng mọi cách phải đưa cháu ra mà vẫn đảm bảo an toàn cho cả mẹ lẫn con. Mọi người trong kíp mổ tuy không ai nói ra nhưng đều nhìn vào tôi như khuyến khích tôi phải thành công và họ cũng đã sẵn sàng chờ lệnh của tôi “vào trận”.

Phòng mổ được đặt trong hang gộp, nguồn ánh sáng cho cuộc phẫu thuật là ánh đèn dầu hỏa leo lét,

ánh đuốc lồ ô lập lòe. Tôi bước ra khỏi phòng mổ, hít nhẹ hương rừng đêm thơm ngát, lấy lại thể ổn định, tự an ủi: “Trận chiến đấu này thật là gay go, bạn chiến đấu bên mình chỉ có 2 y sĩ và 4 y tá, họ lại chưa hề phục vụ ca mổ lấy thai nào!. Thế là tôi lại mơ tưởng đến phòng mổ của bệnh viện Việt – Đức, ở bệnh viện C ngoài Hà Nội. Song tất cả đều không có ý nghĩa gì thiết thực đối với tôi trong lúc này. Tâm tưởng kéo tôi về với thực tại. Ở đây chỉ có núi rừng, gập đá với ánh đuốc lồ ô, với ngọn đèn dầu hỏa và chiếc bàn mổ ghép bằng những thanh lồ ô. Ôi! Bao nhiêu điều hiện đại mà tôi đã học, đã làm ở các bệnh viện Hà Nội bây giờ trong hốc rừng này đều là viễn ảnh.

...Qua 30 phút, cuộc phẫu thuật đã xong, tính mạng hai mẹ con chị Ba an toàn. Ngoài kia gà rừng đã gáy ran, tiếng con nai lạc mẹ đã im. Những ánh sao rừng còn sót lại cũng lung linh, như vui mừng chào đón em bé cách mạng ra đời giữa chiến khu gian nan này. Mười lăm ngày nằm viện, sức khỏe mẹ con chị Ba dần được hồi phục.

Một sáng tháng mười năm ấy, anh Nghiệp về lại V.66 để đón mẹ con chị Ba trở lại cơ quan công tác. Sương rừng đã khô trên lá, tiếng chim ríu rít trên cành như muốn át tiếng máy bay trinh sát đang nhòm ngó trên bầu trời chiến khu. Hai anh chị đùm túm, gửi con thận trọng trước ngực, sung sướng nói lời cảm ơn tất

cả anh chị em V.66. Bắt chặt tay chúng tôi, anh chị cảm động nghẹn ngào: “Đây là con chúng tôi, là cháu Bác Hồ”.

Trên con đường rừng ngoằn ngoèo, lung linh những giọt hoa nắng, chúng tôi như thấy rõ hình ảnh một em bé, một đứa cháu của Bác Hồ đang lớn dần theo bước chân của cha mẹ và thời gian phát triển của cách mạng. Một đứa cháu Bác Hồ sẽ trưởng thành.

Chị Ba vỗ nhẹ vào người con, nựng lên đôi má phớt hồng của nó: “Con chào các cô chú đi, con của mẹ, cháu của Bác Hồ”.

ĐÀO DUY SANG

Nguyên Phó Trưởng Ban Tuyên giáo
Tỉnh ủy Khánh Hòa

(1) H.185: Bí danh của Huyện ủy Khánh Vĩnh trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

(2) H.175: Bí danh của Huyện ủy Khánh Sơn trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

THÔN A XÂY - THÔN BÁC HỒ

*Khánh Vĩnh đó, mãi là vùng đất
Để bao yêu thương lắng sâu trong lòng
Đây A Xây thôn Bác Hồ rạng danh
Bài ca ấy, bài ca ơn tình sắt son⁽¹⁾.*

Những câu hát ngọt ngào và da diết tình cảm ấy đã đưa chúng tôi về lại A Xây, ngôi làng kháng chiến của đồng bào dân tộc Raglai thuở nào.

Palây⁽²⁾ A Xây những ngày trước Cách mạng tháng Tám đói lắm, đói triền miên, nhất là mùa giáp hạt; người dân quanh năm cắm mặt lên rẫy, lên rừng để chọc lỗ, tria hạt, săn bắn, hái, lượm... nhưng vẫn không đủ ăn, năm nào được mùa cũng chỉ được năm đến sáu tháng. Đói nghèo là vậy, đồng bào A Xây còn bị tổng sách, bọn thực dân Pháp, bọn đồ đưa⁽³⁾ sách nhiễu, bắt đóng thuế thân, đi xâu⁽⁴⁾... Cuộc sống cùng cực lại càng cùng cực hơn.

Rồi Cách mạng tháng Tám nổ ra làm thay đổi mạnh mẽ thân phận của người Raglai nói chung, người dân A Xây nói riêng. Người dân A Xây xúc động khi nghe cán bộ Việt Minh nói rằng: Dưới sự lãnh đạo của cụ Hồ Chí Minh, cả đất nước đã nổi dậy đánh Pháp, đuổi Nhật. Đồng bào người Kinh đã làm cách mạng trước,

nay đồng bào vùng cao đoàn kết với người Kinh để đánh giặc, giữ nước, để đồng bào người Kinh, người vùng cao được sung sướng như nhau.

Nghe cán bộ Việt Minh nói, đồng bào A Xây ai ai cũng vui mừng khôn xiết. Mừng vì không phải làm trâu, đóng thuế, không bị thực dân bóc lột, không bị đồ đưa chèn ép, không còn bị khinh miệt là “tôi mọi”. Người Raglai ở A Xây sau bao đời, lần đầu tiên được chọn đất làm rẫy mà không sợ bị bọn thực dân, tổng sách cấm đoán; họ có thể xuống miền xuôi buôn bán mà không lo bị bọn đồ đưa sách nhiễu. Và nay họ được ngồi ngang hàng với cán bộ người Kinh như anh em, khác xa cảnh khúm núm trước bọn tổng sách, thực dân, đồ đưa ngày xưa. Đối với người A Xây, đó là sự thay đổi quá diệu kỳ, quá đổi lớn lao.

Đó cũng là lần đầu tiên, người Raglai biết đến Cụ Hồ. Họ có thể chưa biết Cụ Hồ là ai, nhưng với đồng bào Raglai, Cụ như là Cơi Moxiri, Mỏq Vila (Ông trồng cây, Bà xây núi)⁽⁵⁾. Bởi, Cụ Hồ đã thay đổi cuộc đời họ, đưa họ trở thành người công dân bình đẳng và tự do của nước Việt Nam mới.

Nhớ năm 1952, thiên tai liên miên, tỉnh Khánh Hòa, nhất là đồng bào miền núi⁽⁶⁾ đói nặng. Khu 5 đã xuất 40 triệu đồng tín phiếu từ Quỹ cứu đói Hồ Chí Minh để mua lương thực, quần áo cấp cho đồng bào chống đói khẩn cấp, đồng thời mua hàng ngàn gia lúa, bắp giống và các dụng cụ để sản xuất. Cán bộ bảo với đồng bào:

“Đó là cái bụng thương nhớ của Cụ Hồ gửi người Raglai mình”. Đồng bào A Xây xúc động vô cùng, nhiều người đã khóc và tỏ lòng biết ơn Cụ Hồ: “Cụ ở xa mà thương dân, lo cho đồng bào mình. Chúng tôi coi Cụ như mẹ, như cha. Khi ăn cơm, mặc áo, khi chặt rìu, chặt rựa, tôi nhớ ơn Cụ Hồ”.

Người dân A Xây vì vậy “ăn lời”⁽⁷⁾ cách mạng, một lòng một dạ đi theo cách mạng. Pháp đánh tới, bắn giết đồng bào, đốt làng, phá nương rẫy thì đồng bào A Xây kéo nhau lên Hòn Dũ, Tà Gộc; Mỹ đánh thì đồng bào kéo nhau lên Cà Thiêu... cứ thế họ chịu đựng gian khổ, đi theo kháng chiến suốt mấy chục năm ròng, không ai chạy theo địch, luôn vững vàng, trung thành, giữ bí mật cho cách mạng. Một già làng nhớ lại: “Hồi đó, chúng tôi dặn nhau rằng khi bị địch bắt thì không đầu hàng, khai báo, đánh thì chịu đau, tra khảo thì chịu chết, quyết một lòng trung thành với Bác Hồ, với cách mạng. Ai phản bội thì không được về làng”.

Sau ngày giải phóng huyện Khánh Vĩnh (12-1960), Palây A Xây lại càng tích cực tham gia kháng chiến, đóng góp công sức cho cách mạng. Một già làng kể lại: “Hồi đó, dân làng mình bảo nhau: Thiếu cơm, lạt muối, thiếu vải thì không chết nhưng thiếu cách mạng, thiếu ảnh Bác Hồ thì không sống được. Đói thì đào củ mài, củ năn ăn thay cơm; lạt muối thì ăn lá đu đủ đắng, tro tranh cho đỡ thèm mặn; thiếu vải thì bóc vỏ cây che thân tạm; mất những đồ quý giá trong nhà chứ không được mất

ảnh Bác Hồ mà cán bộ tặng. Đồng bào cứ bám núi, vào hang dài⁽⁸⁾ theo kháng chiến chứ không bao giờ bỏ cách mạng”. Cách mạng phân công làm gì, Palây A Xây đều không ngại khổ, ngại khó. Từ việc bám rẫy sản xuất, đi dân công chuyển vũ khí, thương bệnh binh, đi tải hàng, mở đường phục vụ chiến dịch, tham gia bộ đội của huyện, bám trụ đánh địch tại chỗ... đồng bào đều tích cực tham gia. Tháng 2-1962, đồng bào A Xây vinh dự được tham gia phục vụ, làm hội trường cho Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ 3 tổ chức tại thôn mình. Đồng bào dẫn nhau, quyết tâm kháng chiến, đánh giặc, đợi ngày nước mình thống nhất, ra Hà Nội thăm Bác Hồ.

Nhưng nguyện vọng của đồng bào A Xây chưa thành thì ngày 02/9/1969, Hồ Chủ tịch từ trần. “Những ngày đó, người Raglai không ai làm nổi việc gì, chỉ lấy hình Bác Hồ ra cho đỡ nhớ thương thì tự nhiên nước mắt cứ giàn giụa tuôn rơi. Cán bộ khuyên đồng bào nhớ Bác Hồ thì phải để nó trong bụng, phải làm theo lời Bác, làm thật nhiều rẫy, diệt thật nhiều thằng Mỹ, Ngụy thì Bác mới vui lòng. Nhờ đó, đồng bào mới vui đi đau thương” một già làng hồi tưởng.

Rồi Palây A Xây cũng có dịp để thực hiện điều Bác Hồ dặn. Tháng 2/1970, Mỹ đổ bộ 2 trung đoàn, có cả lính Đại Hàn, quân đội Ngụy, sử dụng cả máy bay B52 thả bom phá, bom bi, bom hơi độc, chất độc hóa học...

vào căn cứ của ta. Bằng sự mưu trí, dũng cảm, chỉ trong một ngày (20-2-1970), dưới sự chỉ huy của đồng chí Ma Xanh – Xã đội trưởng, du kích và người dân thôn A Xây đã bắn rơi 07 máy bay địch, diệt 49 tên địch. Cuộc càn quét của hơn 01 tiểu đoàn địch bị thất bại thảm hại. Trong trận này, tổ thương liên của đồng chí Cao Tài đã chiến đấu đến viên đạn cuối cùng và anh dũng hy sinh. Với chiến công xuất sắc đó của thôn A Xây đã góp phần quan trọng để Nhân dân và cán bộ xã Khánh Nam, huyện Khánh Vĩnh được Hội đồng cố vấn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tặng thưởng Huân chương Giải phóng hạng Ba. Huyện ủy Vĩnh Khánh đã phong tặng cho thôn A Xây danh hiệu “thôn Bác Hồ”. Ngày được tặng danh hiệu “thôn Bác Hồ” đồng bào mừng lắm, đồng bào tự hứa sẽ tiếp tục cố gắng làm theo lời Bác Hồ, cán bộ để gắng sức giải phóng quê hương, đất nước.

Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ xã Khánh Minh (sau là xã Khánh Nam)⁽⁹⁾, thôn A Xây bước vào một giai đoạn mới, giai đoạn thực hiện lời dạy của Bác Hồ: “Thắng giặc Mỹ ta sẽ xây dựng đất nước hơn mười ngày nay”. Hơn 45 năm qua, dầu còn nhiều khó khăn nhưng so với trước đây, A Xây đã có bước chuyển căn bản, đồng bào không còn hộ đói, số hộ nghèo ngày càng giảm qua các năm. Đến cuối năm 2019, thôn A Xây còn 28,40% số hộ nghèo. Mặc dù tỉ lệ hộ nghèo của thôn còn cao nhưng nhìn

chung là thấp hơn so với tỉ lệ hộ nghèo của xã Khánh Nam và của huyện Khánh Vĩnh (lần lượt là 29,07% và 32,88%).

Nhờ Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, sự giúp đỡ của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp ở miền xuôi, đồng bào A Xây được Nhà nước hỗ trợ giống, phân bón, hướng dẫn kỹ thuật canh tác, nuôi trồng nên đời sống của bà con ngày càng khá hơn. Từ thu nhập sản xuất nông nghiệp, nhiều bà con A Xây đã xây được nhà ngói, mua sắm phương tiện đi lại; cơ sở hạ tầng từng bước được đầy đủ. Cái thời “đói cơm, lạt muối” đã dần đi vào dĩ vãng. Đời sống văn hóa – xã hội của đồng bào A Xây cũng ngày càng tiến bộ hơn trước. Các hủ tục dần bị loại bỏ. Việc chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân ngày càng được quan tâm. Số lượng con em A Xây theo học ở các cấp học sau phổ thông ngày càng nhiều... Đặc biệt, dù cuộc sống còn nhiều khó khăn nhưng bà con A Xây không bao giờ quên các liệt sĩ đã hy sinh để bảo vệ quê hương thoát khỏi bọn xâm lược. Đồng bào đã quyên góp tiền xây dựng khu tưởng niệm các liệt sĩ tại thôn, coi đó là chốn linh thiêng phải gìn giữ. Bên cạnh đó, công tác xây dựng Đảng cũng được quan tâm. Năm 2004, sau khi Chi bộ xã Khánh Nam nâng cấp thành Đảng bộ cơ sở, Chi bộ thôn A Xây cũng được thành lập. Nếu trước năm 1975, thôn A Xây có 05 đảng viên thì đến năm 2019, Chi bộ thôn A Xây có 13 đảng viên...

Đã 75 năm kể từ ngày Palây A Xây “ăn lời” cách mạng, theo Đảng, theo Bác Hồ nhưng ký ức về một thời gian khổ, oanh liệt mà rất đỗi hào hùng trong kháng chiến, trong gian khổ xây dựng quê hương sau ngày đất nước thống nhất vẫn và sẽ được đồng bào A Xây khắc ghi. Rồi A Xây, chúng tôi tin chắc rằng, dẫu còn nhiều khó khăn nhưng người dân nơi đây sẽ xây dựng quê hương “hơn mười ngày nay” như điều Bác Hồ hằng mong ước, để bài ca “*A Xây thôn Bác Hồ rạng danh*” sẽ mãi là “*bài ca ơn tình sắt son*” tiếp nối và lưu truyền đến muôn đời sau.

NGUYỄN QUỐC VIỆT

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa

A Xây là thôn thuộc xã Khánh Nam, huyện Khánh Vĩnh; có diện tích tự nhiên 1.127ha. Thôn hiện có 169 hộ với 642 nhân khẩu thuộc 4 dân tộc Raglai, Kinh, Tày, Nùng cùng sinh sống.

Bài viết năm 2020.

- (1) Trích lời bài hát Khánh Vĩnh một bài ca. Nhạc và lời: Văn Chường.
- (2) Palây là thôn, làng.
- (3) Bọn gian thương chuyên mua các loại nông lâm sản của đồng bào giá rẻ mạt nhưng bán muối, vải... cho họ rất đắt.
- (4) Đi sâu tức đi làm lao động công ích, chủ yếu là làm đường.
- (5) Cõi Moxiri, Mòq Vila theo sử thi là những đấng thần linh đã tạo ra người Raglai.
- (6) Lịch sử Đảng bộ huyện Khánh Vĩnh (1945 – 1975), NXB Chính trị quốc gia, trang 82.
- (7) Nghe lời, tin tưởng, trung thành.
- (8) Tức các gộp đá bí mật.
- (9) Sau ngày đất nước thống nhất, hai xã Khánh Trung và Khánh Nam hợp nhất thành xã Khánh Minh, đến năm 1985 được tách trở lại như cũ.

GÓP PHẦN XÂY LĂNG BÁC

Những ngày cuối tháng 8 năm 1969, cán bộ, chiến sĩ, đồng bào vùng Khánh Sơn lặng người đi khi được tin Bác Hồ bệnh nặng. Và tin Bác Hồ qua đời đã gây xúc động sâu xa trong lòng người dân Khánh Sơn. Trong buổi lễ truy điệu Bác Hồ không ai không rung rung nước mắt. Tấm băng tang đeo trên ngực nhắc nhở mỗi người biến đau thương thành hành động cách mạng để Bác Hồ yên lòng trong lúc đi xa. Nhân dân Khánh Sơn càng tích cực sản xuất, tham gia bố phòng, hăng hái đi dân công, tiếp vận, phục vụ bộ đội. Các trận chiến đấu ở Bàu Hùng, Gò Cùi... đã thu được thắng lợi lớn.

Năm 1973, được tin cả nước góp phần xây lăng Bác, đồng bào Khánh Sơn đã không quản ngại khó khăn, phân công nhau từng nhóm nhỏ băng rừng, lội suối đi tìm gỗ quý. Từ người cao tuổi nhất như già San – chủ tịch đến Bo Bo Diễn, Bo Bo Dân, Mẩu Tịch, Tro Đoàn, Bo Bo Tấn... cùng một số đồng bào đã phát hiện được những cây mun lớn tại Suối Hai thuộc Ba Cùm Nam. Chỉ trong một thời gian ngắn, 4 súc mun dài 2 mét, mặt hơn 30 phân đã được đồng bào khiêng về địa điểm tập trung của tỉnh.

Những chuyên gia lâm nghiệp đã chọn trong hơn 60 gùi gỗ mun và huỳnh đàn của đồng bào các dân tộc trong toàn tỉnh, 20 gùi gỗ mun tốt nhất.

Đầu năm 1974, những tấm gỗ mun quý giá ấy đã được bà con Khánh Hòa gửi trên lưng, băng đèo vượt suối, trải sương nắng, gió mưa đến địa điểm giao nhận, chuyển ra Thủ đô, góp phần xây nơi Bác Hồ yên nghỉ. Nhân dân Khánh Sơn, đồng bào Rắc- lây đã gửi lòng nhớ thương thành kính của mình vào những tấm gỗ mun đang hiện diện trong lăng Bác.

BO BO DIỄN kể

Hoàng Ngọc Lại ghi
Nguyên Trưởng ban Tuyên giáo
Thành ủy Nha Trang

ĐÊM ĐẦU TIÊN TRÊN TRƯỜNG SA MỠI GIẢI PHÓNG

Vượt qua giông bão, tổ phóng viên mặt trận chúng tôi có mặt ở Trường Sa từ những ngày đầu giải phóng. Đêm đầu tiên ở đảo Song Tử Tây, trong căn hầm nửa nổi nửa chìm, anh em quây quần bên tấm gỗ kê làm bàn. Ngọn đèn dầu đỏ (loại dầu để pha vào xăng chạy xe) hắt sáng lên những gương mặt sạm nắng gió, đồng chí phân đội trưởng nói với tôi:

- Anh có mang theo cuốn sách hoặc tấm ảnh nào nói về Bác Hồ không? Sắp đến ngày sinh của Bác rồi...

Tôi tìm trong ba lô, còn tấm ảnh cuối cùng trong tập ảnh Bác mà tôi mang theo và đã lần lượt tặng các đơn vị và Nhân dân dọc đường tiến vào Sài Gòn. Tôi tặng lại đồng chí phân đội trưởng. Tay run run, anh đặt tấm ảnh Bác ở vị trí trang trọng nhất của căn hầm. Một chiến sĩ thốt lên: “Nếu còn Bác, mà mạnh khỏe, thế nào Bác cũng ra thăm đảo Trường Sa”.

Thế là những chuyện kể về Bác kéo đến tận khuya. Càng kể càng sôi nổi hào hứng. Anh em đề nghị phân đội trưởng ngâm thơ Bác. Gương mặt đầy cảm xúc, mắt đăm đăm nhìn vào khoảng không bao la, phân đội

trường cất giọng ngâm bài “Bác ơi”. Căn nhà hầm lặng đi, có đồng chí lấy khăn lau nước mắt.

Có lẽ cứ thế như vậy, anh em sẽ thức đến sáng, nên tôi đề nghị anh em hát bài “Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng” rồi tắt cả đi nghỉ.

Tiếng hát trong đêm hòa vào tiếng sóng biển, tôi nghe như nhịp đập trái tim của những chiến sĩ anh hùng vừa chiến thắng Trường Sa.

Đêm ấy tôi không sao ngủ được. Bên ngoài sóng biển xô xao, lú lú đàn hải âu ăn đêm. Ngọn đèn dầu trong căn nhà hầm vẫn tỏa sáng. Tôi nhìn ảnh Bác như thấy Bác đang mỉm cười âu yếm với đàn cháu con vừa đánh thắng một trận táo bạo thông minh, giải phóng phần đất, phần biển vô vàn yêu quý của Tổ quốc.

KHẮC XUÊ

Nguyên Phóng viên Báo Quân đội nhân dân

ĐÚC TƯỢNG BÁC

“Trong cuộc đời làm nghề thợ đúc của tôi trên 60 tuổi, tôi đã đúc nhiều như: Tam sơn ngũ sự, xoong chảo, mâm nồi, tượng phật... nhưng không có lần nào tôi say sưa và hồi hộp như lần tôi đúc tượng Bác Hồ. Tôi đã dồn cả sức lực và con tim, khối óc thể hiện cho được vầng trán cao, chòm râu hiền hòa, để tỏ lòng biết ơn và tôn kính Bác, để mọi người chiêm ngưỡng và mọi người đều thừa nhận đó đích thực là Bác Hồ, mới thật là khó. Tôi đã phải tốn gần hai tháng trời lao động căng thẳng mới hoàn thành được một pho tượng Bác vào cỡ lớn từ đầu năm 1979 đến nay. Nhưng tôi chưa thể hiện nổi đôi mắt ngời sáng của Người. Phần đó, tôi dành dành cho con trai tôi” Lời của cụ Biện Có.

Anh Biện Phi Không, là chủ nhiệm liên tục bốn khóa của hợp tác xã đúc Cao Thắng, con trai cụ Biện Có nói: “Việc đúc tượng Bác Hồ là cả một sự ước mơ của tôi, tuy có ảnh Bác nhưng tôi chưa thấy được tượng Bác bao giờ. Năm ngoái, tôi có đi dự Hội nghị tỉnh. Lần đầu tiên tôi thấy tượng Bác bằng thạch cao cỡ lớn. Tôi về nằm suy nghĩ nghề thợ thủ công trước đây đã bị chết, sau gia đình tôi lâm vào cảnh đói

nghèo, sau ngày miền Nam được giải phóng, nghề thủ công mới sống lại, gia đình tôi cũng như cây khô đã nảy lộc, đâm cành là nhờ có Đảng và Bác Hồ. Vì vậy, tôi tha thiết muốn nặn tượng Bác Hồ để đền đáp công ơn của Người”.

Muốn để cho chắc ăn, anh Phi Không đã làm đơn lên Huyện ủy Diên Khánh xin phép đúc tượng Bác Hồ, được Huyện ủy chấp thuận, anh mừng hết chỗ nói. Anh về mời ngay một số thợ giỏi bắt tay vào việc, ai cũng muốn góp sức mình vào công việc vinh dự này nhân dịp kỷ niệm ngày sinh của Bác.

Công việc chuẩn bị đã hoàn tất, giờ phút rót đồng vào khuôn mới thiêng liêng và hồi hộp làm sao, toàn thể xã viên hợp tác xã hôm đó đều có mặt. Huyện ủy Diên Khánh đang họp cũng tạm dừng để đến chứng kiến, ai nấy cũng hồi hộp mong đợi kết quả. Anh Phi Không chủ nhiệm hợp tác xã trực tiếp cầm gáo múc đồng nóng chảy, rót vào khuôn. Đồng chảy tới đâu, anh biết chắc thành công tới đó. Khi khuôn đất được tháo ra, hình dáng Bác Hồ hiện ra vàng chói, với vàng chán cao, đôi mắt sáng, chòm râu hiền hòa rất giống Bác. Tất cả mọi người có mặt đều vỗ tay tán thưởng. Anh Phi Không thở phào nhẹ nhõm, niềm ước mơ của anh, của những người thợ đúc ở hợp tác xã Cao Thắng nay đã thành hiện thực. Anh Phi Không nói: “Thành công này là nhờ có Bác Hồ đã dạy:

*“Không có việc gì khó,
Chỉ có lòng không bền,
Đào núi và lấp biển,
Quyết chí cũng làm nên”*

Bác đã tạo cho tôi sức mạnh và niềm tin để hoàn thành được nhiệm vụ. Nhưng cái vui mừng và xúc động nhất của tôi là hợp tác xã chúng tôi đã góp công sức, kẻ ít người nhiều tạo nên niềm vinh dự lớn lao này, để nói lên tấm lòng biết ơn vô hạn đối với Bác Hồ nhân dịp kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh của Người”.

H.L

BA CỬ SÂM CỦA BÁC

Sắp đến ngày 19/5, kỷ niệm lần thứ 98 ngày sinh của Bác Hồ vĩ đại, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Phú Khánh cần nghiên cứu những sự kiện “Bác Hồ với miền Nam – miền Nam với Bác Hồ”. Tôi đến gặp anh Bảy (tức đồng chí Nguyễn Xuân Hữu) và được nghe anh kể về ba cử sâm mà Bác Hồ đã tặng anh.

Anh Bảy nói: “Ba cử sâm mà Bác Hồ đã tặng cho tôi là một vật kỷ niệm rất sâu sắc trong đời hoạt động cách mạng của tôi. Kỷ vật này không phải riêng cho cá nhân tôi, mà nó thể hiện tình thương mệnh mông trời biển của Bác Hồ muôn vàn kính yêu đối với đồng bào miền Nam ruột thịt như Bác thường nói: “Miền Nam luôn luôn trong trái tim tôi, chừng nào miền Nam chưa được giải phóng thì tôi còn ăn không ngon, ngủ chưa yên”. Nên mỗi lần kể lại chuyện ba cử sâm của Bác, tôi xúc động quá!”. Nói đến đây anh dừng lại lấy khăn lau nước mắt rồi chậm rãi nói tiếp: “Qua một thời gian tôi hoạt động ở miền Nam, Ban Thường vụ Liên Khu ủy Khu 5 cử tôi ra báo cáo với Trung ương Đảng về tình hình Khu 5, đồng thời kết hợp chữa bệnh. Sau khi báo cáo với Bác và làm việc

với Trung ương, tôi được chữa bệnh một thời gian rồi trở vào miền Nam hoạt động”.

Trưa ngày 27/7/1966, tôi đến chào đồng chí Phạm Văn Đồng và tôi đề nghị đồng chí cho tôi được gặp Bác để kính chào tạm biệt Bác. Đồng chí Phạm Văn Đồng cho biết Bác đang nghỉ. Tôi nhờ đồng chí chuyển hộ lời tôi kính chào Bác.

Lúc này cuộc kháng chiến của cả nước đang diễn ra quyết liệt. Giặc Mỹ đã leo thang đánh phá miền Bắc. Ngày 17/7/1966, Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước, Người nói: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá. Song Nhân dân ta quyết không sợ, không có gì quý hơn độc lập, tự do! Đến ngày thắng lợi Nhân dân ta sẽ xây dựng đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn...”. Những lời kêu gọi của Bác càng thôi thúc tôi sớm trở lại miền Nam chiến đấu.

Giữa lúc giặc Mỹ thả bom xuống kho xăng Đức Giang, Gia Lâm Hà Nội thì tôi chuẩn bị lên đường. Chiều ngày 30/7/1966, Bác cho đồng chí Vũ Kỳ đưa đến cho tôi ba củ sâm, có kèm theo một tờ giấy đánh máy Bác hướng dẫn cách dùng sâm. Bác dặn: “Phải xắt lát rồi sao khử thổ, hơi vàng, mỗi củ chia làm ba gói, mỗi lần uống một gói, trước khi uống phải cho vào cốc sành đổ vào độ một phần tư nước, đậy kín

chưng cách thủy độ chừng hai đến ba tiếng đồng hồ, đun lửa vừa cho được nước, mỗi ngày uống ba lần trước khi ăn độ một giờ”.

Trên đường từ Hà Nội vào miền Nam, tôi cứ suy nghĩ về ba củ sâm, thỉnh thoảng tôi sờ hoặc mở ra xem rồi gói lại. Nghĩ đến ba củ sâm, tôi càng nhớ càng thương Bác, tuổi già, sức yếu rất cần sâm, mà Bác lại dành một phần sâm của Bác cho tôi, nghĩ đến đó tự nhiên nước mắt tôi trào ra xúc động! Tôi biết tình cảm của Bác không chỉ dành riêng cho tôi mà cho cả miền Nam, cho tất cả đồng bào, đồng chí mà Bác ngày đêm thương nhớ.

Về đến Khu 5, từ năm 1966 đến năm 1975 tôi đi khắp các tỉnh. Có những lúc tôi bị ốm, sức khỏe giảm sút nghiêm trọng, tôi muốn uống sâm của Bác. Nhưng mỗi lần nhìn ba củ sâm của Bác là mỗi lần tôi tự cảm thấy sức khỏe mình được tăng lên. Ba củ sâm của Bác đối với tôi là một tình cảm rất lớn. Lúc đi sâu vào vùng địch hậu vô cùng gay go, ác liệt, cũng như lúc ở căn cứ mưa dầm, gió bão, đói rét ốm đau, có đêm tôi nằm mơ thấy Bác và nghe lời vang vọng của Bác: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” như lời kêu gọi của núi sông làm cho tôi càng suy nghĩ về trách nhiệm của mình.

Suốt trong quá trình hoạt động chống Mỹ, cứu nước, tôi luôn giữ ba củ sâm của Bác trong người. Ba

củ sâm đã trợ lực cho tôi qua các giai đoạn chiến đấu gay go, ác liệt.

Khi nghe tin Bác mất, quá xúc động tôi học thuộc lòng từng lời Di chúc của Bác và tôi đem hết sức mình để thực hiện lời dạy của Người.

NGUYỄN XUÂN HỮU kể

(Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng,
Nguyên Ủy viên Hội đồng Nhà nước,
Nguyên Thường vụ Khu ủy Khu 5,
Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa)

Lê Xuân Cảnh ghi

(Nguyên Phó Ban nghiên cứu lịch sử Đảng
Tỉnh Phú Khánh)

HAI LẦN GẶP BÁC HỒ

Từ giữa năm 1948, Khu ủy 5 quyết định tôi đi học văn hóa, đồng chí Trần Quỳnh thay tôi làm Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa. Xong 2 năm học trở về, tôi được Tỉnh ủy giao phụ trách công tác Mặt trận Liên – Việt, đến khoảng tháng 8/1951, Khu ủy 5 lại quyết định tôi đi học lý luận ở nước ngoài.

Bắt đầu từ cơ quan Mặt trận ở chân núi Đá Đen (Diên Khánh). Qua mấy tháng ròng leo đèo, vượt sông, lội suối mới đến căn cứ Việt Bắc.

Cuối tháng 10/1951, chúng tôi cả đoàn cán bộ Khu 5 được chuyển đến nhà khách Trung ương, ai nấy đều thở phào nhẹ nhõm. Tuy còn khá mệt mỏi, nhưng mọi người đều tỏ ra phấn khởi.

Nghỉ được vài hôm, Ban Tổ chức Trung ương họp các đoàn cán bộ tại một hội trường làm bằng tranh tre nứa lá ở trong rừng, kín đáo, không xa trạm liên lạc bao nhiêu. Chúng tôi không biết địa danh nơi này, cũng không được hỏi ai. Vì đây là vấn đề nguyên tắc bí mật.

Ban tổ chức Trung ương phổ biến nghị quyết của Trung ương Đảng về bồi dưỡng đào tạo cán bộ sang học ở nước bạn và bàn kế hoạch đi đường.

Một việc hết sức bất ngờ đối với chúng tôi là có tin Bác đến thăm. Nhiều người hết sức ngạc nhiên, bất ngờ ai cũng tỏ ra phấn khởi. Chưa có ai kịp chuẩn bị gì để đón Bác thì Bác đã đến rồi. Cả hội trường đứng dậy chào Bác, ai nấy cũng chăm chăm nhìn về hướng Bác. Riêng tôi thì tràn trề niềm vui sướng, lần đầu tiên tận mắt được nhìn Bác.

Bác vừa vào Hội trường với dáng đi nhanh nhẹn, vui vẻ, Bác nhìn mọi người, vừa vẫy tay chào và ra hiệu cho mọi người ngồi xuống. Bác bước lên bục, không ngồi ghế. Bác vẫn đứng, hướng xuống chúng tôi. Bác mặc bộ quần áo ka-ki bình thường, tóc râu chưa bạc lắm, dáng vẻ quắc thước và hết sức bình dị. Nhìn qua chúng tôi một lượt và Bác nói luôn: Bác biết các cô chú sắp đi học bên Trung Quốc, Bác có lời thăm và chúc tất cả đều mạnh khỏe.... Rồi Bác căn dặn, đại ý: Trung Quốc mới được giải phóng chưa bao lâu đang còn nhiều khó khăn. Nhưng bạn giúp ta đào tạo cán bộ. Các cô các chú gắng học tập thật tốt để về phục vụ Tổ quốc tốt hơn. Vừa dứt lời Bác lại nói to: Đề nghị chúng ta cùng nhau hát bài “Kết đoàn”. “Kết... đoàn...” Chúng tôi hát theo Bác. Tôi không quen hát, nhưng cũng phấn khởi hát theo để cho Bác vui và cũng để hòa vào tiếng hát với anh em. Trong lúc mọi người đang hát mỗi lúc một hăng thì Bác đã rời khỏi bục đi ra lúc nào không hay, nhiều người nhìn quanh tìm Bác. Chúng tôi lại bị một lần bất ngờ nữa. Gặp được Bác là điều rất vinh dự trong

đời, được hát chung với Bác ai cũng phấn khởi, cảm thấy vô cùng sung sướng, nhưng rồi ai cũng thấy không thỏa mãn, vì thời gian gặp Bác ngắn quá. Hình ảnh ấy in sâu trong mỗi người, riêng tôi đã hưởng được những giây phút sung sướng bất ngờ lần đầu tiên gặp Bác, giữa cuộc kháng chiến chống Pháp quyết liệt ở khu căn cứ Việt Bắc. Chúng tôi được Bác thăm hỏi và dặn dò làm tăng thêm niềm phấn khởi thúc đẩy sự nỗ lực của chúng tôi trong học tập.

Chúng tôi đã chuẩn bị xong mọi mặt và lên đường, đến giữa tháng 11/1951 tới Hoa Bắc. Sau một thời gian ngắn được chuyển về trường Mác- Lê-nin ở Bắc Kinh vừa mới xây xong.

*

* *

Sau một năm rưỡi học lý luận ở Bắc Kinh, vào giữa năm 1953, chúng tôi về nước. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đang chuyển vào giai đoạn quyết liệt giành thắng lợi. Ở hậu phương vùng tự do miền Bắc, Trung ương chủ trương phát động quần chúng giảm tô cũng nhằm đẩy mạnh cuộc kháng chiến tiến lên. Tôi được đưa về tham gia học tập kinh nghiệm phát động quần chúng giảm tô ở tỉnh Thanh Hóa. Tôi được chỉ định làm trưởng đoàn phát động xã, làm 2 đợt: Một ở xã Yên Khang, huyện Yên Định và một ở 02 xã Quảng Thiện và Quảng Đông thuộc huyện Quảng Xương. Sau đó, tôi

được chuyển vào Nghệ An cũng làm trưởng đoàn phát động một xã của huyện Nam Đàn. Xong đợt này, Trung ương rút về cho đi học kinh nghiệm chiến tranh du kích ở đồng bằng Khu 3. Trung ương tổ chức một đoàn toàn là cán bộ ở vùng bị chiếm Khu 5 do đồng chí Tam (Nhĩ) làm trưởng đoàn. Đoàn về hoạt động trong vùng du kích ở Nam Định – Hà Nam vào đầu năm 1954. Ở đây mấy tháng, trong lúc này ta đánh mạnh nhiều nơi và sau khi Điện Biên Phủ thắng lợi, Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, Trung ương điều chúng tôi về Nam. Tôi được quyết định về lại Khu 5 ở trong phái đoàn quân sự của Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam do đồng chí Nguyễn Duy Trinh làm trưởng đoàn.

Sau khi đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư Trung ương Đảng gặp chúng tôi phổ biến nghị quyết Trung ương và Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đồng Dương, bàn một số nhiệm vụ cụ thể về hoạt động cách mạng ở miền Nam sau này, chúng tôi chuẩn bị lên đường về Khu 5 thì được tin Bác Hồ sẽ gặp chúng tôi. Lần này Bác gặp một số đồng chí: Tâm, Bảo, Tồn... ở Quảng Nam và tôi ở Khánh Hòa tại Văn phòng Trung ương. Phút chốc Bác vào phòng, chúng tôi nhất loạt đứng dậy chào Bác. Bác khoác tay bảo ngồi và hỏi thăm ngay sức khỏe chúng tôi, đặc biệt lần này Bác hỏi đến quê quán chúng tôi. Mỗi người báo cáo vắn tắt tên tuổi, địa chỉ của mình, xong Bác nói ngay vào thắng lợi của ta, đại ý: Hiệp định Giơ-ne-vơ đã được ký kết là thắng lợi lớn của 9 năm

kháng chiến chống thực dân Pháp. Hiệp định Giơ-ne-vơ tạm chia cắt Việt Nam thành hai miền: miền Nam đang còn tiếp tục đấu tranh cách mạng dân tộc dân chủ..... Các đồng chí sẽ trở về miền Nam, phải hoạt động trong vùng địch kiểm soát. Nói đến đây, tôi cảm thấy Bác không vui..., nhưng Bác căn dặn chúng tôi phải ra sức chịu đựng mọi hy sinh, gian khổ để thực hiện nhiệm vụ cách mạng miền Nam, trước mắt đấu tranh thực hiện Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Cuộc gặp lần này cũng không lâu, Bác nói không nhiều lắm, nhưng chúng tôi ghi sâu những lời Bác dặn. Cuộc gặp mặt với Bác không bất ngờ như lần trước, nhưng có ý nghĩa rất lớn, đánh dấu cuộc kháng chiến lâu dài giành thắng lợi, chuyển cách mạng sang giai đoạn mới, gặp được Bác là một sự cổ vũ lớn cho mình. Mỗi lần gặp những khó khăn gian khổ nào trong hoạt động cách mạng ở miền Nam nhớ đến lời căn dặn ân cần của Bác, tôi như có thêm nguồn sức mạnh và quyết tâm để vượt qua.

Sau lần thứ hai gặp Bác, tôi cùng phái đoàn quân sự lên máy bay Pháp từ Gia Lâm vào Quy Nhơn. Một cuộc chiến đấu mới bắt đầu.

MAI DƯƠNG

Nguyên Ủy viên Ủy ban Kế hoạch và
Ngân sách của Quốc hội,
Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa,
Nguyên Chủ tịch UBND tỉnh Phú Khánh

NHỚ BÁC

Như mọi người dân miền Nam, tôi khắc sâu trong tâm khảm giọng nói quê hương xứ Nghệ trầm trầm của Bác đọc Bản Tuyên ngôn Độc lập ngày 2-9-1945: “Tôi nói đồng bào nghe rõ không?”. Từ đáy lòng, tôi đáp lại Bác, ngay lúc bấy giờ và mãi mãi sau này: “Thưa Bác, rõ ạ!”.

Tôi cũng nhớ mãi hình ảnh Bác trên khán đài: Một Hồ Chí Minh lần đầu tiên tôi chỉ mới thấy qua ảnh: mặt gầy, tóc thưa thưa, với đôi mắt sâu, sâu thẳm mà sáng, sáng như sao, với chòm râu đen nhưng cũng còn... ít sợi... Hình ảnh Bác lúc ấy là hình ảnh tôi mê nhất.

Tôi nhớ Bác qua chữ ký trên tấm thẻ đại biểu Quốc hội. Tôi nhớ tấm thẻ ấy và nhớ những cử tri Khánh Hòa – Nha Trang đã bỏ phiếu cho tôi ngày 6-1-1946 trong những ngày đầu chiến tranh trong tỉnh, dưới bom đạn quân thù, một số đã hy sinh với tấm thẻ cử tri và lá phiếu trong tay, làm tròn nghĩa vụ vinh quang và biết bao thiêng liêng của những người công dân đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Tôi nghĩ rằng cuộc bỏ phiếu ngày 6-1-1946, khi cuộc kháng chiến mới bắt đầu nổ ra, không phải là bỏ phiếu cho riêng tôi hay ông

A, bà B nào đó, mà là lá phiếu cho kháng chiến, cho dân tộc, cho Bác Hồ. Tôi càng quý tấm thẻ đại biểu mà tôi trân trọng giữ một trong các kỷ vật thiêng liêng về Bác.

Nhưng cũng xin thú thực là tuy được bầu trong cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của nước nhà, và tuy nhiệm kỳ đại biểu của tôi được gia hạn cho đến... 1976, nghĩa là cho đến cuộc Tổng tuyển cử thứ hai trong cả nước sau ngày cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước toàn thắng, thống nhất nước nhà, nhưng cũng mãi đến sau ngày thi hành Hiệp định Geneve 1954, tập kết ra miền Bắc, tôi mới được vinh dự tham gia các cuộc họp thường kỳ của Quốc hội. Cho nên mỗi kỳ họp, được thấy Bác cùng họp với mình với danh nghĩa là đại biểu Quốc hội của Thủ đô Hà Nội, tôi xem như là một ngày hội!

Vì là gốc ở miền Nam, lại còn do bản thân tôi được phân công làm công tác chuyên về miền Nam, về đấu tranh thống nhất nước nhà, tôi có vinh dự là một thành viên trong Tiểu ban miền Nam (hội nghị Tiểu ban thống nhất) của Quốc hội – Mỗi kỳ họp trong các cuộc thảo luận ở Quốc hội về tình hình miền Nam và đấu tranh thống nhất nước nhà, tôi đều có những hoạt động thiết thực trên cương vị đại biểu cho tỉnh nhà, có tham luận ở Hội trường, và tham gia trực tiếp vào việc dự thảo các văn kiện của Quốc hội liên quan đến miền Nam.

Tôi nhớ mãi kỳ họp giữa năm 1962, lúc đế quốc Mỹ lập Bộ chỉ huy quân sự ở miền Nam, nhưng cũng đúng

vào thời điểm Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, Quốc hội ta sôi nổi thảo luận về tình hình đó và biểu thị thái độ.

Giờ phút thật là xúc động! Là một thành viên trong Tiểu ban miền Nam của Quốc hội, tôi có nhiệm vụ trực tiếp “lo” dự thảo một bản tuyên bố của Quốc hội. Tôi nhớ mãi chỉ thị miệnng ngắn gọn của Bác để cân nhắc, thảo thêm cho thận trọng, đúng với ý nghĩa của sự kiện và của văn kiện. Bác chỉ nhắc: “Mỹ nó nghiên cứu kỹ đấy!”. Tuân lời Bác dặn, chúng tôi trong tiểu ban đã cân nhắc từng chữ một, sao cho vừa có ý nghĩa pháp lý, tố cáo mạnh hành động của địch, vừa có tác dụng cổ vũ đấu tranh, kích thích dư luận ủng hộ ta sao cho có tính khách quan, thuyết phục mọi người; đồng thời cũng phản ánh lòng căm thù, ý chí kiên cường đấu tranh của Nhân dân ta, sự phẫn nộ của Quốc hội trước tình hình đó. Đi vào cụ thể, phải so từng từ một: tổ Mỹ đã “tăng cường chiến tranh “hay” mở rộng chiến tranh”? Hành động chiến tranh của Mỹ “uy hiếp” hay “trực tiếp uy hiếp nên an ninh của Việt Nam dân chủ cộng hòa”? Đối với phong trào đấu tranh của Nhân dân miền Nam “thì” “hoan nghênh” hay “biểu dương”? Đấu tranh theo “tinh thần cương lĩnh” của Mặt trận hay “theo cương lĩnh” Mặt trận? Đối với Nhân dân miền Bắc thì kêu gọi “ủng hộ” hay “tích cực ủng hộ”? “Làm thất bại” hay “đánh bại” âm mưu của đế quốc Mỹ? Đối với phe xã hội chủ nghĩa, với dư luận thế giới nói chung thì “yêu cầu” hay

“mong” được sự đồng tình ủng hộ...

Tóm lại, việc khởi thảo văn kiện thật là khó như “những ai đó đã qua cầu” mới hay! Chúng tôi đã cố gắng hết sức mình với sự tham gia của nhiều vị đại biểu, nhất là đại biểu miền Nam để có một bản dự thảo tương đối chặt chẽ, để trình Bác là người duyệt cuối cùng. Mọi người phập phồng, chờ đợi, vì ai cũng biết cái sắc sảo, chặt chẽ và linh hoạt trong ngòi bút của Bác. May quá! Bác đồng ý cơ bản về nội dung và chỉ sửa thêm vài từ - Nhưng Bác sửa thật kỹ! Tôi còn nhớ từng nét chữ mực đỏ trên bản đánh máy. Bác đích thân sửa chữa từng chữ, chẳng những trong nội dung, ý tứ, mà còn chỉnh lại những chữ o cho thật tròn, từ đầy phẩy, từng gạch nối, đảo ngược từ này, cắt bớt từ kia, thêm vào từ nọ....., và ghi chuyển cho đồng chí Trường Chinh và đồng chí Phạm Văn Đồng lúc ấy là Trưởng Ban Thường trực Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ để xem thêm. Mỗi chúng tôi nhẹ cả người tuy biết rằng hai vị giám khảo sau cùng không kém nghiêm khắc trong từng câu chữ như Bác... Nhưng đã “lọt cửa” Bác rồi, với anh Năm và anh Tô, chúng tôi tin chắc cũng sẽ được “chấm” thôi! Cuối cùng Văn kiện đã được phiên họp toàn thể của Quốc hội thông qua... Đó là một sự kiện đáng ghi nhớ trong đời “dân biểu” của tôi!

Nhưng điều làm cho tôi vô cùng ân hận và cho đến nay mỗi lần nhắc đến không khỏi ngậm ngùi là ngày

Bác đi xa, tôi không được ở nhà để tiễn Bác. Ngày 2-9-1969 và cho đến đầu năm 1973 tôi ở Paris, tham gia Hội nghị về Việt Nam trong đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa. Bù lại, tôi thấy được sâu sắc niềm đau thương, chân thành của các bạn bè nước ngoài, nhất là ở Pháp: Cộng sản hay không cộng sản, mọi người đều xem Bác như một vĩ nhân của thời đại ngày nay, trong lịch sử hiện kim của thế giới, của nhân loại.

NGUYỄN MINH VỸ (TÔN THẤT VỸ)

Nguyên Phó Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương,
Nguyên Phó Trưởng Đoàn đại biểu
Chính phủ nước VNCDCH
tại Hội nghị Paris về Việt Nam,
Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa,
Nguyên Chủ tịch Ủy ban kháng chiến
hành chính tỉnh Khánh Hòa

ĐƯỢC GẶP BÁC HỒ

Trước cách mạng tháng Tám năm 1945, tôi tham gia đoàn Hồng Thập tự mang tên Trung Trắc ở Nha Trang. Khi kháng chiến chống Pháp bùng nổ, ngày 23 tháng 10 năm 1945, hầu như toàn bộ chị em trong đoàn đã tự nguyện gia nhập bộ đội làm nữ cứu thương. Trong suốt 101 ngày đêm bao vây quân địch ở Nha Trang, chúng tôi đã theo sát các đơn vị bộ đội trong các phòng tuyến Chợ Mới, Cây Da – Quán Giếng, Cống Ba – Cầu Lùng... Khi Mặt trận Nha Trang vỡ, tôi theo bệnh viện Khánh Hòa lên Đồng Trấn rồi ra Hòn Hèo, Đá Bàn.

Khi Đại đoàn 27 thành lập, tôi được điều ra phụ trách quân y viện của Đại Đoàn đóng ở Sông Cầu.

Sau khi Bác Hồ đi Pháp về, để báo cáo thành tích của quân dân Nha Trang, Khánh Hòa trong những ngày đầu đánh Pháp, tôi và anh Hoàng Mạnh Nguyên được đơn vị cử ra miền Bắc để báo cáo với Bác, đồng thời mua một số thuốc men cho quân y viện.

Tôi và anh Nguyên đi ô tô từ Phú Yên ra Bình Định rồi từ đó đi tàu hỏa ra Huế và Hà Nội.

Biết có đoàn chiến sĩ từ chiến trường Nam Trung Bộ ra thăm, Bác Hồ cho phép gặp Bác.

Chúng tôi đến phòng khách ở Bắc Bộ phủ không lâu thì được gặp Bác ngay. Bác hỏi thăm tình hình chiến trường, đời sống Nhân dân, bộ đội, hỏi thăm gia đình chúng tôi và nguyện vọng của Nhân dân, bộ đội trong Nam cũng như của bản thân chúng tôi.

Tôi và anh Hoàng Mạnh Nguyên kể lại những ngày chiến đấu gian khổ trên chiến trường Khánh Hòa, sự ủng hộ của Nhân dân và tình hình địch, ta. Tôi thấy Bác chăm chú theo dõi, vẻ xúc động, nhiều lúc lấy khăn tay lau nước mắt.

Sau cùng, tôi đứng dậy thưa với Bác:

- Thưa Bác, chúng cháu được đơn vị cử ra miền Bắc thăm Bác và tặng Bác một món quà nhỏ, chiến lợi phẩm của bộ đội.

Nói rồi, tôi đưa tặng Bác chiếc chăn len màu vàng, chiến lợi phẩm của đơn vị trong một lần đánh đắm một tàu chiến của địch. Bác Hồ gỡ giấy gói chăn ra rồi ôm vào lòng. Hồi lâu Bác nói:

- Ôi ấm quá! Ấm quá! Tình cảm của đồng bào và chiến sĩ miền Nam đây.

Sau đó, Bác gói chăn lại cẩn thận và nhìn chúng tôi mỉm cười:

- Đây là chăn của Bác nhé!

- Dạ, cháu thay mặt đơn vị kính tặng Bác – Tôi nói.

- Đây là chăn của Bác! Bác gửi lại tặng cho chiến sĩ

ở miền Nam đang chiến đấu chống quân xâm lược bảo vệ Tổ quốc.

- Dạ không, đây là quà của bộ đội tặng Bác để Bác đắp cho ấm trong những ngày đông giá lạnh – Tôi vội nói.

Bác cười:

- Đây là quà của Bác gửi tặng bộ đội. Cháu về bảo các chú chỉ huy chọn chiến sĩ giỏi nhất và trao lại quà này của Bác.

Biết Bác đã quyết, tôi và anh Nguyên đành nhận lại chẵn.

Bác tặng ảnh của Bác cho Đại Đoàn 27 với dòng chữ: “Tặng các cán bộ và chiến sĩ Đại Đoàn 27”. Bác tặng cho tôi và anh Nguyên mỗi người một huy hiệu sao vàng. Tôi vội vàng lấy cuốn sổ tay nhỏ đã chuẩn bị sẵn ở nhà để xin Bác chữ ký làm kỷ niệm.

Bác viết trên trang đầu cuốn sổ tay mới của tôi dòng chữ:

“Cảm ơn chiến sĩ đã chiến đấu oanh liệt”.

Hà Nội, ngày 4 tháng 11 năm 1946

HỒ CHÍ MINH⁽¹⁾

Anh Nguyên cũng lấy sổ tay ra xin chữ ký của Bác. Bác viết:

“Đoàn kết, chiến đấu, dũng cảm”.

Hà Nội, ngày 4 tháng 11 năm 1946

HỒ CHÍ MINH

Tiến chúng tôi ra về, Bác căn dặn: Cố gắng dắt dìu chị em cùng tiến bộ. Không bao lâu nữa Bác sẽ vô thăm đồng bào miền Nam...

Lời Bác dạy chúng tôi luôn nhớ mãi, nhất là trong những lúc gian khổ, nguy hiểm trong hai thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ cứu nước của dân tộc.

*(Theo lời kể của bà **BÙI THỊ CẨM**, nguyên là thiếu úy quân y trong Quân đội nhân dân Việt Nam, hiện đang nghỉ hưu tại phường Vạn Thạnh, Nha Trang, Khánh Hòa).*

Lê Hoàng Hoa ghi

Nguyên cán bộ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

(1) Cuốn sổ này hiện đang ở Bảo tàng Khánh Hòa.

KỶ NIỆM MỘT LẦN ĐƯỢC GẶP BÁC

Là người con Khánh Hòa tập kết ra miền Bắc năm 1954, tôi vẫn thầm mong có ngày được gặp Bác – Con người mà cuộc đời đã gắn liền với Nhân dân, với dân tộc.

Mùa hè năm 1959, tôi nhận được thông báo của Tỉnh ủy Hải Dương, triệu tập các đồng chí phụ trách nông nghiệp ở các huyện về Ủy ban nhân dân tỉnh nghe Bác Hồ nói chuyện (lúc bấy giờ tôi là ủy viên Ủy ban nhân dân huyện Tư Kỳ). Khi tôi nhận được giấy báo, tôi vô cùng vui mừng, vì lần đầu tiên tôi được gặp Người – ước mơ, khao khát, mong chờ của tôi đã trở thành hiện thực. Mặc dù đã được nghe nói nhiều về sự hiện diện của Người, song tôi không bao giờ ngờ rằng vị Chủ tịch của một nước lại bình dị đến dường ấy, với bộ bà ba màu nâu, chiếc nón lá và đôi dép cao su, Bác tươi cười vẫy tay chào tất cả mọi người. Tôi sững sờ, Bác đây sao? Con người đã làm cho kẻ thù phải khiếp sợ, kính phục nhưng đối với Nhân dân lại rất đổi hiền từ, gần gũi, thân ái biết bao! Tất cả chúng tôi đều rung rung nước mắt. Trong buổi nói chuyện hôm ấy, Người nói: Muốn xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu đưa cuộc sống của Nhân dân lên ấm no, hạnh phúc, phải động viên Nhân dân đi vào con đường làm ăn tập thể, xây dựng

hợp tác xã, phát triển ngành nghề và chú ý tới công tác đoàn thể, nhất là thanh niên. Đảng làm cách mạng là để Nhân dân được ấm no hạnh phúc, Nhân dân ấm no hạnh phúc là hợp tác xã mạnh, hợp tác xã mạnh là Đảng và chính quyền mạnh. Đồng thời Bác căn dặn: Đối với Hải Dương, ngoài lĩnh vực nông nghiệp tăng gia sản xuất, phải chú ý nuôi cá và trồng cây, nuôi cá để tăng thêm phần thực phẩm cho Nhân dân, trồng cây vừa mang lại bóng mát, vẻ đẹp, vừa lấy củi gỗ phục vụ cho sinh hoạt và xây dựng. Những lời dạy của Người thật rõ ràng, cụ thể và cần thiết, chứng tỏ Người biết hết, hiểu hết những khó khăn, mong muốn của Nhân dân.

Đến giờ nghỉ trưa, Tỉnh ủy có nhã ý mời Bác và các đồng chí cùng đi dùng cơm trưa. Bác từ chối và nói Bác, các đồng chí cùng đi đã chuẩn bị rồi. Đồng chí phục vụ mang cho Người một cà mèn cơm, canh và một bình nước đem theo từ nhà. Bác ngồi ăn ngay tại gốc đa ở phía trước hội trường, dùng chiếc mũ làm quạt, phong thái ung dung, giản dị của Người làm chúng tôi vừa kính phục vừa cảm động.

Buổi chiều, Người đề nghị đi thăm xã Hồng Thái là xã có phong trào thủy lợi nhỏ khá nhất của huyện Ninh Giang. Tiện đây, tôi muốn nói thêm rằng: Bác không chỉ đến nơi có phong trào làm ăn khá, mà Người còn đến cả những nơi phong trào yếu kém để động viên, thăm hỏi. Sau khi Bác tới nơi nào có phong trào khá thì phát huy hơn nữa, còn nơi nào yếu kém thì khắc phục

khó khăn đi lên mạnh mẽ, đó là một phong cách đặc biệt của Người. Trên đường đi xuống xã Hồng Thái, xe đi qua địa phận xã Ứng Hòa, Bác thấy bên đường, Nhân dân đang guồng nước chống hạn, Bác bảo chú lái xe dừng lại. Bác bước xuống xe, xắn quần và đi đến chỗ bà con nông dân đang guồng nước. Bác nói: Các cô các chú đang guồng nước chống hạn, Bác xin tham gia. Mọi người vui vẻ nhường cho Bác. Nhìn Bác guồng nước không ai nghĩ rằng đây là một vị Chủ tịch nước, mà là một người nông dân thực thụ. Guồng nước được một lát, Người nói: Bác còn bận nhiều việc, mong bà con thông cảm. Trước khi lên xe, Bác dặn: Lúa sống được nhờ có nước, chống hạn nuôi lúa để lúa nuôi người, vậy các cô, các chú chịu khó làm, gắn bó mình với hợp tác xã, tin tưởng vào tập thể và sự lãnh đạo của Đảng thì nhất định thành công. Nghe Bác nói xong, mọi người hứa với Bác sẽ làm tốt lời dạy của Bác, Người vui vẻ vẫy tay chào và bước lên xe đi tiếp xuống xã Hồng Thái.

Hơn 30 năm trôi qua, song mỗi khi nhớ lại, lòng tôi không khỏi bồi hồi xúc động sự bình dị, vĩ đại của Người.

Ngày 19-2-1990

*(Ghi theo lời kể của đồng chí **TRẦN THỊ**
Xã Ninh Hiệp – Ninh Hòa – Khánh Hòa)*

Đào Văn Lừng ghi

Nguyên vụ trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương,
Nguyên cán bộ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa

NIỀM HẠNH PHÚC CỦA ĐỜI TÔI

Thời Bác Hồ còn sống, Nhân dân và cán bộ chúng ta ai cũng mong ước được dịp gặp Bác, nghe lời Bác dạy bảo, chính mắt trông thấy tác phong giản dị của Người công dân thứ nhất của đất nước, vị lãnh tụ yêu quý nhất của dân tộc.

Ngày 20-5-1960, tôi đã được hưởng niềm hạnh phúc ấy. Ba mươi năm đã trôi qua, kỷ niệm ngày ấy vẫn còn ghi trong tâm khảm, nay hồi tưởng lại, tôi vẫn thấy rạo rực và xúc động như mới hôm qua...

Phải nói niềm kính yêu Bác và mong ước được gặp Bác vẫn ấp ủ trong tôi từ lâu, ấy là vào một buổi sáng trung tuần tháng 3 năm 1946, vợ tôi nhờ tôi vẽ gấp một số ảnh Bác để đoàn phụ nữ Cứu quốc cầm đi dự mít tinh chào đón phái đoàn Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa do đồng chí Hoàng Quốc Việt làm trưởng đoàn được Bác cử vào Khánh Hòa giải thích và chỉ đạo việc thi hành Hiệp định sơ bộ 6 tháng 3. Cuộc mít tinh tổ chức tại bãi cát bờ sông Cái gần chùa Hoa Tiên xã Võ Phú, nay là xã Diên An, huyện Diên Khánh. Hồi này, ảnh Bác rất hiếm. Tôi kiếm ảnh Bác để làm mẫu vẽ mãi chưa có. Thấy tôi loay hoay tìm, vợ tôi mở tủ lấy trong

một tập phong bì giấy cứng đưa cho tôi tờ giấy bạc 100 đồng chưa có nếp gấp. Giữa tờ bạc có in hình Bác Hồ. Nhìn hình Bác lòng tôi rạo rực, tình cảm kính yêu và vui mừng quá đỗi. Tuy không nói ra nhưng lúc đó tôi thật sự cảm kích vợ đã có ý thức cất giữ hình Bác.

Sau khi có hình Bác, tôi gọt bút chì thật nhọn, nhẹ nhàng thận trọng kẻ ô vuông rồi phóng lớn hình Bác lên giấy bì bằng mực nho. Tuy không phải là người vẽ thạo nhưng tôi tập trung tư tưởng, nắn nót từng nét bút, cố gắng làm sao vẽ cho giống hình Bác. Trong lúc vẽ, tôi thầm ước mong sao có dịp gặp Bác Hồ.

Từ tháng 4 năm 1946, tôi được tổ chức phân công về hoạt động hợp pháp trong nội thành Nha Trang. Suốt mấy năm hoạt động, mặt đối mặt với kẻ thù, gian khổ khó khăn, nguy hiểm, tôi đã cố gắng vượt qua, quyết tâm cùng với bà con, cô bác quê hương tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược mau đến ngày thắng lợi để đón Bác vào thăm.

Nhưng thật không may, vào đầu năm 1953, địch theo dõi biết được sự hoạt động của tôi, chúng bố trí bắt tôi và chuyển vào giam ở khám lớn Sài Gòn, sau đó chuyển đến khám Chí Hòa. Những năm tháng trong tù, tuy thân thể bị giam cầm trong bốn bức tường, đầu óc bức dọc vì sự ngược đãi, kìm kẹp của kẻ thù nhưng hình ảnh Bác vẫn luôn khắc sâu trong tâm trí của anh em tù nhân chính trị chúng tôi, luôn luôn động viên chúng

tôi quyết tâm giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cách mạng. Được tổ chức Đảng trong khám Chí Hòa lãnh đạo, chúng tôi đã tham gia vào cuộc đấu tranh đòi bỏ địch cải thiện chế độ nhà tù, tổ chức các sinh hoạt chính trị, văn hóa, biến khám đường thành trường học để nâng cao trình độ nhận thức.

Đầu năm 1954, trong những ngày Tết năm Giáp Ngọ, qua đường dây bí mật và qua báo Sài Gòn, chúng tôi được biết tin quân ta chiến thắng trên khắp chiến trường, phá tan cuộc hành binh Át-lăng (Atlande), giải phóng một số vùng ở Kon Tum. Ở Điện Biên Phủ, địch đang bị ta bao vây lâm vào tình thế bị động và sa lầy. Gần Tết, luật sư Nguyễn Hữu Thọ vào thăm và cho biết thêm: Chính phủ Pháp vừa cử một nghị sĩ và nhờ ông Bửu Hội làm trung gian đến thủ đô Miến Điện gặp cán bộ ngoại giao của ta để bàn việc thương lượng. Ban lãnh đạo tù nhân chính trị nhận định rằng năm 1954 chắc có những biến chuyển thắng lợi mới, bắt buộc địch phải thương thuyết với ta. Để mừng chiến thắng, ban lãnh đạo khám Chí Hòa chủ trương xuất bản tờ báo “Phá Ngục” và tập san “Bác Hồ” nhân kỷ niệm lần thứ 64 ngày sinh của Bác. Đầu tháng 2-1954, Ban biên tập đã phân công từng bộ phận chuẩn bị đường liên lạc bí mật để đưa giấy, mực in, mực màu, bột nếp để in. Chúng tôi quy định bài viết phải xong trước cuối tháng 3, in vào tháng 4 để đầu tháng 5 kịp phát hành trước ngày 19-5.

Vào lúc 12 giờ đêm ngày 7 tháng 5, một người lính vừa vào thay phiên gác đến căn 8E gọi chúng tôi dậy và báo tin là 5 giờ chiều nay toàn bộ quân tướng Đờ-cát-tơ-ri (De Castri) ở Điện Biên Phủ đã ra đầu hàng. Anh ta còn nói thêm: “Ngoài thành phố Sài Gòn, đêm nay, người ta nhộn nhịp đông vui như ngày hội; dân chúng không ngủ, đi lại đầy đường để ăn mừng chiến thắng Điện Biên Phủ”. Anh em trong căn 8E lập tức gõ vách truyền tin chiến thắng Điện Biên Phủ qua các căn bạn. Tin chiến thắng Điện Biên Phủ nhanh chóng truyền đi khắp khám. Từ đó đến sáng, anh em tù chính trị không ngủ, chuyện trò không ngớt.

Sáng hôm sau, qua đường dây liên lạc, chúng tôi nhận được báo Sài Gòn hằng ngày đăng trên trang nhất với dòng tít lớn và đậm nét “Điện Biên Phủ đã thất thủ!”. Để mừng chiến thắng Điện Biên Phủ và ngày sinh Bác Hồ, chúng tôi chuẩn bị mấy tiết mục văn nghệ gồm một số bài hát và điệu múa. Khác ngày thường, hôm đó chúng tôi ăn mặc chỉnh tề xuống sân xếp hàng hướng về phương Bắc làm lễ mừng sinh nhật Bác Hồ. Sau đó, toàn thể anh em sinh hoạt văn nghệ hát, múa, ngâm thơ, hô bài chòi... Căn lầu 8E góp mặt bằng đội vũ gồm 5 đôi nam nữ (nam giả nữ hóa trang môi son má phấn, đầu cài hoa giấy trên tóc) xuống sân múa điệu “nông tác vũ”. Anh em xếp hàng múa từng đội hình tròn, đội hình ngôi sao rồi chuyển đội hình hàng dọc đến đội hình hàng ngang. Mỗi người cầm ở tay tấm vải

màu xanh đưa lên ngực và từ từ mở trương ra, nổi bật lên dòng chữ màu vàng: “*Kính chúc Bác Hồ mạnh khỏe và sống lâu*”. Toàn bộ tù nhân trong khám Chí Hòa kể cả tù lính Pháp hơn mấy ngàn người vỗ tay hoan hô vang dậy cả một góc phố Sài Gòn, làm cho bọn giám thị hoảng sợ, thối còi ra lệnh buộc chúng tôi phải về căn.

Hiệp định Giơ-ne-vơ (Genève) được ký kết, nhưng bọn Pháp ở đây chưa thi hành việc trả lại tự do cho tù chính trị. Chúng tôi gửi đơn đòi chúng phải thi hành ngay, đồng thời tuyệt thực một ngày, được dư luận báo chí ở Sài Gòn và Nhân dân ủng hộ, địch phải làm danh sách gấp. Đến ngày 10 tháng 9 năm 1954, tù chính trị ở khám Chí Hòa được dời về cảng Hạnh Thông Tây chờ trao trả. Lúc 12 giờ, ngày 17 tháng 9, chúng tôi xuống tàu Gát-côn (Gascogne) đưa ra Sầm Sơn (Thanh Hóa). Trước khi rời khám Chí Hòa, ban lãnh đạo chọn tôi làm trưởng ban Y tế của đoàn. Luật sư Nguyễn Hữu Thọ vào thăm mang theo một số thuốc tân dược tặng đoàn. Hôm sắp từ biệt khám Chí Hòa, tôi chọn tập san Bác Hồ và hai tờ báo xuân “Phá Ngục” dấu vào giỏ bình đựng nước. Về đến Sầm Sơn, tôi lấy ra một tờ báo “Phá Ngục” xuân Giáp Ngọ, đưa cho bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, còn đặc san Bác Hồ tôi bao giấy cất vào ba lô. Tôi được điều về một đơn vị quân đội làm quân y. Cuối năm 1956, đơn vị chúng tôi được chuyển ngành lên công tác ở Sở giao thông khu Tây Bắc sửa chữa lại đường Sơn La, Tuần Giáo – Điện Biên, Tây Trạng, Lai

Châu. Mặc dù công tác bận rộn, phải lưu động liên tục nhưng lúc nào tôi cũng giữ gìn trân trọng tập san “Bác Hồ” như báu vật với suy nghĩ là sẽ gửi lên Bác để bày tỏ tấm lòng của những đứa con miền Nam luôn kính yêu và tin tưởng ở Bác dù bị đày đọa giữa ngục tù đế quốc.

Năm 1958, tôi về Hà Nội học. Năm 1960, có 4 sự kiện lịch sử lớn là kỷ niệm 15 năm thành lập nước, 30 năm thành lập Đảng, Đại hội Đảng lần thứ 3 và mừng sinh nhật lần thứ 70 của Bác Hồ. Tôi nghĩ đây là dịp tốt để gửi tập san trình lên Bác. Ngày 12 tháng 5 năm 1960, tôi viết một bức thư gửi lên Bác nói rõ tâm tư và ước mơ của tôi và số anh em chẳng may sa vào tay giặc ở chung căn Chí Hòa, vẫn một lòng dạ hướng về Bác mà giữ gìn khí tiết trước quân thù và mong được gặp Bác.

Chiều ngày 17 tháng 5 năm 1960, tôi vào xem triển lãm một số hình ảnh về đời hoạt động của Bác Hồ trưng bày tại Nhà triển lãm đường Tràng Tiền. Điều bất ngờ và cảm động, tôi thấy tập san Bác Hồ và bức thư tôi viết được trưng bày trong một tủ kính để ở giữa nhà. Tôi rất sung sướng, thì ra bức thư và tập san “Bác Hồ” tôi gửi, Bác đã nhận được. Dưới tập san và lá thư có dòng chữ ghi: “Tập san Bác Hồ do anh chị em tù nhân chính trị tại nhà giam khám Chí Hòa của thực dân Pháp đã viết và in để mừng sinh nhật lần thứ 64 của Bác Hồ, thể hiện một lòng tin tưởng và kính yêu vô hạn đối với Bác...”.

Chiều ngày 19 tháng 5, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, Bộ trưởng Bộ Y tế đến tìm và bảo tôi là đúng 3 giờ rưỡi chiều 20 tháng 5 chờ ở nhà, đồng chí sẽ đến đón tôi đi thăm người quen. Lúc lên xe, đồng chí còn dặn thêm: “Mai nên ăn mặc tươm tất nhé!”. Chưa biết rõ bác sĩ Thạch sẽ đưa tôi đi đâu và sẽ gặp ai nhưng tôi cứ tin chắc là đi gặp Bác Hồ. Về phòng, tôi mở ba lô lấy bộ quân phục còn mới để dành lưu niệm hôm chuyển ngành, giặt cho đỡ mốc và phơi khô xếp dưới gối. Đến giờ hẹn, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch lái xe đến đón tôi. Lúc xe lăn bánh, đồng chí mới cho biết là đưa tôi đến gặp Bác Hồ. Tôi vừa mừng, vừa hồi hộp.

Chỉ ít phút sau, tôi được nhìn thấy Bác. Bác Hồ hồng hào khỏe mạnh. Tôi chào Bác. Bác bảo bác sĩ Thạch và tôi ngồi xuống ghế. Mở đầu câu chuyện, Bác hỏi thăm về gia đình tôi. Tôi thưa với Bác: “Ba má cháu đã qua đời, vợ con cháu còn ở miền Nam, cháu có đưa một con trai tập kết đang học ở trường miền Nam Hải Phòng”.

- Cháu học có chăm ngoan không? Bác hỏi.

- Thưa Bác, cháu chăm học và ngoan, đã được vào Đoàn.

Bác nói tiếp: - Khám lớn Chí Hòa giam anh chị em như thế nào?

- Thưa Bác, đây là khám lớn mà thực dân Pháp xây cất trước năm 1945. Khám có 8 khu nhà, có một tầng trệt và 3 tầng lầu xây cất liền nhau theo hình bát

giác. Mỗi khu nhà có sân chơi dưới đất ở giữa có chòi gác cao để lính gác kiểm soát. Có một khu nhà cất riêng để giam tù gái. Toàn bộ khám Chí Hòa chiếm diện tích khá rộng, xung quanh có xây tường cao, trên tường có trụ sắt rào dây thép gai nhiều lớp kiên cố và có chòi canh dày đặc.

- Từ ngoài vào chỗ giam người phải qua mấy lần cửa và lính gác? Bác hỏi.

- Thưa Bác, từ ngoài cửa chính vào phải qua 5 lần cửa sắt kiên cố mới đến chỗ giam tù nhân – Tôi trả lời. Bác lại hỏi tiếp:

- Nhà tù kiểm soát gắt gao như vậy làm thế nào anh chị em có giấy, mực in, mực màu để in báo và tập san?

- Thưa Bác, tuy nhà tù kiểm soát gắt gao nhưng nguồn cung cấp là do gia đình và một số má chiến sĩ hoạt động nội thành Sài Gòn có nhiều kinh nghiệm, binh vận giỏi như má Giáo ở Phú Nhuận đã từng đưa máy ảnh cho lính Chà⁽¹⁾ đem theo khám tử hình chụp ảnh anh Nguyễn Đình Chinh rồi chuyển thư và ảnh lên Bác trước đây. Những người này chọn hôm phiên người lính gác có cảm tình với cách mạng để đi thăm nuôi. Vật liệu in ấn dấu trong đồ tiếp tế gửi vào. Một nguồn nữa là do người làm bếp và chuyển cơm đảm nhiệm. Còn một đường liên lạc khác tuy địch biết nhưng chúng không làm gì được, là đường tiếp tế của Luật sư Nguyễn Hữu Thọ. Dưới danh nghĩa luật sư bào chữa được tòa án cấp

giấy, được gặp trực tiếp thân chủ, luật sư Nguyễn Hữu Thọ đã liên lạc với Ban lãnh đạo khám Chí Hòa...

Bác nghe chăm chú, trầm ngâm hồi lâu... Lát sau, Bác bảo chúng tôi ăn bánh, uống nước và hỏi thêm việc viết bài, in và phát hành báo như thế nào mà qua được mắt lính gác nhà tù?

- Thừa Bác, bộ phận viết bài, chọn bài, viết để in ấn và phát hành phải giữ bí mật. Ai làm việc gì biết việc ấy, làm xong đến đâu thì cất giấu cẩn thận. Sau mỗi lần viết và in ấn văt vả như vậy anh em được hưởng chế độ bồi dưỡng một cục đường thô. Đường này là phần gia đình đi nuôi, anh em trích một phần ủng hộ “chiến vàng”. Ban quản lý tập trung cất để dành liên hoan tiễn đưa các anh em đi đây và bồi dưỡng cho anh em làm công tác in ấn văt vả.

Nghe đến đây, tôi thấy Bác vui hẳn lên. Bác nói:

- Hoàn cảnh trong nhà tù đế quốc khổ cực như người xưa đã ví “một ngày trong tù bằng nghìn thu ngoài đời”, nhưng anh chị em giữ gìn được khí tiết, đoàn kết thương yêu giúp đỡ nhau học tập để nâng cao trình độ chính trị văn hóa và còn cố gắng in được sách báo, tập san, làm được như vậy là tốt. Cháu về gặp lại anh chị em chuyển lời Bác cảm ơn ban biên tập tờ đặc san “Bác Hồ” và tờ báo “Phá Ngục”.

Thấy thời gian gặp Bác đã lâu, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch và tôi đứng dậy chào Bác ra về. Bác bảo tôi gói

phần bánh còn lại mang về. Bác dặn thêm:

- Trước đây, cháu bận công tác, cháu không được học, nay về đây có điều kiện, cháu cố gắng học cho tốt để về phục vụ Nhân dân, cháu phải nhớ “thương yêu người bệnh như người thân”.

- Thừa Bác, cháu xin ghi nhớ và hứa với Bác làm đúng theo lời Bác dạy.

Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch và tôi chào Bác. Ra xe nhìn đồng hồ đã 40 phút, bác sĩ Thạch bảo tôi:

- Hôm nay, Bác gặp như vậy là lâu vì cậu nói chuyện rất hợp ý với Bác.

Đêm hôm ấy, tôi thao thức mãi, luôn ước ao giá có gia đình bên cạnh, tôi báo ngay tin vui là ước mơ mong gặp Bác Hồ sau bao năm đã được thỏa nguyện. Tôi lấy quyển sổ tay mới, trang trọng và nắn nót ghi lên trang đầu lời dạy của Bác: “Thương yêu người bệnh như người thân”. Tôi thường xuyên lấy lời căn dặn đó của Bác để tự nhắc nhở mình mỗi khi tiếp xúc với bệnh nhân.

Hơn 30 năm, đời tôi trải qua biết bao nhiêu sự chuyển đổi, đã đi nhiều vùng đất, với nghề thầy thuốc, lúc khó khăn gian khổ ác liệt, lúc vui sướng sau khi chữa được một ca bệnh hiểm nghèo, nhưng tôi vẫn luôn nhớ lời Bác dạy và tưởng như hình bóng Bác luôn cận kề bên tôi, như một buổi chiều hè năm nào.

Bác sĩ **KIỀU XUÂN CƯ**¹

(1) Linh Ấn Độ.

NHỮNG GIÂY PHÚT KHÔNG QUÊN

Từ khi có Nghị quyết Trung ương lần thứ 15 soi sáng, con đường cách mạng miền Nam phát triển mạnh mẽ và vững chắc. Cán bộ vào Nam ra Bắc thường xuyên hơn và ngày càng đông.

Bác Hồ và các đồng chí Trung ương Đảng, tuy bận bao nhiêu việc, từng giờ từng phút theo dõi bước phát triển của cách mạng miền Nam, vẫn luôn quan tâm đặc biệt đến anh chị em cán bộ, chiến sĩ từ chiến trường ra. Bác dặn dò các cơ quan phục vụ ở Trung ương phải chăm lo cho anh chị em thật chu đáo. Bác cũng thường trực tiếp xuống thăm nơi ăn chốn ở, hoặc cho phép những đơn vị, cá nhân có nhiều thành tích đánh giặc và xây dựng phong trào được gặp Bác, để Bác thăm hỏi, khen ngợi, động viên và nắm thêm thực tế chiến trường. Về phần anh chị em cán bộ, chiến sĩ miền Nam, những ngày sống trong lòng hậu phương lớn miền Bắc là những ngày mong mỏi đến cháy bỏng, làm sao được gặp Bác Hồ kính yêu, dù chỉ một phút thôi cũng thỏa lòng.

Anh Nguyễn Sinh và tôi là những cán bộ Khánh Hòa công tác trên miền Bắc, làm việc tại Ban Tổ

chức Trung ương Đảng, được giao nhiệm vụ theo dõi công tác xây dựng Đảng ở miền Nam, đưa đón cán bộ vào, ra. Nhờ đó, chúng tôi có được cái cơ may, hạnh phúc là mỗi lần bố trí cho anh em gặp Bác, thì lại có dịp được gần Bác nhiều hơn. Thấm thoát thời gian đã trên mấy chục năm trôi đi, nhưng kỷ niệm về những lần gặp Bác vẫn còn trọn vẹn trong ký ức chúng tôi như mới ngày nào.

Sáng mùng 1 Tết 1966, chúng tôi được vinh dự theo Bác tới K5 (Nghĩ Tầm, Hồ Tây) để thăm anh chị em cán bộ, chiến sĩ miền Nam đang nghỉ dưỡng ở đây. Xe dừng trên đầu dốc đường vào K5. Bác mở cửa xe, nhanh nhẹn bước ra, tay ôm hộp kẹo. Thấy vậy, anh Sinh đến bên Bác, nhanh nhẩu: “Thưa Bác, Bác để cháu bung cho”. Bác cười và bảo: “Của Bác chứ đâu phải của chú, mà chú đòi bung?”. Anh em đi theo cười vui vẻ.

Ở K5, có người phát hiện ra Bác, nhanh chóng loan tin. Tất cả ủa ra công đón Bác: “Bác! Bác!... Bác đến! Bác đến!”. Bác tươi cười vẫy tay chào. Không ai ngờ ngày đầu Xuân lại được Bác đến thăm, niềm vui sướng hạnh phúc dạt dào lộ rõ trên nét mặt mỗi người. Bác đi thẳng tới khu vực nhà ăn, xem xét nơi nấu ăn, coi thực đơn. Thấy ở đây gọn gàng, sạch sẽ, Bác tỏ vẻ hài lòng. Bác hỏi anh Yên bếp trưởng: “Chú quê ở đâu?” – “Thưa Bác, quê cháu ở Nghệ An ạ”. Bác nói vui: “Chú là “dân cá gỏi” thì nấu ăn ngon sao được?” Mọi người

cười ồ làm cho anh Yêng đỏ mặt, lúng túng. Bác cười: “Bác nói cho vui vậy thôi, các chú cố gắng nấu khéo để anh chị em ăn được ngon!”. Sau đó Bác đi kiểm tra khu vực nhà vệ sinh, nơi ở, thấy ở đâu cũng sạch sẽ, ngăn nắp, Bác rất vui.

Các đồng chí phụ trách K5 mời Bác vào phòng khách được chuẩn bị sẵn. Bác từ chối và đến ngồi bên gốc đa lớn trước nhà phát thuốc. Các cháu nhỏ luôn quần quanh bên Bác, nay được dịp liền sà vào lòng Bác. Như người ông đi xa về, Bác mở hộp kẹo, chia kẹo cho các cháu. Không hiểu cái hộp cấu tạo ra sao, mà khi Bác mở nắp những viên kẹo trong hộp nhảy nhót rất vui mắt. Lũ trẻ thấy vậy thích quá reo lên khoái chí. Mọi người vây quanh Bác cười vui mà cảm động róm nước mắt, thấy Bác bình dị quá, gần gũi quá, như người ông chăm lo đến những niềm vui nhỏ bé nhất cho trẻ con... Chuẩn bị ra về, Bác gọi tất cả tới chụp ảnh chung với Bác. Ai cũng muốn giành được đến gần bên Bác. Bác khoát tay: “Bác ưu tiên cho các cháu và các cô được ngồi gần Bác”.

Đến hôm nay, trong những lúc vui, buồn, tôi thỉnh thoảng mang bức hình năm xưa coi lại, thấy ai cũng thật tươi, thật trẻ. Tôi cảm nhận thấy trên gương mặt mọi người những phút giây được sống trong tình thương bao la của Bác là những phút giây có ý nghĩa nhất của cuộc đời...

Cũng năm ấy vào tháng 5, hai chúng tôi được chỉ thị chuẩn bị cho các đồng chí ở Quảng Nam – Đà Nẵng – chiến trường đi đầu đánh Mỹ, đến báo cáo với các đồng chí ở Bộ Chính trị.

Đúng 7 giờ, các đồng chí Phạm Khôi, Khu ủy viên Khu V, Lý Quý, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Điện Bàn và đồng chí Châu, Huyện đội trưởng Huyện đội Hòa Vang được chúng tôi đưa tới căn nhà nhỏ trong vườn cây Phủ Chủ tịch. Một phòng làm việc được bài trí rất giản đơn, chỉ có một bàn gỗ dài và chục chiếc ghế dựa, bên cạnh có một bàn nhỏ để bình trà, ai cần thì tự phục vụ.

Khi đoàn đến thì đã thấy anh Trường Chinh, anh Phạm Văn Đồng ngồi chờ trong phòng. Sau những phút giây tay bắt mặt mừng thăm hỏi sức khỏe anh em trong đoàn, anh Đồng báo tin: “Hôm nay có Bác đến thăm các đồng chí và nghe báo cáo”. Tin vui đến bất ngờ làm cho các đồng chí Quý, Châu reo lên sung sướng vì lần đầu được gặp Bác.

Đúng 7 giờ 30 phút Bác đến. Vẫn hình ảnh quen thuộc với bộ quần áo nâu bạc màu, chân mang đôi dép cao su đen, tay xách chiếc đồng hồ để bàn, Bác nhanh nhẹn bước vào phòng. Chúng tôi đứng dậy chào Bác. Bác tươi cười đưa tay ra hiệu mọi người ngồi xuống. Bác nói: “Các chú ở chiến trường mới ra có khỏe không?”. Anh Đồng giới thiệu từng người với Bác. Bác

bảo: “Các chú kể chuyện đồng bào miền Nam đánh Mỹ cho chú Trường Chinh, chú Đồng và Bác nghe!”.

Đồng chí Quý đứng lên, vì quá hồi hộp, xúc động, không biết bắt đầu từ việc gì. Bác cười thông cảm: “Chú cứ ngồi xuống tự nhiên, kể cho Bác nghe đi!”. Sau giây phút lấy lại bình tĩnh, đồng chí Quý báo cáo với Bác và anh Trường Chinh, anh Phạm Văn Đồng tình hình phong trào địa phương và đặc biệt các gương kiên cường dũng cảm đánh Mỹ của chị em phụ nữ, của các cháu thiếu nhi... Tiếp theo, đồng chí Châu báo cáo tình hình cụ thể việc Mỹ đổ quân lên Đà Nẵng, lên Hòa Vang và những thành tích của quân và dân trong huyện tổ chức trụ bám, đánh thắng những trận phủ đầu đội quân xâm lược Mỹ với quyết tâm “một tấc không đi, một ly không rời”.

Bác nghe rất chăm chú. Thỉnh thoảng anh Trường Chinh, anh Phạm Văn Đồng gọi lên vài ý để các đồng chí nói rõ thêm về những hành động tàn ác của đế quốc Mỹ đối với đồng bào ta, về đời sống và tinh thần nhân dân khi Mỹ đổ quân vào, hoặc về tổ chức, trang bị và sự phối hợp tác chiến của bộ đội, dân quân, du kích... Trong khi đồng chí Châu báo cáo, đồng chí Quý ngồi sát bên Bác, dường như chỉ mới được nhìn ngắm Bác thì thôi chưa đủ, với cử chỉ rất tự nhiên như con đi xa về gặp cha, đồng chí luồn tay vào áo Bác, xoa lên lưng, lên bụng, nắn nót cổ tay, bàn tay Bác xem Bác có được

mập, được khỏe không. Thoạt trông thấy, chúng tôi lo sợ, có điều gì thiếu nghiêm túc, phiền Bác chăng? Nhưng không, Bác cười cười, đôi mắt hiền dịu, ấm áp đầy tình thương như cha với con. Chúng tôi xúc động ứa nước mắt. Sau khi nghe xong, Bác vui lắm và hỏi thêm: “Các chú có sợ tán được ông bà già, con trẻ ra khỏi vùng có chiến sự ác liệt không? Bộ đội ta có lấy được vũ khí Mỹ không? Ở xã có mặt trận không?...” Bác dặn dò đại ý: Muốn có sức để kháng chiến lâu dài, các chú phải chăm lo bồi dưỡng sức dân. Bất kỳ tình huống nào cũng phải bảo vệ tài sản và tính mệnh của đồng bào; chăm sóc bộ đội, dân quân, du kích cho tốt, lấy vũ khí của địch để trang bị cho bộ đội ta. Tiêu diệt nhiều sinh lực địch là tốt, nhưng phải bảo tồn lực lượng ta, để càng đánh ta càng mạnh, địch càng suy yếu... Bác còn nhấn mạnh: Muốn thắng giặc phải đoàn kết động viên toàn dân. Ở xã phải có Mặt trận để tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân, đoàn kết các đảng phái, tôn giáo, nhân sĩ, trí thức yêu nước... Bác rất vui được nghe các chú chuyển lời khen ngợi và thăm hỏi đồng bào miền Nam thân yêu, gắng sức nhiều hơn nữa. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta còn nhiều hy sinh gian khổ, song nhất định sẽ thắng lợi hoàn toàn.

Đến 10 giờ 30 phút, việc báo cáo đã xong, Bác ra về và bảo: “Các chú ở lại dùng cơm trưa với các chú Trường Chinh, chú Đồng.

Một bữa cơm đạm bạc, trên bàn chỉ có mấy đĩa rau luộc, thịt heo nạc, thịt bò xào và tô nước rau muống luộc. Vừa ăn chúng tôi vừa nói chuyện thân mật. Anh Trường Chinh, anh Phạm Văn Đồng hỏi thêm chi tiết về cách sống, cách đánh giặc của cán bộ chiến sĩ ta, cách sinh sống của đồng bào ở vùng ta, ở vùng địch tạm chiếm... Sau bữa ăn mỗi người được thêm một quả chuối và ly trà thơm. Bữa cơm thân mật giữa anh Trường Chinh, anh Phạm Văn Đồng với anh em chiến đấu ở chiến trường ra mà chúng tôi may mắn được dự hôm đó chỉ có vậy, thật là thanh đạm, vô cùng đậm đà tình nghĩa.

Trên đường về, chúng tôi tranh nhau bàn tán không ngớt về cảm tưởng vui sướng của mình trong những giờ phút bên Bác và được dự bữa cơm thân mật với các anh Trường Chinh, Phạm Văn Đồng. Ai cũng chung một ý nghĩ và sự xúc động dạt dào trước sự quan tâm sâu sắc, tình cảm đặc biệt của Bác, dành cho đồng bào chiến sĩ miền Nam, nơi tuyến đầu của Tổ quốc.

Đồng chí **NGUYỄN SINH** và **CHÂU VĂN PHI** kể

Đào Minh Sơn ghi

(Nguyên cán bộ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy)

NHỮNG LẦN GẶP BÁC

Tôi cũng như tất cả các học sinh miền Nam tập kết ra Bắc lúc đó đều được sống trong tình yêu thương của mọi người và Đảng, Nhà nước cũng như Nhân dân miền Bắc đã rất quan tâm đến chúng tôi. Chính điều đó đã làm vơi bớt nỗi buồn thương của chúng tôi khi nghĩ về gia đình, quê hương ở trong Nam và điều vinh dự nhất, hạnh phúc nhất là trong đời tôi đã nhiều lần được gặp Bác Hồ kính yêu.

Tháng 9 năm 1955, tôi được chọn đi học ở nước ngoài, mọi công việc chuẩn bị đã xong. Một tối, thầy hiệu trưởng nhà trường đến nói với chúng tôi là ngày mai, mọi người cần ăn mặc gọn gàng, đẹp để đi chơi. Chúng tôi vẫn thường được đưa đi chơi, do vậy không ai hay biết điều gì khác.

Sáng hôm sau, chúng tôi dậy sớm, ăn mặc gọn gàng và được các thầy cô dẫn đi chơi phố. Chúng tôi đã đi thăm một số nơi, sau đó đi ngang qua Chủ tịch Phủ. Mọi người bảo nhau: “Bác Hồ ở trong này, giả như được gặp Bác thì hay quá!”. Chúng tôi dồn hết ở cổng, chen nhau nhìn vào bên trong với tất cả sự tò mò, háo hức và cả ước ao, chỉ mong được thoáng nhìn thấy Bác.

Lúc đó thầy hiệu trưởng đi vào cổng gác, một lát sau thầy quay lại và thông báo: “Chúng ta được vào thăm Bác Hồ”. Nghe vậy, chúng tôi reo lên, chạy ào ào vào trong mong được gặp Bác. Theo sự hướng dẫn của một chú cán bộ, chúng tôi được đưa vào trong phòng khách lớn để chờ. Đến đây chúng tôi đã trở lại trật tự, hồi hộp chờ mong...

Bác Hồ xuất hiện thật đột ngột. Người từ sau một tấm màn ở cửa bên nhanh nhẹn bước ra, tươi cười vẫy chào. Tất cả chúng tôi đều bật dậy, reo lên: “Bác Hồ, Bác Hồ”. Người hiền từ giơ tay ra hiệu cho tất cả mọi người yên lặng và ngồi xuống. Hôm đó, Bác mặc bộ quần áo nâu, đôi dép cao su giản dị và gần gũi như một người ông.

Sau khi mọi người đã ngồi xuống, Bác lấy kẹo phân phát cho từng người và hỏi thăm tên tuổi, gia đình của từng người. Đến lượt tôi, khi được biết tôi quê ở miền Nam, ra đây một mình, gia đình còn ở trong đó thì trong ánh mắt của Người thoáng một nỗi buồn. Có lẽ, vì hoàn cảnh của tôi lúc đó như vậy và khi kể lại cho Bác nghe về gia đình mình, tôi cũng thấy buồn, cho nên chú bé 10 tuổi lúc đó – là tôi, mới có thể cảm nhận và nhớ mãi chi tiết đó, một chi tiết chỉ thoáng qua song vẫn đọng mãi trong tâm thức tôi. Sau đó, Bác nói chuyện với mọi người bằng một giọng ấm áp và trìu mến. Bác dặn chúng tôi nhiều, đại ý là “Hiện giờ đất nước đang

còn nhiều khó khăn, các cháu được cho đi học ở nước ngoài, đó là một điều vinh dự. Các cháu sang bên đó sẽ được sung sướng, đầy đủ, được nuông chiều thì vẫn không được quên quê hương. Do vậy, các cháu phải cố gắng học tập cho thật giỏi để sau này thành tài về giúp ích cho quê hương, đất nước”.

Sau đó, Bác nói tiếp: “Sang bên đó thời tiết rất lạnh không như bên ta. Chính vì vậy, các cháu phải giữ gìn sức khỏe, giữ gìn cho thật ấm, không được vì ham chơi mà quên, dễ bị ốm đau không học tập được. Bác mong cho tất cả các cháu đi đều mạnh khỏe, trở về đầy đủ và học tập tiến bộ, khi trở về giúp ích cho Tổ quốc. Cho nên, Bác tặng cho các cháu mỗi người một cái khăn để các cháu quàng cho đỡ lạnh”.

Tất cả mọi người đều lặng đi vì xúc động. Bác ở cương vị cao, bận trăm công nghìn việc mà chỉ một việc nhỏ như vậy mà Bác vẫn không quên. Tất cả chúng tôi đều nhận được một chiếc khăn len dài, các bạn gái được nhận chiếc khăn vuông.

Sau đó, Bác đề nghị mọi người chụp chung với Bác một kiểu ảnh để làm kỷ niệm. Tất cả thời gian được gần Bác khoảng 40 phút và chúng tôi mong sao giây phút gần Bác được kéo dài ra để được gần Bác lâu hơn, được ngắm nhìn Bác, nghe Bác dạy bảo.

Một khoảng thời gian ngắn ngủi nhưng đã để lại cho đời tôi một kỷ niệm thật hạnh phúc.

Vào tháng 7 năm 1957, khi đó tôi đang học ở trường Kathe Kollwitz Heim – Moritz burg (CHDC Đức) lại được gặp Bác lần thứ hai, nhân dịp Người sang thăm hữu nghị Cộng hòa Dân chủ Đức và Bác đến thăm trường chúng tôi.

Lần này, chúng tôi được biết tin trước mấy ngày. Tất cả chúng tôi đều tích cực chuẩn bị mọi thứ để đón Bác như vẽ hình Bác thật lớn, thêu lá cờ mang dòng chữ: “Chúng cháu kính chào Bác Hồ” và chuẩn bị làm lễ đài đón Bác.

Bác đến trường vào khoảng 2 giờ chiều, cùng đi với Bác có ông Chủ tịch Quốc hội và ông Bộ trưởng Bộ Giáo dục nước bạn. Xe vừa vào cổng là tất cả chúng tôi chạy ồa ra đón Bác và hô lên: “Bác Hồ, Bác Hồ muôn năm”. Bác vui vẻ bước ra khỏi xe, tươi cười vẫy chào chúng tôi. Ngay sau đó, Người đi thẳng xuống nhà ăn, nhà vệ sinh và thăm nơi ở của chúng tôi với vẻ hài lòng rõ rệt. Sau đó, Bác ngồi xuống trước thềm hội trường chứ không ngồi ở lễ đài chúng tôi đã chuẩn bị trước và ra hiệu cho chúng tôi cùng ngồi quanh Bác. Bác hỏi thăm chúng tôi về sức khỏe, học tập, sinh hoạt và phát kẹo cho tất cả.

Nói chuyện với chúng tôi, Người nói: “Đến thăm các cháu, thấy tất cả đều mạnh khỏe, học tập tiến bộ là Bác vui. Các cháu được Nhà nước cử đi học để thành tài về phục vụ Nhân dân chứ không phải là làm quan.

Cho nên tất cả các cháu phải chăm học, chăm làm và cố gắng hơn nữa, cần phải rèn luyện sức khỏe, chịu khó lao động, còn hiện giờ ở nước nhà đang còn nhiều khó khăn. Vừa rồi, đề Mai Lâm ở Hà Nội bị vỡ, có nhiều gia đình không có nhà ở, chính vì vậy mà các cháu ở đây phải nghĩ đến Nhân dân mà cố gắng học tập, rèn luyện và tu dưỡng đạo đức”.

Người cùng chúng tôi đi thăm vườn thí nghiệm của trường. Một bạn biểu Bác một củ su hào rất lớn do chúng tôi trồng được, Bác nhận lấy, cảm ơn và tặng lại cho chúng tôi một cách vui vẻ. Người căn dặn: “Các cháu làm được như vậy là tốt, cần cố gắng phát huy hơn nữa để góp phần cải thiện trong sinh hoạt. Qua đây, các cháu cần kết hợp tốt giữa học tập vào lao động. Cần phải biết quý trọng thành quả lao động và trân trọng những người lao động đã làm ra của cải cho xã hội”. Cứ như vậy, từ một chi tiết rất nhỏ nhưng Bác vẫn cố gắng lòng vào đó để giáo dục chúng tôi một cách nhẹ nhàng nhưng sâu sắc. Tôi được chụp ảnh chung với Bác ngay tại vườn trường, lúc đó có cả anh Nguyễn Thiện Dục (nay là Trưởng Ban Kế hoạch thành phố Nha Trang) cũng là học sinh tỉnh Khánh Hòa, và đó cũng là tấm ảnh duy nhất mà tôi còn giữ được khi chụp chung cùng Bác, cho nên đây là một kỷ vật rất quý của gia đình chúng tôi.

Bác ở chơi với chúng tôi đến khoảng 5 giờ chiều, trước lúc ra về Bác để lại khoảng chục tấm huy hiệu có hình Bác để làm phần thưởng tặng cháu nào học giỏi.

Một chi tiết hết sức thú vị mà tôi còn nhớ mãi là khi đồng chí phiên dịch giới thiệu đại biểu nước bạn dịch nhầm từ: “Bộ trưởng Bộ Giáo dục” thành “Bộ trưởng Bộ Văn hóa” thì Bác dùng ngay tiếng Đức sửa lại cho chính xác! Một sự ngạc nhiên và thích thú ào đến với chúng tôi và càng làm cho mọi người thêm tự hào, kính trọng và yêu quý Bác hơn nữa.

Bác tạm biệt mọi người, chúc chúng tôi học tập tiến bộ và vui vẻ vẫy tay chào, tất cả mọi người đều chạy theo xe. Xe từ từ lăn bánh và do bản tính nghịch ngợm tôi đã nhảy lên mui xe chở Bác. Đang vui vẻ thì Bác phát hiện ra tôi, Người nghiêm mặt và ra hiệu cho tôi xuống vì sợ tôi ngã. Xe đi xa rồi mà chúng tôi còn đứng vẫy theo xe của Bác mãi.

ĐẶNG VINH HUỀ kể

(Nguyên Giám đốc Thư viện tỉnh Khánh Hòa)

Công Bằng ghi

(Nguyên cán bộ Bảo tàng tỉnh Khánh Hòa)

CHÚT KỶ NIỆM VỚI BÁC HỒ

Chúng tôi là một trong số ít ỏi những con em của tỉnh Khánh Hòa được đi tập kết ra Bắc hồi ấy, Chúng tôi vừa mừng lại vừa lo. Mừng vì ba, má và các chú bác trên tỉnh bảo ra Bắc sẽ được gặp Bác Hồ, còn lo vì đây là lần đầu tiên chúng tôi xa quê hương, gia đình biệt những hai năm, lại nghe nói ở ngoài Bắc lạnh lắm.

Sau khi ra miền Bắc, chúng tôi được phân về các trường miền Nam ở Hà Đông. Trong giờ học, khi lao động hay đang vui chơi, bao giờ chúng tôi cũng ôm ấp trong lòng ước mơ làm sao được gặp Bác Hồ như lời ba, má và các cô bác nói với tôi trước khi ra đi. Bỗng một hôm, trong buổi chào cờ sáng thứ hai hàng tuần, thầy hiệu trưởng thông báo: “Bác Hồ muốn gặp học sinh miền Nam. Nhà trường sẽ cử một số em thay mặt cả trường ra Hà Nội gặp Bác...”. Thầy còn nói nhiều nữa nhưng chúng tôi cứ ồ lên, bàn tán xôn xao. Ai cũng hồi hộp chờ đợi, không biết mình có được đi trong chuyến này hay không. May mắn thay số học sinh Khánh Hòa trong đoàn cũng khá đông. Về sau chúng tôi mới được biết Bác có ý ưu tiên cho số học sinh Nam bộ và miền Nam Trung bộ, những nơi xa Trung ương được gặp Bác

trước. Chúng tôi tập hợp lại để nghe thầy hiệu trưởng dặn dò. Thầy dặn chúng tôi từng ly, từng tí từ việc ăn mặc, đầu tóc đến việc nói năng với Bác phải thưa gửi ra sao. Tối hôm ấy, chúng tôi không ai ngủ được, chỉ trông trời mau sáng.

Trước lúc lên đường, các bạn có xúm lại dặn dò chúng tôi. Nhớ kỹ Bác dạy điều gì để kể lại cho tụi tao nghe mày.

- Chúng mày phải nhìn kỹ xem Bác có giống trong ảnh không.

- Thế nào Bác cũng cho kẹo, mày nhớ để giành cho tụi tao với.

Xe chúng tôi đến Phủ Chủ tịch lúc gần trưa. Đó là một buổi sáng mùa hè đẹp trời. Học sinh miền Nam sống tập thể vốn bạo dạn, xe vừa dừng trước cổng, chúng tôi đã ồa xuống chạy nhanh lên các bậc cấp Phủ Chủ tịch. Vừa lúc ấy, Bác Hồ từ bên trong Phủ Chủ tịch bước ra phòng khách. Trông thấy Bác chúng tôi chạy nhanh tới hô to: “Bác Hồ, Bác Hồ muôn năm, Bác Hồ muôn năm”. Cánh con trai chúng tôi chen lên trước để được gần Bác hơn, các bạn gái yếu đuối đành phận ở phía sau, có bạn mếu máo muốn khóc. Bác giơ tay ra hiệu bảo chúng tôi yên lặng và xếp thành hàng, rồi bồng Bác hô: “Đứng sau quay”. Bác đi vòng ra phía trước, thế là các bạn gái lại được gần Bác hơn. Bác cho chúng tôi ngồi xuống rồi Bác hỏi:

- Hàng ngày các cháu ăn có no không?
- Dạ no lắm ạ!
- Các cháu có được cấp phát đủ quần áo ấm, bít tất, mũ ấm, giày dép dùng trong mùa đông không?
- Dạ đầy đủ ạ!

Dừng một lát như để nhìn cho rõ khắp lượt tất cả chúng tôi từ trên xuống dưới, từ phải sang trái rồi Bác nói tiếp, đại ý là: Các cháu là con em của đồng bào, chiến sĩ miền Nam, là hạt giống quý của miền Nam anh hùng. Xa quê hương, gia đình nhưng các cháu lại được sống trong lòng đồng bào miền Bắc, được Đảng và Chính phủ quan tâm, chăm sóc. Các cháu không được phụ lòng đồng bào miền Bắc và sự chăm sóc của Đảng, Chính phủ. Bác lại hỏi chúng tôi:

- Các cháu có nhớ gia đình, quê hương không?
- Dạ nhớ lắm ạ.
- Nhớ thì phải học giỏi, chăm ngoan, lao động tốt, nghe lời thầy cô giáo. Các cháu cố gắng rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người cán bộ tốt để sau này trở về xây dựng quê hương miền Nam anh hùng. Các cháu có dám hứa với Bác không?

Chúng tôi đồng thanh hô lớn:

- Dạ chúng cháu xin hứa.

Bác nói tiếp:

- Bây giờ các cháu đứng lên, Bác sẽ cho kẹo. Nước

ta mới được hòa bình, dân ta còn nghèo, mỗi cháu nhận một gói, còn lại Bác sẽ cho các cháu khác.

Lúc ấy, chú cán bộ phục vụ mang ra một khay đầy kẹo, chúng tôi mỗi người nhận một gói rồi đứng vào chỗ cũ. Bác bắt nhịp cho chúng tôi hát bài kết đoàn rồi vỗ tay từ biệt chúng tôi. Bỗng một bạn trai hô to: “Bác Hồ muôn năm! Bác Hồ muôn năm!”, cả đoàn hô theo: “Bác Hồ muôn năm! Bác Hồ muôn năm!”, và vỗ tay đến khi Bác đi khuất sau phòng khách.

Ra xe về trường, trong lòng chúng tôi dạt dào niềm vui. Chẳng ai bảo ai nhưng không đứa nào ăn kẹo Bác cho. Vừa tới trường, các bạn vây lấy chúng tôi hỏi ríu rít:

- Bác Hồ có khỏe mạnh không?
- Bác dặn dò những gì?
- Kẹo Bác cho đâu?

Chúng tôi kể lại toàn bộ diễn biến cuộc gặp Bác cho các bạn nghe và mở gói kẹo Bác chia cho các bạn. Những viên kẹo bình thường nhưng đối với chúng tôi thật thiêng liêng vì đây là kẹo Bác Hồ cho học sinh miền Nam. Kẹo thì ít nhưng các bạn thì đông, mỗi đứa chúng tôi chỉ được nửa viên, như thế cũng vui sướng và tự hào lắm.

Sau lần gặp Bác ấy, nhà trường phát động một phong trào thi đua làm theo lời Bác. Mở đầu phong trào, chúng tôi được phân đi các lớp kể cho các bạn

nghe những lời dạy của Bác đối với học sinh miền Nam. Thầy hiệu trưởng dạy chúng tôi: “Các em phải bình tĩnh nói cho rõ và đầy đủ những điều Bác dạy”. Chúng tôi nói chuyện từ lớp này đến khác khắp cả trường. Các bạn vốn hiếu động, nghịch ngợm, chẳng chịu ngồi im nghe người khác nói chuyện lâu đến mười lăm, hai mươi phút bao giờ, nhất là người nói lại là đồng trang, đồng lứa. Nhưng lần này, các bạn im phăng phắc nghe chúng tôi kể như uống lấy từng lời.

Học sinh miền Nam hay nghịch nổi tiếng. Tư tưởng công thần, ỷ lại vào công lao của cha mẹ, cục bộ địa phương, chia bè kết cánh, đánh nhau giữa học sinh Khu 5 và Nam bộ; gây rối, phá hoại tài sản, hoa màu của Nhân dân địa phương, đó là những căn bệnh nguy hiểm và phổ biến ở khắp các trường học sinh miền Nam. Qua hội thảo lời Bác dạy, những biểu hiện của tư tưởng ấy bị vạch trần không thương tiếc. Chúng tôi thấy ân hận vô cùng bởi những ngày tháng qua đã phụ lòng Bác, phụ lòng tin của Đảng, Chính phủ, sự chăm sóc tận tình của đồng bào miền Bắc.

*

* *

Học hết phổ thông, mỗi người chúng tôi đi mỗi ngả. Tất cả đều tốt nghiệp đại học, một số được đi học nước ngoài, nhiều người đạt đến học hàm, học vị cao trong khoa học. Nhưng may mắn nhất là những người được

sớm trở về quê hương chiến đấu chống kẻ thù. Dù đi đâu, ở bất cứ cương vị công tác nào, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, chúng tôi đều nhớ mãi lần gặp Bác đầu tiên và những lời Bác dạy: Các cháu là hạt giống quý của miền Nam anh hùng... Các cháu phải cố gắng rèn luyện trở thành người công dân tốt, cán bộ tốt để sau này trở về xây dựng quê hương.

Bác đã đi xa nhưng hình ảnh của Bác và lời Bác dạy mãi mãi là ngọn đuốc soi đường chúng tôi đi tới.

(Ghi theo lời kể của một số bạn nguyên là học sinh miền Nam Trường 24, Hà Đông đang công tác trong các ban, ngành, trường học ở Nha Trang).

NGUYỄN THẾ ĐOÀN
Nguyên cán bộ Ban Tuyên giáo
Tỉnh ủy Khánh Hòa

NGƯỜI RĂKLAY KHÁNH SƠN NHỚ BÁC

Thung lũng Tô Hạp, nay là thị trấn Khánh Sơn, những ngày đầu Xuân Canh Ngọ này âm lạ. Sáng sớm, mặt trời vừa ló lên đỉnh núi, ánh sáng hắt lên đủ phản chiếu những hạt mưa nhẹ như mây, như sương... Và sau đó, nắng ấm trải vàng rực rỡ khắp núi cao, thung sâu, phản chiếu lấp lóa trên mặt sông Tô Hạp uốn lượn quanh co, tỏa sáng trên những mái tranh vách nứa óng ả, và đây đó rực lên những mái ngói nâu, ngói đỏ, tường vôi... Đã sang ngày thứ tám của năm mới, trẻ em đã đi học, mọi người đã bắt tay vào công việc từ lâu mà Tết vẫn còn nấn ná... Trên các sân nhà, những chậu cúc vẫn vàng rực rỡ, hoa chuối, hoa vạn thọ... vẫn khoe màu.

Và xuân này, Khánh Sơn như ấm áp hơn với sắc màu, âm thanh và nhịp điệu của các chương trình đặc sắc mà đoàn ca múa nhạc dân gian dân tộc Khánh Hòa mang về chung vui với đồng bào vùng căn cứ.

Âm thanh đàn đá – báu vật của ông bà tự ngàn xưa để lại cho người Răklay – cùng với đàn T'rung, cồng, chiêng, mã la... và dàn nhạc dân tộc hòa quyện cùng với các làn điệu dân ca, các lớp dân vũ như còn ngập tràn

thung lũng, còn vang vọng giữa núi rừng, sông suối, lắng lại trong lòng người Khánh Sơn một niềm vui không sao kiềm giữ được.

Tiếng đàn đá quê hương, tiếng đàn đá Khánh Sơn gợi nhớ sâu xa về cội nguồn dân tộc, làm sống dậy những cổ tích, thần thoại về chàng Xi-inư, về Kây Moxiri – Mó Bê la thuở đất – trời còn u minh, người Răklay chưa tìm ra lửa... Tiếng đàn đá gợi nhớ về thuở cha ông xưa của người Răklay dựng những đàn “Patau tileng” cho nước suối cần mẫn rung tiếng đàn suốt ngày đêm làm vui tai người già, làm sáng nụ cười con trẻ và làm con chim con thú phải tránh xa cái rầy cái nường.

Tiếng đàn đá gợi nhớ về những ngày khởi nghĩa giành độc lập rồi những năm dài đánh Pháp, đánh Mỹ gian nan ác liệt mà bền lòng... Và dù hồi ức có đưa đẩy các cuộc đàm đạo đi xa tới đâu, không ai không nói về lòng kính yêu nhớ tiếc Bác Hồ.

Man Dí – nhớ việc Cụ Hồ kêu gọi mỗi nhà có hũ gạo nuôi quân, người Răklay không có hũ đã bàn nhau đồng lòng mỗi nhà làm “rầy cách mạng”, lập “kho cách mạng” để giành nuôi quân đánh giặc.

A Ma Đoàn, Mấu Tịnh và bao nhiêu người nhắc lại mình đã khóc thế nào trong lễ tang truy điệu khi “Bác Hồ đi xa...”

Má Tám kể lại chuyến ra Bắc năm 1960 đã mừng vui khi được nhìn thấy Bác ra sao và nhắc lại những

điều Bác nói với bà con các dân tộc miền Nam ngày ấy.

Hôm đến thăm già San, cách gọi thân mật một cán bộ lão thành được bà con quý mến đang nằm bệnh viện, tình cờ chúng tôi gặp bác sĩ Mậu Quốc Chánh, Phó Giám đốc bệnh viện Khánh Sơn đang thăm bệnh cho cụ tại giường.

Được biết quê Chánh ở Gia Oai. Cha Chánh mất sớm, ngày Chánh theo mẹ ra rẫy vào rừng, tuổi nhỏ đã phải sớm làm lụng vất vả. Thời kỳ này cách mạng miền Nam còn rất nhiều khó khăn. Kẻ địch đang ra sức trả thủ những người kháng chiến cũ, truy lùng ráo riết cán bộ đảng viên. Tuy là vùng rừng núi nhưng cán bộ qua lại quê Chánh phải hết sức đề phòng mọi bất trắc, tìm mọi cách nắm tình hình mới tiếp xúc, gặp gỡ trò chuyện với từng người dân, sau đó rồi lại phải lánh vào rừng sâu.

Chánh được biết cách mạng từ năm 1957, qua nhiều lần gặp gỡ chuyện trò với anh Tấn, một cán bộ nằm vùng hoạt động trên địa bàn Sơn Hiệp, Sơn Lâm... Được anh Tấn cho xem ảnh Bác Hồ, kể cho nghe rất nhiều chuyện về đời Bác, về tấm lòng của Bác với các cháu nhỏ tuổi, nhất là các cháu người dân tộc ít người.

Mấy tháng sau, Chánh thoát ly gia đình theo anh Tấn đi làm giao liên. Vào căn cứ mới biết anh Tấn còn có tên Yến. Vì giọng nói anh Tấn giống con gái. Ở đây, Chánh được các anh cán bộ, trong đó có người Răklay

quý mến làm Chánh rất vui.

Nghe lời các anh lớn tuổi, Chánh gắng học chữ, chịu khó làm tốt mọi việc các anh giao. Anh Tấn viết cho Chánh từng chữ cái vào sổ tay, luôn bỏ trong người, vừa đi giao liên, vừa học trên đường. Chánh tâm sự: “Lúc đó trí não mình nó tối lắm! Học được chữ B đã quên chữ A rồi! Nhưng nghe lời anh Tấn là phải cố sức học để viết thư cho Bác Hồ nên mình không nản”.

Cuối năm 1959, Bác Hồ và Trung ương có chủ trương tiếp tục đưa thiếu nhi miền Nam ra Bắc học tập chuẩn bị cho kế hoạch lâu dài, đặc biệt là các dân tộc ít người. Anh Tấn động viên Chánh đi học, Chánh thao thức mấy đêm liền, phần lo đi xa nhớ rừng núi quê nhà, phần lo không học được... Nhưng các anh giảng giải, Chánh hiểu ra và vui vẻ lên đường. Tới địa điểm tập trung, Chánh gặp nhiều bạn nhỏ các dân tộc cùng đi, trong đó Khánh Sơn có Pi Năng Xiêng, Mầu Tinh, Pi Năng Tám.

Tạm biệt già San, rời bệnh viện, tôi hẹn Mầu Quốc Chánh đến thăm các bạn cùng đi học thuở ấy: Pi Năng Xiêng, Giám đốc và Mầu Tinh, Phó Giám đốc Ngân hàng Khánh Sơn, còn Pi Năng Tám ở xa phải hẹn dịp khác.

Phòng khách Ngân hàng Khánh Sơn gọn gàng, bài trí đơn sơ mà trang nhã. Tủ kệ, xa lông tuy cũ mà bóng loáng, chậu cúc đại đoá bên cửa sổ đang nở rộ, màu

vàng tươi tỏa ra làm sáng thêm gian phòng nhỏ và góp phần làm tăng thêm không khí ấm cúng gia đình.

Ba người bạn học thuở nhỏ trên miền Bắc gặp nhau giữa ngày xuân, Tô Hạp quê hương thật cởi mở chân tình. Bên cạnh Mầu Quốc Chánh nhỏ nhắn hay cười là Mầu Tinh với dáng vạm vỡ cân đối. Giọng nói và cử chỉ linh hoạt, nhìn bề ngoài, người ta dễ cho rằng anh là nhà thể thao hơn là một phó giám đốc ngân hàng. Gia đình Mầu Tinh là cơ sở cách mạng – Anh được phân công làm liên lạc, theo dõi tình hình địch... Khi Diệm dồn dân xuống Ba Râu anh đã cùng lực lượng du kích mật trừ khử một tên mật thám. Sau lần đó, bị lộ, cán bộ rút anh ra căn cứ và cho anh ra Bắc học. Xa quê hương, nhất là phải chia tay với người yêu có làm anh phân vân, nhưng rồi mọi việc qua đi. Anh tạm biệt quê hương năm 1959. Khác với Mầu Tinh, Pi Năng Xiềng hơi gầy, cử chỉ nhẹ nhàng. Với tác phong trầm tĩnh, đôi mắt nhìn xa xăm và giọng nói nhỏ nhẹ chậm rãi, Pi Năng Xiềng thu hút chúng tôi vào những hồi ức, những kỷ niệm khó quên. Anh kể:

Quê anh ở Sơn Trung, lúc nhỏ phụ giúp gia đình. Anh bị Diệm lừa cùng với gia đình vào khu tập trung Suối Đá năm 1958. Phải xa rừng, xa suối, bỏ rẫy, bỏ nương lại bị kiểm soát theo dõi. Không nhà nào, người nào không đòi về làng cũ. Được lãnh đạo, phong trào đấu tranh với địch rất mạnh. Vào thời gian đó, cha mẹ

tôi nghe theo lời cán bộ bí mật vận động cho tôi thoát ly ra chiến khu đi học...

Chánh tiếp lời: “Đám trẻ chúng tôi đi cùng với đoàn cán bộ ra tham quan miền Bắc. Đoàn rất đông, gồm nhiều dân tộc. Chúng tôi được các cô chú giúp đỡ tận tình. Sau ngày 2-9 mới tới Vĩnh Linh và năm 1960 thì vào học trường Dân tộc Trung ương Mễ Trì. Nhờ anh Yên dạy, tôi thi vào lớp một...”

Pi Năng Xiềng tiếp lời: “Hầu hết anh em chúng tôi học từ A B C. Cán bộ và thầy cô ở trường ai cũng tận tình, coi chúng tôi như con em. Các bác lãnh đạo ở Trung ương đến thăm hỏi động viên luôn, đặc biệt là Bác Hồ.

Khi Pi Năng Xiềng nhắc đến Bác Hồ, các anh bỗng sôi nổi hẳn lên, câu chuyện trở nên hấp dẫn...

- Không lần nào Bác đến mà nhà trường và bọn tôi biết trước. Có lúc Bác vào giờ nghỉ trưa. Bác đi xem từ nhà tiêu, nhà tắm, vào nhà bếp, nhà ăn... Bác góp ý tỷ mỉ, chu đáo quá!

Khi biết thì Bác đã lên hội trường, tất cả chen nhau chạy ào lên...

- Khi chưa gặp, mình cứ tưởng tượng về Bác, quần áo, giày dép... như thế. Nhưng gặp Bác, không phải như mình hình dung. Bác mặc quần áo bà ba nâu, mang dép cao su, mắt sáng quá mà nhìn mình hiền quá!

- Thấy Bác khỏe mạnh, hồng hào, cái bụng mừng

quá. Cứ muốn run! Cảm động dễ sợ luôn! Không ai nói được gì hết. Cả trăm đứa chỉ kêu “Bác ơi! Bác ơi!” miệng há hốc như cười mà khóc rung rung nước mắt...

Pi Năng Xiềng tâm sự:

- Nhớ nhất lần Bác đến thăm năm 1962, sau khi bọn tui ào lên hội trường, thi nhau “Bác ơi, Bác ơi”, thi nhau vỗ tay... cứ ồn ào như ong. Bác nhìn khắp cười tươi quá, chòm râu cứ rung rung... và Bác giơ tay lên ra hiệu. Tự nhiên im phắc hết. Bác mới chia kẹo, mỗi đứa một viên. Hôm đó, tôi đứng gần Mầu Thanh (quê Thuận Hải), kế đó là Chánh. Vừa bỏ kẹo vào tay, Bác vừa hỏi:

- Quê cháu ở đâu?
- Thưa Bác, cháu dân tộc Răklay, ở Khánh Hòa.
- Cháu ăn có no không?
- Thưa Bác, no.
- Cháu học có giỏi không?
- Thưa Bác, khác tiếng học khó quá!

Bác nhìn tôi, nhìn các bạn, chậm rãi bảo:

- Phải gắng sức, học cho giỏi, sau này về phục vụ miền Nam.

Giọng Bác trầm lắng, ấm áp. Bác đưa mắt nhìn chúng tôi. Đôi mắt lạ lắm, khó tả lắm. Cái nhìn vừa ân cần khuyến khích, cái nhìn thông cảm bao dung mà như có chút gì đó khi nói tới miền Nam. Về sau, tôi tự trách mình sao nói thật quá, sợ Bác buồn về mình.

Nhưng thử hỏi, có ai dối lòng, dối Bác được không? Từ đó tôi cố học...

Tới năm 1964, Mầu Tinh tiếp lời, hầu hết tốt nghiệp cấp hai. Đứa nào cũng lớn, cũng khỏe, đã là đoàn viên thanh niên, theo dõi rất sát tình hình quê nhà, cùng nhau đề đạt nguyện vọng trở về miền Nam rất ráo riết. Ban Dân tộc rồi nhà trường chấp thuận. Một số đồng thanh niên có sức khỏe được tập trung về Ba Vì. Chúng tôi được huấn luyện quân sự, được học cách thức về với dân...

- Các trường khác cũng vậy, học sinh miền Nam đòi về Nam quá xá, Mầu Chánh sôi nổi kể. Ngày ngày được thư anh em, biết tin bộ đội, cán bộ miền Nam đều lần lượt lên đường, cả cán bộ, bộ đội người miền Bắc cũng vào Nam, mình ngồi học không yên lòng. Bọn nó bàn nhau trích máu ngón tay viết đơn đòi về Nam, mình viết liền. Có thể nói hầu hết đều có đơn.

Nhưng tập trung đã nửa năm, kiến nghị đơn trương đủ kiểu mà đâu vẫn nguyên đây nên càng sôi sục. Sau đó, cán bộ Ban Dân tộc Trung ương rồi các bác lãnh đạo Trung ương về giải thích nói rõ là Bác Hồ khuyên các em ở lại tiếp tục học chuyên môn, học nhiều ngành nghề để sau này xây dựng quê hương.

- Ông còn nhớ không? Mầu Tinh cướp lời. Hồi đó nhiều đứa bỏ ăn bỏ uống, khóc lóc âm ỉ. Cuối cùng, Bác đến, ông còn nhớ thằng gì người Chăm Hroi không?

Nói cứ chấp hai tay vái lại Bác đòi đi không?

- Kờ Sor Den! Chánh đáp.

- Đúng thẳng Kờ Sor Den! Thằng đó quá lắm!

Lúc đó Bác nói thiết tha lắm, Bác nói đại ý “người đánh giặc là cần, những người xây dựng đất nước cũng rất cần”, sau Bác hỏi mấy đứa, mình có đứng dậy mà không nói được. Xúc động lắm. Mình nhớ nhất câu này: “Các cháu phải ở lại đây học tập, học cho thành thạo một nghề. Đào tạo được một cán bộ người dân tộc là khó lắm”.

- Lúc mà Bác cầm lấy hai vạt áo ở ngực vừa vẩy vẩy như quạt, vừa nói nhỏ: “Nóng quá! Xin lỗi!” tự nhiên mình muốn khóc... Thấy thương Bác quá chừng. Mà hình như anh em cũng vậy, im lặng hết. Đúng là chỉ có Bác nói lần đó thì anh em mới nghe ra.

Điều bác sĩ Chánh nhắc lại cũng là điều mà các anh đã trải qua. Mọi người đều im lặng nhìn xa xôi, ngậm ngùi... Gần hai mươi lăm năm qua, các anh vẫn giữ trong tim vẹn nguyên niềm xúc động trước tấm lòng của bác với các anh, với đồng bào các dân tộc miền Nam.

Hồi lâu, bác sĩ Chánh tiếp tục dòng suy nghĩ của mình:

- Sau đó, mình tiếp tục học văn hóa ở Trung Quốc và về nước thi vào trường Y Hà Nội năm 1969. Cùng đổ vào trường y năm đó có Mầu Thanh và cô Thanh, hai cô đều người Răklay ở Thuận Hải. Ba anh em luôn động

viên nhau ráng học. Phải thú thật rằng mình học gấp ba gấp bốn lần mới theo kịp anh em khác, mới tốt nghiệp.

- Khô dễ sợ! Pi Năng Xiểng thủ thủ. Khi nhiều người lục tục về Nam với đồng bào đang chiến đấu thì bọn mình sơ tán ngược lên Lạng Sơn. Bọn mình vào học Ngân hàng ở Bắc Thái... Tốt nghiệp, mình được phân công về làm việc ở Ngân hàng Thanh Hóa.

Khi nghe Bác mất, mình òa khóc. Nhớ về lòng Bác, không làm sao nén được. Một ngày liền cứ than thán ngẩn ngơ, nhớ tiếc quá không thiết gì ăn uống. Cứ nghĩ: “có người nào như Bác không?... Nếu Bác còn, chắc là Bác sẽ về thăm đồng bào Răklay...

Có lẽ Pi Năng Xiểng đã nói đúng với tâm tình của mỗi người dân Răklay Khánh Sơn. Tất cả đồng bào đang hướng về Bác, về ngày sinh lần thứ 100 của Bác, với niềm thương nhớ, biết ơn vô hạn.

NGUYỄN THẾ SANG

Nguyên Giám đốc Bảo tàng Khánh Hòa

KHÁNH HÒA CÓ NHA TRANG

Giờ thao binh trong ngày đã đến, nhưng các lớp của Khối 10 vẫn im ắng gần như trang nghiêm, nhìn các học viên đang mải miết giải các bài toán khó về đạo hàm, giải tích, không gian... các cán bộ lớp của khung đi qua chỉ mỉm cười, vì chuẩn bị cho kỳ thi tốt nghiệp khối 10 sắp đến nên ai nấy đều lo, trong khi đó thì những tiếng còi vọng lại ở các sân bóng chuyền của khối 8,9 cứ vang lên như thách thức.

Bỗng một hồi còi dài kéo lên xé tan bầu không khí yên tĩnh và tiếp theo là lệnh của đồng chí trực ban: “... tất cả nghỉ tập giờ thao binh, các lớp làm vệ sinh sắp xếp trật tự nội vụ theo quy định!”. Có tiếng hỏi lại: Miễn cho khối 10 chứ? – Không miễn cho lớp nào hết! Đồng chí trực ban đáp lại. Có ý kiến của học viên xì xào: Đang bù cả đầu óc đây, lại làm vệ sinh, trật tự! Nhiều tiếng bàn tán. Lại có cấp cao nào sắp về kiểm tra đây. Nhiều cái đầu ghé sát tai để nghe một học viên nói nhỏ nhưng đầy tự tin – Này nhé, sáng nay tớ gặp thằng bạn ở hiệu bộ cho biết có thể Bác đến...” – Thôi, thôi các ông tham mưu con”. Lệnh của đồng chí lớp trưởng phát ra. Tất cả đều im lặng. Theo sự phân công, chúng

tôi khẩn trương tổng vệ sinh khu doanh trại và sắp xếp trật tự nội vụ đúng quy định.

Đêm đó, tất cả chúng tôi tuy không ai bảo ai, nhưng hầu như không ngủ, mặc dù lệnh kêng đã báo ngủ từ lâu, trần trọc mãi trông cho mau sáng, phần thì quá rét, cái rét cuối năm 1960 của xứ Lạng sao mà buốt cả thịt da, đúng là: “Rét Thái Nguyên, rét về Yên Thế...”, khổ nhất là mấy anh em quê miền Nam chịu đựng rét đã mấy năm qua ở đất Bắc mà chưa có năm nào rét dữ vậy. Nhà thì chỉ nửa vách nửa, lợp lá vì nhà trường từ Hải Dương mới chuyển về đây chưa bao lâu nên cơ ngơi còn ngổn ngang trăm bề. Đầu óc tôi cứ miên man suy nghĩ, Bác đến thật không? Bác đến thật thì sung sướng biết mấy, hạnh phúc biết chừng nào!

Như thường lệ, theo tiến trình buổi sáng nay, khối 10 sơ cấp chúng tôi lên lớp ôn tập chuẩn bị thi tốt nghiệp. Cậu Lâm quê Bình Định đi bên tôi thì thầm – Anh có biết ai đến không? – Ai mà biết được, tôi đáp lại. – Chắc trăm phần trăm là Bác đến, cậu Lâm nói tiếp. Tôi rất mong như vậy nhưng hỏi vặn lại – Sao mà biết chắc? Khi tới, thằng Hiền ở hiệu bộ gặp em tại căng tin nó bảo thế, nhưng phải bí mật đấy, để chứng minh cho sự khẳng định, Lâm tiếp: - Sáng nay, xe của hiệu trưởng và chính ủy đi xuống sân bay Kép rất sớm. Chắc là đúng rồi, tôi ôm lấy Lâm và thốt lên vừa đủ cho hai đứa cùng nghe: - Bác đến thật rồi!

Cả khối học viên đang lắng nghe từng lời của đồng chí giáo viên giảng bài một cách trật tự mà không gian gần như im lặng, bỗng nhiên từ các hàng ghế phía sau có tiếng ồn và đứng lên xáo trộn cả quy củ. Có tiếng reo to – Bác đến! – Bác đến! Có người đứng cả lên ghế để nhìn, đứng Bác rồi, từ phía doanh trại hiệu bộ, đoàn người đang tiến về hội trường chúng tôi. Bác đi trước, phía sau có đồng chí hiệu trưởng, chính ủy và hai, ba người khác. Bác đi nhanh. Tất cả về vị trí! – Nghiêm! – Chỉnh đốn trang phục. Khẩu lệnh của đồng chí tiểu đoàn trưởng khung đưa cả khối về vị trí ban đầu, - Nghi, - Nghiêm! Tiểu đoàn trưởng báo cáo với Bác và xin chỉ thị. Chú cho anh em ngồi xuống, Bác bảo. Hàng mấy trăm cặp mắt đang dồn về phía Bác với tấm lòng tôn kính vô hạn.

Bác nói: Bác đến thăm nhà trường, thăm các cô các chú, các cô các chú có khỏe không? – Khỏe ạ, chúng tôi đáp – Có rét lắm không? Có ạ! Bác nói tiếp – Chú nào quê ở miền Nam đưa tay lên xem. Tất cả anh em quê từ nam vĩ tuyến 17 trở vào Trị Thiên – Huế, Khu 5, Nam Bộ đưa tay. Bác hỏi tiếp: - Chú nào quê ở Tây Nguyên và cực Nam Trung bộ. Chỉ có hai chúng tôi đưa tay. Bác lại hỏi: - Hai chú ở tỉnh nào? Tôi đứng lên thưa với Bác: - Dạ thưa Bác, cháu ở Khánh Hòa, đồng chí Mai ở Bình Thuận. Bác xúc động nói: - Ít quá. – Bác nói hơi nhỏ: - Khánh Hòa có Nha Trang. Bình Thuận có Phan Thiết...” – Dạ, chúng tôi đáp”.

Một phút giây im lặng trôi qua, Bác nhìn bao quát cả hội trường rồi nói to, đại ý:... Biết các chú học tập khá vất vả ngày đêm và những sinh hoạt tiện nghi quá thiếu thốn, tuy trước mắt trường có nhiều khó khăn, nhưng đây là trường lớn nhất của quân đội để bổ túc văn hóa cho cán bộ trung cao cấp và đào tạo những cán bộ chỉ huy, khoa học kỹ thuật chuyên ngành cho các quân, binh chủng của quân đội sau này. Các chú gắng học cho giỏi để trở thành những cán bộ vừa hồng, vừa chuyên của quân đội cách mạng chính quy, hiện đại. Bác tin các chú sẽ vượt qua tất cả khó khăn...! Đồng ý không? Đồng ý ạ! – Cả khối đáp to. Ai nấy đều chăm chú nghe hình như cổ nuốt từng lời của Bác. Cuối cùng Bác dặn: “Các chú đoàn kết thật sự, thương yêu giúp đỡ nhau, dạy tốt và học tốt, Bác chúc các chú khỏe...” – Chúc Bác khỏe. Không ai bảo ai, tất cả đều đồng thanh thốt lên đúng điều lệnh. Bác cười, đôn hậu vẫy tay chào chúng tôi và rời khỏi hội trường đi xem nhà bếp, nhà ở...

Bác đi rồi nhưng tôi vẫn bàng hoàng như nửa tỉnh, nửa mê. Cả khối trở lại trạng thái im lặng khác thường, ai cũng quá xúc động.

Riêng tôi, khi tập kết ra Bắc, điều ao ước lớn nhất là được gặp Bác để thấy tận mắt. Năm 1957, tôi cùng một số đồng chí của đơn vị trinh sát Quân khu 4 được chọn làm tiêu binh đón Bác tại sân bay Vinh, Nghệ An trong dịp Bác về thăm Nghệ An. Nhưng tiêu binh thì

đứng như trời trồng và cách Bác 15 – 20 mét chỉ thấy Bác đi qua. Tuy vậy, tôi vẫn thấy đã may mắn. Nhưng ước vọng gặp Bác cứ trào dậy thôi thúc tôi. Lần này gặp Bác, thấy Bác hồng hào, khỏe mạnh, rất nhanh nhẹn, nhất là mắt Bác rất sáng, tôi thầm mong Bác sống đến 100 tuổi. Lúc đó là tháng 12 năm 1960, Bác đã thọ 70 xuân. Điều ước vọng của tôi khi ra Bắc đã hơn 6 năm dài, nay giờ phút ấy đến gần trọn vẹn. Tuy thời gian gặp Bác quá ngắn, nhưng bao trùm một tình cảm mãnh liệt và vô giá.

Tiếp một đêm nữa tôi không ngủ, vì cứ nghĩ đến Bác một tình cảm luôn xúc động vì nhớ lại giờ phút thiêng liêng ấy. Nhất là khi Bác biết quê ở Khánh Hòa chỉ có mình tôi ở khối 10 thì Bác vui và Bác nói rất nhỏ hình như nghẹn lại – ít quá. Cảm động biết chừng nào. Bác tuổi đã cao, bận trăm công nghìn việc mà luôn nghĩ về miền Nam, nghĩ về Khánh Hòa – Nha Trang một phần của mảnh đất cực Nam Trung bộ.

Đối với tôi, nhớ lần gặp Bác đó, tự cảm nhận lấy một cái gì rất thiêng liêng mà suốt đời không thể quên được. Chính lời Bác dặn lúc nào cũng văng vẳng thúc giục tôi, nhân lên ý chí, sức mạnh và niềm tin giúp tôi vượt qua những khó khăn gian khổ, không quản ngại hy sinh để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng giao phó.

NGUYỄN MINH HẢO

Nguyên cán bộ Tỉnh đội Khánh Hòa

KỶ NIỆM ĐẸP VỀ BA LẦN GẶP BÁC HỒ

Sinh ra và lớn lên trong gia đình có truyền thống cách mạng, cha tôi là cán bộ tiền khởi nghĩa, quê mẹ ở Diên An, Diên Khánh, Khánh Hòa. Năm 1955, thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ và Bác Hồ, tôi theo gia đình tập kết ra miền Bắc. Ngày ấy tôi 11 tuổi, dù chưa được đến trường nhưng tôi đã biết đọc, viết, biết làm toán; tôi được xếp học lớp 3, Trường học sinh miền Nam số 19 ở Sơn Tây (nay thuộc Hà Nội).

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, vừa xây dựng và bảo vệ miền Bắc, vừa tập trung chi viện tối đa sức người, sức của cho chiến trường miền Nam, Đảng, Chính phủ và Bác Hồ vẫn dành những điều kiện tốt về ăn ở, học tập; Nhân dân miền Bắc cuu mang, đùm bọc, nhường cơm sẻ áo; đội ngũ thầy cô giáo, cán bộ quản lý của trường luôn yêu thương, hướng dẫn, dạy bảo chúng tôi từng chút một. Hiểu được tấm lòng ấy, tôi ra sức phấn đấu tu dưỡng rèn luyện đạo đức, học tập thật tốt để mau chóng trở về phục vụ quê hương. Năm 1959, tôi đang học lớp 7, được chọn tham gia “Trại Bò Câu trắng” dành cho học sinh chăm ngoan, học giỏi

tiêu biểu miền Bắc. Nhận được tin ấy, tôi vui sướng, tự hào vô cùng. Để chuẩn bị cho hội trại, chúng tôi hăng say tập luyện nghi thức đội và mong đến ngày được gặp Bác. Trong những ngày tập luyện, tôi đã tìm đọc được câu chuyện về sợi râu Bác Hồ. Câu chuyện kể về một bạn thiếu niên nhặt được sợi râu của Bác Hồ và để sợi râu ấy trong cuốn sách làm kỷ niệm. Tôi cũng ước mơ có được kỷ niệm với Bác Hồ.

Trước khi đi Hà Nội tham gia hội trại, chúng tôi được nhà trường cấp cho quần áo, giày ba-ta đồng phục, đeo khăn quàng đỏ rất đẹp. Sau hai ngày cắm trại, được các anh chị, thầy cô phụ trách thông báo là Bác Hồ sắp đến thăm trường, chúng tôi hồi hộp chờ đợi từng giây được gặp Bác. Hôm ấy, Bác Hồ đến cùng ông Sukarno, Tổng thống nước Indonesia. Thấy Bác, chúng tôi chạy ồa tới, các bạn nữ đứng vòng tròn bên trong, các bạn nam đứng vòng quanh bên ngoài. Tôi đứng lặng thinh ngắm nhìn Bác thật kỹ. Trông Bác đẹp như ông Tiên trong truyện cổ tích vậy đó! Cử chỉ, lời nói và phong thái của Bác gần gũi thân thương như người ông trong gia đình. Tôi thầm nhủ: Ước gì được “hôn chòm râu mát rượi hòa bình”⁽¹⁾. Đang miên man theo chòm râu của Bác, bỗng nhiên nhạc nổi lên, lời ca và điệu múa xung quanh Bác được “cất cánh bay lên”. Múa hát được một lúc, một bác bảo vệ bước tới và nói: Các cháu dừng lại đây. Và chúng tôi dừng lại.

Ngay sau đó, Bác Hồ cùng ông Sukarno bước lên lễ đài. Chúng tôi đồng thanh hô vang: “Bác Hồ muôn năm! Hidup paman Sukarno! (ngài Sukarno muôn năm).”

Hôm ấy, Bác Hồ giới thiệu cho chúng tôi nghe về Tổng thống Sukarno và trò chuyện với chúng tôi. Bác đã hỏi chúng tôi “Các cháu có biết xã hội chủ nghĩa là gì không?”, rồi Bác giải thích cho chúng tôi...”. Sau lần gặp đầu tiên ấy, tôi trở về với tâm trạng hân hoan, vui mừng khôn xiết. Những ngày tháng sau đó, tôi tiếp tục hăng say học tập, cố gắng rèn luyện nhiều hơn nữa để được gặp Bác Hồ.

Niềm mong mỏi ấy đã đến, tôi được gặp Bác Hồ lần thứ hai vào dịp Bác đến thăm trường học sinh miền Nam số 25 ở Chương Mỹ, Hà Đông (trường cấp 3). Tôi thấy Bác khi ấy vẫn thế, không thay đổi nhiều so với lần gặp trước. Được gặp Bác, chúng tôi rất vui mừng, ai cũng tập trung nghe Bác nói chuyện. Suốt buổi nói chuyện, tôi lắng nghe từng chút từng chút một để ghi nhớ hết lời Bác dạy và cảm nhận được tình thương yêu của Bác dành cho thế hệ học sinh miền Nam chúng tôi. Bác quan tâm, chăm lo cho chúng tôi từ những việc đơn giản nhất như bữa ăn hàng ngày. Tôi nhớ, trong một lần Trung ương Đoàn về thăm trường và phát thẻ đoàn cho học sinh, một bạn học sinh đề xuất với đoàn cho chúng tôi được ăn thêm bữa sáng. Thế là, từ hôm sau chúng tôi được ăn sáng. Chúng tôi vui mừng biết bao vì giữa trời rét căm căm ấy, một bát cơm buổi sáng

giúp chúng tôi vượt qua cái rét, cái lạnh thấu xương ấy. Sau đó, tôi được biết, khi nhận được đề xuất của bạn học sinh ấy, Bác Hồ và Chính phủ đã giải quyết cho tất cả học sinh các trường được ăn sáng, không chỉ riêng trường chúng tôi.

Được gặp Bác lần thứ hai càng thúc tôi phấn đấu tu dưỡng, rèn luyện và học tập thật tốt. Tốt nghiệp Phổ thông trung học, tôi được Ban quản lý học sinh miền Nam chọn thi vào Đại học Sư phạm Hà Nội. Bước vào năm học thứ ba, là một trong những đoàn viên ưu tú, tôi được chọn đi dự lễ mít-tinh kỷ niệm ngày Quốc khánh 2/9. Năm ấy, đế quốc Mỹ ném bom, đánh phá miền Bắc ác liệt. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về việc chuyển mọi hoạt động sang thời chiến nên lễ kỷ niệm ngày Quốc khánh 2/9 phải tổ chức trong Hội trường Ba Đình vào buổi tối. Tại buổi lễ, tôi được gặp Bác Hồ và Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Ba lần gặp Bác nhưng lần nào cảm xúc cũng như ban đầu, tôi luôn thấy vinh dự, hạnh phúc và tự hào. Mỗi lần gặp Bác, tôi như thêm ý chí và nghị lực phấn đấu học tập tốt, xứng đáng với công ơn của Đảng, Bác Hồ.

Từ khi được gặp Bác Hồ, tôi luôn tạc dạ, ghi nhớ học tập và cống hiến hết mình phục vụ cho Tổ quốc, tận tụy với Nhân dân theo những lời dạy, căn dặn của Bác. Năm 1967, sau khi tốt nghiệp Đại học sư phạm Hà Nội, tôi được phân công lên miền núi dạy học tại Trường cấp 3 của Bắc Kạn. Đến năm 1968, tôi chuyển công tác về

Trường cấp 3 Phổ Yên (Thái Nguyên). Năm 1969, tôi viết đơn tình nguyện đi B (chiến trường miền Nam) và được bồi dưỡng nghiệp vụ để vào miền Nam làm nhiệm vụ đào tạo giáo viên. Nhưng từ năm 1969- 1972, chiến trường miền Nam diễn ra ác liệt, Bộ Giáo dục đã hoãn lại việc đưa giáo viên vào miền Nam. Vì vậy, đến năm 1972, tôi mới lên đường vào miền Nam. Trong hành trang lên đường vào Nam, tôi mang theo bên mình cuốn sổ nhật ký. Trong cuốn sổ ấy có hình ảnh Bác ở ngay trang đầu cuốn sổ. Mỗi lần mở cuốn sổ, tôi cảm thấy được gần Bác, nhìn thấy tấm gương chiếu sáng cho tôi vững bước đi trên con đường cách mạng. Sau 2 tháng ròng rã đi bộ “xẻ dọc” Trường Sơn, qua Lào rồi trở lại Quảng Nam, tôi được phân công về dạy ở Trường Trung cấp Sư phạm Khu V. Lúc ấy, tôi nhớ Bác và tôi đã làm bài thơ “Nhớ Bác”:

*Bác ơi! Cháu nhớ Bác nhiều
Xuân về sao Bác không chiều cháu thơ
Bác đi đi đến bao giờ
Bác về quê cháu, từng giờ cháu mong
Thương Bác cháu nhớ trong lòng
Dừa ngon, xoài chín đang trông Bác hoài
Tết này cháu lại nghe đài
Mong nghe tiếng Bác nhớ bài thơ xuân.*

Sau ngày giải phóng, tôi được Khu ủy Khu V đưa về tăng cường tiếp quản Nha Trang. Đến tháng 5/1975, tôi được phân công về tiếp quản ngành giáo dục tại quê mẹ Diên Khánh. Từ đó đến khi về hưu, tôi được giao đảm nhiệm nhiều vị trí công tác như: Trưởng phòng Giáo dục huyện Diên Khánh, Phó Trưởng ty Giáo dục Phú Khánh, Chủ tịch UBND huyện Diên Khánh, Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy, Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam tỉnh.

Với quyết tâm: “Phấn đấu hy sinh giành thắng lợi/Gian nan rèn luyện bước đường đời”, tôi đã vượt qua nhiều khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng đã giao. Nay tuổi đã cao, niềm vui lớn nhất là thấy con cháu trưởng thành, thành công trong cuộc sống, song tôi vẫn luôn nhắc nhở con cháu sống có trách nhiệm, biết cống hiến cho xã hội, biết yêu thương, chia sẻ với mọi người.

NGUYỄN XUÂN HẢI kể

(Nguyên ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
Chủ tịch Ủy ban Mặt trận TQVN tỉnh)

Nguyễn Thị Bích Nhung ghi
(Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy)

Bài viết năm 2020.

(1) Trích trong bài thơ “Sáng tháng 5” của Tố Hữu.

BÁC HỒ VỚI MIỀN NAM NHỮNG MẪU CHUYỆN CẢM ĐỘNG VÀ NHỮNG TƯ LIỆU QUÝ

Sau ngày giải phóng miền Nam (30/4/1975) và thống nhất Tổ quốc, tôi có dịp thăm nhiều địa phương trên đất nước ta. Từ biên giới phía Bắc với Lạng Sơn, Quảng Ninh, Móng Cái... đến vùng Cực Nam của Tổ Quốc: Cà Mau, Rạch Giá, Hà Tiên, các đảo Phú Quốc và Côn Đảo. Đến đâu cũng vậy, khi biết tôi là nhà thơ, tác giả bài “Quê hương”, nhiều người - đặc biệt là trong giới trí thức và học sinh, sinh viên - thường đặt câu hỏi: “Xin nhà thơ cho biết đã được gặp Bác Hồ mấy lần rồi?” Khi tôi trả lời: “Chưa được gặp Bác Hồ lần nào vì tôi ở lại miền Nam suốt hai cuộc kháng chiến” thì ai nấy đều bất ngờ, sửng sốt.

- “Chú chưa được gặp Bác Hồ sao chú có những câu thơ viết về Bác xúc động quá, như đã từng gặp Bác và nghe Bác dặn dò.” Có em sinh viên còn đọc thuộc lòng 4 câu trong bài thơ “Con viết bài thơ dâng Bác” tôi viết năm 1959:

*“Con nhớ như in từng lời của Bác
Tiếng nói quê hương trong tiếng nói một người,
Con đếm được từng nhịp tim Bác đập
Dù giữa hai miền còn giới tuyến ngăn đôi.”*

Thay vì trả lời, tôi đã kể lại cho các em nghe một câu chuyện liên quan đến Bác Hồ.

Tháng 10/1962, đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam do giáo sư Nguyễn Văn Hiếu dẫn đầu, lần đầu tiên ra thăm miền Bắc. Bác Hồ đã đón tiếp đoàn một cách ấm áp, thân tình như người cha đón những đứa con xa trở về quê mẹ. Qua câu chuyện, biết trong đoàn có nhà thơ Thanh Hải, Bác liền hỏi: “Cháu có thường gặp Giang Nam không?”. Nhà thơ Thanh Hải, tuy chưa chuẩn bị cho một câu hỏi như vậy của Bác, vẫn trả lời Bác một cách chân tình và thật thà: “Thưa Bác, cháu chưa được gặp vì anh ấy ở tận trong Nam, còn cháu công tác ở Bình Trị Thiên ngoài này. Cháu chỉ được đọc thơ của anh ấy thôi”. Bác gật đầu, dừng lại không hỏi nữa, thái độ thoáng buồn rồi nói: “Thơ Giang Nam viết có tình”.⁽¹⁾

Nhận xét của Bác rất bất ngờ đối với tôi khi được nghe nhà thơ Thanh Hải kể lại. Đối với tôi đây là một lời động viên vô cùng quý giá, một sự đồng cảm sâu sắc trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng của chiến trường. Từ ấy đối với tôi Bác Hồ không chỉ là niềm tin, là hy vọng, là mặt trời trong đêm đen của khủng bố, bom đạn của

kẻ thù... mà còn là một người thầy dẫn dắt tôi trên con đường sáng tác thơ và sáng tạo nghệ thuật. Sau ngày thắng lợi, khi nghe tôi kể lại câu chuyện trên, một bạn nhà thơ nước ngoài đã nhận xét: “Bạn thật hạnh phúc khi được chủ tịch Hồ Chí Minh đọc thơ mình và có sự đánh giá tốt đẹp như thế”. Và lời nhận xét của Bác chỉ gói gọn trong sáu từ đã theo tôi đi suốt cuộc đời.

Cuộc đời của Bác Hồ là cuộc đời của một chiến sĩ cách mạng, đấu tranh cho độc lập, thống nhất Tổ quốc, tự do và hạnh phúc cho mỗi người dân. Trong hoàn cảnh đất nước tạm thời bị chia cắt sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954, tình cảm của Bác đối với miền Nam ngày càng sâu nặng. Tính từ ngày Bác rời đất nước trên Bến Nhà Rồng, Sài Gòn (5/6/1911) cho đến ngày Bác vĩnh biệt chúng ta (2/9/1969), cơ hội duy nhất và cuối cùng Bác có mặt ở miền Nam là ngày 18/10/1946 tại vịnh Cam Ranh để gặp đô đốc Đắc-giăng-li-ơ, Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương bàn việc thực hiện tạm ước 14/9/1946 chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Khi tàu Duy-mông Duyếc-vin đưa Bác về nước ghé vào vịnh Cam Ranh trong sự chờ đợi của Đắc-giăng-li-ơ trên chiến hạm Súp-phơ-ren, chắc trong tim Bác đã in đậm bóng hàng dừa xanh, biển xanh và những bãi dài cát trắng tuyệt đẹp của miền Nam, của Cam Ranh và Khánh Hòa. Nơi ấy bây giờ đã có một tượng đài của Bác, sừng sững nhìn ra biển Đông, là niềm tự hào của nhân dân Khánh Hòa, là lần

cuối cùng Bác có mặt ở miền Nam.

“Miền Nam luôn trong trái tim tôi”; “Nam bộ là thịt của thịt chúng ta, là máu của máu chúng ta”; “một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên”. Đó không chỉ là nguyện vọng thiết tha của Bác mà còn là nỗi đau và quyết tâm sắt đá của lãnh tụ tối cao của dân tộc, là niềm tin ở thắng lợi cuối cùng.

Nhà thơ Tố Hữu đã viết:

*“Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà
Miền Nam mong Bác nỗi mong cha”
(Bác ơi!, 1969)*

là rất đúng với tâm trạng của Bác và của Nhân dân miền Nam. Tôi muốn kể ra đây hai sự kiện rất tiêu biểu:

Sự kiện thứ nhất là Bác đi thăm khu học xá Nam Ninh, dành cho các cháu học sinh miền Nam tập kết qua bài viết của bạn Phùng Văn Hùng: “Đầu năm 1957, sau khi thăm một số nước XHCN, Bác Hồ đến thăm khu học xá Nam Ninh (Trung Quốc). Đối với chúng tôi, đó là cả một ngày hội. Chúng tôi ăn mặc đẹp, đội ngũ chỉnh tề tập trung tại quảng trường lớn. Được phổ biến là đón một cán bộ cao cấp, nhưng chưa bạn nào biết là đón ai. Thế rồi Bác đến! Chúng tôi hò reo, hoan hô, lòng tràn ngập vui sướng, chúng tôi như mơ mà thật. Bác khen chúng tôi học giỏi, ngoan, chăm chỉ lao động, tập thể dục, nhiều bạn đã trở thành Thiếu niên tiên phong.

Nhưng Bác đã biết rất rõ chúng tôi đã bắn vỡ bao nhiêu bóng đèn, tấm kính cửa sổ, bao nhiêu vườn rau bị phá, cá nuôi ở ao bị câu trộm, rồi nghịch nước, ở bồn. Rồi Bác khuyên chúng tôi phải chăm chỉ học tập, rèn luyện thân thể, bảo vệ của công... Chúng tôi lắng nghe, nuốt từng lời của Bác. Khi Bác ra về, chúng tôi không muốn Bác về, chặn xe Bác không để xe đi. Bác phải xuống xe đi bộ. Chúng tôi vây lấy Bác, nắm tay Bác, sờ chòm râu của Bác, vuốt ve quần áo Bác. Quyến luyến, bịn rịn rồi Bác nói: “Các cháu về đi học cho kịp giờ. Bác còn bận công tác, để cho xe Bác đi. Khi nào các cháu học tập tiến bộ, ngoan hơn... Bác lại đến thăm...”. Chúng tôi cứ tự hỏi nhau: Những chuyện thường ngày của chúng tôi, sao Bác biết kỹ thế? Sau lần Bác đến thăm, các hiện tượng nghịch phá không còn nữa...(2)

Và lá thư tuyệt mật của Bác năm 1968:

Do sự may mắn hiếm có, mới đây tôi được tiếp xúc với một tư liệu quý hiếm mà có thể nhiều người trong chúng ta chưa biết. Đó là một lá thư của Bác gửi đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao Động Việt Nam. Tôi xin được phép chép lại toàn văn bức thư đó.

10-3-1968

Chú Duẩn thân mến

Tuyệt đối bí mật

Nhớ lại hồi Noel năm ngoái, chú có ý khuyên B. đi thăm miền Nam sau ngày ta thắng lợi hoàn toàn, B.

rất tán thành. Nhưng nay chỉ đổi chữ “sau” thành chữ trước ngày thắng lợi hoàn toàn, tức là đi thăm khi anh em trông⁽³⁾ đang chuẩn bị mở màn thứ ba. Đi thăm lúc đó mới có tác dụng khuyến khích thêm anh em.

Cách đi B. sẽ làm công trên một chiếc tàu thủy. Cùng đi sẽ có hai chú Bảo và Kỳ. Việc này B. tự thu xếp, dễ thôi.

Lúc đến, anh em trông chỉ phụ trách đón khi tàu cập bến Miên và đưa B. đến nhà anh Sáu, anh Bảy.

Ở lại tùy điều kiện mà quyết định, ít là mấy ngày, nhiều nhất cũng chỉ trong một tháng. Hoạt động thế nào sẽ cùng anh em trông bàn định.

Có lẽ chú và đồng chí khác e rằng sức khỏe B. không cho phép B đi chơi xa. Nhưng thay đổi không khí, hô hấp gió biển và sinh hoạt với quần chúng trong hoàn cảnh chiến đấu sẽ giúp sức khỏe tiến bộ mau hơn.

Lịch đi thăm: Cần mười ngày để chuẩn bị

Vượt biển độ 6 ngày.

Từ bến tàu đến địa điểm độ dăm hôm.

Vậy nhờ chú tính ngày cho khớp, một mặt cho B. biết trước để chuẩn bị, một mặt cho anh em trông biết để chờ đón.

Để đảm bảo thật bí mật, chú chỉ nên bàn việc này với một số ít đồng chí trong BCT.

Mong chờ chú trả lời.

Các đồng chí trong Bộ Chính trị cố thuyết phục Bác đợi thắng lợi rồi sẽ đi, vì đi lúc này rất nguy hiểm. Nhưng Bác cứ thúc hoài đành phải báo cáo thật với Bác: Đường biển không thể đi được. Bác nói: “Nếu không có đường nào khác thì tổ chức cho tôi đi bộ. Các chú đi được thì tôi đi được. Đi mỗi ngày một ít, chưa chắc thua các chú đâu!”.

Sau đó Bác tập đi bộ, tập leo dốc, nhiều khi leo dốc khá cao mặc dù lúc đó Bác đã trên 75 tuổi, sức đã yếu. Chính trong thời gian đó, Bác đã viết bức thư này cho đồng chí Lê Duẩn.⁽⁴⁾

Bác ơi, dù đến cuối đời nguyện vọng cuối cùng của Bác vẫn chưa thực hiện được, nhưng lòng thương nhớ miền Nam, tình cảm với miền Nam đã là một phần cuộc đời Bác. Có lẽ trên thế giới này chưa có một lãnh tụ nào thương dân, thương nước, thương những người con ở xa như Bác.

Nhà thơ GIANG NAM

nguyên Phó Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa,
nguyên Phó Trưởng Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Khánh Hòa,
nguyên Chủ tịch Hội Văn nghệ Phú Khánh

Theo tài liệu do nhà thơ Giang Nam cung cấp năm 2020.

(1) Trích Hồi ký và những bài viết của Thanh Hải.

(2) Trích “Bác Hồ với học sinh miền Nam” (Bộ Giáo dục và Ban Liên lạc các học sinh miền Nam Trung ương xuất bản 1990).

(3) trông: Trong ấy, nói theo cách của người miền Nam.

(4) Tư liệu lấy từ Tủ sách “Di sản Hồ Chí Minh: Thư riêng của Bác Hồ” (NXB Trẻ, tái bản lần thứ 3 năm 2008).

CON VỀ THĂM BÁC MÙA THU

* Con về thăm Bác mùa Thu là tác phẩm thơ của Nhà thơ Giang Nam. Bài thơ đã đạt giải C Giải thưởng “Sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” đợt I (2016 – 2018) do Ban Tuyên giáo Trung ương tổ chức.

*Ngôi nhà sàn giữa chiến khu Việt Bắc
Sáu mươi năm, con mới đến lần đầu
Từng tấm lá cọ
Mưa nắng dãi dầu
Vách nửa tênh toàng và những khung cửa hẹp
Chiếc cầu thang
Ba bậc cây rừng lấp ghép
Đơn sơ đến nao lòng...*

*Ngôi nhà sàn giữa chiến khu Việt Bắc
Có tảng đá thay sân
Có tre trúc xanh
Có dốc đứng quanh co
và ánh mặt trời xuyên qua kẽ lá
Con nghe tiếng chim quen
gọi người trong sương giá*

*Con nghe tiếng suối xa
và tiếng đập tim mình.*

Bác ơi!

*Lán Nà Nưa thuở ấy từng đêm
Bác trần trở với thời cơ lịch sử
Hà Nội, Sài Gòn và miền Trung Bác nhớ
Bao giờ giành lại quê hương?
Con sốt rét rừng quật ngã lại đứng lên
Cả dân tộc mong tin Người
từng giây, từng phút
Năm ấy ở miền Nam
lần đầu con nghe tên Bác
Khi vác tầm vông
và cầm súng lên đường.*

*Con về có trễ không,
thưa Bác, Bác yêu thương
Nghe câu chuyện vui bỗng trào nước mắt
Bác không đồng ý làm đường to
lên nhà sàn của Bác
“Xưa Bác đi đường nào
giờ Bác tiếp tục đi”⁽¹⁾*

Nhà thơ Giang Nam

Theo tài liệu do nhà thơ Giang Nam cung cấp năm 2020.

(1) Các đồng chí kể chuyện: Bác không đồng ý với đề nghị sửa lại con đường dưới chân núi lên nhà sàn của Bác (con đường vừa dốc vừa quanh co) để đảm bảo sức khỏe của Bác khi về thăm. Bác nói đùa: “Nếu các chú làm thì các chú đi, Bác chỉ quen con đường cũ”.

MỤC LỤC

	Trang
Lời giới thiệu	5
Lời tựa (cho lần xuất bản đầu tiên)	9
Khánh Hòa nguyện làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh	13
Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh tại TP. Cam Ranh – công trình của “ý Đảng, lòng dân” Khánh Hòa	20
Hồi đồng bào trong Nam	22
Sắc lệnh cử Bộ trưởng Bộ Lao động Lê Văn Hiến làm đặc phái viên của Chính phủ ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ	24
Gửi các chiến sĩ miền Nam	26
Gửi các chiến sĩ Nam Bộ và Nam phần Trung Bộ	27
Sắc lệnh về tạm thời không thi hành những luật về thuế trực thu từ Khánh Hòa vào Nam.....	29
Trích Lời tuyên bố của Hồ Chủ tịch với với quốc dân sau khi đi Pháp về	30
Mật điện số 509/D, ngày 14/11/1950	32
Nữ y tá Phạm Thị Tám	33
Mặt trận Nha Trang – Khánh Hòa năm ấy	35
Bác Hồ hỏi thăm tình hình Mặt trận Nha Trang	44

Bác phái đi Nam	46
Vịnh Cam Ranh –cột mốc lịch sử trên con đường thương thuyết hòa bình của Hồ Chủ tịch	58
Cuộc hội kiến Hồ Chí Minh – Đắc–giăng–li-ơ (d’ Argenlieu) ở vịnh Cam Ranh	65
Vịnh Cam Ranh, Bác!	75
Xung quanh sự kiện Bác Hồ đến vịnh Cam Ranh	83
Điện văn của Ủy ban hành chính Khánh Hòa.....	88
Điện văn của Vệ quốc đoàn tại Mặt trận Nha Trang gửi về Hồ Chủ tịch.....	89
Công nhân phu xe Nha Trang nhờ chuyển lên Chính phủ	90
Nguyễn Văn Chi, Đặc vụ viên Chính phủ gửi Chủ tịch Chính phủ	91
Lời thề của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa trong buổi tang lễ Bác ngày 10/9/1969	92
Hội ước về lễ truy điệu Hồ Chủ tịch	96
Nỗi đau này không của riêng ai.....	101
Nghe tin Bác mất	105
Vải trắng – vải đen.....	109
Chiến sĩ căn cứ Đồng Bò trong những ngày Bác mất	111
Đề tang Bác Hồ ở chuồng cọp Côn Đảo	116
Lễ tang Bác trong tù	120
Khóc Bác	123
Tấm lòng người dân Khánh Hòa với Bác Hồ	126

Người mẹ Tiên Du với Bác Hồ.....	132
Câu chuyện giữ ảnh Bác và cờ đỏ sao vàng	140
Ba tờ giấy bạc có hình Bác Hồ	142
Hãy cho con sức mạnh	143
Gạo của Bác Hồ	146
Cụ Hồ bảo vậy	149
Tất cả theo Hồ Chí Minh	152
Vững bước theo các anh	154
Em bé dũng cảm	158
Bài thơ Bác ra trận	160
Niềm tin	163
Chị cấp dưỡng mơ gặp Bác Hồ	166
Cháu của Bác Hồ	170
Thôn A Xây – “Thôn Bác Hồ”	173
Góp phần xây lăng Bác	180
Đêm đầu tiên trên Trường Sa mới giải phóng	182
Đúc tượng Bác	184
Ba củ sâm của Bác	187
Hai lần gặp Bác	191
Nhớ Bác	196
Được gặp Bác Hồ	201
Kỷ niệm một lần được gặp Bác	205
Niềm hạnh phúc của đời tôi	208

Những giây phút không quên	218
Những lần gặp Bác	225
Chút kỷ niệm với Bác Hồ	231
Người Rắklay Khánh Sơn nhớ Bác	237
Khánh Hòa có Nha Trang	247
Kỷ niệm đẹp về ba lần lần gặp Bác Hồ	252
Bác Hồ với miền Nam - Những mẫu chuyện cảm động và những tư liệu quý	258
Con về thăm Bác mùa thu	265

BÁC HỒ TRONG LÒNG DÂN KHÁNH HÒA

(TÁI BẢN CÓ CHỈNH SỬA, BỔ SUNG)

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY KHÁNH HÒA

Chịu trách nhiệm nội dung:

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa

Trưởng ban: **HỒ VĂN MỪNG**

Ban biên tập:

Trần Mộng Điệp

Nguyễn Thị Thanh Hải

Nguyễn Quốc Việt

Nguyễn Thị Bích Nhung

Sửa bản in:

Thanh Hải

Quốc Việt

Trình bày:

Đức Lộc

Ảnh bìa 1: Văn Thành Châu

In 2.000 quyển, khổ 14.5cm x 20.5cm

tại **Công ty Cổ phần In và Thương mại Khánh Hòa**

Số 08 Lê Thánh Tôn - Nha Trang. ĐT: 0258.3510286.

Giấy phép xuất bản số 37/GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông Khánh Hòa, cấp ngày 11/5/2020. In xong và nộp lưu chiểu tháng 05/2020.

XUẤT BẢN PHẨM KHÔNG BÁN
